

Tài Liệu Bổ Sung Sách Giáo Viên

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP

LỚP 10, 11 VÀ 12



Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổ chức VVOB Việt Nam

Biên soạn:

ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix

ThS. Trần Thị Thu

TS. Nguyễn Ngọc Tài

Biên tập:

ThS. Nguyễn Thị Châu



CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG NGHIỆP

Tài Liệu Bổ Sung Sách Giáo Viên HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP LỚP 10, 11 VÀ 12

MỤC LỤC

MỤC LỤC	02
LỜI NÓI ĐẦU	07
GIỚI THIỆU TÀI LIỆU	09
1. Căn cứ xây dựng tài liệu	09
2. Cấu trúc và nội dung tài liệu	10
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	15
PHẦN 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG	17
I. Mục tiêu và yêu cầu	18
1. Mục tiêu	18
2. Yêu cầu cần đạt của từng lớp	18
II. Nội dung và cấu trúc tài liệu	20
1. Nội dung	20
2. Cấu trúc của từng chuyên đề	21
III. Cách thức thực hiện	22
1. Các yếu tố cần thiết	22
2. Phương pháp tổ chức	22
PHẦN 2: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC CHUYÊN ĐỀ	25
CHUYÊN ĐỀ 1. TÌM HIỂU BẢN THÂN VÀ NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC CHỌN HƯỚNG HỌC, CHỌN NGHỀ CỦA BẢN THÂN (LỚP 10)	26
I. Mục tiêu	26
II. Phương tiện dạy học	26
III. Tiến trình	26
1. Nội dung 1. Cơ sở khoa học của sự phù hợp nghề	26
2. Nội dung 2. Tìm hiểu bản thân	31
3. Nội dung 3. Một số kĩ năng thiết yếu	32
4. Nội dung 4. Những yếu tố tác động tới bản thân trong việc chọn ngành học, chọn nghề	34
IV. Đánh giá kết quả	37
V. Nhiệm vụ cho chuyên đề tiếp theo	37

VI. Phụ lục chuyên đề 1, lớp 10	37
1. Phụ lục I	38
2. Phụ lục II	39
3. Phụ lục III	54
4. Phụ lục IV	57
5. Phụ lục V	58
CHUYÊN ĐỀ 2. TÌM HIỂU NGHỀ NGHIỆP (Lớp 10)	59
I. Mục tiêu	59
II. Phương tiện dạy học	59
III. Tiến trình	59
1. Phương án 1. Tổ chức giao lưu tìm hiểu nghề nghiệp	59
2. Phương án 2. Tìm hiểu thông tin nghề nghiệp tại lớp học	62
IV. Đánh giá kết quả	67
V. Phụ lục chuyên đề 2, lớp 10	67
1. Phụ lục VI	68
2. Phụ lục VII	71
3. Phụ lục VIII	74
CHUYÊN ĐỀ 3. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP (Lớp 10)	76
I. Mục tiêu	76
II. Phương tiện dạy học	76
III. Tiến trình	76
1. Nội dung 1. Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp tương lai	76
2. Nội dung 2. Tham quan tìm hiểu thực tế một cơ sở sản xuất (hoặc xem video clip giới thiệu về cơ sở sản xuất hoặc hoạt động của nhà máy, doanh nghiệp)	81
IV. Đánh giá kết quả	83
V. Phụ lục chuyên đề 3, lớp 10	83
1. Phụ lục IX	84
2. Phụ lục X	89
3. Phụ lục XI	93

CHUYÊN ĐỀ 1. TÌM HIỂU BẢN THÂN VÀ NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUYẾT ĐỊNH CHỌN HƯỚNG ĐI SAU TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, CHỌN NGHỀ (LỚP 11)	97
I. Mục tiêu	97
II. Phương tiện dạy học	97
III. Tiến trình	97
1. Nội dung 1. Tìm hiểu khả năng, sở thích và cá tính của bản thân	97
2. Nội dung 2. Các hướng đi sau khi tốt nghiệp THPT	101
3. Nội dung 3. Những yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn hướng đi sau THPT, chọn nghề của bản thân	105
IV. Đánh giá kết quả	108
V. Nhiệm vụ cho chuyên đề tiếp theo	108
VI. Phụ lục chuyên đề 1, lớp 11	109
1. Phụ lục XII	110
2. Phụ lục XIII	115
3. Phụ lục XIV	117
4. Phụ lục XV	118
CHUYÊN ĐỀ 2. TÌM HIỂU NGHỀ NGHIỆP (LỚP 11)	120
I. Mục tiêu	120
II. Phương tiện dạy học	120
III. Tiến trình	120
Cách 1	121
1. Nội dung 1. Quy trình hướng nghiệp	121
2. Nội dung 2. Tìm hiểu thông tin nghề và TTrTDLĐ	123
Cách 2	125
1. Nội dung 1. Tìm hiểu thông tin nghề và TTrTDLĐ	125
2. Nội dung 2. Nghề phổ thông	128
3. Nội dung 3. Tìm hiểu thực tế một trường tại địa phương	129
IV. Đánh giá kết quả	130
V. Phụ lục chuyên đề 2, lớp 11	130

1. Phụ lục XVI	131
2. Phụ lục XVII	132
3. Phụ lục XVIII	134
4. Phụ lục XIX	135
CHUYÊN ĐỀ 3. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP (LỚP 11)	137
I. Mục tiêu	137
II. Phương tiện dạy học	137
III. Tiến trình	137
1. Nội dung 1. Hoạt động ngoại khóa và phục vụ cộng đồng với việc tạo cơ hội tìm hiểu bản thân, nghề nghiệp	137
2. Nội dung 2. Mục tiêu nghề nghiệp và kế hoạch nghề nghiệp	141
IV. Đánh giá kết quả	144
V. Phụ lục chuyên đề 3, lớp 11	144
1. Phụ lục XX	145
2. Phụ lục XXI	147
3. Phụ lục XXII	148
CHUYÊN ĐỀ 1. TÌM HIỂU BẢN THÂN VÀ NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGHỀ CỦA BẢN THÂN (LỚP 12)	149
I. Mục tiêu	149
II. Phương tiện dạy học	149
III. Tiến trình	149
1. Nội dung 1. Xác định sở thích, khả năng, cá tính, giá trị và nghề nghiệp của bản thân	149
2. Nội dung 2. Tình hình và kế hoạch phát triển KT-XH của đất nước, địa phương	154
3. Nội dung 3. Những điều kiện để thành đạt trong nghề	157
4. Nội dung 4. Tư vấn hướng nghiệp	159
IV. Đánh giá kết quả	161
V. Nhiệm vụ cho chuyên đề tiếp theo	161
VI. Phụ lục chuyên đề 1, lớp 12	161
1. Phụ lục XXIII	162
2. Phụ lục XXIV	165

CHUYÊN ĐỀ 2. TÌM HIỂU NGHỀ NGHIỆP (LỚP 12)	166
I. Mục tiêu	166
II. Phương tiện dạy học	166
III. Tiến trình	166
1. Nội dung 1. Khái quát vài nét về hệ thống đào tạo nghề nghiệp ở nước ta	166
2. Nội dung 2. Tìm hiểu hệ thống trường TCCN và đào tạo nghề của Trung ương và địa phương	169
3. Nội dung 3. Tìm hiểu hệ thống đào tạo đại học và cao đẳng	172
IV. Đánh giá kết quả	173
V. Nhiệm vụ chuẩn bị cho chuyên đề 3	173
VI. Phụ lục chuyên đề 2, lớp 12	173
1. Phụ lục XXV	174
2. Phụ lục XXVI	176
3. Phụ lục XXVII	178
CHUYÊN ĐỀ 3. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP (LỚP 12)	179
I. Mục tiêu	179
II. Phương tiện dạy học	179
III. Tiến trình	179
1. Nội dung 1. Tìm hiểu các thông tin hướng nghiệp để hoàn tất KHNN và đăng kí tuyển sinh	179
2. Nội dung 2. Hướng dẫn học sinh chọn nghề và làm hồ sơ tuyển sinh	182
IV. Đánh giá kết quả	186
V. Phụ lục chuyên đề 3, lớp 12	186
1. Phụ lục XXVIII	187
2. Phụ lục XXIX	188
3. Phụ lục XXX	191
TÀI LIỆU THAM KHẢO	195

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục hướng nghiệp là một trong những hoạt động giáo dục của Chương trình giáo dục phổ thông được ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-GDDT ngày 5 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhằm: “...*Giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp và có khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội*”¹. Công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở hầu hết các cơ sở giáo dục trong thời gian qua gặp khó khăn bởi nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu nhất là do ở nước ta chưa có đội ngũ giáo viên được đào tạo về hướng nghiệp và thiếu nguồn tài liệu. Hiện tại, các hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho các lớp 10, 11 và 12 (cấp trung học phổ thông) được tổ chức chủ yếu dựa vào chương trình và nội dung sách giáo viên hoạt động giáo dục hướng nghiệp² do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. “Sách giáo viên hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 10, 11 và 12” hiện hành được biên soạn theo chương trình 27 tiết/ lớp/ năm học gồm 9 chủ đề cho lớp 10 và 8 chủ đề cho mỗi lớp 11 và 12. Đối với lớp 10 và 11, nội dung chủ yếu tập trung vào tìm hiểu một số ngành nghề cụ thể làm tiền đề cho lớp 12, khi học sinh đi vào các vấn đề cần thiết để chọn trường để học nghề. Trong khi đó, kể từ năm học 2008 – 2009, theo Công văn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTrH năm học 2008 – 2009 số 7475/BGDĐT-GDTrH, điều chỉnh thời lượng dành cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp thành 9 tiết/năm học³. Mặt khác, nội dung chương trình và sách giáo viên hoạt động giáo dục hướng nghiệp có liên quan chặt chẽ với sự phát triển kinh tế – xã hội, sự thay đổi của hệ thống và các xu hướng giáo dục – đào tạo, tình hình và xu hướng phát triển của thị trường tuyển dụng lao động v.v. Điều này đòi hỏi công tác hướng nghiệp cần có những đổi mới, cập nhật về nội dung, phương pháp và các thông tin liên quan đến hướng nghiệp có nhạy cảm giới.

Với mục đích hỗ trợ nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, năm 2012 tổ chức Hợp tác phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật vùng Flamăng, Bỉ (VVOB) đã tiến hành nghiên cứu và tham vấn với các lãnh đạo và các giáo viên ngành giáo dục của hai tỉnh Quảng Nam và Nghệ An về “sách giáo viên hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 10, 11 và 12” hiện có. Kết quả nghiên cứu và tham vấn đã chỉ ra rằng, ngoài những thông tin hữu ích và phù hợp trong sách giáo viên hiện hành, cần phải bổ sung các thông tin cập nhật liên quan tới công tác hướng nghiệp có nhạy cảm giới và có các hướng dẫn cụ thể để giúp giáo viên không được đào tạo chuyên ngành về hướng nghiệp có thể tổ chức thực hiện tốt các giờ hoạt động giáo dục hướng nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện được các mục tiêu trong “Tầm nhìn hướng nghiệp” cho cấp trung học của tỉnh.

¹ Điều 3 - Nghị định 75/ 2006/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.

² Sách giáo viên Hoạt động Giáo dục hướng nghiệp 10, 11 và 12 do GS -TS Phạm Tất Dong chủ biên, Nhà xuất bản Giáo dục. Số hiệu lớp 10: 51-2006/CXB/71-30/GD; Lớp 11: 692-2006/CXB571-1530/GD; Lớp 12: 720-2007/CXB/542-1571/GD.

³ Theo hướng dẫn trong công văn 7475/ BGDĐT-GDTrH, nội dung giáo dục hướng nghiệp được tích hợp vào hoạt động ngoài giờ lên lớp ở hai chủ điểm: (i) “*Truyền thống nhà trường*”, chủ điểm tháng 9; và, (ii) “*Tiến bước lên Đoàn*”, chủ điểm tháng 3.

Từ những lí do trên, VVOB Việt Nam đã hỗ trợ và hợp tác xây dựng **“Tài liệu bổ sung sách giáo viên hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 10, 11 và 12”**. Hy vọng rằng, tài liệu này sẽ thực sự hữu ích và hỗ trợ đắc lực cho các cán bộ quản lí và các giáo viên phụ trách hướng nghiệp cấp trung học phổ thông trong việc nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục hướng nghiệp, góp phần tích cực vào việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông.

VVOB Việt Nam chân thành cảm ơn các tư vấn: ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix - Trường Đại học RMIT Việt Nam, ThS. Trần Thị Thu - nguyên trưởng phòng Hướng nghiệp - Trung tâm hỗ trợ Đào tạo và Cung ứng nhân lực, Bộ Giáo dục và Đào tạo, TS. Nguyễn Ngọc Tài – Viện nghiên cứu giáo dục, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh; Các cán bộ lãnh đạo và các giáo viên của các Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp Hướng nghiệp của tỉnh Quảng Nam và Nghệ An và các cán bộ của tổ chức VVOB Việt Nam đã rất nhiệt tình và tâm huyết trong việc xây dựng và hoàn thiện tài liệu.

TỔ CHỨC VVOB VIỆT NAM



Wilfried Theunis
Giám đốc chương trình quốc gia

GIỚI THIỆU TÀI LIỆU

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG TÀI LIỆU

“**Tài liệu bổ sung sách giáo viên hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 10, 11 và 12**” được biên soạn nhằm mục đích giúp các nhà quản lý và các giáo viên phụ trách hướng nghiệp⁴ tổ chức thực hiện các giờ hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) một cách thuận lợi và hiệu quả. Do vậy, tài liệu này được biên soạn theo cách thiết kế bài giảng với thời lượng 9 tiết/năm học/lớp. Nội dung của tài liệu được xây dựng dựa trên cơ sở mục tiêu, nội dung, chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình và sách giáo viên HĐGDHN lớp 10, 11 và 12 hiện hành, đồng thời có bổ sung các lý thuyết hướng nghiệp (LTHN) cơ bản và những thông tin cập nhật liên quan tới hướng nghiệp. Ngoài ra, nội dung của tài liệu này còn được xây dựng trên cơ sở các tài liệu đã được biên soạn trong khuôn khổ chương trình Hướng nghiệp của VVOB Việt Nam, đó là:

- Khung phát triển nghề nghiệp⁵;
- Báo cáo nghiên cứu sách giáo viên HĐGDHN cấp Trung học cơ sở (THCS), Trung học phổ thông (THPT), năm 2012. Tác giả ThS. Nguyễn Ngọc Tài và ThS. Huỳnh Xuân Nhựt – Viện Nghiên cứu Giáo dục, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix – Trường Đại học RMIT Việt Nam, ThS. Nguyễn Thị Châu – VVOB Việt Nam;
- Tài liệu “Tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn, và phát triển nghề nghiệp cho học sinh trung học”, 2012. Tác giả ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix và ThS. Nguyễn Thị Châu – VVOB Việt Nam;
- Tài liệu Quản lý hướng nghiệp ở cấp trung học, 2012, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. Tác giả ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, ThS. Trần Thị Thu và ThS. Nguyễn Thị Châu;
- Hướng dẫn sử dụng cổng thông tin hướng nghiệp www.emchonnghegi.edu.vn, 2012. Tác giả TS. Lê Huy Hoàng – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và VVOB Việt Nam;
- Tình hình và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, địa phương giai đoạn 2010 – 2020 (tải/xem từ cổng thông tin điện tử của Chính phủ và địa phương);

Lưu ý: Các tài liệu kể trên và chương trình, sách giáo viên HĐGDHN lớp 10, 11 và 12 hiện hành cũng chính là nguồn tài liệu tham khảo chung cho tài liệu này. Vì vậy, khi sử dụng tài liệu này để tổ chức các chuyên đề HĐGDHN, tùy theo mục tiêu, nội dung chính của từng chuyên đề, các cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên có thể đọc thêm các tài liệu kể trên, đồng thời truy cập thêm các thông tin cập nhật về nghề nghiệp, tuyển sinh, lao động việc làm,... trên các trang mạng để bổ sung vào bài soạn cũng như xây dựng bài tập đánh giá cuối chuyên đề cho phù hợp.

⁴ Trong tài liệu này, chúng tôi dùng từ “**giáo viên**” để chỉ những cán bộ, giáo viên được lãnh đạo nhà trường giao cho nhiệm vụ tổ chức các giờ HĐGDHN.

⁵ Khung phát triển nghề nghiệp được đưa chi tiết trong phần phụ lục tài liệu “Quản lý hướng nghiệp ở cấp trung học”, 2013 - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. Tác giả ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, ThS. Trần Thị Thu và ThS. Nguyễn Thị Châu.

2. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG TÀI LIỆU

1. Cấu trúc

Các chủ đề trong trong sách giáo viên HĐGDHN của từng lớp 10, 11 và 12 hiện hành được nhóm thành 3 nhóm tương ứng với 3 khu vực năng lực hướng nghiệp của học sinh trong Khung phát triển nghề nghiệp⁶. Mỗi khu vực năng lực hướng nghiệp được thiết kế cho nội dung của một chuyên đề tương ứng với từng lớp. Việc nhóm các nội dung của các chủ đề trong sách giáo viên HĐGDHN các lớp 10, 11 và 12 theo 3 chuyên đề cho mỗi lớp sẽ giúp cho giáo viên tiến hành các giờ HĐGDHN thuận lợi, vừa đảm bảo thực hiện được mục tiêu, chuẩn kiến thức, kĩ năng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và mục tiêu trong “Tầm nhìn hướng nghiệp” (TNHN) của tỉnh với thời lượng 9 tiết/năm học, vừa dễ theo dõi và đánh giá kết quả của các HĐGDHN. Việc nhóm các nội dung theo chuyên đề còn giúp giáo viên có điều kiện tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực (PPDHTC) theo quan điểm lấy học sinh làm trung tâm trong các giờ HĐGDHN.

Để đạt được mục đích và mong muốn trên, tài liệu được thiết kế thành 2 phần:

PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Bao gồm: 1/ **Mục tiêu chung** học sinh cần đạt được sau khi được hướng nghiệp ở cấp trung học và **mục tiêu cụ thể** ở từng lớp 10, 11 và 12; 2/ Nội dung và cấu trúc của tài liệu và 3/ Cách thức tiến hành HĐGDHN.

PHẦN 2: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC CHUYÊN ĐỀ

Bao gồm các thiết kế bài giảng của ba chuyên đề cho mỗi lớp: **1/ Chuyên đề 1:** Tìm hiểu bản thân và những yếu tố ảnh hưởng tới việc chọn hướng học, chọn nghề của bản thân; **2/ Chuyên đề 2:** Tìm hiểu nghề nghiệp và, **3/ Chuyên đề 3:** Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp. Sau mỗi chuyên đề sẽ có phần phụ lục, trong đó đưa ra các nội dung LTHN, các phiếu học tập, bài tập, thông tin tuyển sinh (TTTS), thông tin thị trường tuyển dụng lao động (TTrTDLĐ), v.v. Thứ tự xếp các chuyên đề lần lượt là : Chuyên đề 1, 2, 3 của lớp 10 rồi tiếp đến là chuyên đề 1, 2, 3 lớp 11 và cuối cùng là chuyên đề 1, 2, 3 của lớp 12.

2. Giới thiệu các chuyên đề

Mỗi lớp sẽ có 3 chuyên đề với tiêu đề tương tự nhau nhưng nội dung kiến thức và kĩ năng hướng nghiệp ở từng lớp được nâng dần theo mục tiêu, chuẩn kiến thức, kĩ năng đã quy định cho từng lớp trong chương trình giáo dục hướng nghiệp của Bộ GD&ĐT, đồng thời phù hợp với mức độ đạt được về năng lực hướng nghiệp ở từng lớp đã nêu trong Khung phát triển nghề nghiệp⁷.

⁶ Ba khu vực chính trong Khung phát triển nghề nghiệp là: Khu vực A. Nhận thức bản thân; Khu vực B. Nhận thức nghề nghiệp và Khu vực C. Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp.

⁷ Trong Khung phát triển nghề nghiệp đã xác định mức độ đạt được về năng lực hướng nghiệp ở từng lớp là: Lớp 10: vận dụng kiến thức; Lớp 11: Hiểu rõ và áp dụng kiến thức vào trường hợp riêng của mình; và Lớp 12: Thực hành.

Cụ thể như sau:

2.1. Chuyên đề 1: Tìm hiểu bản thân và những yếu tố ảnh hưởng tới việc chọn hướng học, chọn nghề của bản thân.

Giúp học sinh xây dựng và phát triển ***năng lực nhận thức bản thân*** trên cơ sở từng bước xây dựng và phát triển *3 năng lực hướng nghiệp sau*:

Năng lực 1: Xây dựng được nhận thức về bản thân trong bốn lĩnh vực: Sở thích nghề nghiệp, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp;

Năng lực 2: Tìm hiểu bối cảnh gia đình, cộng đồng, Việt Nam và thế giới liên quan đến hướng nghiệp;

Năng lực 3: Nhận biết được mong muốn, ước mơ và mục tiêu đời mình.

2.2. Chuyên đề 2: Tìm hiểu nghề nghiệp

Giúp học sinh xây dựng và phát triển ***năng lực nhận thức nghề nghiệp*** trên cơ sở từng bước xây dựng và phát triển *3 năng lực hướng nghiệp sau*:

Năng lực 4: Xây dựng kiến thức về các ngành học, các trường Đại học, Cao đẳng và các trường nghề trong và ngoài nước. Có khả năng dùng kiến thức này cho việc quyết định chọn hướng học hoặc chọn nghề khi tốt nghiệp THPT;

Năng lực 5: Xây dựng kiến thức về nghề, các cơ quan, công ty và doanh nghiệp trong và ngoài nước và dùng kiến thức này cho quyết định chọn nghề và nơi làm việc (công ty, cơ quan, nhà máy, v.v.) trong tương lai;

Năng lực 6: Đánh giá được vai trò của thông tin cũng như sử dụng được ảnh hưởng của thông tin đối với việc quyết định nghề nghiệp (chọn ngành học, trường học, loại công việc và nơi làm việc của mình).

2.3. Chuyên đề 3: Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp

Giúp học sinh xây dựng và phát triển năng lực ***xây dựng được kế hoạch nghề nghiệp (XDKHNN) cho bản thân*** trên cơ sở từng bước xây dựng và phát triển *3 năng lực hướng nghiệp sau*:

Năng lực 7: Xác định mục tiêu nghề nghiệp;

Năng lực 8: Tham gia hoạt động ngoại khóa (HĐNK) và hoạt động phục vụ cộng đồng (HĐPVCD) để tạo thêm cơ hội nghề nghiệp;

Năng lực 9: Lập kế hoạch nghề nghiệp (KHNN) và từng bước thực hiện KHNN.

3. Cơ sở để xây dựng nội dung của các chuyên đề

Nội dung của các chuyên đề cho từng lớp được xây dựng trên cơ sở nội dung chủ yếu của các chủ đề trong sách giáo viên HĐGDHN ở từng lớp. Cụ thể:

3.1. Các chuyên đề của lớp 10

3.1.1. Chuyên đề 1. Tìm hiểu bản thân và những yếu tố ảnh hưởng tới việc chọn hướng học, chọn nghề của bản thân

Nội dung được xây dựng trên cơ sở các chủ đề trong sách giáo viên HĐGDHN lớp 10:

Chủ đề 1. Em thích nghề gì;

Chủ đề 2. Năng lực nghề nghiệp và truyền thống nghề nghiệp gia đình;

Chủ đề 9, mục 2. Nghề tương lai của tôi.

Ngoài ra, có bổ sung Lí thuyết cây nghề nghiệp; Lí thuyết hệ thống (LTHT); Bảng sáu nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland; Sơ đồ hình lục giác mật mã Holland; và Bảng các kĩ năng thiết yếu; Thuyết RIASEC. Các phiếu học tập và bài tập cũng được cung cấp để giáo viên và học sinh dễ dàng áp dụng trong các giờ HĐGDHN.

3.1.2. Chuyên đề 2. Tìm hiểu nghề nghiệp

Nội dung được xây dựng trên cơ sở các chủ đề trong sách giáo viên HĐGDHN lớp 10:

Chủ đề 3, chủ đề 5, chủ đề 6 và chủ đề 8. Tìm hiểu một số nghề phổ biến;

Chủ đề 4. Mối tương quan giữa giới tính và nghề;

Ngoài ra, nội dung còn có thêm lí thuyết Vòng nghề nghiệp; Kế hoạch tổ chức sự kiện giao lưu tìm hiểu thông tin nghề nghiệp; Phiếu phỏng vấn khách mời và bài tập đánh giá cuối chuyên đề;

3.1.3. Chuyên đề 3. Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp

Nội dung được xây dựng trên cơ sở các chủ đề trong sách giáo viên HĐGDHN lớp 10:

Chủ đề 1. Mục 1 và mục 3. Nghề tương lai của tôi;

Chủ đề 7. Tìm hiểu thực tế một cơ sở sản xuất công nghiệp hoặc nông nghiệp.

Trong chuyên đề này còn bổ sung thêm Lí thuyết vị trí điều khiển, Mô hình chìa khóa XDKHNN, Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch; Câu chuyện nghề nghiệp; Mẫu Bản KHNN; Trắc nghiệm về sở thích nghề nghiệp; Phiếu học tập; Địa chỉ Website tìm clips về giới thiệu nghề nghiệp.

3.2. Các chuyên đề của lớp 11

3.2.1. Chuyên đề 1. Tìm hiểu bản thân và những yếu tố ảnh hưởng tới việc chọn hướng đi sau THPT và chọn nghề của bản thân.

Nội dung của chuyên đề này được xây dựng trên cơ sở chủ đề 7 của sách giáo viên HĐGDHN lớp 11:

Chủ đề 7. Tôi muốn đạt được ước mơ.

Ngoài ra có bổ sung Lí thuyết cây nghề nghiệp; Mô hình lập kế hoạch nghề; Mô hình LTHT; và bảng sáu nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland; Bộ công cụ tìm hiểu cá tính MBTI; Các bài tập thực hành; Câu chuyện làm giàu trên đất quê hương.

3.2.2. Chuyên đề 2. Nội dung của chuyên đề này được xây dựng trên cơ sở các chủ đề sau của sách giáo viên HĐGDHN lớp 11 hiện hành:

Chủ đề 1, chủ đề 2, chủ đề 3, chủ đề 4. Tìm hiểu một số nghề;

Chủ đề 6. Nghề nghiệp với nhu cầu của thị trường lao động;

Chủ đề 8. Tìm hiểu thực tế một trường đại học hoặc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), dạy nghề tại địa phương.

Ngoài ra, nội dung của chuyên đề này còn bổ sung “Quy trình hướng nghiệp”; Mô hình lập KHNN; Kế hoạch tổ chức sự kiện giao lưu tìm hiểu về nghề nghiệp và TTrTDLĐ; Phiếu phỏng vấn khách mời; Phiếu học tập và Các bài tập. Đặc biệt, trong chuyên đề còn đề cập tới nghề phổ thông mà học sinh tham gia học ở lớp 11 theo phương thức tự chọn bắt buộc.

3.2.3. *Chuyên đề 3.* Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp

Nội dung của chuyên đề này được xây dựng trên cơ sở các chủ đề sau của sách giáo viên HGDH lớp 11 hiện hành:

Chủ đề 5. Giao lưu với những gương vượt khó, điển hình về sản xuất, kinh doanh giỏi;

Chủ đề 7, mục 3. Tôi muốn đạt được ước mơ.

Nội dung của chủ đề này còn được bổ sung “Mô hình lập KHNN”; Phỏng vấn thông tin về ngành học.

3.3. Các chuyên đề của lớp 12

3.3.1. *Chuyên đề 1.* Tìm hiểu bản thân và những yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn nghề của bản thân.

Nội dung của chuyên đề này được xây dựng trên cơ sở các chủ đề sau của sách giáo viên HGDH lớp 12 hiện hành:

Chủ đề 1. Định hướng phát triển kinh tế – xã hội (KT–XH) của đất nước và địa phương;

Chủ đề 2. Những điều kiện để thành đạt trong nghề;

Chủ đề 5. Thanh niên lập thân, lập nghiệp;

Chủ đề 6. Tư vấn chọn nghề trong quá trình hướng nghiệp;

3.3.2. *Chuyên đề 2.* Tìm hiểu nghề nghiệp

Nội dung của chuyên đề này được xây dựng trên cơ sở các chủ đề sau của sách giáo viên HGDH lớp 12 hiện hành:

Chủ đề 1. Định hướng phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, địa phương;

Chủ đề 3 và chủ đề 4. Tìm hiểu hệ thống trường trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), trường đào tạo nghề và hệ thống đào tạo đại học, cao đẳng của Trung ương và địa phương.

3.3.3. *Chuyên đề 3.* Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp

Nội dung của chuyên đề này được xây dựng trên cơ sở các chủ đề sau của sách giáo viên HGDH lớp 12 hiện hành:

Chủ đề 7. Hướng dẫn học sinh chọn nghề và làm hồ sơ tuyển sinh;

Chủ đề 8. Tổ chức tham quan hoặc hoạt động văn hóa theo chủ đề hướng nghiệp.

Chúng tôi – những tư vấn tham gia biên soạn tài liệu – mong rằng các nội dung trong tài liệu – sẽ giúp cho các CBQL, giáo viên thực hiện nhiệm vụ được giao một cách thuận lợi, hiệu quả và đóng góp tích cực vào việc cải thiện công tác hướng nghiệp ở cơ sở.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn đại diện các Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, các CBQL và các thầy cô giáo làm nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp (GDHN) của hai tỉnh Quảng Nam và Nghệ An đã có những ý kiến đóng góp quý báu cho nội dung của tài liệu này.

Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn sự nỗ lực tham gia biên soạn và hiệu đính tài liệu của các cán bộ tổ chức VVOB Việt Nam, đặc biệt là bà Nguyễn Thị Châu – Điều phối viên và bà Dương Thị Ngọc Thanh – Trợ lý chương trình Hướng nghiệp.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn tài liệu, nhưng chắc chắn không tránh khỏi sai sót. Chúng tôi rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của tất cả những người sử dụng tài liệu này, đặc biệt là các thầy cô giáo làm nhiệm vụ GDHN và các CBQL hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về theo địa chỉ:

Nguyễn Thị Châu: ntchau.vvobvn@gmail.com

Hồ Phụng Hoàng Phoenix: hophunghoang@gmail.com

Trần Thị Thu: tranthu.edu@gmail.com

Nguyễn Ngọc Tài: ngoctai@ier.edu.vn

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa của từ
CBQL	Cán bộ quản lí
CSĐT	Cơ sở đào tạo
CSSX	Cơ sở sản xuất
CĐSP	Cao đẳng sư phạm
ĐHBK	Đại học bách khoa
ĐHKHTN	Đại học khoa học tự nhiên
ĐHSP	Đại học sư phạm
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GDHN	Giáo dục hướng nghiệp
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
HĐGDHN	Hoạt động giáo dục hướng nghiệp
HĐHN	Hoạt động hướng nghiệp
HĐNK	Hoạt động ngoại khóa
HĐPVCD	Hoạt động phục vụ cộng đồng
KHNN	Kế hoạch nghề nghiệp
KHTN	Khoa học tự nhiên
KHXH	Khoa học xã hội
KT-XH	Kinh tế – xã hội
LTHN	Lí thuyết hướng nghiệp
LTHT	Lí thuyết hệ thống
NTP	Nghề phổ thông
PPDH	Phương pháp dạy học
PPDHTC	Phương pháp dạy học tích cực
TCN	Trung cấp nghề

Từ viết tắt	Nghĩa của từ
TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
TDLĐ	Tuyển dụng lao động
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TNHN	Tầm nhìn hướng nghiệp
TTDN	Trung tâm dạy nghề
TTGDTXHN	Trung tâm dạy nghề thường xuyên hướng nghiệp
TTKTTHHN	Trung tâm kĩ thuật tổng hợp – hướng nghiệp
TTrTDLĐ	Thị trường tuyển dụng lao động
TTTS	Thông tin tuyển sinh
TVHN	Tư vấn hướng nghiệp
VVOB	Tổ chức Hợp tác phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật vùng Flamăng, Bỉ
XDKHNN	Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp

PHẦN

1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Sau khi tham gia chương trình HĐGDHN của lớp 10, 11 và 12 học sinh sẽ:

1.1. Về kiến thức

- Hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai;
- Biết cách tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp, TTrTDLĐ và XDKHNN cho bản thân;
- Biết được một số thông tin cơ bản về định hướng phát triển KT–XH của địa phương, đất nước và khu vực; Thông tin về thế giới nghề nghiệp, TTrTDLĐ; Hệ thống giáo dục nghề nghiệp (GDNN) ở nước ta.

1.2. Về kỹ năng

- Tự đánh giá được sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân và điều kiện gia đình trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai;
- Tìm kiếm được thông tin nghề, thông tin TTrTDLĐ và các cơ sở đào tạo (CSĐT) cần thiết;
- Lựa chọn và XDKHNN cho bản thân.

1.3. Về thái độ

- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong và ngoài nhà trường để tăng thêm nhận thức bản thân, nhận thức nghề nghiệp;
- Tự tin thực hiện KHNN của bản thân sau khi tốt nghiệp THPT.

2. Yêu cầu cần đạt ở từng lớp

Để đạt được mục tiêu của cấp học, sau khi tham gia chương trình HĐGDHN ở từng lớp, học sinh cần đạt được những yêu cầu sau:

2.1. Lớp 10

- Trình bày và chia sẻ được với người xung quanh về sở thích, khả năng, mong muốn, ước mơ, mục tiêu nghề nghiệp và những yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn ngành học, chọn nghề của bản thân;
- Nêu được nội dung chính trong “bản mô tả nghề” của một số nghề phổ biến và những nghề mà học sinh yêu thích, dự định lựa chọn;
- Mô tả được cách tìm hiểu thông tin nghề, TTrTDLĐ;
- Có khả năng liên hệ để thấy được sự tương quan giữa bản thân và yêu cầu của một số ngành nghề yêu thích, làm cơ sở cho việc lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân;
- Chia sẻ và trao đổi được với người xung quanh về mục tiêu nghề nghiệp, tương quan giữa bản thân, mục tiêu nghề nghiệp và con đường học hành;
- Có khả năng tạo cơ hội tìm hiểu nghề nghiệp và lập bản KHNN ở mức đơn giản.

2.2. Lớp 11

- Nhận thức và bảo vệ được quan điểm của bản thân trên các lĩnh vực: Khả năng, sở thích và cá tính;
- Đánh giá, phân tích được những thuận lợi, khó khăn của bản thân, hoàn cảnh gia đình, xã hội khi thực hiện ước mơ, KHNN. Từ đó có hướng phấn đấu, rèn luyện để đạt ước mơ nghề nghiệp và điều chỉnh bản KHNN cho phù hợp với bản thân;
- Xây dựng được kiến thức về một số nghề phổ biến và những nghề mà học sinh yêu thích, lựa chọn đi theo sau khi tốt nghiệp THPT;
- Hiểu và áp dụng một cách tự tin những thông tin thu thập được về nghề, nhu cầu của TTrTDLĐ, ngành học, hệ thống đào tạo để đề xuất 2 – 3 lựa chọn thích hợp nhất với bản thân và hoàn cảnh gia đình;
- Phân tích, lí giải được sự khác biệt giữa bản thân và bạn bè về mong muốn, ước mơ, mục tiêu nghề nghiệp, con đường học hành và KHNN;
- Đề xuất được những HĐNK và HĐPVCD phù hợp với bản thân mình nhất để tiếp tục tham gia;
- Áp dụng được những hiểu biết về bản thân, nghề nghiệp, TTrTDLĐ để xây dựng KHNN và tự đánh giá tính khả thi của KHNN do mình xây dựng.

2.3. Lớp 12

- Sử dụng được kiến thức về sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp của bản thân và kiến thức về hoàn cảnh gia đình và điều kiện KT-XH để đưa ra quyết định chọn ngành học, chọn nghề;
- Đề xuất với phụ huynh và người thân về mong muốn, ước mơ và mục tiêu nghề nghiệp của bản thân;
- Đối chiếu và lựa chọn được ngành học, nghề nghiệp phù hợp để chuẩn bị những bước cần thiết cho việc đăng ký thi vào trường đào tạo nghề nghiệp đã lựa chọn hoặc tham gia lao động phù hợp;
- Lập kế hoạch học tập, tham gia HĐNK, học hỏi kinh nghiệm thực tiễn để chuẩn bị cho việc quyết định nghề nghiệp tương lai;
- Liên tục cập nhật thông tin hướng nghiệp để điều chỉnh mục tiêu nghề nghiệp, con đường học hành khi cần thiết; Sử dụng được những kiến thức về bản thân, nghề nghiệp, kinh nghiệm rút ra từ HĐNK, HĐPVCD để viết KHNN và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp; Làm được hồ sơ tuyển sinh cho bản thân;
- Chủ động tham gia tư vấn hướng nghiệp, tìm hiểu thông tin hướng nghiệp và tham gia các hoạt động tại trường, gia đình và cộng đồng để từng bước đến gần hơn mục tiêu nghề nghiệp.

II. NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC TÀI LIỆU

1. Nội dung

1.1. Lớp 10

Chuyên đề 1. Tìm hiểu bản thân và những yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn hướng học, chọn nghề của bản thân (4 tiết)

- Cơ sở khoa học của sự phù hợp nghề
- Tìm hiểu bản thân
- Một số kĩ năng thiết yếu
- Những yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn hướng học, chọn nghề

Chuyên đề 2. Tìm hiểu nghề nghiệp (3 tiết)

- Tổ chức giao lưu tìm hiểu nghề
- Xem một số trích đoạn video clip về nghề

Chuyên đề 3. Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp (2 tiết)

- Xây dựng KHNN tương lai
- Tham quan tìm hiểu thực tế một cơ sở sản xuất (CSSX) hoặc xem video clip giới thiệu về CSSX hoặc hoạt động của nhà máy, doanh nghiệp.

1.2. Lớp 11

Chuyên đề 1. Tìm hiểu bản thân và những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn hướng đi sau THPT và chọn nghề của bản thân (4 tiết)

- Tìm hiểu khả năng, sở thích, cá tính và ước mơ nghề nghiệp của bản thân
- Các hướng đi sau khi tốt nghiệp THPT
- Những yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn nghề của bản thân

Chuyên đề 2. Tìm hiểu nghề nghiệp (3 tiết)

- Quy trình hướng nghiệp
- Tìm hiểu thông tin nghề và TTrTDLD
- Nghề phổ thông
- Tìm hiểu thực tế một trường đại học hoặc cao đẳng, TCCN, dạy nghề tại địa phương

Chuyên đề 3. Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp (2 tiết)

- Hoạt động ngoại khóa và hoạt động phục vụ cộng đồng
- Mục tiêu nghề nghiệp và KHNN tương lai

1.3. Lớp 12

Chuyên đề 1. Tìm hiểu bản thân và những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn nghề của bản thân (3 tiết)

- Xác định sở thích, khả năng, cá tính, và giá trị nghề nghiệp
- Tình hình và kế hoạch phát triển KT–XH của đất nước, địa phương
- Những điều kiện để thành đạt trong nghề
- Tư vấn hướng nghiệp

Chuyên đề 2. Tìm hiểu nghề nghiệp (2 tiết)

- Khái quát vài nét về hệ thống đào tạo nghề nghiệp ở nước ta
- Tìm hiểu hệ thống trường TCCN và đào tạo nghề của trung ương và địa phương
- Tìm hiểu hệ thống đào tạo đại học và cao đẳng
- Xem một số trích đoạn video clip về nghề

Chuyên đề 3. Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp (4 tiết)

- Tìm hiểu các thông tin để hoàn tất KHNN và đăng kí tuyển sinh
- Hướng dẫn học sinh chọn nghề và làm hồ sơ tuyển sinh

2. Cấu trúc của từng chuyên đề

Mỗi chuyên đề trong tài liệu này đều có cấu trúc chung như sau:

1.1. Lớp 10

- **Tên chuyên đề**
- **Mục tiêu:** Chỉ ra các mục tiêu cần đạt về kiến thức, kĩ năng, thái độ của học sinh sau khi tham gia chuyên đề.
- **Phương tiện dạy học:** Giới thiệu các thiết bị, đồ dùng dạy học cần có để hỗ trợ cho giáo viên tổ chức các giờ HĐGDHN. *Riêng tài liệu tham khảo dùng chung cho cả 3 lớp ở cấp THPT đã được đưa vào mục 1 trong phần giới thiệu tài liệu nên không nhắc lại ở phần này.*
- **Tiến trình:** Bao gồm các nội dung và hướng dẫn thực hiện từng nội dung trong mỗi chuyên đề của mỗi lớp theo cách thức tổ chức hoạt động. Với mỗi hoạt động sẽ có ví dụ minh họa, hình ảnh, bài tập, phiếu học tập để giáo viên sử dụng hoặc tham khảo.
- **Đánh giá:** Hướng dẫn cách đánh giá kết quả hướng nghiệp trước khi kết thúc mỗi chuyên đề ở mỗi lớp. Tiêu chí và nội dung đánh giá được xây dựng dựa vào mục tiêu và năng lực hướng nghiệp mà học sinh cần đạt được sau khi tham gia chuyên đề.
- **Giao nhiệm vụ về nhà:** Học sinh làm bài tập hoặc thu thập thông tin cho chuyên đề tiếp theo.
- **Phụ lục:** Cung cấp các nội dung LTHN; Phiếu phỏng vấn; Bài tập; Phiếu giao nhiệm vụ; Phiếu học tập; Các câu chuyện điển hình; Các kết luận cho từng nội dung; TTTS và TTrTDLĐ hiện hành, bài tập đánh giá cuối mỗi chuyên đề v.v.

III. CÁCH THỨC THỰC HIỆN

1. Các yếu tố cần thiết⁸

- Giáo viên cần phải xác định **đúng và cụ thể mục tiêu** của mỗi chuyên đề. Mục tiêu về kiến thức phải chỉ rõ những thông tin liên quan đến hướng nghiệp mà học sinh cần lĩnh hội được, còn mục tiêu về kỹ năng cần tập trung giúp học sinh xác định được bản thân “mình là ai?”, từ đó bước đầu trả lời được 3 câu hỏi: “**Mình thích nghề gì?**” “**Mình có khả năng làm được nghề gì?**” và “**Mình nên làm nghề gì?**”;
- Thiết kế kế hoạch HĐGDHN với các nội dung, các hoạt động sát với thực tế và phù hợp để đạt được mục tiêu;
- Giáo viên phải nắm vững các kiến thức hướng nghiệp;
- Sử dụng phương pháp, phương tiện tổ chức HĐGDHN phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện và hoàn cảnh thực tế. Chú trọng sử dụng các PPDHTC nhằm tích cực hóa hoạt động của học sinh và làm cho không khí giờ học luôn thoải mái, học sinh có điều kiện giao lưu, chia sẻ các ý kiến của mình. Luôn có sự tương tác giữa giáo viên và học sinh, giữa học sinh và học sinh;
- Đảm bảo có đầy đủ các điều kiện tổ chức HĐGDHN, tập trung vào 3 yếu tố cơ bản là **con người, nội dung** và **cơ sở vật chất** cho hướng nghiệp;
- Các HĐGDHN phải xuất phát từ nhu cầu, hứng thú của học sinh. Trong mỗi giờ hướng nghiệp, học sinh luôn đóng vai trò chủ động và tích cực;
- Giáo viên quan tâm hướng dẫn học sinh tìm kiếm thông tin hướng nghiệp và giao bài tập về nhà cho học sinh.

Giáo viên dựa vào các yếu tố trên để tự đánh giá, biết được mình đã đạt được những yếu tố nào, cần phát huy yếu tố nào; Đồng thời biết được những yếu tố nào mình còn thiếu hoặc chưa đạt. Từ đó, có kế hoạch bồi dưỡng để từng bước có được đầy đủ các yếu tố đảm bảo cho việc tổ chức HĐGDHN thành công.

2. Phương pháp tổ chức

Như trên đã nêu, phương pháp tổ chức GDHN là yếu tố cần thiết quyết định sự thành công của mỗi giờ hướng nghiệp. Vì vậy, khi tổ chức các giờ hướng nghiệp, giáo viên cần chú ý hướng dẫn học sinh phương pháp học, phương pháp tìm kiếm thông tin và khuyến khích học sinh hoạt động tích cực trên cơ sở sử dụng hai cách tiếp cận là **1/ Học tập trải nghiệm** và **2/ Học tập cộng tác**. Đối với cách **học tập trải nghiệm**, học sinh được tạo điều kiện, cơ hội để nhận thức bản thân qua hình thức học tập chia sẻ trong nhóm, thuyết trình trước lớp, thảo luận, tọa đàm, tìm kiếm thông tin trên các trang mạng, tham quan, tham gia HĐNK, HĐPVCD v.v. Đối với cách **học tập cộng tác**, học sinh được giao các nhiệm vụ học tập, làm bài tập lớn, trong đó có nhiều mảng nhiệm vụ nhỏ đòi hỏi học sinh trong nhóm phải chia nhiệm vụ và giao trọng trách cho nhau để hoàn thành nhiệm vụ hoặc bài tập lớn. Khi tổ chức các hoạt động cho từng chuyên đề, giáo viên đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn và chỉ đạo để học sinh tự khám phá và XDKHNN tương lai cho mình. Theo cách tiếp cận trên, giáo viên nên tăng cường sử dụng các kỹ thuật và PPDHTC trong quá trình tổ chức các HĐGDHN, như: Kỹ thuật “bể cá”; Kỹ thuật công não; Kỹ thuật “khăn trải bàn”; Kỹ thuật “bản đồ

⁸ Những yếu tố này được thảo luận và xây dựng từ hội thảo tham vấn Tài liệu bổ sung sách giáo viên GDHN, do VVOB Việt Nam tổ chức. Tháng 12 năm 2012.

tư duy”; Phương pháp thảo luận; Phương pháp làm việc nhóm; Thuyết trình - giảng giải; Các phương pháp dạy học (PPDH): PPDH hợp đồng; PPDH tình huống; PPDH nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp nêu gương, tọa đàm, đóng vai, kể chuyện...

2.1. Tiến trình thực hiện

Trong mỗi chuyên đề thường có **2 - 4 nội dung chính**. Mỗi nội dung chính trong các chuyên đề thường được thực hiện theo trình tự:

- **Giới thiệu lí thuyết:** Giới thiệu các cơ sở lí thuyết tạo nên khung nội dung. PPDH chủ yếu khi giới thiệu cơ sở lí thuyết là PPDH trực quan bằng sơ đồ, thuyết trình giảng giải kết hợp với PPDH vấn đáp, PPDH tình huống, PPDH nêu vấn đề, phương pháp làm việc nhóm...
- **Áp dụng:** Học sinh sẽ có cơ hội chứng kiến các lí thuyết được áp dụng vào thực tiễn như thế nào thông qua các câu chuyện minh họa cho LTHN; Học sinh cũng sẽ có thời gian và không gian cần thiết để thực hành kiến thức mới thông qua việc làm bài tập áp dụng, thảo luận nhóm, làm các phiếu trắc nghiệm...
- **Đánh giá:** Các bài tập sẽ được đưa ra để đánh giá **mức độ nhận thức** của học sinh.
- **Câu hỏi và trả lời:** Học sinh sẽ có thời gian để nêu các câu hỏi thắc mắc trước khi chuyển sang nội dung chính tiếp theo. Câu trả lời có thể do giáo viên giải đáp, có thể do học sinh thảo luận để hiểu sâu hơn về vấn đề đặt ra.
- **Bài tập về nhà:** Trước khi kết thúc một số nội dung trong chuyên đề, học sinh được yêu cầu làm bài tập ở nhà để củng cố kiến thức vừa tiếp thu được.

2.2. Đánh giá

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình tổ chức HĐGDHN nhằm:

- Xác định được mức độ đạt được của học sinh so với mục tiêu được đề ra, đồng thời thu thập được thông tin phản hồi kịp thời từ phía học sinh. Đây là cơ sở quan trọng để giáo viên điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động sao cho phù hợp một cách kịp thời, hiệu quả;
- Khuyến khích, thúc đẩy học sinh tham gia vào HĐGDHN và chịu trách nhiệm về việc học của bản thân;
- Giúp cho học sinh có thêm tự tin, nhu cầu tham gia HĐGDHN và kiểm soát được việc học của bản thân.

Để đạt được mục đích trên, giáo viên cần lưu ý thực hiện những điểm sau:

- Dựa vào mục tiêu của từng chuyên đề và mục tiêu của mỗi nội dung trong từng chuyên đề để xây dựng các tiêu chí đánh giá một cách cụ thể, rõ ràng và phù hợp với nội dung của từng chuyên đề và khả năng của học sinh;
- Hình thức đánh giá nhẹ nhàng. Đánh giá phải công bằng, khách quan và kịp thời, mang tính động viên, khích lệ là chính;
- Phương pháp đánh giá linh hoạt, có thể đánh giá thông qua việc đặt câu hỏi, tạo cơ hội cho học sinh trình bày những hiểu biết của bản thân hoặc tổ chức cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm... tùy yêu cầu, điều kiện;
- Kết hợp chặt chẽ giữa tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng với đánh giá của giáo viên.

PHẦN

2

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC CHUYÊN ĐỀ

CHUYÊN ĐỀ 1, LỚP 10

TÌM HIỂU BẢN THÂN VÀ NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC CHỌN HƯỚNG HỌC, CHỌN NGHỀ CỦA BẢN THÂN (4 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau khi tham gia chuyên đề 1, lớp 10, học sinh sẽ:

- Trình bày, chia sẻ được với người xung quanh về sở thích, khả năng của bản thân; Mong muốn, mục tiêu nghề nghiệp của bản thân và hoàn cảnh gia đình, cộng đồng nơi mình đang sinh sống;
- Trình bày và lí giải được những yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn hướng học, chọn nghề của bản thân;
- Liên kết được nhận thức bản thân với các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn hướng học, chọn nghề để bước đầu xác định nghề nghiệp tương lai cho bản thân;
- Chủ động, tích cực tham gia các HĐGDHN để nâng cao nhận thức về bản thân.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh (nếu không có máy tính và máy chiếu): “Lí thuyết cây nghề nghiệp”; “Sơ đồ hình lục giác Holland”; “Lí thuyết hệ thống”;
- Bảng 6 nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland; Bảng về “Sự liên hệ các nhóm nghề và khối thi, ban học”; Bảng các kĩ năng thiết yếu;
- Phiếu học tập và bài tập, bao gồm cả bài tập đánh giá chuyên đề;
- Máy tính và máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH

Giới thiệu và nêu mục tiêu của chuyên đề 1

Giáo viên nêu vấn đề: Chúng ta đều biết, “chọn nghề là chọn cho mình một tương lai” vì chọn nghề phù hợp sẽ đem lại hạnh phúc cho bản thân mỗi người trong hoạt động nghề nghiệp và giúp cho mỗi cá nhân có nhiều cơ hội để phát triển trong nghề nghiệp, đồng thời cống hiến được nhiều nhất cho xã hội. **Vậy, chọn nghề là gì? Thế nào là sự phù hợp nghề? Tại sao phải chọn nghề phù hợp? và Làm thế nào để chọn được nghề phù hợp?** Trong chuyên đề này, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu và trả lời những câu hỏi vừa nêu ra.

1. Nội dung 1. Cơ sở khoa học của sự phù hợp nghề

1.1. Mục tiêu

- Học sinh biết được cơ sở khoa học của sự phù hợp nghề.

1.2. Cách tiến hành

1.2.1. Hoạt động 1.1. Giới thiệu lí thuyết cây nghề nghiệp⁹

Giáo viên nhắc lại “lí thuyết cây nghề nghiệp” đã được giới thiệu ở lớp 9 và nêu tầm quan trọng của việc chọn ngành học, chọn nghề theo “rễ”.

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu hình 1.1 “*Lí thuyết cây nghề nghiệp*” (phụ lục I, chuyên đề 1, lớp 10) và giải thích: Ai trong chúng ta cũng muốn có một công việc ổn định, lương cao, môi trường làm việc tốt, được nhiều người tôn trọng, vị trí công tác cao, cơ hội thăng tiến tốt, v.v... Tất cả những mong muốn trên là mong muốn chính đáng của mỗi người và đó chính là “**trái ngọt**” trong “lí thuyết cây nghề nghiệp”. Để có được những kết quả (hay **trái ngọt**) trong nghề nghiệp, việc chọn ngành học, chọn nghề phù hợp với sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của mỗi người là rất quan trọng. Sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp là phần “**rễ**” của “cây nghề nghiệp” và cũng là những cơ sở khoa học để dựa vào đó, các em có định hướng đúng đắn trong việc ra quyết định chọn hướng học, chọn nghề tương lai cho phù hợp.

Giáo viên giải thích để học sinh hiểu được thế nào là *sở thích nghề nghiệp, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp*: Có nhiều LTHN khác nhau, nhưng khi nói đến nhận thức bản thân, các chuyên gia đều đồng ý rằng, nhận thức bản thân là nhận thức về 4 lĩnh vực: Sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của chính người đó, bởi lẽ:

Sở thích: Mỗi người đều có niềm đam mê, sở thích nào đó (giáo viên nêu ví dụ). Ở đây, ta nói về sở thích liên quan đến nghề nghiệp hay còn gọi là *sở thích nghề nghiệp*. Loại sở thích này khác với những sở thích về các hình thức giải trí. Ví dụ, cùng một sở thích đối với trò chơi game điện tử, nhưng có người chỉ thích chơi để giải trí, nhưng có người lại muốn làm nghề nghiệp liên quan đến trò chơi game điện tử như thiết kế phần mềm trò chơi điện tử, kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử...

Có người biết rõ *sở thích* của mình nhưng cũng có người không biết. LTHN chứng minh rằng, nếu con người ta được làm công việc phù hợp với *sở thích nghề nghiệp* của mình, họ sẽ luôn có động lực làm việc, yêu thích công việc và luôn có cảm giác thoải mái, hạnh phúc trong công việc. Có thể nói, lòng say mê, yêu thích đối với nghề sẽ là động lực rất quan trọng để mỗi người ra sức rèn luyện, tự học, tự bồi dưỡng và vượt qua mọi khó khăn để vươn tới đỉnh cao của nghề nghiệp. Vì vậy, khi chọn nghề, yếu tố đầu tiên cần phải tính đến, đó là bản thân có *yêu thích, hứng thú* đối với nghề đó hay không.

Khả năng (hay còn gọi là năng lực): Bao gồm khả năng về trí tuệ, văn hóa, thể chất, quan hệ giao tiếp... Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng, mỗi người đều có những khả năng, điểm mạnh riêng biệt. Những khả năng này nếu được rèn luyện thỏa đáng, sẽ phát triển thành những kĩ năng và thế mạnh cần có trong nghề nghiệp. *Nếu ai đó được làm những công việc thuộc về thế mạnh của họ, sự thành công là hiển nhiên vì họ làm việc rất hiệu quả, dễ dàng đạt chất lượng cao và luôn thấy tự tin, thỏa mãn*

⁹ Tài liệu bổ sung sách giáo viên GDHN lớp 9 đã giới thiệu một số LTHN như “lí thuyết cây nghề nghiệp”, “lí thuyết hệ thống”, “mô hình lập kế hoạch nghề”, mô hình “chìa khóa xây dựng kế hoạch nghề nghiệp”... Nếu như học sinh chưa được giới thiệu về các LTHN này từ những năm học trước thì giáo viên cần hướng dẫn chi tiết các LTHN này. Nếu như học sinh đã được hướng dẫn chi tiết về các LTHN này ở các năm học trước rồi thì giáo viên không cần hướng dẫn chi tiết lại mà chỉ dừng ở mức yêu cầu học sinh nhắc lại và giáo viên củng cố. **Đây là những LTHN rất quan trọng.**

trong công việc. Ngược lại, nếu người nào đó chọn công việc, nghề nghiệp mà bản thân mình hoàn toàn thiếu khả năng, thế mạnh thì dù làm việc mất gấp 10 lần thời gian, mất rất nhiều công sức nhưng hiệu quả và chất lượng công việc khó có thể đạt như mong muốn, thậm chí còn thất bại (giáo viên nêu ví dụ minh họa). Chính vì vậy, chọn nghề phù hợp với khả năng của bản thân là yêu cầu quan trọng nhằm giúp cho mỗi người phát huy cao độ những mặt mạnh của bản thân để phát triển và thành đạt trong nghề nghiệp.

Cá tính: Nhà tâm lí học Jung và những người theo học thuyết của ông tin rằng mỗi người sinh ra đều có một cá tính riêng biệt, nó làm nên “cái” rất *riêng biệt* của mỗi người. Có người luôn ôn hòa, nhã nhặn, bình tĩnh nhưng cũng có người luôn dễ nổi nóng, thiếu bình tĩnh; Có người có cá tính “hướng nội”; Có người có cá tính “hướng ngoại”... *Việc hiểu rõ cá tính của bản thân để từ đó chọn công việc, nghề nghiệp và môi trường làm việc phù hợp với cá tính của mình sẽ là yếu tố góp phần quan trọng giúp ta đạt được sự thành công và thỏa mãn trong công việc.*

Giá trị nghề nghiệp: Trong cuộc sống hiện nay, chúng ta thường nói đến giá trị sống. Giá trị sống là những điều mà chúng ta cho là quý giá, là quan trọng, là có ý nghĩa đối với cuộc sống của bản thân. Trong hướng nghiệp, ta nói đến những *giá trị nghề nghiệp*. Giá trị nghề nghiệp là những điều được cho là quý giá, là quan trọng, và có ý nghĩa mà mỗi người mong muốn đạt được khi trở thành người lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp nào đó. Nói cách khác, *giá trị nghề nghiệp chính là những nhu cầu quan trọng cần được thỏa mãn của mỗi người khi tham gia lao động nghề nghiệp.*

Do quan niệm, nhận thức, và điều kiện sống của mỗi người khác nhau nên *giá trị nghề nghiệp* của mỗi người cũng khác nhau. Có người cho rằng giá trị nghề nghiệp của họ chỉ đơn giản là có công việc ổn định, thu nhập đảm bảo cho cuộc sống của bản thân và gia đình; Có người lại coi sự thăng tiến trong nghề nghiệp để được giữ vai trò lãnh đạo là giá trị nghề nghiệp của họ... Việc tìm hiểu để biết rõ giá trị nghề nghiệp của bản thân đóng vai trò rất quan trọng trong việc quyết định nghề nghiệp. *Giá trị nghề nghiệp chính là động lực thúc đẩy người ta chọn nghề đó, quyết định tiếp tục với nghề đó hay đổi nghề khác, phản ánh mức độ thỏa mãn, hạnh phúc trong nghề nghiệp của mỗi người.* Nghiên cứu cho thấy có đến 90% người lao động đổi công việc vì giá trị nghề nghiệp của họ không được thỏa mãn.

Giáo viên nêu ví dụ về việc chọn hướng học, chọn nghề phù hợp với “**rẽ**” và chọn hướng học, chọn nghề **không theo “rẽ”** của “cây nghề nghiệp”. Giáo viên có thể nêu 2 ví dụ sau hoặc nêu ví dụ phù hợp khác:

*** Ví dụ 1.** Trong những năm học phổ thông, Linh là một học sinh có khả năng học môn Toán nổi trội, có cá tính ngăn nắp, hay để ý tới các chi tiết nhỏ, thích làm việc với con số hơn làm việc với con người, và thích kiểm soát tiền bạc. Linh tự nhận thấy mình có khả năng và rất thích làm việc trong ngành Tài chính – Ngân hàng. Vì vậy, sau khi tốt nghiệp THPT, Linh đã thi đỗ vào trường đại học Kinh tế Quốc dân và theo học ở khoa Ngân hàng. Kết quả học tập của Linh trong những năm học đại học luôn đứng trong top đầu của lớp. Tốt nghiệp đại học, Linh được nhận ngay vào làm việc tại một Ngân hàng lớn ở tỉnh nhà. Sau một thời gian làm việc, Linh đã rất thành công trong công việc, được cấp trên và đồng nghiệp tín

nhiệm, được bổ nhiệm làm Trưởng phòng kinh doanh, luôn được tăng lương trước thời hạn và hưởng mức tiền thưởng cao do hoàn thành công việc xuất sắc. Linh luôn cảm thấy thoải mái cả về vật chất và tinh thần. *Đây là trường hợp chọn ngành học, chọn nghề phù hợp với “rể”.*

*** Ví dụ 2.** Hoàng là một học sinh, có khả năng sáng tạo, viết lách, thích theo ngành Truyền thông và báo chí, có khả năng giao tiếp rất tốt, cá tính hướng ngoại. Nhưng sau khi tốt nghiệp THPT, Hoàng lại theo học trường đại học Tài chính vì gia đình Hoàng có nhiều người đang công tác trong ngành tài chính, kế toán, bảo đảm cho Hoàng có việc làm sau ra khi ra trường. Trong khi học ở trường đại học Tài chính, Hoàng luôn cảm thấy thiếu động lực, không thích học, không hứng thú với các hoạt động trong ngành kế toán, kết quả điểm thi không cao. Sau khi tốt nghiệp đại học, Hoàng được sắp xếp làm kế toán ở một công ty, nhưng thường xuyên thấy mệt mỏi, không muốn đi làm, không tự tin trong công việc. Một thời gian sau, Hoàng cảm thấy rất chán và muốn đổi công việc. *Đây là trường hợp chọn nghề không dựa vào “rể” mà theo “trái” của cây nghề nghiệp, nên kết quả không được tốt.*

1.2.2. Hoạt động 1.2. Vận dụng lí thuyết “cây nghề nghiệp” để trình bày nhận thức của bản thân về chọn nghề và sự phù hợp nghề

Giáo viên nêu vấn đề: Từ “lí thuyết cây nghề nghiệp” và ví dụ về việc chọn nghề theo “rể”, chọn nghề không theo “rể”, ai có thể suy luận để nói cho mọi người trong lớp cùng biết: ***Thế nào là chọn nghề?*** và ***Thế nào là sự phù hợp nghề?*** Giáo viên có thể đưa ra một số gợi ý để học sinh trình bày hiểu biết, ý kiến, quan điểm của mình. Sau đó, giáo viên gọi một số học sinh nêu ý kiến của bản thân về chọn nghề và sự phù hợp nghề.

Giáo viên khái quát các ý kiến trình bày của học sinh và bổ sung một số ý chính sau:

- Chọn nghề là *xác định, lựa chọn cho mình một nghề mà mình yêu thích, phù hợp với khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân*. Vì vậy, khi chọn nghề cần chú ý lựa chọn ngành học, chọn nghề có yêu cầu, đòi hỏi của nghề phù hợp với khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân (như ví dụ chọn nghề phù hợp với “rể” đã nêu ở trên). Chọn nghề phù hợp để đảm bảo cho bản thân có nhiều cơ hội nghề nghiệp và dễ dàng thành đạt, hạnh phúc trong hoạt động nghề nghiệp;
- *Sự phù hợp nghề là sự hòa hợp, sự ăn khớp, sự tương xứng giữa một bên là khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp, thể lực, sức khỏe của người chọn nghề với một bên là yêu cầu, đòi hỏi của nghề nghiệp cụ thể*. Muốn biết được sự phù hợp nghề phải tìm hiểu bản thân và tìm hiểu những yêu cầu, đòi hỏi của nghề đối với người lao động, từ đó xác định sự tương xứng giữa bản thân người chọn nghề với nghề định chọn và đánh giá mức độ phù hợp nghề.

Sự phù hợp nghề được chia thành 4 mức độ: **1/ Không phù hợp; 2/ Phù hợp một phần; 3/ Phù hợp phần lớn; và 4/ Phù hợp hoàn toàn.**

Giáo viên giải thích và nêu ví dụ cho từng mức độ phù hợp nghề. *Có thể nêu hoặc tham khảo một số ví dụ sau để nêu ví dụ khác:*

*** Ví dụ 1. Không phù hợp nghề**

Nghề lái xe đòi hỏi người lái xe phải luôn tỉnh táo, minh mẫn, bình tĩnh, có khả năng xử lý nhanh các tình huống bất ngờ, nhớ đường tốt, có sức khỏe tốt, không bị mù màu. Bạn Quang rất thích nghề lái xe đường dài vì được đi đây đi đó. Bản thân bạn có được một số khả năng và phẩm chất của nghề nhưng sức khỏe không đảm bảo, tính tình nóng nảy và bị mắc bệnh mù màu.

Đây là một trường hợp không phù hợp nghề do tình trạng sức khỏe nằm trong khu vực chống chỉ định. Bạn Quang không nên làm nghề lái xe.

*** Ví dụ 2. Phù hợp một phần**

Bạn Mai có khả năng chơi thể thao, nhanh nhẹn, hoạt bát, có sức khỏe của một vận động viên, thích môn bóng đá... nhưng không say mê luyện tập và không có thiên hướng rõ ràng. Bạn Mai có thể chọn nghề vận động viên bóng đá nhưng tương lai có trở thành cầu thủ giỏi, nổi tiếng hay không còn tùy thuộc vào sự say mê, khổ luyện của chính bạn đó.

*** Ví dụ 3. Phù hợp phần lớn**

Bạn Tâm có khả năng học tốt các môn khoa học xã hội, nhất là môn Văn. Bạn Tâm rất thích giao lưu với người xung quanh, thích giúp đỡ, huấn luyện, chăm sóc người khác và thích trở thành giáo viên dạy Văn. Nếu Tâm chọn nghề dạy học và thi đỗ vào khoa Văn của trường cao đẳng sư phạm (CĐSP) hoặc đại học sư phạm (ĐHSP), khi vào nghề em sẽ dễ dàng trở thành giáo viên dạy giỏi.

*** Ví dụ 4. Phù hợp hoàn toàn**

Những người có sở thích, khả năng, cá tính, và giá trị nghề nghiệp phù hợp với nghề đã chọn, đặc biệt là có năng khiếu (khả năng thiên bẩm) trong nghề đó như văn học, hội họa, ca hát, âm nhạc... sẽ dễ dàng đạt được đỉnh cao trong nghề nghiệp như Nghệ sĩ Nhân dân Piano Đặng Thái Sơn, nhạc sĩ Văn Cao, họa sĩ Bùi Xuân Phái, nhà thơ Nguyễn Bính, nhà văn Tô Hoài, nhạc sĩ Hoàng Long, Hoàng Lân, ca sĩ Tùng Dương, ca sĩ Mỹ Tâm, Giáo sư toán học Ngô Bảo Châu...

Kết luận nội dung 1: Xác định cơ sở khoa học của sự phù hợp nghề là xác định sự tương xứng giữa một bên là sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân với một bên là những đòi hỏi, yêu cầu của nghề. Sự phù hợp nghề được biểu hiện ở kết quả công việc, giá trị nghề nghiệp và sự thỏa mãn do lao động nghề nghiệp đem lại cho mỗi người. Người nào làm việc luôn đạt kết quả cao mà không mất quá nhiều công sức, luôn khẳng định được năng lực của mình trong công việc, luôn có niềm vui và hạnh phúc do hoạt động nghề nghiệp đem lại chứng tỏ người đó đã chọn được nghề phù hợp. Nói cách khác, sự phù hợp nghề của người đó đạt ở mức cao.

Nội dung cần ghi nhớ: Chọn nghề có yêu cầu, đòi hỏi của nghề phù hợp với khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân.

2. Nội dung 2. Tìm hiểu bản thân

2.1. Mục tiêu

Học sinh trình bày, chia sẻ với người xung quanh về sở thích và khả năng của bản thân.

2.2. Cách tiến hành

2.2.1. Hoạt động 2.1. Giới thiệu lí thuyết Mật mã Holland¹⁰

Giáo viên giới thiệu, Lí thuyết Mật mã Holland (Holland codes) được phát triển bởi nhà tâm lí học John Holland (1919-2008). Ông là người nổi tiếng và được biết đến rộng rãi nhất qua nghiên cứu “*lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp*”. Ông đưa ra một số luận điểm rất có giá trị trong hướng nghiệp, trong đó có luận điểm cơ bản là:

- 1/ Nếu một người chọn được công việc phù hợp với tính cách của họ, thì họ sẽ dễ dàng phát triển và thành công trong nghề nghiệp. Nói cách khác, những người làm việc trong môi trường tương tự như tính cách của mình, hầu hết sẽ thành công và hài lòng với công việc;
- 2/ Hầu như ai cũng có thể được xếp vào một trong sáu kiểu tính cách và có sáu môi trường hoạt động tương ứng với 6 kiểu tính cách, đó là: Nhóm kĩ thuật (KT); Nhóm nghiên cứu (NC); Nhóm nghệ thuật (NT); Nhóm xã hội (XH); Nhóm quản lí (QL); Nhóm nghiệp vụ (NV).

Tuy nhiên, trong thực tế, tính cách của nhiều người không bó gọn trong một nhóm tính cách mà thường là sự kết hợp của 2 nhóm tính cách, có khi còn nhiều hơn, ví dụ: Nghiên cứu – Kỹ thuật, Nghệ thuật – Xã hội. Do đó, khi tìm hiểu bản thân có thể phải xem xét ở nhiều hơn một nhóm tính cách.

Lưu ý: Giáo viên có thể đọc thêm bài “Giới thiệu khái quát về nhà tâm lí học TS. John L. Holland” (*phụ lục II, chuyên đề 1, lớp 10*) để hiểu rõ hơn về lí thuyết mật mã Holland.

2.2.2. Hoạt động 2.2. Tìm hiểu khả năng, sở thích của bản thân

Giáo viên nêu, ở lớp 9, các em đã được làm trắc nghiệm sở thích. Trắc nghiệm này được xây dựng dựa trên lí thuyết mật mã Holland. Trong tiết hướng nghiệp hôm nay, các em tiếp tục tìm hiểu sâu hơn về sở thích và khả năng của bản thân theo lí thuyết này.

Giáo viên trình chiếu hoặc treo **6 bảng về sáu nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland** (*phụ lục II, chuyên đề 1, lớp 10*) và hướng dẫn học sinh đọc qua một lượt các nội dung trong từng bảng.

Sau đó, giáo viên trình chiếu hoặc treo nội dung **sơ đồ 2.2. Mô hình lục giác Holland** (*phụ lục II, chuyên đề 1, lớp 10*) và yêu cầu học sinh quan sát và vẽ mô hình này vào vở.

Tiếp theo, giáo viên và hướng dẫn và tổ chức cho học sinh thực hiện 2 nhiệm vụ trong **phiếu học tập 2.2** (*phụ lục II, chuyên đề 1, lớp 10*) trong thời gian 18 – 20 phút. Tùy theo tính cách và trình độ nhận thức của học sinh trong lớp, giáo viên có thể tổ chức cho học sinh thực hiện 2 nhiệm vụ trên theo một trong ba cách hoặc kết hợp cả ba cách sau:

¹⁰ Nguồn: http://en.wikipedia.org/wiki/Holland_Codes;

TS. Nguyễn Ngọc Tài - Viện Nghiên cứu giáo dục, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Cách 1: Giáo viên đính 6 tờ giấy, mỗi tờ giấy có ghi đầy đủ các thông tin của 1 nhóm tính cách lên 6 vị trí trên tường quanh lớp học. Sau đó, yêu cầu tất cả học sinh đến từng vị trí đã dán các tờ giấy ghi sẵn các nội dung, đọc tất cả các nội dung ghi trên sáu tờ giấy, và dừng lại ở vị trí dán tờ giấy ghi nội dung của nhóm tính cách phù hợp với bản thân mình. Những học sinh cùng nhóm tính cách có thể thảo luận cặp đôi các câu hỏi trong **phiếu học tập 2.2**;

Cách 2: Tổ chức cho học sinh thực hiện hai nhiệm vụ trong **phiếu học tập 2.2** theo hình thức thảo luận nhóm 4 người;

Cách 3: Tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân, ghi ra giấy kết quả tìm hiểu sở thích và khả năng của bản thân.

Sau khi đã thảo luận và làm việc cá nhân xong, giáo viên gọi một số học sinh trình bày lại kết quả tìm hiểu *sở thích nghề nghiệp và khả năng của bản thân*. Sau mỗi phần trình bày của học sinh, giáo viên có thể yêu cầu học sinh nêu tên 1 – 2 nghề hoặc công việc mà em muốn chọn (có thể nêu tên nghề đã giới thiệu sẵn trong bảng - nếu phù hợp) và giải thích lí do vì sao em chọn nghề hoặc công việc đó.

Giáo viên có thể giới thiệu bảng **Sự liên hệ giữa nhóm nghề và khối thi, ban học (phụ lục II, chuyên đề 1, lớp 10)** để học sinh liên hệ, biết được ban mình đang theo học có phù hợp với ngành nghề mình đã chọn không? Nên tăng cường học tập những môn học nào trong quá trình học THPT để theo đuổi được ngành nghề mà mình yêu thích.

Kết luận nội dung 2: Mỗi người trong chúng ta có những sở thích nghề nghiệp và khả năng khác nhau. Khi chọn nghề, chúng ta cần căn cứ vào sở thích và khả năng của chính mình để chọn nghề phù hợp, tránh tình trạng chọn nghề theo trào lưu chung hoặc chọn nghề theo số đông các bạn chọn.

Nội dung cần ghi nhớ: Đặc điểm nhóm tính cách của bản thân và các nghề phù hợp trong nhóm tính cách đó.

3. Nội dung 3. Một số kĩ năng thiết yếu¹¹

3.1. Mục tiêu

- Học sinh biết được nội dung và vai trò quan trọng của các kĩ năng thiết yếu;
- Tự xác định được những kĩ năng thiết yếu bản thân đã có và những kĩ năng thiết yếu mà bản thân còn thiếu để có hướng rèn luyện.

3.2. Cách tiến hành

3.2.1. Hoạt động 3.1. Giới thiệu lí thuyết

Giáo viên thuyết trình và giảng giải: Kĩ năng là khả năng thực hiện công việc đạt kết quả, có chất lượng trong điều kiện nhất định, thời gian nhất định, dựa trên những tri

¹² Nguồn tham khảo: <http://www.conferenceboard.ca/topics/education/learning-tools/employability-skills.aspx>

thức, kinh nghiệm đã có. Ví dụ, ta nói bạn Anh có kỹ năng làm toán có nghĩa là bạn ấy có khả năng giải toán nhanh, cách giải sáng tạo và cho ra kết quả đúng trong hoặc trước thời gian cho phép, dựa trên những kiến thức toán đã được học và kinh nghiệm làm toán. *Kỹ năng được thể hiện ở kết quả và chất lượng công việc.* Làm bất cứ việc gì cũng cần phải có kỹ năng. Muốn có kỹ năng phải vận dụng hiểu biết vào thực hành, rèn luyện và thực hiện lặp đi lặp lại nhiều lần.

Kỹ năng thiết yếu là những kỹ năng cần thiết cho công việc, học hành, và cuộc sống của mỗi người. Kỹ năng thiết yếu giúp chúng ta có khả năng học và thành công trong môi trường làm việc, nó là nền tảng giúp chúng ta học các kỹ năng khác cũng như tiến triển trong nghề nghiệp và thích nghi với thay đổi. Do vậy, khi tuyển dụng người lao động ở các vị trí khác nhau, cùng với việc kiểm tra, đánh giá về chuyên môn, các nhà tuyển dụng luôn xem xét và đánh giá cao các kỹ năng thiết yếu của mỗi người. Những kỹ năng thiết yếu được hình thành và phát triển trên nền tảng khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp của mỗi người.

Giáo viên giới thiệu với học sinh 3 nhóm kỹ năng thiết yếu, đó là: **Nhóm kỹ năng cơ bản; Nhóm kỹ năng quản lý bản thân; và Nhóm kỹ năng làm việc nhóm.**

Học sinh đọc nội dung các kỹ năng thiết yếu (*phụ lục III, chuyên đề 1, lớp 10*).

Sau khi học sinh biết được nội dung các kỹ năng thiết yếu, giáo viên nhấn mạnh: Nhà tuyển dụng quan tâm đến những kỹ năng thiết yếu này ngang với những kỹ năng chuyên môn trong chuyên ngành các em sẽ chọn (như y khoa, kỹ sư, kỹ thuật, nghệ thuật, vv.). Những kỹ năng này các em đã và sẽ được huấn luyện trong và ngoài lớp học, đặc biệt trong các hoạt động ngoại khóa, hoạt động Đoàn Đội, cộng đồng, xã hội, v.v... Ở trường phổ thông, các em thường tập trung vào học văn hóa, ít khi được giới thiệu và quan tâm tìm hiểu, rèn luyện những kỹ năng thiết yếu. Đây là một sai lầm. Thầy/ cô tin rằng, khi đã hiểu được tầm quan trọng của các kỹ năng thiết yếu, các em sẽ quan tâm và rèn luyện các kỹ năng thiết yếu ngay từ bây giờ để chuẩn bị tốt nhất cho khả năng được tuyển dụng sau này. Để làm được điều này, mỗi chúng ta cần phải xác định được bản thân mình đã có được những kỹ năng thiết yếu nào và cần phải tiếp tục tìm hiểu, rèn luyện những kỹ năng thiết yếu nào.

3.2.1. Hoạt động 3.2. Học sinh làm bài tập xác định những kỹ năng thiết yếu bản thân đã đạt được và chưa đạt được

Giáo viên giới thiệu và yêu cầu học sinh làm **bài tập 3.2** (*phụ lục III, chuyên đề 1, lớp 10*) trong thời gian 15 phút. Học sinh làm bài tập cá nhân, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh theo hình thức nhóm đôi. Nếu chưa xong, giáo viên cho học sinh mang bài tập về nhà hoàn chỉnh và giờ học sau mang kết quả đến lớp trình bày và chia sẻ.

Kết luận nội dung 3: Kỹ năng thiết yếu bao gồm 3 nhóm kỹ năng: **1/ Nhóm kỹ năng cơ bản; 2/ Nhóm kỹ năng quản lý bản thân; 3/ Nhóm kỹ năng làm việc nhóm.** Kỹ năng thiết yếu giúp chúng ta có khả năng học và thành công trong môi trường làm việc, nó là nền tảng giúp chúng ta học các kỹ năng khác cũng như tiến triển trong nghề nghiệp và thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống, nghề nghiệp. Mỗi người cần thường xuyên vận dụng hiểu biết của mình vào hoạt động thực tiễn để rèn luyện và hình thành các kỹ năng thiết yếu cho bản thân.

Nội dung cần ghi nhớ: Các kĩ năng thiết yếu và vai trò của từng kĩ năng thiết yếu.

4. Nội dung 4. Những yếu tố tác động tới bản thân trong việc chọn ngành học, chọn nghề

4.1. Mục tiêu

- Học sinh biết được cơ sở lí thuyết của việc tìm hiểu những yếu tố tác động tới bản thân trong việc chọn ngành học, chọn nghề;
- Biết cách tìm hiểu tác động của yếu tố giới và truyền thống nghề nghiệp gia đình đối với việc chọn ngành học, chọn nghề của bản thân.

4.2. Cách tiến hành

4.2.1. Hoạt động 4.1. Giới thiệu “lí thuyết hệ thống”

Giáo viên trình chiếu hoặc treo tranh **hình 4.2. Mô hình lí thuyết hệ thống** (phụ lục IV, chuyên đề 1, lớp 10) và giải thích:

Theo LTHT, trước tiên mỗi người cần hiểu rõ mình là ai, từ sở thích, khả năng, cá tính cho đến giá trị nghề nghiệp, giới tính đến quan điểm, niềm tin của mình. LTHT cũng nhấn mạnh rằng, mỗi người chúng ta không sống riêng lẻ một mình mà sống trong một hệ thống, và chịu ảnh hưởng rất mạnh bởi những yếu tố bên ngoài, bao gồm, gia đình, bạn bè, cộng đồng, quốc gia, hoàn cảnh KT–XH, hệ thống giáo dục, và nhiều yếu tố khác nữa. Những yếu tố này ảnh hưởng rất nhiều đến quyết định nghề nghiệp và quá trình phát triển nghề nghiệp của mỗi người. Việc các em hiểu rõ vai trò của mình trong hệ thống và những ảnh hưởng từ bên ngoài đến chính bản thân các em sẽ giúp các em đưa ra quyết định thực tế, giảm những mâu thuẫn bên trong nội tâm, và tìm ra những giải pháp có thể giúp các em thỏa mãn những trách nhiệm chung cũng như sở thích riêng.

Giáo viên nêu một số ví dụ để giúp học sinh hiểu rõ hơn LTHT. Có thể nêu hoặc tham khảo một số ví dụ sau:

*** Ví dụ 1.** Những em lớn lên ở vùng nông thôn Trung bộ có những điều kiện sống khác với những em lớn lên ở thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, dẫn đến quyết định chọn ngành và trường học sẽ khác nhau. Hoặc một số em sinh ra ở Việt Nam, nhưng theo cha mẹ sang nước ngoài định cư từ khi còn nhỏ. Những em này lớn lên sẽ có quan điểm, giá trị sống khác với những em sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Điều này sẽ dẫn đến quyết định chọn hướng học, và chọn nghề nghiệp tương lai khác nhau.

*** Ví dụ 2.** Mạnh là con trong một gia đình làm kinh tế nhỏ lâu đời trong lĩnh vực may mặc. Em có khả năng học các môn tự nhiên. Em yêu thích nghệ thuật và âm nhạc, và có mơ ước được học đại học Mĩ Thuật hay Học viện Âm nhạc Quốc gia. Tuy nhiên, cha mẹ đặt lên vai em trọng trách nối nghiệp của cha mẹ, phát triển công ty gia đình lớn hơn. Em được đầu tư để vào đại học Kinh tế, trong chương trình liên kết với Đại học nước ngoài, và theo học ngành quản trị kinh doanh. Em

không yêu thích ngoại ngữ, không đam mê kinh doanh nhưng có thể học được. Trong trường hợp này, nếu Mạnh hiểu rõ LTHT kết hợp với tư vấn của giáo viên, chắc chắn sẽ giảm bớt những mâu thuẫn phát sinh trong lòng, nỗi bức bối và cảm giác bị trói buộc. Dần dần, Mạnh sẽ hiểu quyết định của mình trước hết là vì gia đình, và đó là trách nhiệm mà em sẵn sàng gánh, nhưng em vẫn có quyền theo đuổi niềm yêu thích của mình bằng cách học thêm âm nhạc hay kĩ thuật vào thời gian rảnh hoặc tham gia hoạt động ngoại khóa. Trong tương lai, bên cạnh việc làm kinh tế, em có thể tiếp tục những đam mê của mình vào cuối tuần.

*** Ví dụ 3.** Hiện nay, rất nhiều học sinh chuẩn bị tốt nghiệp THPT có nguyện vọng thi vào ngành tài chính – kế toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh. Nhưng theo thông tin mới nhất của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2013¹², thì “tạm dừng mở các ngành đang thừa “đầu ra” như Tài chính - ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Kế toán, đồng thời kiến nghị Thủ tướng Chính phủ không cho phép mở các trường đại học đào tạo các ngành này. Chỉ có các trường vốn chuyên về đào tạo kinh tế mới được xem xét mở thêm các ngành này. Trong khi đó, có thể hạ điểm sàn ngành nông, lâm, ngư nghiệp... để tăng số lượng tuyển sinh cho các ngành này”.

Sở dĩ có chủ trương trên vì lực lượng lao động trong các ngành kinh tế ở nước ta đang trong tình trạng “cung” lớn hơn “cầu” rất nhiều. Ngược lại, ở các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, “cung” không đáp ứng được “cầu”. Đây là yếu tố tác động bởi TTrTDLĐ mà mỗi em cần biết trước khi đưa ra quyết định chọn hướng học, chọn nghề.

Kết luận: LTHT rất quan trọng vì con người chúng ta không sống độc lập một mình. Chúng ta tương tác với môi trường xung quanh và bị tác động, ảnh hưởng rất nhiều bởi những tác động từ môi trường ấy. Vì vậy, cùng với việc tìm hiểu bản thân, các em còn cần phải tìm hiểu để biết được những yếu tố ảnh hưởng đến bản thân trong việc chọn ngành học, chọn nghề như yếu tố giới tính, gia đình, cộng đồng, xã hội, TTrTDLĐ...

4.2.2. Hoạt động 4.2. Áp dụng LTHT để tìm hiểu ảnh hưởng của yếu tố giới và truyền thống nghề nghiệp gia đình đến việc chọn nghề của bản thân

a. Tìm hiểu ảnh hưởng của yếu tố giới với hoạt động nghề nghiệp

Giáo viên nêu khái niệm giới: “Giới là mối quan hệ và tương quan giữa địa vị xã hội của nữ giới và nam giới trong bối cảnh cụ thể. Giới nói lên vai trò, trách nhiệm và quyền lợi mà xã hội qui định cho nam và nữ, bao gồm việc phân công lao động, phân chia các lợi ích cá nhân”¹⁴. Ở các xã hội khác nhau, vai trò của giới cũng có sự khác

¹² Nguồn: Báo Lao động số 17/2013, ra ngày thứ hai, 21.1.2013, chuyên mục Bạn cần biết: Tuyển sinh đại học, cao đẳng 2013 có gì mới?

¹³ Nguồn: Vấn đề về giới trong chọn nghề - Chủ đề 4, sách giáo viên HGDH lớp 10, Nhà xuất bản Giáo dục, 2006.

nhau (giáo viên nêu ví dụ về vai trò của giới ở nước ta dưới thời phong kiến và hiện nay). Hiện nay, ở nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới rất quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới trong học tập, lao động, gia đình và xã hội. Tuy nhiên, để đảm bảo cho mỗi người được hạnh phúc trong lao động nghề nghiệp, trước khi chọn nghề, chúng ta cần tìm hiểu để biết được ảnh hưởng của đặc điểm giới đối với hoạt động nghề.

Giáo viên giới thiệu và tổ chức cho học sinh thảo luận **Phiếu học tập 4.2** (phụ lục IV, chuyên đề 1, lớp 10) trong 20 phút. Yêu cầu các em ghi lại các ý kiến thảo luận. Sau đó, giáo viên gọi đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

Giáo viên nhận xét và kết luận: Mặc dù giữa nam và nữ có đặc điểm tâm, sinh lí khác nhau nhưng trong thực tế, có nhiều nghề cả nam và nữ đều có thể chọn cho mình và làm được tốt nếu như mình có sở thích, cá tính, khả năng và giá trị nghề nghiệp phù hợp với nghề đó và được đào tạo và rèn luyện. Tuy nhiên, cũng có một số nghề mà phụ nữ và nam giới nên cân nhắc nếu nghề đó có chống chỉ định đối với điều kiện riêng của mình. Giáo viên có thể nêu một số ví dụ thực tế để học sinh hiểu rõ kết luận.

b. Tìm hiểu truyền thống nghề nghiệp gia đình với việc chọn nghề

Giáo viên nêu ảnh hưởng của truyền thống nghề nghiệp gia đình đối với việc chọn ngành học, chọn nghề của học sinh. Sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của các em luôn chịu sự tác động của nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố truyền thống và gia đình. Trong thực tế có rất nhiều gia đình có con cái đi theo nghề của cha mẹ, ông bà và đã rất thành công trong nghề nghiệp, nhất là những nghề đòi hỏi có năng khiếu như văn thơ, hội họa, âm nhạc, thủ công mỹ nghệ... Sở dĩ như vậy vì bên cạnh yếu tố di truyền, ngay từ nhỏ, những người đó đã được sống trong môi trường mang đậm chất nghề nghiệp của gia đình. Hàng ngày được nghe kể, được quan sát, được học hỏi các kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp của mọi người trong gia đình. Các sở thích, khả năng, và giá trị nghề nghiệp sẽ được nuôi dưỡng, phát triển theo xu hướng nghề nghiệp của gia đình. Do vậy, có thể nói, truyền thống nghề nghiệp gia đình là một trong những yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến việc chọn nghề và quyết định con đường nghề nghiệp của mỗi người, nhất là những gia đình có nghề truyền thống như nghề đông y, nghề thủ công mỹ nghệ, nghề biểu diễn, sáng tác... Giáo viên hướng dẫn và tổ chức cho học sinh làm **Bài tập 4.2. Tìm hiểu truyền thống nghề nghiệp gia đình** (phụ lục IV, chuyên đề 1, lớp 10) trong 10 phút.

Giáo viên gọi một số học sinh nêu ý kiến, quan điểm của bản thân về ảnh hưởng của truyền thống nghề nghiệp gia đình với việc chọn nghề tương lai. Giáo viên có thể gợi ý hoặc yêu cầu học sinh kể lại nghề nghiệp của những người trong gia đình và nghề mà em sẽ chọn để từ đó rút ra kết luận về mức độ ảnh hưởng của truyền thống nghề nghiệp gia đình đối với quyết định chọn nghề của học sinh.

Kết luận: Qua nội dung chúng ta vừa tìm hiểu, các em hiểu rõ hơn về LTHT, đồng thời thấy được sự cần thiết và biết cách tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học, chọn nghề của bản thân. Các em hãy suy ngẫm và tìm hiểu kĩ hơn về những yếu tố ảnh hưởng này để đưa ra quyết định chọn ngành học, chọn nghề vừa phù hợp với bản thân, vừa phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế.

Nội dung cần ghi nhớ: Tác động của các yếu tố bên trong và bên ngoài đến quyết định chọn ngành học, chọn nghề của bản thân.

KẾT LUẬN CHUNG CHO TOÀN CHUYÊN ĐỀ 1:

Vừa rồi, chúng ta đã cùng nhau tham gia chuyên đề 1 để tìm hiểu bản thân. Qua chuyên đề này, thầy/ cô tin rằng các em có thể tự tin để trả lời được các câu hỏi được đặt ra trong chuyên đề 1 như: *Thế nào là chọn nghề và sự phù hợp nghề? Tại sao và làm cách nào để tìm hiểu bản thân trong 2 lĩnh vực sở thích và khả năng trước khi đưa ra quyết định chọn nghề? Mỗi người cần phải có những kỹ năng thiết yếu nào để đảm bảo cho sự thành công trong học tập cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này? và muốn chọn nghề phù hợp cần phải quan tâm tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng nào?* Trả lời đầy đủ, chính xác các câu hỏi trên sẽ giúp các em vững tin hơn trên con đường lựa chọn nghề nghiệp và đảm bảo cho các em thành công trong những chuyên đề hướng nghiệp tiếp theo.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm bài tập đánh giá cuối chuyên đề (phụ lục V, chuyên đề 1, lớp 10).

V. NHIỆM VỤ CHO CHUYÊN ĐỀ TIẾP THEO

Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh tìm hiểu một nghề mà em yêu thích. Yêu cầu, mỗi em sẽ tìm hiểu về ít nhất là một nghề và ghi thông tin của nghề đó vào giấy hoặc vở theo hướng dẫn sau:

Học sinh hỏi những người xung quanh về nghề họ đang làm mà em thích. Các em cũng có thể tra cứu thêm thông tin trên mạng để tìm hiểu thêm về nghề. Các thông tin cần tìm hiểu về nghề và ghi lại, bao gồm: Tên nghề; Công cụ lao động của nghề; Vật liệu cần được sử dụng để làm nghề; Các bước thực hiện công việc từ khi bắt đầu đến khi kết thúc hoặc cho ra sản phẩm cuối cùng; Sản phẩm chính của nghề; Điều kiện để hoạt động nghề (sức khỏe, kiến thức, khả năng, phẩm chất...); Nơi đào tạo nghề và triển vọng của nghề (ghi theo cách hiểu của em).

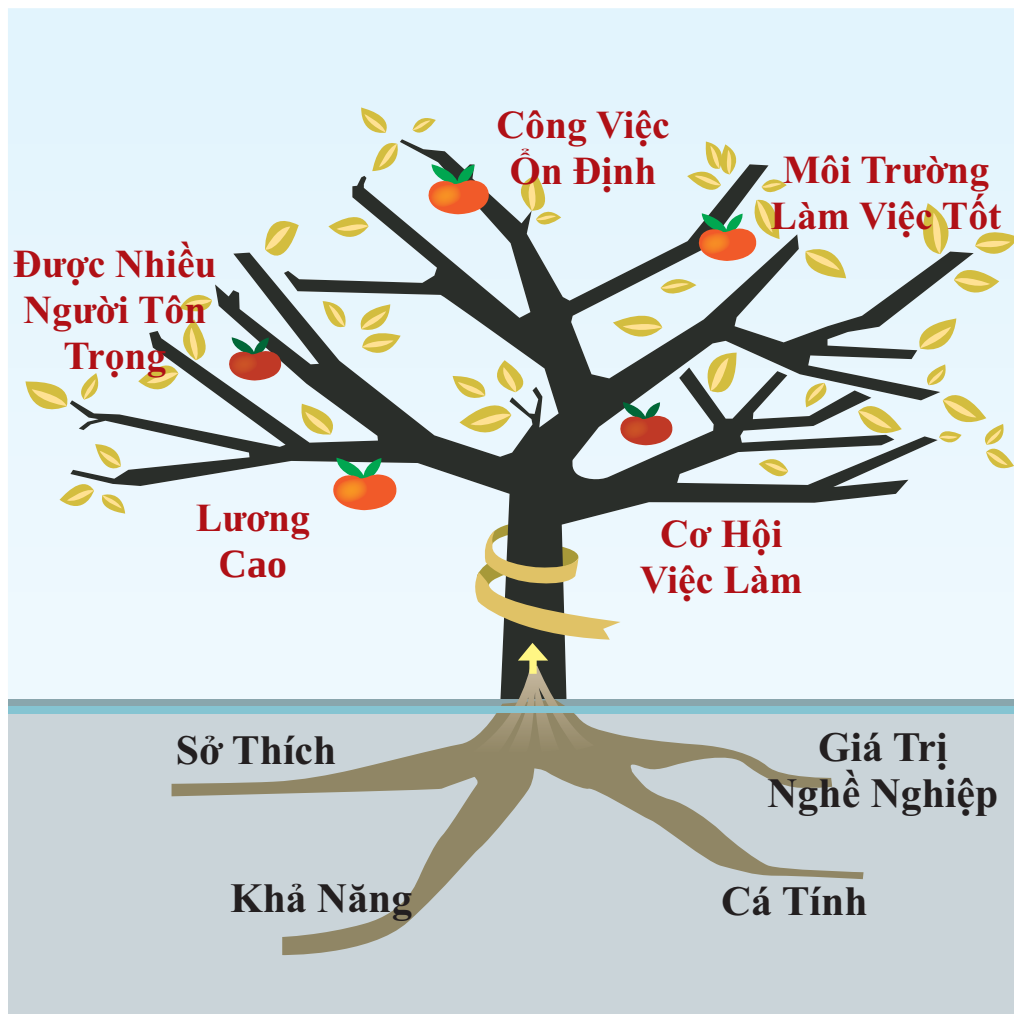
VI. PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 1, LỚP 10

- **Phụ lục I.** Hình 1.1. Lí thuyết cây nghề nghiệp;
- **Phụ lục II.** Bảng Sáu nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland; Sơ đồ 2.2. Mô hình lục giác Holland; Bài giới thiệu về nhà tâm lí học TS John L.Holland và lí thuyết mật mã Holland RIASEC; Phiếu học tập 2.2;
- **Phụ lục III.** Các kĩ năng thiết yếu; Bài tập 3.2;
- **Phụ lục IV.** Hình 4.2. Mô hình lí thuyết hệ thống; Phiếu học tập 4.2; Bài tập 4.2;
- **Phụ lục V.** Bài tập đánh giá cuối chuyên đề.

PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 1, LỚP 10

PHỤ LỤC I

Hình 1.1. LÝ THUYẾT CÂY NGHỀ NGHIỆP



Giáo viên lưu ý những yếu tố trong "rễ" cây nghề nghiệp của học sinh có thể bị tác động bởi định kiến và khuôn mẫu giới trong quá trình hình thành và phát triển.

PHỤ LỤC II

BẢNG SÁU NHÓM TÍNH CÁCH THEO LÝ THUYẾT MẬT MÃ HOLLAND

I. NHÓM KỸ THUẬT

Kiểu thực tế cụ thể - thao tác kỹ thuật, ký hiệu KT

1. ĐẶC ĐIỂM

Những người ở nhóm kỹ thuật có sở thích và khả năng khám phá, sử dụng máy móc, làm những công việc sử dụng thao tác tay chân như các ngành nghề thuộc về cơ khí, ô tô, điện, tin học hoặc các ngành nghề đòi hỏi sự khéo léo của tay chân như thể thao, nấu nướng, chăm sóc cây xanh, thủ công mỹ nghệ...

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Thực tế - Cụ thể

- Thể lực tốt – suy nghĩ thực tế;
- Tư duy, trí nhớ tốt;
- Say mê, nghiêm túc thực hiện các quy trình kỹ thuật;
- Sáng tạo, khéo tay, tỉ mỉ;
- Có năng lực chú ý tốt;
- Thị lực tốt;
- Trí tưởng tượng không gian tốt;
- Phản ứng cảm giác/ vận động nhanh, chính xác;
- Chịu đựng trạng thái căng thẳng;
- Kiên trì, nhạy cảm;
- Khí chất thần kinh ổn định.

2. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG ỨNG

Các công việc liên quan đến điều khiển máy móc, đồ vật hoặc chăm sóc, bảo vệ vật nuôi, cây trồng; Làm việc ngoài trời, đòi hỏi sự khéo léo chân tay khi sử dụng các công cụ, máy móc hoặc trong hoạt động thể thao.

Nghề phù hợp điển hình: Trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, điện - điện tử, cơ khí, điều khiển, sử dụng, sửa chữa máy móc, các nghề thủ công mỹ nghệ, vận động viên, huấn luyện viên, cảnh sát, cứu hỏa...

Chống chỉ định của những công việc trên¹⁴:

- Dị ứng dầu mỡ, hóa chất;
- Lao, hen, hẹp van tim, viêm thận;

¹⁴ Giáo viên giải thích thuật ngữ “chống chỉ định”: Không nên làm nghề thuộc nhóm này nếu người đó bị mắc các tật hoặc bệnh mà nghề không “chấp nhận” như các tật hoặc bệnh kể trên.

- Loạn thị, loạn sắc, mù màu;
- Run tay và mồ hôi quá nhiều;
- Tâm lí không ổn định.

3. CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Vận hành máy, chế tạo máy, cơ khí ứng dụng, tự động, bảo trì và sửa chữa ô tô, thiết bị điện, lắp đặt điện, bảo hành, sửa chữa điện - điện tử, tin học, xây dựng, trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, thể thao, nấu ăn, làm vườn và chăm sóc cây xanh, thủ nghệ thuật, đan, móc, làm hoa, cắm hoa, điêu khắc, nhân viên kĩ thuật phòng thí nghiệm, tài xế, lái tàu, công nghệ thông tin, nấu ăn, quản lí cảnh quan và môi trường, trồng hoa, cây cảnh, may dân dụng, may công nghiệp, làm vườn, nuôi trồng thủy sản...

Các công việc hoạt động thuộc nhóm kĩ thuật có từ công nhân bậc 2/7, 3/7, công nhân kĩ thuật trình độ trung cấp nghề, kĩ sư thực hành, chế tạo, sản xuất, kiểm tra, điều khiển hệ thống, gia công, chế biến cơ - hóa - điện - điện tử, ô tô, đầu bếp...

Hiện nay, tất cả các ngành nghề này đều có đào tạo tại Trung tâm Kĩ thuật Tổng hợp - Hướng nghiệp (TTKTTHHN), Trung tâm dạy nghề (TTDN), Trung tâm Giáo dục thường xuyên (TTGDTX) của địa phương, các trường Trung cấp nghề (TCN), Trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), các trường cao đẳng, đại học vùng và Trung ương.

II. NHÓM NGHIÊN CỨU

Kiểu người kiên trì - khoa học - nghiên cứu, ký hiệu NC

1. ĐẶC ĐIỂM

Những người ở nhóm nghiên cứu có sở thích và khả năng làm việc độc lập, nghiên cứu say mê về một lĩnh vực nào đó như công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, nghiên cứu về văn hóa xã hội...

Có khả năng để chuẩn bị làm việc với hệ thống khái niệm khoa học, tìm ra quy luật chung để trình bày dưới dạng hệ thống ký hiệu. Ở mức cao hơn, những người nhóm này có khả năng hoạt động giao tiếp trí tuệ, tư duy trừu tượng, lao động sáng tạo khoa học bậc cao để phát hiện quy luật và thiết kế chiến lược KHKT và KHXH.

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Khoa học - kiên trì

- Phát triển mạnh tư duy logic;
- Kiên trì, làm việc có phương pháp, ham hiểu biết;
- Có óc tò mò, quan sát tinh tế;
- Nhạy cảm, phán đoán, ứng xử kịp thời, tự đặt ra yêu cầu cao và nghiêm khắc đối với chính mình;
- Có tính quyết đoán, thất bại không nản;
- Có khả năng tưởng tượng không gian và nhận biết tốt hình dạng vật thể;
- Có năng lực vượt khó, thông minh, có kỹ năng sống thích ứng;

2. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG ỨNG

Công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, giáo dục, văn hóa....

Nghề phù hợp điển hình: Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu trong các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, giáo dục, môi trường, bác sĩ, kỹ thuật viên y tế, kỹ thuật viên phòng thí nghiệm...

Chống chỉ định:

- Lao;
- Thiếu máu;
- Động kinh;
- Tim mạch;
- Tâm thần.

3. CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Kỹ sư công nghệ phần mềm, nhân viên các phòng thí nghiệm, các nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực: văn hóa, giáo dục, động vật học, thực vật học, công nghệ sinh học, môi trường, tâm lý học, lập trình viên, toán học, vật lý, hóa học, sử học, địa lý, văn học, chuyên viên nghiên cứu thị trường, giảng viên đại học...

III. NHÓM NGHỆ THUẬT

Kiểu người sáng tạo tự do - văn học - nghệ thuật, ký hiệu NT

1. ĐẶC ĐIỂM

Những người ở nhóm nghệ thuật rất thích và có khả năng làm việc thiên về tính chất nghệ thuật như viết văn, bình thơ, vẽ, thiết kế mỹ thuật, đạo diễn, nghệ sĩ....

Đây là dạng nghề đang phát triển mạnh theo nhu cầu xã hội. Cùng trong nhóm này là các nhà văn, các biên kịch, nghệ sĩ, ca sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ,...

Khả năng của người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Sáng tạo - Tự do

- Sáng tạo, linh hoạt và thông minh;
- Kiên trì, nhạy cảm;
- Tinh thần phục vụ tự nguyện;
- Có tính tưởng tượng không gian và nhận biết tốt hình dạng vật thể;
- Có khả năng sống thích ứng;
- Diễn tả ngôn từ lịch sự, rõ ràng;
- Hiểu biết về lịch sử, văn hóa, chính trị.

2. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG ỨNG

Sáng tác trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, hội họa, thủ công mỹ nghệ; biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, dẫn chương trình.

Nghề phù hợp điển hình: Sáng tác văn học, thơ ca, nghệ sĩ nhiếp ảnh, nghệ sĩ biểu diễn (nhạc, kịch, hát múa...), họa sĩ, nhạc sĩ, điêu khắc, thiết kế thời trang, thiết kế quảng cáo, giảng viên văn học...

Chống chỉ định:

- Bệnh lao, truyền nhiễm
- Dị tật, nói ngọng, điếc

3. CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Viết văn, kiến trúc sư, họa sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ, diễn viên (điện ảnh, kịch, chèo, cải lương, tuồng...) thợ thủ công mỹ nghệ (chạm khắc gỗ, thêu tranh, làm đồ gốm sứ, chạm bạc...), nhà báo, bình luận viên, dẫn chương trình, người mẫu, nghệ sĩ biểu diễn nhạc cụ, đạo diễn, chuyên viên trang điểm, thiết kế thời trang, thiết kế quảng cáo...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này được đào tạo tại TTKTTHHN, TTGDTX hoặc TTDN của địa phương, các trường nghề, TCN, TCCN các trường cao đẳng, đại học vùng và trên toàn quốc.

IV. NHÓM XÃ HỘI***Kiểu người linh hoạt quảng giao - phục vụ xã hội, ký hiệu XH*****1. ĐẶC ĐIỂM**

Những người ở nhóm xã hội có sở thích và khả năng làm việc, giao tiếp người với người, thích đi đây, đi đó. Trong nhóm này có nghề giáo viên, tư vấn viên, bác sĩ, luật sư...

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Quảng giao - Linh hoạt

- Có khả năng tổng kết, quy nạp, diễn dịch;
- Biết lắng nghe, lắng nghe tích cực, có phản hồi;
- Sáng tạo, linh hoạt, thông minh;
- Tuyệt đối tôn trọng ý kiến của thân chủ;
- Có năng lực chú ý tốt;
- Kiên trì, nhạy cảm;
- Lịch thiệp;
- Thần kinh vững mạnh, tự kiểm chế tốt;
- Tôn trọng mọi người;
- Sức khỏe tốt, bền bỉ;
- Có tính sáng tạo;
- Tinh thần phục vụ tự nguyện.

2. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG ỨNG

Làm các công việc trong môi trường mang tính xã hội cao, thường xuyên giao tiếp với người khác hoặc có nhiều cơ hội giúp đỡ, huấn luyện và chỉ dẫn người khác.

Nghề phù hợp điển hình: Dạy học, y khoa, dược khoa, luật sư, tư vấn tâm lý, hướng dẫn viên du lịch...

Chống chỉ định:

- Lao;
- Thiếu máu;
- Tâm thần không ổn định;
- Bệnh truyền nhiễm.

3. CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Giáo viên các cấp, tư vấn viên, bác sĩ, dược sĩ, y tá, dược tá, nhân viên các công ty du lịch, hướng dẫn viên du lịch, luật sư, huấn luyện viên, tư vấn hướng nghiệp, dịch vụ khách hàng, cán bộ xã hội, cán bộ hội phụ nữ, nhân viên khách sạn/Khu nghỉ dưỡng (Resort)...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này đều có đào tạo tại TTKTTHHN, TTDN của địa phương, các trường TCCN, cao đẳng và các trường đại học vùng và Trung ương.

V. NHÓM QUẢN LÝ

Kiểu người chủ động uy quyền - dựng nghiệp quản lý, ký hiệu QL

1. ĐẶC ĐIỂM

Những người ở nhóm quản lý có sở thích và khả năng làm việc thiên về ra lệnh cho người khác và lãnh đạo một nhóm người hay cả một tập thể lớn. Nghề thuộc nhóm này mang tính chất quản lý như công an, sỹ quan, quản trị kinh doanh, kỹ thuật công nghệ, quản lý chuyên nghiệp, điều hành hoạt động hệ thống có tầm cỡ ảnh hưởng rộng lớn tới nhiều con người, nhiều vấn đề ở cấp vĩ mô.

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Chủ nghĩa - Uy quyền

- Nhà quản trị theo quan niệm mới, tránh độc quyền;
- Trí tuệ là một quyền lực;
- Tính cách cương nghị, biểu hiện từ vóc dáng đến tư thế đi đứng, ăn nói;
- Là người có kỹ năng sống: Hòa hòa, thích ứng, sáng suốt, tỉnh táo hơn người, có hệ thần kinh vững mạnh, bình tĩnh xét đoán tình hình, đối tượng, có trí nhớ tốt, tập trung sâu bền vững.

Đòi hỏi phải có các kỹ năng:

- Kiến tạo tổ chức;
- Xây dựng giá trị mới cho tổ chức;
Tạo ra động lực hoạt động;
- Không ngừng tự giáo dục và giáo dục thuộc cấp, xây dựng tổ chức học tập.

2. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG ỨNG

Môi trường làm việc mang tính chất quản lý, lãnh đạo, ra lệnh cho người khác và thực hiện các chức năng:

- Điều hành chung;
- Chủ trì sản xuất;
- Điều phối thông tin, chiến lược giao tiếp;
- Giám sát từng giai đoạn, trợ giáo;
- Tạo điều kiện hòa hợp và hội nhập.

Nghề phù hợp điển hình: Nhà lãnh đạo, chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, hiệu trưởng, luật sư...

3. CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Công an, sỹ quan quân đội, quản trị kinh doanh, kỹ thuật công nghệ, chủ doanh nghiệp, chuyên viên quan hệ công chúng (PR), quản lý khách sạn, bếp trưởng khách sạn cao cấp, quản lý giáo dục các cấp...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này được đào tạo tại các trường nghề, TCN, trường TCCN, các trường cao đẳng, đại học vùng và trên toàn quốc.

VI. NHÓM NGHIỆP VỤ**Kiểu người thận trọng nề nếp - nghiệp vụ quy củ, ký hiệu NV****1. ĐẶC ĐIỂM**

Những người ở nhóm nghiệp vụ có sở thích và có khả năng làm việc ở văn phòng, làm các công việc sổ sách như văn thư, hành chánh, tài vụ, bưu điện, tiếp tân,...

Nhóm nghề này đòi hỏi phải có hoạt động giao tiếp với nhiều người, nhiều công việc, có nghiệp vụ, được huấn luyện từ trung cấp đến đại học trong doanh nghiệp, trong hoạt động phục vụ công cộng,...

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Nền nếp - Thận trọng

- Lĩnh hội diễn tả ngôn từ lịch sự, hấp dẫn, rõ ràng;
- Thận trọng nhưng nhanh nhẹn;
- Ứng xử kịp thời, siêng năng;
- Hiểu biết về lịch sử, chính trị, văn hoá, nghệ thuật,...;
- Hiểu rõ người đối thoại;
- Làm việc ngăn nắp, điều độ, không nhầm lẫn;
- Có trí nhớ tốt;
- Tự tin, biết điều tiết, kiểm chế;
- Có khả năng hoạt động độc lập;
- Giỏi ngoại ngữ và ứng xử;
- Xử lý thông tin tốt.

2. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG ỨNG

Môi trường làm việc mang tính chất giao tiếp với nhiều người, nhiều công việc, đòi hỏi có tính nghiệp vụ như lưu trữ văn thư, kế toán, tài chính, tín dụng, ...

Nghề phù hợp điển hình: Nhân viên ngân hàng, kế toán, thư kí văn phòng, biên tập viên, thủ thư...

Chống chỉ định:

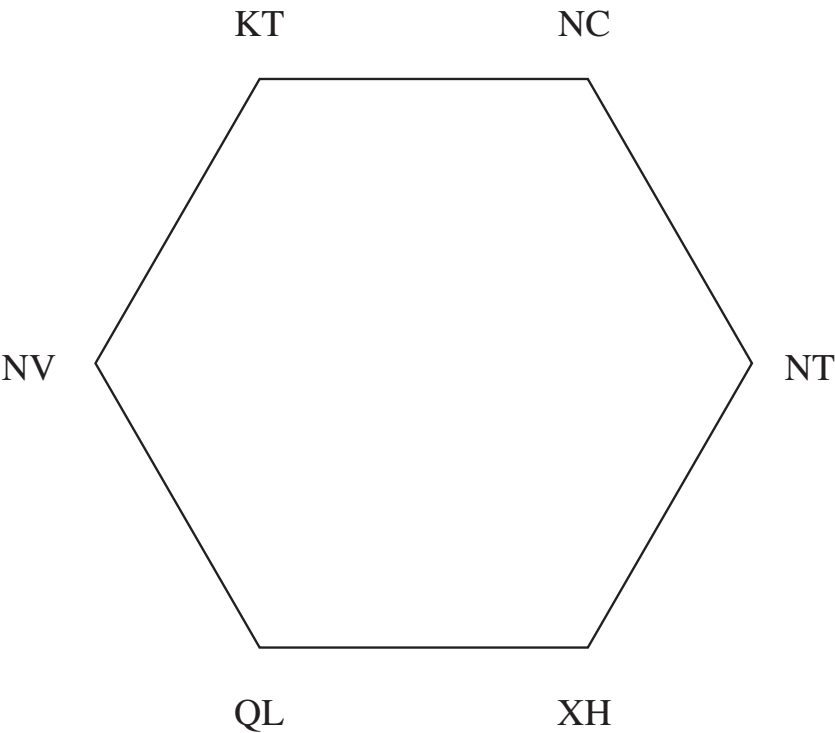
- Bệnh lao, bệnh truyền nhiễm;
- Dị tật, nói ngọng, điếc;

3. CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Thư ký, nhân viên lưu trữ, thư viện, nhân viên văn phòng, chuyên viên thuế, thủ quỹ, kế toán viên, lễ tân, bưu điện, nhân viên ngân hàng...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này được đào tạo tại TTDN của địa phương, các trường TCCN và các trường cao đẳng, đại học vùng và Trung ương.

Sơ đồ 1.2. MÔ HÌNH LỤC GIÁC HOLLAND



SỰ LIÊN HỆ CÁC NHÓM NGHỀ VÀ KHỐI THI, BAN HỌC

STT	Nhóm nghề	Khối thi	Ban học tương ứng	Ghi chú
1	Nhóm Kỹ thuật	Đa số là khối thi A, A1 và B, V, H, T	– Ban Khoa học tự nhiên là chính; – Ban Khoa học cơ bản + môn tự chọn	
2	Nhóm Nghiệp vụ	Khối A, A1, B, D	– Ban Khoa học tự nhiên là chính; – Ban Khoa học cơ bản + môn tự chọn	
3	Nhóm Quản lí	Có khối A, A1, D, C	– Ban Khoa học tự nhiên; – Ban Khoa học xã hội; – Ban Khoa học cơ bản + môn tự chọn	Các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập thì chọn tất cả các khối thi A, A1, B, C, D
4	Nhóm Xã hội	Khối A, A1, B, C, D	– Ban Khoa học tự nhiên; – Ban Khoa học xã hội; – Ban Khoa học cơ bản + môn tự chọn	Các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập thì chọn tất cả các khối thi A, A1, B, C, D
5	Nhóm Nghiên cứu	Khối A, A1, B, C, D	– Ban Khoa học tự nhiên; – Ban Khoa học xã hội; – Ban Khoa học cơ bản + môn tự chọn	Các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập thì chọn tất cả các khối thi A, A1, B, C, D
6	Nhóm Nghệ thuật	Khối C và Khối năng khiếu là chính, Khối H, S, R	– Ban Khoa học xã hội là chính; – Ban Khoa học cơ bản + môn tự chọn	Các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập thì chọn tất cả các khối thi A, A1, B, C, D

PHIẾU HỌC TẬP 2.2

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu và xác định sở thích của bản thân

- Chọn nhóm nào mà các em thấy phù hợp với sở thích của mình nhất và ghi số 1 vào cạnh chữ cái trong sơ đồ mật mã hình lục giác Holland;
- Tiếp theo, các em hãy chọn nhóm nào mà các em thấy phù hợp với sở thích của mình thứ nhì và ghi số 2 vào cạnh chữ cái trong sơ đồ mật mã Holland;
- Cuối cùng, các em hãy chọn nhóm nào mà các em thấy phù hợp với sở thích của mình thứ ba và ghi số 3 vào vào cạnh chữ cái trong sơ đồ mật mã Holland.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu và xác định khả năng của bản thân

- Nhìn vào nhóm phù hợp với sở thích của em nhất, hãy suy nghĩ xem em có những khả năng nào (trong các môn văn hóa cũng như những hoạt động ngoại khóa) thích hợp với các công việc trong nhóm này? Ghi lại những khả năng đó vào bên cạnh số 1;
- Nhìn vào nhóm phù hợp với sở thích của em thứ nhì, hãy suy nghĩ xem em có những khả năng nào (trong các môn văn hóa cũng như những hoạt động ngoại khóa) thích hợp với các công việc trong nhóm này? Ghi lại những khả năng đó vào bên cạnh số 2;
- Nhìn vào nhóm phù hợp với sở thích của em thứ ba, suy nghĩ xem em có những khả năng nào (trong các môn văn hóa cũng như những hoạt động ngoại khóa) thích hợp với các công việc trong nhóm này? Ghi lại những khả năng đó vào bên cạnh số 3.

Giới thiệu khái quát về nhà tâm lý học TS. John L. Holland

TS. John L. Holland (1919 – 2008) là một nhà tâm lý học người Mỹ đã dành cả cuộc đời của mình để giải đáp 3 câu hỏi do mình tự đặt ra:

1. Những đặc điểm gì về *con người và môi trường* dẫn đến việc người ta cảm thấy thoải mái trong chọn nghề, gắn bó với nghề và thành đạt trong nghề? Ngược lại, điều gì khiến người ta không hài lòng, không thành công trong nghề đã chọn? **2.** Những đặc điểm gì về con người và môi trường đã khiến cho một người trong đời của mình giữ nguyên hoặc thay đổi công việc và mức cống hiến? **3.** Cách nào là hữu hiệu nhất giúp người ta giải bài toán chọn nghề?

Ông đã giải đáp được 3 câu hỏi trên và trong hơn 30 năm qua đã không ngừng hoàn thiện một bộ công cụ giúp cho những ai quan tâm muốn chọn nghề phù hợp có cách để tự tìm hiểu bản thân mình rồi đối chiếu với một danh mục nghề cho sẵn. Từ đó xác định mình thích hợp với loại nghề nghiệp nào.

Bộ công cụ giúp cho đối tượng tự **nghiên cứu tự định hướng nghề nghiệp** - được viết tắt là SDS¹⁵ ra đời từ năm 1970 và không ngừng được cải tiến, hoàn thiện đã khiến TS. John L. Holland trở thành người đứng đầu số 0,1% các nhà tâm lý học có công trình được xuất bản nhiều nhất và được trích dẫn nhiều nhất¹⁶.

Holland đưa ra mô hình đơn giản và dễ nhìn về môi trường và con người. Trong hai thập kỷ qua, mô hình này là cách tiếp cận có ảnh hưởng nhất trong việc hình thành công cụ đánh giá mới và nghiên cứu tư vấn nghề nghiệp ở Mỹ.

Thuyết RIASEC

Lí thuyết RIASEC do do TS. John L. Holland (viết tắt là JH) xây dựng dựa trên 8 giả thiết, trong đó có **5 giả thiết** cơ bản sau đây¹⁷:

1- Giả thiết thứ nhất: Bất kỳ ai cũng thuộc vào một trong 6 kiểu người đặc trưng sau đây: **Realistic (R)** – tạm dịch là **người thực tế**; **Investigate (I)** – tạm dịch là **nhà nghiên cứu**; **Artistic (A)** – nghệ sĩ; **Social (S)** – tạm dịch là **người công tác xã hội**; **Enterprising (E)** – tạm dịch là **người dám làm** và cuối cùng là **Conventional (C)** – tạm dịch là **người tuân thủ**.

* **Realistic (R) - Người thực tế**

- Ham các loại hoạt động như điều khiển máy móc, đồ vật..., làm việc ngoài trời;
- Rất coi trọng việc khen thưởng bằng vật chất khi có những thành công cụ thể;
- Tự xem mình là kiểu người thực dụng, kiên định, khéo léo chân tay khi sử dụng các công cụ, máy móc hoặc trong hoạt động thể thao nhưng không khéo léo trong giao tiếp;
- Được người ngoài nhìn nhận là người bộc trực;
- Nghề phù hợp điển hình là nghề chăm sóc cây – con hoặc điều khiển, sử dụng, sửa chữa máy móc, nghề thủ công, huấn luyện viên thể hình, cảnh sát, cứu hoả...

¹⁶ SDS: SELF- DIRECTED SEARCH, mô phỏng thực tế kinh nghiệm tư vấn nghề nghiệp và ứng dụng các thành tựu của tâm lý học để xây dựng một bộ tài liệu tự diễn giải, tự đánh giá nghề nghiệp và cơ hội nghề nghiệp. Chức năng chính của Nghiên cứu tự định hướng là: Tăng trình độ tự hiểu biết; Tăng cơ hội lựa chọn về nghề nghiệp; Tăng độ thỏa mãn đối với khát vọng nghề nghiệp.

¹⁷ Tuy bên cạnh công cụ SDS của J.H còn khá nhiều công cụ khác của nhiều nhà tâm lý học nhiều nước nhưng công cụ SDS của J.H vẫn được đa số các trường đại học trên các nước thuộc châu Mỹ, châu Âu, châu Úc và châu Á sử dụng vì tính hợp lý, dễ sử dụng và khoa học của nó. Lí thuyết Holland được kiểm tra tại các nước sau đây trong thời kỳ 1950-1980: Áo, New Zealand, Canada, Hà Lan, Thụy Sĩ, Italia, Israel, Nigeria và Guyana. Giữa năm 1986-1995, hệ thống hình học và các công cụ đánh giá đã được kiểm tra và sử dụng ở Bỉ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hy Lạp, Ba Lan, Slovenia, Thụy Điển, Đức, Phần Lan, Anh quốc, Bồ Đào Nha, Nam Phi, Peru và Đài Loan. SDS đã được dịch và áp dụng ở nhiều nước như Australia, Malaysia, Đài Loan, Israel, Nam Phi, Pakistan, New Zealand, Guyana, Canada, và Indonesia. Những đóng góp của J.H đã được Hội Tâm lý học Mỹ thừa nhận bằng cách tặng giải thưởng “Vì những cống hiến nổi bật trong tâm lý học ứng dụng” vào năm 1995. Bộ công cụ SDS được soạn thảo dựa trên cơ sở một lí thuyết do chính J.H sáng tạo nên, đó là lí thuyết RIASEC. Một số giảng viên Đại học của Việt Nam cũng đã được tập huấn ở nước ngoài về cách sử dụng công cụ SDS này được xây dựng dựa trên lí thuyết RIASEC này.

¹⁸ Lí thuyết này đã được TS. Nguyễn Ngọc Tài - Viện Nghiên cứu giáo dục TP Hồ Chí Minh - nghiên cứu, chuyển sang tiếng Việt khá phù hợp, và được dùng ở bảng trên.

* **Investigate (I) - Nhà nghiên cứu**

- Ham khám phá, hiểu biết nhằm có thể đoán nhận hoặc kiểm soát các hiện tượng tự nhiên hoặc xã hội;
- Rất coi trọng việc mở mang trí tuệ;
- Tự xem mình là kiểu người dè dặt, hoài nghi, thích khám phá, lí giải, phân tích; hiểu rộng, suy nghĩ độc lập dựa vào lí trí; Khéo khai thác các ý tưởng trừu tượng và giải quyết các vấn đề trí óc;
- Được người ngoài xem là thông minh nhưng quan hệ không rộng rãi;
- Nghề phù hợp điển hình là làm nhà khoa học, nhà nghiên cứu (địa chất, sử, dân tộc học...), bác sĩ, kĩ thuật viên y tế, kĩ thuật viên phòng thí nghiệm...

* **Artistic (A) - Nghệ sĩ**

- Ham các hoạt động văn học, nghệ thuật;
- Coi trọng việc sáng tạo trong thể hiện ý tưởng, cảm xúc, tình cảm;
- Tự nhìn nhận mình là người sẵn sàng thử nghiệm, sáng tạo cái mới; Khéo sử dụng trí tưởng tượng, trực giác và cảm xúc trong hoạt động nhưng vụng về trong tính toán và việc văn phòng;
- Được người ngoài xem là kiểu người giàu sáng tạo nhưng phóng túng, ít chịu tuân thủ các quy định;
- Nghề phù hợp điển hình là nghề viết văn, nghệ sĩ nhiếp ảnh, nghệ sĩ biểu diễn (nhạc, kịch, hát múa...), họa sĩ, nhạc sĩ, nhà điêu khắc hay nhà thiết kế mẫu, giảng viên văn học...

* **Social (S) - Người công tác xã hội**

- Thích được giúp đỡ, tư vấn, phục vụ, giáo dục, giác ngộ người khác;
- Coi trọng hạnh phúc, niềm vui của người xung quanh và các hoạt động xã hội;
- Tự xem là người nhẩn nại, mềm mỏng, dễ cảm thông người khác; khéo léo trong giao tiếp nhưng không khéo léo khi phải điều khiển máy móc;
- Được người ngoài xem là người dễ mến, cởi mở, ứng xử lịch thiệp;
- Những nghề phù hợp điển hình là dạy học, y tá, bác sĩ nội khoa, nhà tư vấn, nhà xã hội học...

* **Enterprising (E) - Người dám làm**

- Thích thuyết phục, chỉ huy người khác;
- Rất coi trọng thành quả vật chất và địa vị xã hội;
- Tự xem là người có khả năng tổ chức, thuyết phục, buôn bán nhưng thiếu khả năng làm khoa học;
- Được nhìn nhận là kiểu người năng động, giao thiệp rộng rãi, nhiều hoài bão, thích mạo hiểm và chấp nhận thử thách;
- Nghề phù hợp điển hình là nhà lãnh đạo, chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, hiệu trưởng, luật sư...

* **Conventional (C) – Người tuân thủ**

- Thích tuân thủ các quy định, làm việc theo những chỉ dẫn rành mạch, có quy chuẩn cụ thể;
- Rất coi trọng thành tựu vật chất và vị trí, quyền lực;
- Tự xem mình là người biết làm ăn nhưng không có khiếu nghệ thuật;
- Được nhìn nhận là người kĩ lưỡng, chặt chẽ;
- Nghề phù hợp điển hình là công tác ngân hàng, kế toán, thư kí văn phòng, biên tập viên...

Mỗi kiểu người trong 6 kiểu đặc trưng kể trên chỉ là mô hình lí thuyết. Trong thực tế không ai hoàn toàn chỉ mang trọn những đặc điểm đã được mô tả cho một kiểu người mà thôi, ngược lại mỗi người dù thuộc kiểu người này nhưng đều có những đặc điểm của các kiểu khác với mức độ mạnh yếu khác nhau. Chẳng hạn, có người thể hiện kiểu người trội nhất ở mình là R, sau đó là kiểu I mạnh thứ nhì, rồi đến kiểu A, sau đó là S, rồi E và yếu nhất là C. Khi đó, người này được mang code ký hiệu là RIASEC. Về mặt lí thuyết, có tất cả $6! = 720$ kiểu người khác nhau mang code 6 chữ như RIASEC, IARSCE, SECIAR, CRISEA, AERISC, CISREA, EIRASC, v.v....

Chính điều này nói lên sự phức tạp, phong phú trong các kiểu người trong xã hội.

2. Giả thiết thứ hai: *Có 6 loại môi trường ứng với 6 kiểu người nói trên.*

Theo giả thuyết này thì có 6 loại môi trường tương ứng với 6 kiểu người R, I, A, S, E, C nói trên. Môi trường đây được hiểu là một tổ chức xã hội nào đó, có thể là nhóm làm việc, lớp học hoặc thậm chí là gia đình. Môi trường tương ứng với kiểu người nào thì kiểu người ấy chiếm đa số trong số người thành viên của môi trường ấy. Chẳng hạn, một môi trường mà có đến hơn 50% số người có code S trội nhất thì đó là môi trường loại S.

3. Giả thiết thứ ba: *Ai cũng tìm môi trường phù hợp cho phép mình thể hiện được kĩ năng, thái độ và hệ thống giá trị của mình, phụ trách những vấn đề và vai trò thú vị đối với mình.*

Cá phải chọn môi trường nước để bơi, hổ phải tìm môi trường rừng để sống, con người cũng tìm môi trường làm việc thích hợp với tính cách, kĩ năng của mình để trưởng thành và khẳng định mình. Ai cũng muốn làm việc phù hợp nhất với sở trường của mình, thú vị nhất đối với mình, chọn nơi mình có khả năng thành công nhất. Ngược lại, các cơ quan, công ty... muốn hoạt động thành công cũng tìm cách thu hút người thích hợp về làm việc cho mình và loại dần người không thích hợp ra.

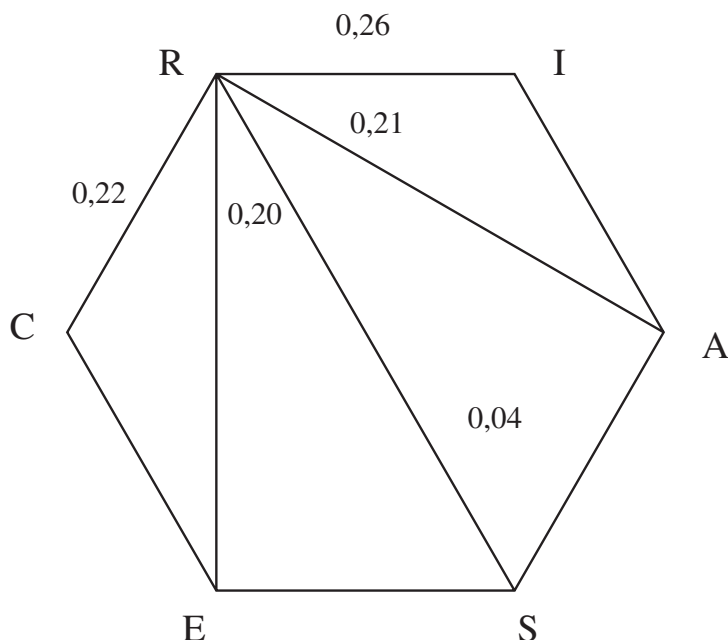
4. Giả thiết thứ tư: *Thái độ ứng xử của con người được quy định bởi sự tương tác giữa kiểu người của mình với các đặc điểm của môi trường.*

Giả thiết này cho phép căn cứ vào kiểu người và loại môi trường mà người đó gặp phải để dự báo được người đó sẽ ứng xử ra sao. Chẳng hạn, một người mang code RIA mà được tuyển chọn vào môi trường RIA sẽ dễ dàng cảm thông với người xung quanh, mau bắt nhịp với yêu cầu công việc, được đồng nghiệp trên dưới vui vẻ chấp nhận và chắc là sẽ có nhiều cơ hội thành công. Nhưng nếu đưa anh ta vào môi trường SEC chẳng hạn, anh ta sẽ ứng xử một cách khó khăn với đồng nghiệp vì thấy ít người và ít việc hợp với mình, từ đó mà khó tìm thấy hứng thú trong công tác, trở nên ít gần bó với cơ quan và sẽ có tâm lí “đứng núi này trông núi nọ”.

5. Giả thiết thứ 5: Mức độ phù hợp giữa một người với môi trường có thể được biểu diễn trong mô hình lục giác Holland¹⁸.

Có 4 mức phù hợp giữa kiểu người và loại môi trường: Kiểu người nào làm việc trong môi trường nấy là mức phù hợp cao nhất, ví dụ như kiểu người A làm việc trong môi trường A; Người nào làm việc trong môi trường cận kề với kiểu người của mình (cùng một cạnh của lục giác), ví dụ như R-I (người kiểu R làm việc trong môi trường I) là mức độ phù hợp thứ nhì; Người nào làm việc trong môi trường cách 1 đỉnh của lục giác ví dụ I-C (kiểu người I làm việc trong loại môi trường C) sẽ có mức phù hợp thứ 3; Còn kiểu ít phù hợp nhất là khi kiểu người và loại môi trường nằm ở 2 đỉnh đối xứng trong lục giác Holland, ví dụ R-S hay E-I hay A-C¹⁹ (Xem hình vẽ lục giác Holland dưới đây). Người ta còn xác định được đến 28 mức phù hợp với kiểu người và loại môi trường với code 3 chữ.

Mô hình lục giác Holland



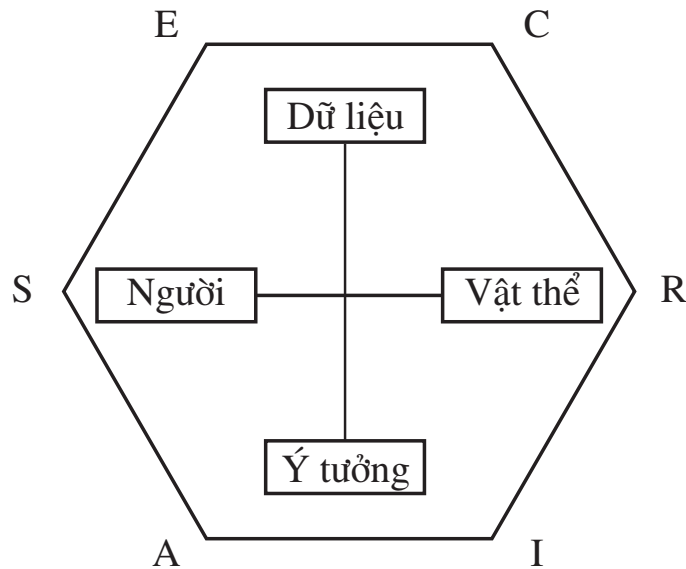
Người mang code S rất thích tiếp xúc với người và thấy khó khăn khi tiếp xúc với vật thể ngược hẳn với người có code R; Kiểu người có code E thì thích tiếp xúc với dữ liệu và con người hơn, trong khi kiểu người có code I lại thích tiếp cận với ý tưởng và vật thể hơn; Kiểu người có code C thích tiếp xúc với dữ liệu và vật thể hơn ngược lại kiểu người code có A lại thích tiếp xúc với ý tưởng và con người hơn.

¹⁸ Xem sách *The Self-Directed Search and Related Holland-Career Materials* của Robert C. Reardon và Janet G. Lenz, PAR 1998, Lutz, trang 16.

¹⁹ Đã có những cuộc thử nghiệm khoa học đo độ tương quan giữa kiểu người với loại môi trường; kết quả như sau: R-I= 0.26; R-A= 0.21; R-S=0.02; R-E= 0.20; R-C=0.22; A-C=0.02; v.v..... Xem sách *Self-Directed Search Technical Manual* của J. Holland, Fritzsche, Powell, PAR 1994, Odessa, trang 4.

Chỉ xét người mang đặc trưng chính là R và có thêm một đặc trưng phụ là một trong 5 chữ cái còn lại, ta đã có 5 kiểu người khác nhau về code 2 chữ như sau đây: RI, RA, RS, RE, RC. Như vậy xếp theo 2 đặc trưng (1 chính và 1 phụ), ta có $5 \times 6 = 30$ kiểu người khác nhau. Các cuộc thử nghiệm ở nước Mỹ cho thấy có sự khác nhau khá rõ về cách phân phối các kiểu người theo giới tính và tuổi tác.

Mức phù hợp giữa kiểu người với đối tượng tác động



PHỤ LỤC III

CÁC NHÓM KĨ NĂNG THIẾT YẾU

Đánh dấu X vào ô vuông trước mỗi câu mà bạn thấy phù hợp với mình. Đừng suy nghĩ quá nhiều khi lựa chọn câu trả lời. Thời gian: tối đa 20 phút.

Mỗi ô được đánh dấu sẽ tính là 1 điểm, **không phải điểm cao là làm giỏi** mà phải lựa chọn theo đúng suy nghĩ bản thân.

A. Nhóm kĩ năng cơ bản. Là những kĩ năng cần thiết phải có để có thể phát triển các kĩ năng khác, bao gồm:

- ☐ **Kĩ năng thông hiểu và giao tiếp:** Đọc và hiểu thông tin (từ ngữ, hình ảnh, sơ đồ); viết và nói sao cho thu hút được người khác và hiểu ý mình; Lắng nghe và đặt câu hỏi để hiểu và đánh giá đúng quan điểm của người khác; Chia sẻ thông tin bằng những phương tiện và công nghệ giao tiếp khác nhau (giọng nói, email, vi tính); Sử dụng những kiến thức và kĩ năng về khoa học, kĩ thuật, logic toán học để giải thích và làm rõ ý;
- ☐ **Kĩ năng quản lí thông tin:** Định vị, thu thập, và sắp xếp thông tin bằng những hệ thống thông tin và kĩ thuật công nghệ phù hợp; Truy cập, phân tích, và áp dụng kiến thức, kĩ năng từ những ngành khác nhau (như kĩ thuật, ngôn ngữ, khoa học, kĩ thuật, toán, khoa học xã hội và nhân văn);
- ☐ **Kĩ năng sử dụng con số:** Quyết định điều gì cần được đo lường và tính toán; Dùng những phương pháp, dụng cụ, và kĩ thuật phù hợp để quan sát và ghi chép dữ liệu; Ước lượng và xác minh các tính toán;
- ☐ **Kĩ năng suy nghĩ và giải quyết vấn đề:** Đánh giá tình hình và nhận dạng vấn đề; Tìm và đánh giá những quan điểm khác nhau dựa trên sự kiện; Nhìn nhận nhiều chiều khác nhau về một vấn đề, bao gồm nhân văn, quan hệ giữa các cá nhân, kĩ thuật, khoa học, và logic; Nhận định nguyên nhân gốc rễ của vấn đề; Sáng tạo trong lúc tìm kiếm những giải pháp khác nhau; Sẵn sàng sử dụng những phương pháp khoa học, kĩ thuật, và logic để suy nghĩ, nhận biết, và chia sẻ kiến thức, giải quyết vấn đề, và ra quyết định; Đánh giá các giải pháp rồi cho lời khuyên hay quyết định; Thực hiện giải pháp; Kiểm tra để biết giải pháp có hiệu quả không, và tìm cơ hội để hoàn thiện.

B. Nhóm kĩ năng quản lí bản thân. Là những kĩ năng riêng tư, thái độ, và hành vi thúc đẩy tiềm năng phát triển của mỗi người, bao gồm:

- ☐ **Kĩ năng biểu hiện thái độ và hành vi lạc quan:** Tự tin và tự hào về bản thân; Đối xử với người khác, với các vấn đề, và tình huống bằng sự chân thành, trung thực, và đạo đức cá nhân; Nhận biết và trân trọng những cố gắng tốt đẹp của bản thân và người khác; Tự chăm sóc sức khỏe cá nhân; Biểu lộ sự thích thú, sáng kiến, và nỗ lực;

- ☐ **Trách nhiệm:** Đặt ra những mục tiêu và ưu tiên sự cân bằng giữa công việc và đời sống cá nhân; Lên kế hoạch và quản lý thời gian, tiền bạc, và những tài nguyên khác để đạt mục tiêu; Đánh giá, đo lường, và quản lý rủi ro; Sẵn sàng chịu trách nhiệm cho hành động của mình và của nhóm mình; Có trách nhiệm và đóng góp vào cộng đồng;
- ☐ **Linh hoạt:** Làm việc độc lập và trong nhóm; Thực hiện nhiều công việc hay dự án trong một lúc; Sáng tạo và tháo vát; Nhận diện và đề xuất những cách khác nhau để đạt được mục tiêu và hoàn thành công việc; Cởi mở và phản ứng tích cực khi có thay đổi; Học hỏi từ những lỗi lầm của mình và ghi nhận lời góp ý; Đối phó với tình trạng không chắc chắn;
- ☐ **Học hỏi liên tục:** Sẵn sàng học hỏi và phát triển liên tục; Đánh giá những điểm mạnh và những điểm cần phát triển của bản thân; Tự đặt ra mục tiêu học hỏi cho riêng mình; Nhận biết và sử dụng những nguồn và cơ hội học hỏi; Lên kế hoạch và đạt được mục tiêu của riêng mình;
- ☐ **Làm việc an toàn:** Cẩn thận, để ý, và làm theo những thông lệ và thủ tục an toàn cho bản thân và nhóm tại nơi làm việc.

C. Nhóm kĩ năng làm việc nhóm: Là những kĩ năng và phẩm chất cần có để đóng góp hiệu quả cho các công việc chung, bao gồm:

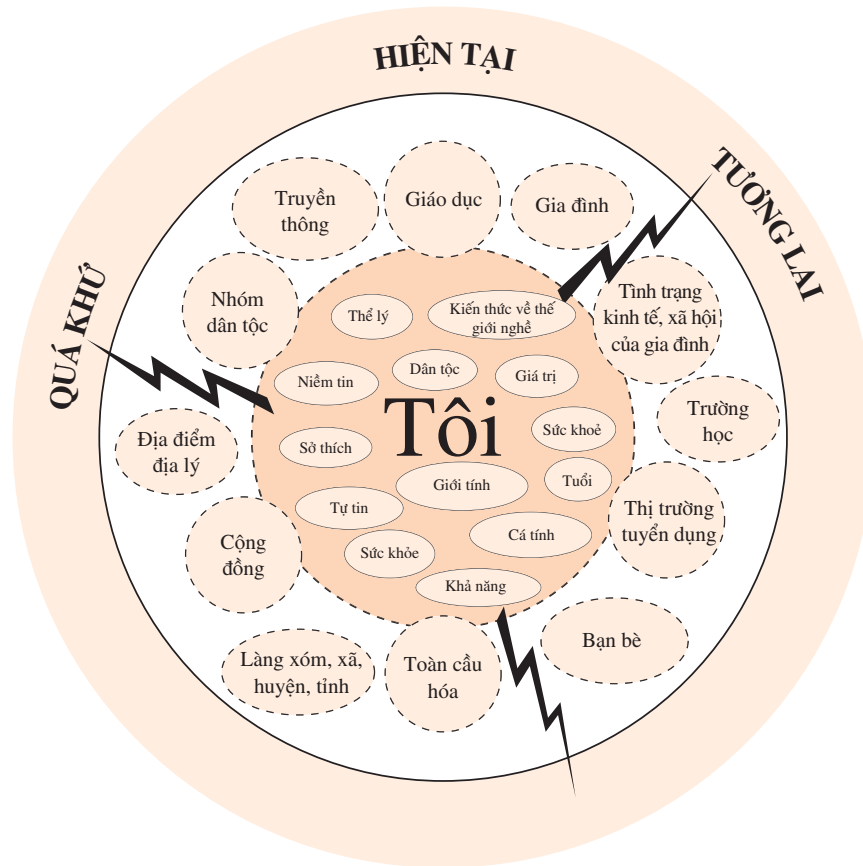
- ☐ **Kĩ năng làm việc với người khác:** Hiểu và làm việc trong chức năng nhóm; Đảm bảo mục tiêu của nhóm rõ ràng; Linh hoạt, tôn trọng, cởi mở và khuyến khích những ý tưởng, quan điểm, và đóng góp của những thành viên trong nhóm; Nhận biết và tôn trọng tính đa dạng của con người, những khác biệt và ý kiến của một cá nhân; Đón nhận và cung cấp ý kiến phản hồi trong tinh thần xây dựng và thái độ cẩn trọng; Đóng góp cho nhóm bằng cách chia sẻ thông tin và khả năng chuyên môn; Lãnh đạo hay hỗ trợ khi phù hợp, tạo động lực để nhóm đạt thành tích tốt; Hiểu rõ vai trò của mâu thuẫn trong nhóm để tìm giải pháp;
- ☐ **Kĩ năng tham gia dự án và công việc:** Lên kế hoạch, thiết kế, hay hoàn thành một dự án hay công việc từ đầu đến cuối với những mục tiêu và kết quả rõ ràng; Phát triển một kế hoạch, nhận phản hồi, kiểm tra, thay đổi, và thực hiện; Làm việc theo những tiêu chuẩn và chỉ tiết chất lượng đã được đồng ý; Chọn và sử dụng những dụng cụ và kĩ thuật phù hợp cho một dự án hay công việc; Thích nghi với sự thay đổi của các điều kiện và thông tin; Liên tục theo dõi sự thành công của dự án hay công việc và nhận định những phương pháp để hoàn thiện nó.

Bài tập 3.2. XÁC ĐỊNH KĨ NĂNG THIẾT YẾU CỦA BẢN THÂN

1. Em hãy đọc kĩ lại nội dung của các kĩ năng thiết yếu, sau đó liên hệ với bản thân để xác định xem mình đã có, đã rèn luyện được những kĩ năng thiết yếu nào? Những kĩ năng thiết yếu nào mình còn thiếu, cần phải tìm hiểu và rèn luyện để có được?
2. Ghi lại những kĩ năng thiết yếu đã xác định được và trao đổi với bạn bên cạnh xem mình nên làm thế nào để củng cố, phát triển những kĩ năng thiết yếu đã có và bổ sung, rèn luyện những kĩ năng thiết yếu còn thiếu.

PHỤ LỤC IV

Hình 4.2. MÔ HÌNH LÝ THUYẾT HỆ THỐNG



Lưu ý: Các yếu tố trong lý thuyết hệ thống đều có nguy cơ bị tác động bởi định kiến và khuôn mẫu giới trong việc chọn hướng học, chọn nghề của học sinh.

Trong quá trình trao đổi với học sinh, nếu phát hiện học sinh có định kiến và khuôn mẫu giới trong việc chọn hướng học và chọn nghề thì giáo viên nên giải thích để các em hiểu.

PHIẾU HỌC TẬP 4.2

1. Theo hiểu biết của các em, giá trị nghề nghiệp của phụ nữ và nam giới có khác nhau không? Nếu có, thì khác như thế nào?
2. Trong xã hội nước ta, nam thường bị định kiến, giới hạn khi chọn những nghề nào? Nữ giới thường bị định kiến, giới hạn khi chọn những nghề nào?
3. Nam được ưu tiên tuyển dụng trong những nghề nào? Nữ được ưu tiên tuyển dụng trong những nghề nào? Em có đồng ý không? Vì sao?
4. Em có cho rằng có những nghề hoặc công việc chỉ phù hợp với sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của phụ nữ hoặc nam giới? Vì sao?
5. Theo em, tại sao Luật lao động Việt Nam lại cấm phụ nữ không được làm trong một số nghề (hầm mỏ, làm trong môi trường nước ô nhiễm, trong môi trường có chất phóng xạ v.v.)? Vì sao?

Bài 4.2. TÌM HIỂU TRUYỀN THỐNG NGHỀ NGHIỆP GIA ĐÌNH

1. Em hãy ghi lại tên nghề nghiệp của ông, bà, cha, mẹ, anh, chị trong gia đình em. Nếu biết, em có thể kể tên nghề nghiệp của cô, dì, cậu, mợ, chú, bác mình?
2. Trong những nghề kể trên, em có định theo nghề của ai không? Vì sao?
3. Ai là người trong đại gia đình em được nhiều người ngưỡng mộ nhất (được xem là người thành công trong nghề nghiệp)? Vì sao?
4. Còn em, em ngưỡng mộ ai nhất? Vì sao? Người em ngưỡng mộ có lời khuyên gì cho em về việc làm, nghề nghiệp, và gia đình không? Em nghĩ rằng họ sẽ cho em lời khuyên gì nếu em hỏi họ?

PHỤ LỤC V

BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ CUỐI CHUYÊN ĐỀ 1

Chúng ta vừa cùng nhau trao đổi, chia sẻ về các nội dung trong chuyên đề *Tìm hiểu bản thân* và những yếu tố ảnh hưởng tới việc chọn hướng học, chọn nghề của bản thân. Trước khi chuyển sang chuyên đề tiếp theo, các em hãy làm bài tập tự đánh giá bằng cách điền nội dung thích hợp vào cột bên phải trong bảng sau:

Nhóm nghề thuộc sở thích của em trong hiện tại (có thể ghi hơn một nhóm)	
Nghề nghiệp/công việc em thích trong các nhóm này (có thể ghi hơn một công việc)	
Những kĩ năng mà công việc (hay các công việc) này đòi hỏi	
Những khả năng em hiện có phù hợp với những công việc này	
Những khả năng khác em hiện có	
Một số kĩ năng thiết yếu em hiện có	
Những kĩ năng chuyên môn mà em cần phải phát triển trong tương lai để làm được công việc trên	

CHUYÊN ĐỀ 2, LỚP 10

TÌM HIỂU NGHỀ NGHIỆP

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau khi tham gia chuyên đề 2, lớp 10, học sinh sẽ:

- Trình bày được nội dung cơ bản của một số nghề phổ biến, gần gũi hoặc nghề mà em yêu thích;
- Biết cách tìm thông tin và trình bày được những thông tin tìm kiếm được về các cơ sở đào tạo, về TTrTDLĐ của một số nghề phổ biến;
- Biết liên hệ, gắn kết những thông tin về nghề với khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân để chọn nghề phù hợp;
- Chủ động tham gia các hoạt động tìm hiểu nghề và tích cực, tự giác thực hiện các nhiệm vụ được giao để nâng cao nhận thức về nghề nghiệp.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh (nếu không có máy tính và máy chiếu): Vòng nghề nghiệp;
- Bảng, đĩa hình hoặc tranh ảnh giới thiệu một số nghề phổ biến;
- Bản mô tả nghề;
- Kế hoạch tổ chức sự kiện giao lưu tìm hiểu thông tin về nghề nghiệp; Phiếu phỏng vấn khách mời;
- Máy tính và máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH

Tùy theo điều kiện tổ chức HĐGDHN của nhà trường, giáo viên có thể tổ chức hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp theo 1 trong 2 phương án sau:

Phương án 1: Tổ chức tìm hiểu nghề theo hình thức tổ chức sự kiện: Giao lưu giữa khách mời và học sinh toàn trường, toàn khối, hay toàn lớp về nghề nghiệp.

Phương án 2: Tổ chức tìm hiểu thông tin về nghề nghiệp tại lớp. Phương án này được thực hiện khi nhà trường không có điều kiện mời khách mời đến trường để giao lưu về nghề nghiệp với học sinh.

Sau đây là gợi ý tổ chức chuyên đề 2 theo từng phương án.

1. Phương án 1: Tổ chức giao lưu tìm hiểu nghề nghiệp

1.1. Mục tiêu

Các vị khách mời chia sẻ về kinh nghiệm nghề nghiệp của mình, đặc biệt về sự tương quan giữa sở thích, khả năng, học vấn với vị trí công việc hiện tại. Từ đó, học sinh học được những kiến thức thực tế về một nghề nào đó và phương pháp phỏng vấn để hiểu sâu về một nghề.

1.2. Cách tiến hành

1.2.1. Bước 1. Chuẩn bị

a. Xác định số lượng và yêu cầu về khách mời

Khách mời: 3 – 4 người, nam và nữ (nếu tổ chức giao lưu trong toàn trường), 2 – 3 người (nếu tổ chức giao lưu toàn khối), hay 1 người (nếu tổ chức giao lưu tại lớp học).

Khách mời có thể là:

- Bạn bè của hiệu trưởng, hiệu phó, thầy/cô phụ trách hướng nghiệp hay thầy/ cô giáo chủ nhiệm trong trường;
- Nhà giáo nhân dân hoặc nhà giáo ưu tú hoặc giáo viên dạy giỏi;
- Phụ huynh học sinh;
- Cựu học sinh của trường;
- Doanh nhân trong vùng;
- Giám đốc, phó Giám đốc, chuyên viên kĩ thuật, người lao động giỏi của các công ty, đơn vị lao động, cơ sở sản xuất trong vùng;
- Nghề nhân nghề truyền thống ở địa phương.

Nên mời khách đến giao lưu với học sinh có những đặc điểm sau:

- Yêu thích và tự hào về nghề của họ;
- Có kinh nghiệm và hiểu biết sâu trong nghề;
- Có tầm nhìn sâu rộng;
- Thích chia sẻ kinh nghiệm với giới trẻ, quan tâm đến giáo dục;
- Có khả năng giao lưu, thu hút người nghe.

Nghề nghiệp của khách mời:

Khách mời có thể làm trong bất cứ lĩnh vực nào, từ dạy học, nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ, kĩ thuật, đến doanh nghiệp kinh doanh, nhà máy trong khu vực. Tốt nhất là mời được các khách mời thuộc 2 – 3 lĩnh vực ngành nghề phổ biến, cần tìm hiểu ở lớp 10 như nghề *dạy học, nghề thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, các nghề thuộc ngành y, dược, xây dựng*. Điều quan trọng là các khách mời có cá tính và quan điểm không quá trái ngược nhau, tuổi tác không quá cách xa nhau và không có định kiến giới trong nghề nghiệp, nếu không buổi giao lưu sẽ khó thành công.

Cần tránh:

- Mời những người có ý định đến để **quảng cáo** cho nơi họ đang phụ trách hoặc làm việc. Mục đích chính của cuộc giao lưu này là học sinh học hỏi, nâng cao hiểu biết về nghề nghiệp thông qua hoạt động giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm về chọn ngành nghề, hoạt động nghề nghiệp và thành công trong nghề từ khách mời. Vì vậy, nên cố gắng không để xảy ra tình trạng khách mời nói thao thao bất tuyệt về công ty, doanh nghiệp của họ. Bên cạnh đó, nên chú ý “tạo thương hiệu” cho hoạt động này của nhà trường. Nếu khách mời đến hoạt động giao lưu thấy nhà trường tổ chức

chuyên nghiệp, thấy vui, có ý nghĩa, thì họ sẽ nói lại với những người khác. Dần dần, trường sẽ nổi tiếng trong hoạt động này. Các khách mời trong tương lai sẽ dễ dàng nhận lời hơn, và cho đó là vinh dự khi được mời tham dự;

- Làm việc **gấp rút, không chuẩn bị kỹ càng**, “nước đến chân mới nhảy”. Nếu chúng ta chuẩn bị hoạt động chu đáo, tên tuổi của hoạt động và nhà trường sẽ được biết đến trong vùng. Ngược lại, làm gấp, làm cho có, không chuyên nghiệp sẽ gây ảnh hưởng không tốt cho nhà trường và sẽ làm giảm sự hỗ trợ từ bên ngoài đối với công tác hướng nghiệp trong tương lai;
- Mời quá nhiều các vị khách đến tọa đàm, giao lưu. Kết quả là không đủ thời gian cho mọi người chia sẻ, dẫn đến tình trạng, hoặc là có người bị bỏ rơi, hoặc là không có thời gian đi sâu vào vấn đề chính của buổi giao lưu.

b. Lập kế hoạch: Theo mẫu **Bản kế hoạch tổ chức sự kiện giao lưu tìm hiểu nghề nghiệp** (phụ lục VI, chuyên đề 2, lớp 10).

1.2.2. Bước 2. Tổ chức giao lưu tìm hiểu thông tin nghề

- Thực hiện các công việc trong ngày theo nội dung ở cột nội dung trong bản kế hoạch;
- Hướng dẫn học sinh vào hội trường hay phòng tổ chức sự kiện trước giờ bắt đầu 10 phút. Ổn định trật tự và phân chia vị trí ngồi cho các lớp tham gia sự kiện. Các em học sinh ngồi ở dưới, các khách mời ngồi ở bàn dài phía trên. Sẽ có một người điều hành chương trình giới thiệu khách mời, đặt câu hỏi cho các vị khách mời trả lời, và tạo cơ hội cho học sinh đặt câu hỏi tìm hiểu nghề nghiệp và cơ hội nghề nghiệp với các vị khách mời.

Nhiệm vụ của MC:

- **Mời khách** mời vào bàn;
- **Giới thiệu** từng vị khách mời với học sinh, chỉ đơn giản giới thiệu tên, vị trí công việc, và tên công ty/ cơ sở sản xuất/ trường học – nơi khách mời đang làm việc. Chú ý thời gian giới thiệu mỗi người ít hơn một phút;
- **Đặt câu hỏi:** Sử dụng bảng câu hỏi (phụ lục VI, chuyên đề 2, lớp 10) để hỏi các vị khách mời. Các trường có thể bổ sung, chỉnh sửa các câu hỏi trong bảng hỏi cho phù hợp với điều kiện thực tế. Hỏi từ trái qua phải, rồi từ phải qua trái, sau đó hỏi từ người ở giữa,... Điều quan trọng là luôn bắt đầu câu hỏi từ mỗi người khác nhau;
- MC ngừng đặt câu hỏi vào 20 – 30 phút cuối cuộc giao lưu để học sinh đặt câu hỏi với các vị khách mời. Thông thường nếu học sinh chịu khó, thích thú, thì sẽ đặt các câu hỏi hay. Nhưng cũng có những trường hợp các em học sinh không hỏi, hay đặt câu hỏi không vào trọng tâm thì lúc này MC cần đưa ra các gợi ý và khích lệ, động viên học sinh đặt câu hỏi đúng trọng tâm của chuyên đề;
- Kết thúc buổi tọa đàm, đại diện nhà trường cảm ơn khách mời và tặng quà/ hoa;
- Tiễn khách mời;
- Phát phiếu đánh giá buổi giao lưu cho học sinh. Nếu số học sinh tham dự quá đông thì chỉ cần phát phiếu cho khoảng 30% số học sinh tham dự là được.

2. Phương án 2: Tìm hiểu thông tin nghề nghiệp tại lớp học

Giới thiệu và nêu mục đích của chuyên đề 2: Tìm hiểu nghề nghiệp

2.1. Nội dung 1. Tìm hiểu thông tin nghề

2.2.1. Mục tiêu

- Học sinh biết được mục đích, ý nghĩa và nội dung tìm hiểu thông tin nghề;
- Biết cách xác định công thức nghề dựa trên những thông tin nghề tìm hiểu được.

2.2.2. Cách tiến hành

a. Hoạt động 1.1. Giới thiệu lí thuyết tìm hiểu nghề

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu sơ đồ: “Vòng nghề nghiệp” (*phụ lục VII, chuyên đề 2, lớp 10*) và nêu câu hỏi: *Em hiểu như thế nào về sơ đồ Vòng nghề nghiệp? Tìm hiểu thông tin nghề để làm gì và nó có ý nghĩa như thế nào đối với việc chọn nghề của mỗi chúng ta?*

Giáo viên có thể tổ chức cho học sinh trao đổi, thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm 4 để trả lời câu hỏi trên. Đồng thời, giáo viên gợi ý cho học sinh nhớ lại những kiến thức đã tìm hiểu trong chuyên đề 1, lớp 10 và những kiến thức về hướng nghiệp đã tìm hiểu ở lớp 9 để đưa ra ý kiến của bản thân.

Đại diện một số nhóm trình bày ý kiến thảo luận, sau đó giáo viên khái quát lại và giải thích: “Vòng nghề nghiệp” được bắt đầu từ việc nhận thức bản thân, tiếp đến là khám phá cơ hội phù hợp, rồi lập kế hoạch và xác định mục tiêu nghề nghiệp và sau cùng là đánh giá xem kế hoạch này có tốt như mình nghĩ hay không. Như vậy, sau khi tìm hiểu bản thân, mỗi người cần phải tìm hiểu các thông tin nghề nghiệp để *đối chiếu sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân với các đặc điểm, yêu cầu của một số nghề cụ thể, nhất là những nghề mà bản thân yêu thích và dự định lựa chọn. Qua tìm hiểu, thử nghiệm, đối chiếu, mỗi người sẽ tự mình thu hẹp phạm vi lựa chọn để chọn ra 1 – 2 nghề phù hợp nhất với bản thân. Có thể ví các thông tin về nghề như “*tấm gương soi*” để mỗi người soi vào đó, đối chiếu những yêu cầu, đòi hỏi của nghề với sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của chính bản thân mình, từ đó xác định được nghề phù hợp nhất với bản thân. Nhờ vậy, mỗi chúng ta sẽ phát huy được hết khả năng, sở trường của mình trong lao động nghề nghiệp tương lai, cống hiến được nhiều nhất cho xã hội và luôn có cảm giác thỏa mãn và hạnh phúc trong lao động.

b. Hoạt động 1.2. Những thông tin cần biết khi tìm hiểu nghề

Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày lại kết quả tìm hiểu nghề đã được giao bài tập ở cuối chuyên đề 1. Sau đó, giáo viên khái quát các ý trình bày của học sinh và giới thiệu những thông tin cần biết khi tìm hiểu nghề. Sự tồn tại và phát triển của xã hội phụ thuộc vào hoạt động lao động nghề nghiệp của con người. Xã hội càng phát triển, nhu cầu con người càng phát triển thì thế giới nghề nghiệp càng đa dạng, phong phú và phát triển không ngừng. Cho đến nay, chưa ai đưa ra được con số chính xác về số nghề hiện có ở nước ta và trên thế giới. Tuy nhiên, như chúng ta đã tìm hiểu ở lớp 9, mỗi nghề đều có 4 dấu hiệu cơ bản là: **1/ Đối tượng lao động; 2/ Mục đích và nội dung lao động; 3/ Công cụ lao động; 4/ Điều kiện lao động.** Bốn dấu hiệu này là căn cứ để xây dựng công thức nghề, phân loại nghề và cũng là những mục chính trong cấu trúc của bản mô tả nghề.

Bốn dấu hiệu cơ bản của nghề cũng chính là những thông tin cần biết khi tìm hiểu nghề, nó được sử dụng để lập công thức nghề và xây dựng bản mô tả nghề. Công thức nghề và bản mô tả nghề cơ sở quan trọng để phân biệt các nghề, tìm hiểu nghề cụ thể để ra quyết định chọn nghề. Sau đây là cách lập công thức nghề và xây dựng bản mô tả nghề.

Cách lập công thức nghề²⁰

Công thức của mỗi nghề được lập ra bởi 4 dấu hiệu cơ bản của nghề, đó là:

*** Dấu hiệu thứ nhất: Đối tượng lao động**

Đối tượng lao động là hệ thống những thuộc tính, những mối quan hệ qua lại của các sự vật, các hiện tượng, các quá trình mà ở cương vị lao động nhất định, con người phải vận dụng và tác động vào chúng.

Ví dụ: Đối tượng lao động của người làm nghề Y là những người bệnh, cần được khám, chữa bệnh và phục hồi sức khỏe để mau chóng trở về cuộc sống bình thường. Đối tượng của nghề thợ xây là các vật liệu xây dựng để tạo ra phần vỏ của các công trình nhà ở, nhà máy, xí nghiệp... Đối tượng lao động của người làm nghề nuôi cá là các loài cá nuôi và điều kiện sinh sống, phát triển của chúng như môi trường nước, thức ăn, điều kiện khí hậu, thời tiết... Những thuộc tính của các loài cá nuôi, của môi trường nuôi cá rất đa dạng và phức tạp, thể hiện qua: các giai đoạn phát triển của cá, tập tính sống, tập tính ăn, khả năng thích nghi của các loài cá nuôi đối với cách thức nuôi dưỡng, quản lí, chăm sóc...

Căn cứ vào đối tượng lao động, người ta chia các nghề ra thành 5 kiểu. Đó là:

- Nghề **“Người tiếp xúc với thiên nhiên”** (trồng trọt, chăn nuôi, thú y, bảo vệ rừng...). Kiểu nghề này được ký hiệu là **Nt**.
- Nghề **“Người tiếp xúc với kĩ thuật”** (thợ nề, thợ tiện, thợ nguội, lắp ráp vô tuyến, máy tính, thợ sửa chữa công cụ...). Kiểu nghề này được ký hiệu là **Nk**.
- Nghề **“Người tiếp xúc với người”** (nhân viên bán hàng, nhân viên phục vụ khách sạn, nhân viên giao dịch ngân hàng, thầy thuốc, thầy giáo, thẩm phán...). Kiểu nghề này được ký hiệu là **N2**.
- Nghề **“Người tiếp xúc với các dấu hiệu”** (chế bản vi tính, ghi tốc ký, lập trình máy tính...). Kiểu nghề này được ký hiệu là **Nd**.
- Nghề **“Người tiếp xúc với nghệ thuật”** (họa sĩ, soạn nhạc, trang trí nội thất, thợ sơn...). Kiểu nghề này được ký hiệu là **Nn**.

*** Dấu hiệu thứ hai: Mục đích và nội dung lao động**

Mục đích lao động là kết quả mà xã hội đòi hỏi, trông đợi ở người lao động. Mục đích và nội dung lao động trả lời cho câu hỏi: **“Làm được gì?”** và **“Làm như thế nào?”**.

Ví dụ: Mục đích, nội dung của nghề làm vườn là gieo trồng, chăm sóc các loại cây rau, hoa, quả để chúng sinh trưởng, phát triển thuận lợi, đem lại rau xanh, quả ngọt, hoa thơm cho con người và làm cho môi trường trở nên xanh, đẹp. Mục đích, nội dung

²⁰ Nguồn: www.tuvanhuongnghiep.vn. Bài: Công thức nghề là gì?

của nghề dạy học là cung cấp kiến thức, hình thành các kĩ năng cần thiết và học vấn cho con người, giúp cho con người hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực nhất định. Mục đích, nội dung của nghề thầy thuốc là chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho con người...

Căn cứ vào mục đích, nội dung lao động, người ta chia các nghề thành **3 dạng** sau đây:

- Nghề có mục đích, nội dung là **nhận thức đối tượng** (thanh tra chuyên môn, điều tra vụ án, kiểm tra kho hàng, kiểm kê tài sản...). Dạng nghề này được ký hiệu là **N**.
- Nghề có mục đích, nội dung là **biến đổi đối tượng** (dạy học, chữa bệnh, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thủ công nghiệp...). Dạng nghề này được ký hiệu là **B**.
- Nghề có mục đích, nội dung là **tìm tòi, phát hiện, khám phá những cái mới** (nghiên cứu khoa học, sáng tác văn học nghệ thuật, tạo giống mới, thiết kế thời trang...). Dạng nghề này được ký hiệu là **T**.

* Dấu hiệu thứ ba: Công cụ lao động

Công cụ lao động bao gồm các **thiết bị kĩ thuật, các dụng cụ gia công, các phương tiện làm tăng năng lực nhận thức của con người hoặc làm tăng sự tác động của con người đến đối tượng lao động**. Những máy móc để biến đổi năng lượng, xử lí thông tin, đo lường chất lượng sản phẩm, những công thức và quy tắc tính toán cũng được coi là công cụ lao động.

Ví dụ: Công cụ lao động của nghề dạy học là ngôn ngữ (nói, viết) và các phương tiện, đồ dùng dạy học như bảng, phấn, giấy, mực, thước, đồ dùng trực quan, dụng cụ, vật liệu thực hành, thí nghiệm, máy chiếu, máy vi tính... Công cụ lao động của nghề bác sĩ là máy nghe, máy đo huyết áp, tim mạch, máy phân tích mẫu máu, nước tiểu, máy chụp não, chụp tim, máy chạy thận nhân tạo, máy siêu âm...

Căn cứ vào công cụ lao động, người ta chia các nghề thành **4 loại** sau đây:

- Nghề với những hình thức **lao động chân tay** (bốc vác hàng hóa, vệ sinh môi trường, lắp đặt đường ống nước ngầm, giúp việc...). Loại nghề này được ký hiệu là **Lt**;
- Nghề với những **công việc bên máy** (tiện, phay, xây dựng, lái xe...). Loại nghề này được ký hiệu là **Lm1**;
- Nghề làm việc bên **máy tự động** (làm việc ở bàn điều khiển, các loại máy khâu, máy dệt, máy in hoa trên vải, tiện hoặc phay các chi tiết theo chương trình máy tính...). Loại nghề này được ký hiệu là **Lm2**;
- Nghề lao động bằng những **công cụ đặc biệt như ngôn ngữ, cử chỉ** (dạy học, làm thơ, múa hát, nghiên cứu lí luận...). Loại nghề này được ký hiệu là **Lđ**.

* Dấu hiệu thứ tư: Điều kiện lao động

Điều kiện lao động ở đây được hiểu là những đặc điểm của môi trường làm việc. Căn cứ vào điều kiện lao động, người ta chia các nghề thành 4 nhóm sau đây:

- Nghề cần phải tính đến **môi trường đạo đức, chính trị** là chủ yếu (xử án, chữa bệnh, dạy học, quản giáo tội phạm...). Nhóm nghề này được ký hiệu là **Đ**;
- Nghề được tiến hành trong **không gian sinh hoạt bình thường** (kế toán, đánh máy, trực điện thoại, lưu trữ tài liệu, thợ may...). Nhóm nghề này được ký hiệu là **Ks**;

- Nghề làm trong khoảng **không gian khoáng đạt, gần gũi với thiên nhiên** (chăn nuôi gia súc, súc vật trên đồng cỏ, trồng rừng, bảo vệ rừng, trồng hoa...). Nhóm nghề này được ký hiệu là **Kk**;
- Nghề được tiến hành trong **điều kiện đặc biệt** (du hành vũ trụ, thám hiểm đáy biển, lái máy bay thí nghiệm, xây dựng dưới nước...). Nhóm nghề này được ký hiệu là **Kđ**.

Tổ hợp các dấu hiệu **Kiểu, Dạng, Loại, Nhóm** của một nghề, ta được công thức của nghề đó.

Ví dụ:

- Công thức của nghề dạy học là: N2BLđĐ
- Công thức của nghề lái xe là: NkBLm1Kk

Lưu ý: Công thức nghề chỉ bảo đảm ở mức độ tương đối chính xác về các dấu hiệu nói trên.

Ý nghĩa của việc xác định công thức nghề: Trong thực tế, có một số nghề chung nhau công thức nghề hoặc gần giống nhau về công thức nghề. Những nghề có cùng công thức được xếp vào một loại. Nếu ai đó phù hợp với một nghề thì có khả năng sẽ phù hợp với những nghề cùng loại. Biết cách xác định công thức nghề hoặc biết được công thức nghề của các nghề, khi chọn nghề, ta sẽ **chọn những nghề chung nhau hoặc gần giống nhau về công thức nghề**. Không chọn những nghề có sự khác biệt quá lớn về công thức nghề.

Xây dựng bản mô tả nghề

4 dấu hiệu cơ bản của nghề được chi tiết hóa, cụ thể hóa tạo nên “bức tranh” của từng nghề hay còn gọi là “*bản họa đồ nghề hay bản mô tả nghề*”.

Về lí thuyết, mỗi nghề đều cần phải có “bản mô tả nghề” để giúp cho những người cần tìm hiểu nghề có được những thông tin cần thiết về nghề đó. Hiểu rõ nội dung của “bản mô tả nghề” sẽ giúp cho mỗi người có căn cứ để đối chiếu những yêu cầu, đòi hỏi của nghề với bản thân, từ đó đưa ra quyết định chọn nghề phù hợp.

Giáo viên giới thiệu cấu trúc của “**bản mô tả nghề**” (*phụ lục VII, chuyên đề 2, lớp 10*). Sau đó, nêu 1 - 2 ví dụ để giúp học sinh hiểu rõ nội dung, ý nghĩa của từng mục trong bản mô tả nghề. Giáo viên lấy ví dụ về “bản mô tả” một nghề nào đó, chẳng hạn lấy ví dụ Nghề dạy học ở chủ đề 3 trong sách giáo viên HGDH lớp 10 để giúp học sinh hiểu rõ từng mục trong bản mô tả nghề.

c. Hoạt động 1.3. Thực hành nhóm

Giáo viên nêu nhiệm vụ làm việc nhóm: Mỗi nhóm hãy dựa vào hiểu biết về công thức nghề và cấu trúc “bản mô tả nghề” để thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Xác định và ghi tên nghề đã chọn để tìm hiểu thông tin nghề. Nên chọn nghề mà em yêu thích hoặc nghề phổ biến mà em có nhiều thông tin về nghề đó.
- Xây dựng công thức nghề cho nghề đã chọn và thử xác định công thức nghề cho 2 - 3 nghề gần giống với nghề mà em đã chọn.
- Xây dựng một “bản mô tả nghề” cho nghề mà em đã chọn.

Giáo viên cũng gợi ý cho học sinh sử dụng các thông tin nghề mà các em đã thu thập được khi thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu nghề được giao ở cuối chuyên đề 1 lớp 10. Sau đó, giáo viên chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 3 – 4 em có cùng sở thích và cùng tìm hiểu về 1 nghề vào một nhóm. Thời gian làm việc nhóm là 30 phút. Sau phần làm việc nhóm, giáo viên tổ chức cho học sinh trình bày “bản mô tả nghề” sao cho vừa nhẹ nhàng, thoải mái nhưng đạt hiệu quả. Nếu có điều kiện, nên sử dụng phương pháp đóng vai để học sinh trình bày kết quả tìm hiểu thông tin nghề. Khuyến khích, tạo điều kiện cho học sinh đặt câu hỏi phản biện.

d. Hoạt động 1.4. Hướng dẫn thu thập thông tin nghề và tìm hiểu nghề

Giáo viên nêu vấn đề: ***Trong thực tế, có thể sử dụng những cách nào để thu thập thông tin nghề đối với các nghề ta định chọn?*** Giáo viên động viên, khuyến khích các cá nhân đưa ra các cách tìm hiểu thông tin nghề.

Sau đó, giáo viên khái quát lại, bổ sung và giới thiệu với học sinh **3 phương pháp** tìm hiểu thông tin nghề.

Phương pháp 1: Phỏng vấn trực tiếp

Trước hết, các em nên tìm hiểu nghề nghiệp của những người gần mình nhất, sau đó tìm hiểu rộng ra bên ngoài. Các em có thể dựa vào những nội dung trong “bản mô tả nghề” để đặt câu hỏi phỏng vấn hoặc tham khảo các câu hỏi trong **phiếu phỏng vấn thông tin nghề nghiệp** (phụ lục VII, chuyên đề 2 lớp 10).

Giáo viên phát cho mỗi nhóm 1 **phiếu phỏng vấn thông tin nghề nghiệp** dành khoảng 5 phút cho các em đọc nội dung trong phiếu. Sau đó, tổ chức làm thử một cuộc phỏng vấn tại lớp, trong đó 1 học sinh đóng vai là người đi phỏng vấn, giáo viên đóng vai là người được phỏng vấn. Nội dung phỏng vấn xoay quanh nghề dạy học mà giáo viên đang đảm nhận. Qua cuộc phỏng vấn, không những học sinh hiểu rõ hơn cách phỏng vấn mà còn hiểu rõ hơn về các công việc mà thầy/ cô giáo đang đảm nhận. Thầy/ cô cũng có cơ hội chia sẻ với học sinh về những suy nghĩ, vất vả, trăn trở của bản thân về nghề dạy học.

Lưu ý học sinh: Khi trò chuyện tìm hiểu nghề, các em hãy xem đó như là câu chuyện để mình lắng nghe và học hỏi. Các em hãy nghe chăm chú để hiểu được cảm xúc, ước mơ, khát vọng và cả nỗi thất vọng của người đang nói chuyện, từ đó hiểu thêm trong thực tế nghề đó như thế nào. Trong quá trình thu thập thông tin nghề nghiệp, các em hãy tập thói quen suy ngẫm và có sự so sánh giữa câu chuyện nghề nghiệp mình đang nghe với nhận thức của bản thân để đánh giá xem công việc đó có phù hợp với sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của mình hay không. Qua đó, các em đưa ra quyết định chọn nghề phù hợp với bản thân mình nhất.

Phương pháp 2: Tham gia học nghề phổ thông

Ở cấp THPT hiện nay, mỗi học sinh lớp 11 được học tự chọn bắt buộc 1 nghề trong 105 tiết. Lên lớp 11, các em có thể xin đăng kí tham gia học 1 nghề phổ thông mà em yêu thích như nghề điện, nghề tin học, nghề làm vườn... tại trường hoặc TTKTTHN, TTGD TXHN đóng trên địa bàn thành phố, huyện. Qua học nghề, không những các em có được những hiểu biết cần thiết về các nội dung trong “bản mô tả nghề” mà còn có điều kiện thử sức mình trong hoạt động nghề cụ thể. Từ đó, em có thể đối chiếu, đánh giá *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân có phù hợp với nghề hay không?

Phương pháp 3: Tìm thông tin về nghề qua mạng

Phương pháp này được sử dụng trong trường hợp học sinh không phỏng vấn được người lao động trong nghề mà em muốn tìm hiểu. Các em có thể vào trang google, gõ tên nghề em muốn tìm hiểu, và tìm đọc các thông tin liên quan đến nghề đó. Hiện nay, các em cũng có thể truy cập vào cổng thông tin <http://www.emchonnghegi.edu.vn> để tìm các thông tin về nghề nghiệp. Tuy nhiên, em phải cẩn thận khi dùng phương pháp này, vì không phải thông tin nào trên mạng cũng chính xác và có thể tin được. Do đó, phương pháp này chỉ nên dùng để tham khảo mà thôi.

Kết luận nội dung 1: Tìm hiểu các thông tin về nghề để có những hiểu biết cần thiết về nghề, từ đó tìm ra sự tương quan chung giữa bản thân với yêu cầu, đòi hỏi của nghề để lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Tìm hiểu thông tin nghề qua nhiều kênh thông tin khác nhau: Phỏng vấn người lao động; Tham gia học nghề phổ thông; và tìm Thông tin qua các mạng Internet.

Nội dung cần ghi nhớ: Các phương pháp tìm hiểu nghề

2.3. Nội dung 2. Xem một số trích đoạn video clip về nghề (nếu có)**2.3.1. Mục tiêu**

Học sinh hiểu rõ hơn về hoạt động nghề nghiệp của một nghề nào đó (và triển vọng, cơ sở đào tạo nghề).

2.3.2. Cách tiến hành

Giáo viên nêu nhiệm vụ xem băng, đĩa hình của học sinh rồi giới thiệu và chiếu trích đoạn video clip về nghề. Giáo viên yêu cầu học sinh viết lại những thu hoạch của bản thân qua xem trích đoạn video clip, đó là học sinh mô tả lại nghề theo **4 dấu hiệu cơ bản** của nghề mà các em đã được tìm hiểu ở nội dung trước.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm bài tập đánh giá (*phụ lục VIII, chuyên đề 2, lớp 10*) sau khi tham gia các hoạt động của chuyên đề 2, lớp 10.

V. PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 2, LỚP 10

Phụ lục VI. Bản kế hoạch tổ chức sự kiện giao lưu tìm hiểu nghề nghiệp; Câu hỏi mẫu dành cho phỏng vấn thông tin khách mời;

Phụ lục VII. Sơ đồ Vòng nghề nghiệp; Cấu trúc bản mô tả nghề; Phiếu phỏng vấn thông tin nghề nghiệp;

Phụ lục VIII. Bài tập đánh giá cuối chuyên đề 2.

PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 2, LỚP 10

PHỤ LỤC VI

BẢN KẾ HOẠCH TỔ CHỨC SỰ KIỆN GIAO LƯU TÌM HIỂU NGHỀ NGHIỆP

1. Trước khi tổ chức sự kiện 8 – 10 tuần

Xác định thời gian (ngày, giờ tổ chức hoạt động), số lượng học sinh tham gia, địa điểm tổ chức sự kiện (hội trường hay lớp học).

2. Trước khi tổ chức sự kiện 4 – 8 tuần

Tìm khách mời có những đặc điểm phù hợp với yêu cầu đã nêu ở phương án 1: Tổ chức giao lưu tìm hiểu nghề. Sau đó gửi thư, email, hay gọi điện thoại mời. Hãy đợi câu trả lời của khách đã mời trước khi liên lạc với khách mời khác. Khi khách biết tên người đã nhận lời, họ sẽ dễ dàng nhận lời hay từ chối hơn.

Luôn mời hơn một người so với số khách mời cần thiết để phòng trường hợp có người vì lí do nào đó hủy không tham gia vào giờ cuối cùng.

Chú ý: không bao giờ mời nhiều hơn 4 khách mời, lí do là khi có nhiều hơn 4 người, sẽ không đủ thời gian cho tất cả các khách mời chia sẻ. Số khách mời tốt nhất là 3, nhưng nên mời 4 để phòng khi có người không đến được. Nếu cả 4 người đều đến thì phải khéo léo trong cách dẫn chương trình để cả bốn người đều có cơ hội chia sẻ. Bước này cần làm trước 4 – 8 tuần, tùy theo điều kiện, cách làm việc của mỗi vùng, mỗi công ty, và mỗi cá nhân. Ví dụ, có người không thể lên lịch trước hai tuần. Có người lại đòi hỏi được mời trước hai tháng hoặc hơn. Hơn nữa, mời sớm để khách mời còn có thời gian chuẩn bị kĩ lưỡng cho buổi giao lưu.

3. Trước khi tổ chức sự kiện 2 – 4 tuần

Chọn một giáo viên vào vai trò MC (dẫn chương trình). Người tổ chức sự kiện **không nên** giữ vai trò MC vì khó có thể chu toàn cả hai vai trò cùng lúc. Vai trò MC rất quan trọng, gần như là quan trọng nhất để tổ chức thảo luận toàn trường hay toàn khối thành công. MC có những nhiệm vụ sau:

- Liên lạc những khách mời đã nhận lời, đặt cuộc hẹn và yêu cầu họ dành cho khoảng 30 – 40 phút để phỏng vấn trước. Thực hiện công việc này trước khi sự kiện xảy ra 2 tuần;
- Phỏng vấn tất cả khách mời sẽ đến. MC có thể sử dụng phiếu câu hỏi ở *phụ lục VI, chuyên đề 2, lớp 10* để phỏng vấn. Trong đó cần tập trung làm rõ một số vấn đề sau:
 - + Sở thích và khả năng của khách mời là gì?, và Sự phù hợp giữa sở thích, khả năng với công việc hiện tại của họ ở mức nào?
 - + Cuộc hành trình phát triển nghề nghiệp từ lúc rời ghế nhà trường của khách mời đến hiện tại như thế nào?. Những điểm nhấn nào trong câu chuyện nghề nghiệp của họ mà MC nghĩ rằng sẽ giúp cho các học sinh học hỏi nhiều?

- + Lời khuyên của khách mời đối với các em học sinh cấp THPT trong việc chọn ngành học, chọn nghề?
- Ghi lại tất cả nội dung của cuộc phỏng vấn, tìm ra đề tài xuyên suốt qua các câu chuyện của các vị khách mời, tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa họ. Dựa vào đó, MC chuẩn bị các câu hỏi phỏng vấn cho ngày tổ chức sự kiện giao lưu tìm hiểu nghề nghiệp.
- Gửi các câu hỏi phỏng vấn cho các khách mời bằng email/ gửi thư hoặc đưa trực tiếp để họ biết trước nội dung. Hỏi họ có muốn thêm bớt gì không để bổ sung trước.

Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, phần nói chuyện riêng, phỏng vấn các khách mời trước khi sự kiện xảy ra là **mẫu chốt** của việc tạo nên thành công của hoạt động giao lưu, tọa đàm toàn trường/ khối/ lớp, vì:

- Cuộc phỏng vấn/ trò chuyện này giúp MC tạo lập mối quan hệ thân thiết với khách mời, điều này giúp họ chia sẻ tự nhiên khi chính thức tham dự hoạt động.
- Cuộc phỏng vấn/ trò chuyện này giúp MC hiểu rõ câu chuyện của mỗi khách mời, nhờ đó đặt câu hỏi khéo léo vào trọng tâm vấn đề, làm nổi lên những ý tưởng mà MC muốn các học sinh nghe được, và giảm bớt thời gian chết trong buổi giao lưu toàn trường/ khối/ lớp.

4. Trước khi tổ chức sự kiện 1 – 2 tuần

Phổ biến mục đích, yêu cầu, nội dung chủ yếu của hoạt động giao lưu đến các thầy cô và học sinh sẽ tham gia chương trình.

Kiểm tra sự chuẩn bị cho buổi giao lưu như địa điểm, kĩ thuật âm thanh, ánh sáng...

Người tổ chức cùng với MC xác định lại với khách mời về sự tham gia của họ vào chương trình. Xác nhận rằng khách mời đã có số điện thoại liên lạc của người tổ chức và MC, biết địa chỉ và cách đến trường. Luôn mời khách đến sớm hơn 15 phút trước khi bắt đầu sự kiện. Nhấn mạnh với họ giờ đến, và giờ sự kiện xảy ra để họ không đến trễ.

Chuẩn bị danh sách tất cả các vị khách mời.

Chuẩn bị quà cho khách mời (nếu có).

5. Trong ngày diễn ra sự kiện

Kiểm tra các chuẩn bị về hội trường giao lưu và kĩ thuật như âm thanh, ánh sáng;

Chuẩn bị kĩ càng các tờ hướng dẫn từ cổng trường vào đến nơi sự kiện xảy ra, để mọi người biết về sự kiện;

Để bản tên của các vị khách mời lên bàn;

Thông báo cho bảo vệ biết về các vị khách mời để họ tiếp đón lịch sự;

Giao nhiệm vụ tiếp đón khách mời cho một giáo viên để khách mời không bị lạc. Nếu có điều kiện thì MC và khách mời gặp nhau ở một phòng tiếp khách, uống trà và trò

chuyện cho đến khi sự kiện bắt đầu hãy mời khách vào hội trường hay phòng nơi sự kiện xảy ra.

6. Sau sự kiện 1 ngày

Nhắn tin và viết email / gửi thư cảm ơn khách mời;

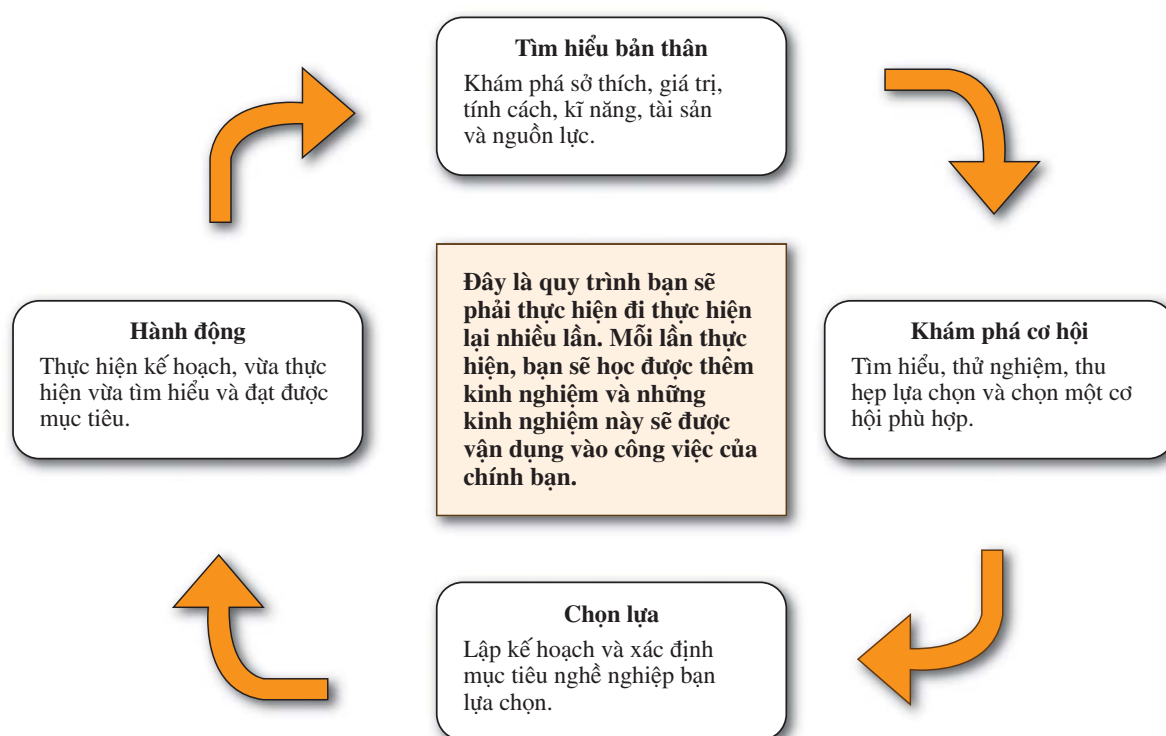
Gửi email bản đánh giá để khách mời góp ý.

Câu hỏi mẫu dành cho phỏng vấn thông tin khách mời

1. Anh/ chị làm việc ở vị trí công tác hiện tại bao lâu rồi ạ?
2. Anh/ chị có thích công việc này không? Thích phần nào nhất của công việc?
3. Ngày xưa, lúc anh/ chị còn học THPT, anh/ chị giỏi nhất môn gì ạ?
4. Ngày xưa lúc anh/ chị còn học THPT, anh/ chị thích nhất môn gì?
5. Ngày xưa lúc anh/ chị còn học THPT, ngoài việc học ra, anh/ chị thích làm gì nhất? Làm gì giỏi nhất?
6. Lúc chị còn học THPT, anh/ chị có nghĩ mình sẽ làm công việc hiện tại hay không? Anh/ chị có thể vui lòng cho biết lí do vì sao không ạ?
7. Nếu được quay trở lại thời THPT, sự lựa chọn nghề của anh/ chị có khác với nghề mà anh/ chị đã lựa chọn và đang làm hiện giờ hay không? Anh/ chị có thể vui lòng cho biết lí do vì sao không ạ?
8. Khả năng nào giúp anh/ chị làm việc tốt công việc hiện tại? Anh/ chị có thấy sự liên hệ nào giữa khả năng làm việc hiện tại với những điểm mạnh mà anh/ chị có từ THPT không? Động lực nào giúp anh/ chị tiếp tục làm việc tốt công việc hiện nay? Nếu không phải lo lắng về kiếm sống, anh/ chị có tiếp tục làm công việc này nữa không?
9. Để từ một học sinh THPT đến vị trí hiện nay của mình, anh/ chị đã phải làm như thế nào? Anh/ chị có thể vui lòng nói rõ hơn về các bước mà anh/ chị đã làm để có được vị trí như hiện nay không ạ?
10. Anh/ Chị có lời khuyên gì cho các em học sinh THPT về việc chọn nghề?

PHỤ LỤC VII

SƠ ĐỒ VÒNG NGHỀ NGHIỆP



CẤU TRÚC BẢN MÔ TẢ NGHỀ

1. Tên nghề và những chuyên môn thường gặp trong nghề. Ví dụ, trong nghề dạy học có nghề dạy học có giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên toán cấp THCS, giáo viên toán cấp THPT, giảng viên Đại học...

Trong phần này có thể nêu lịch sử phát triển của nghề.

2. **Đặc điểm lao động và yêu cầu của nghề**, bao gồm:

2.1. Đối tượng lao động: Quá trình lao động nghề tác động vào ai? Hay tác động vào cái gì?

2.2. Nội dung lao động: Làm gì? Làm bằng cách nào? Làm ra những sản phẩm nào? Những phần việc lao động chân tay và lao động trí óc ở nơi sản xuất.

2.3. Công cụ, phương tiện lao động: Làm lao động bằng gì?

2.4. Những yêu cầu của nghề đối với người lao động: Chỉ ra các yêu cầu về phẩm chất đạo đức, khả năng (năng lực), sức khỏe, đặc điểm tâm lí, sinh lí để đảm bảo cho việc học nghề và hành nghề của người lao động. Nếu nghề gắn với lao động chân tay thì có mô tả thêm động tác, thao tác, sự phối hợp các động tác.

2.5. Điều kiện lao động và những chống chỉ định y học: Chỉ ra môi trường, các điều kiện làm việc và những đặc điểm tâm lí, sinh lí không bảo đảm cho việc học nghề, hành nghề và những bệnh tật mà nghề không chấp nhận. Ví dụ, những người làm nghề lái xe không được mắc tật mù màu.

3. Vấn đề tuyển sinh của nghề

3.1. Những nơi đào tạo nghề: Hệ thống các trường đào tạo nghề, từ đào tạo nghề trình độ sơ cấp đến đại học, sau đại học

3.2. Điều kiện tuyển sinh

3.3. Triển vọng của nghề

Ngoài những nội dung trên, trong nhiều “bản mô tả nghề”, người ta còn đưa thêm 2 mục sau:

- **Những nơi có thể làm việc sau khi học nghề;**
- **Những điều kiện bảo đảm cho người lao động làm việc trong nghề:** Người lao động được hưởng các chế độ về tiền lương, bảo hiểm, bồi dưỡng làm ca kíp, làm ngoài giờ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao tay nghề... như thế nào?

PHIẾU PHÒNG VẤN TÌM HIỂU THÔNG TIN VỀ NGHỀ NGHIỆP

1. Công việc của anh/ chị là gì ạ?
2. Thường ngày anh/ chị làm những việc gì?
3. Anh/chị thích nhất phần việc nào trong ngày?
4. Ngày xưa khi anh/chị còn trẻ, anh/ chị có nghĩ mình sẽ thích công việc này không?
5. Anh/ chị ghét nhất phần việc nào trong ngày?
6. Những kĩ năng nào cần thiết nhất để hoàn thành tốt công việc này?
7. Nếu em muốn làm công việc giống như anh/ chị, em cần phải học ngành nghề gì?
8. Nếu em muốn làm công việc giống như anh/ chị, em cần phải có những khả năng gì?
9. Anh/ chị có thể kể cho em nghe hồi xưa anh/chị bắt đầu vào nghề này như thế nào không?
10. Nếu em muốn tự nuôi mình, thì em có nên làm công việc giống như công việc của anh/ chị không?
11. Anh/ chị có lời khuyên nào cho em nếu em muốn theo nghề này?

PHỤ LỤC VIII

BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ CUỐI CHUYÊN ĐỀ 2

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng

1. Mục đích chủ yếu của việc tìm hiểu thông tin về nghề nghiệp là gì?

- a. Để biết được nghề đó có nhu cầu về nhân lực như thế nào;
- b. Để biết được thị trường lao động của nghề;
- c. Để có cơ sở đối chiếu giữa yêu cầu của nghề với sở thích, khả năng của bản thân;
- d. Cả a, b và c.

2. Nghề có những dấu hiệu cơ bản nào?

- a. Đối tượng lao động và mục đích lao động;
- b. Công cụ lao động;
- c. Điều kiện lao động;
- d. Cả a, b và c.

3. Dựa vào những dấu hiệu cơ bản của nghề, người ta làm gì?

- a. Xây dựng công thức nghề;
- b. Xây dựng bản mô tả nghề;
- c. Tìm hiểu thông tin nghề;
- d. Phân loại nghề;
- e. Cả a, b, c và d.

4. Khi chọn nghề, em nên chọn những nghề:

- a. Có cùng công thức nghề hoặc công thức nghề gần giống nhau;
- b. Có công thức nghề khác nhau;
- c. Có công thức nghề càng khác nhau càng tốt;
- d. Cả b và c.

5. Trong các phương pháp tìm hiểu thông tin nghề, phương pháp nào đối với em là dễ áp dụng nhất?

- a. Phỏng vấn người lao động trong nghề ở gia đình em;
- b. Phỏng vấn những người lao động trong nghề mà em mới quen biết;
- c. Tra cứu trên mạng internet;
- d. Học nghề phổ thông.

6. Ở trường/ lớp em, mọi người đã tìm hiểu thông tin nghề bằng phương pháp nào nhiều nhất?

- a. Phỏng vấn người lao động;
- b. Tọa đàm, giao lưu với người lao động;
- c. Đọc báo chí;

- d. Tra cứu trên mạng Internet;
- e. Hỏi thầy/ cô giáo;
- f. Phương pháp khác.....

7. Em hãy xác định một nghề mà em cho là phù hợp với em. Sau đó, xây dựng công thức nghề cho nghề đó và tìm hiểu các thông tin cần thiết để mô tả nghề đó theo các mục sau:

- + Đối tượng lao động của nghề;
- + Công cụ lao động;
- + Mục đích và nội dung lao động của nghề;
- + Điều kiện cần thiết để tham gia nghề.

CHUYÊN ĐỀ 3, LỚP 10

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau khi tham gia chuyên đề 3, lớp 10, học sinh sẽ:

- Chia sẻ, trao đổi được với người xung quanh về mục tiêu nghề nghiệp của bản thân và tương quan giữa bản thân, mục tiêu nghề nghiệp, con đường học hành;
- Biết tìm hiểu nghề nghiệp qua tham quan thực tế CSSX, tham gia HĐNK và HDPVCD;
- Lập được bản KHNN;
- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ được giao để XDKHNN cho bản thân.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- **Tranh** (nếu không có máy tính và máy chiếu): Mô hình chìa khóa XDKHNN;
- Mẫu Bản KHNN;
- Máy tính và máy chiếu (nếu có)

III. TIẾN TRÌNH

Giáo viên giới thiệu mục tiêu của chuyên đề 3. Khi giới thiệu mục tiêu của chuyên đề 3, giáo viên chú ý liên kết với những kiến thức học sinh đã thu nhận được ở chuyên đề 1 và chuyên đề 2, lớp 10.

1. Nội dung 1. Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp tương lai

1.1. Mục tiêu

- Học sinh đề xuất được dự định nghề nghiệp tương lai;
- Lập được bản KHNN phù hợp với nhận thức bản thân, hoàn cảnh gia đình và nhu cầu của TTrTDLD.

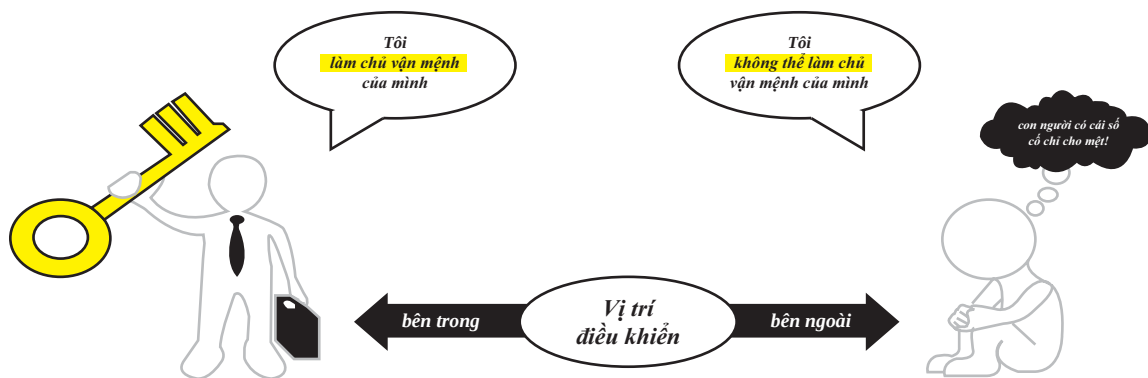
1.2. Cách tiến hành

1.2.1 Hoạt động 1.1. Giới thiệu lí thuyết vị trí điều khiển (*locus of control*)

Ở lớp 9, học sinh đã được biết đến "lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch". Giáo viên có thể giới thiệu sơ lược hoặc yêu cầu học sinh nhắc lại nội dung cơ bản của lí thuyết này (*phụ lục IX, chuyên đề 3, lớp 10*)²¹ trước khi giới thiệu "lí thuyết vị trí điều khiển".

²¹ Nếu năm học trước học sinh chưa được giới thiệu về "lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch" thì ở mục này, giáo viên cần giới thiệu chi tiết về lí thuyết này cho học sinh.

Giáo viên giới thiệu “lí thuyết vị trí điều khiển”: Trong hướng nghiệp, “lí thuyết vị trí điều khiển” đóng vai trò rất quan trọng, nó liên quan chặt chẽ với “lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch”. “Lí thuyết vị trí điều khiển” cho rằng, cùng một sự việc xảy ra, nhưng với người này, sự việc ấy sẽ là động lực để họ tiếp tục tiến lên phía trước, nhưng với người khác, với cùng sự việc ấy thì sẽ là lí do để họ bỏ cuộc. Kết quả là, với người có động lực khi sự việc ngẫu nhiên ấy xảy ra họ sẽ có cái nhìn tích cực và sẽ dễ dẫn đến những may mắn trong cuộc đời, nhưng với người bỏ cuộc khi sự việc ấy ngẫu nhiên ấy xảy ra thì họ sẽ có cái nhìn tiêu cực và dễ dẫn đến kết quả không may mắn. Tương tự như “lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch”, “lí thuyết vị trí điều khiển cho rằng”, trong cuộc đời không có sự ngẫu nhiên hay tình cờ hoàn toàn, mà sự ngẫu nhiên hay tình cờ chỉ đến khi con người tạo điều kiện hay chủ động làm cho sự ngẫu nhiên hay tình cờ ấy xảy ra mà thôi.



Giáo viên trình chiếu tranh trên và nêu tiếp, trong hướng nghiệp, “lí thuyết vị trí điều khiển” cho rằng, **chúng ta không điều khiển được những gì từ bên ngoài xảy ra với chúng ta, nhưng chúng ta hoàn toàn có thể điều khiển được cách chúng ta sẽ phản ứng đối với sự việc đó ra sao (phản ứng tích cực hay phản ứng tiêu cực).** Nói cách khác, chúng ta không điều khiển được ngoại cảnh hay những yếu tố khách quan, nhưng chúng ta có 100% khả năng điều khiển được nội tâm mình. **Đừng để cho người khác hay yếu tố khách quan làm chủ vận mệnh của mình.**

Để giúp học sinh hiểu rõ hơn về “lí thuyết vị trí điều khiển”, giáo viên nêu ví dụ minh họa sau hoặc nêu ví dụ phù hợp khác:

Ví dụ: Nga đã rời khỏi nhà được một quãng đường khá dài để đi học thì đột nhiên trời đổ mưa. Đây là yếu tố khách quan mà bản thân Nga không thể điều khiển được. Trong trường hợp này, Nga chỉ có thể điều khiển được nội tâm mình và cách mình phản ứng trước việc trời đổ mưa bất chợt theo 2 cách trái ngược nhau: 1/ Nga cầu nài, nhăn nhó, khó chịu và tự trách mình không mang theo áo mưa; 2/ Nga vui vẻ nghĩ: “Chà, lâu rồi mình chưa được tắm mưa. Không biết các bạn khác có ướt không? Mưa kiểu này làm mình nhớ hồi còn nhỏ đi tắm mưa cùng các bạn trong xóm ghê”. Dù nghĩ cách nào thì kết quả là Nga cũng sẽ bị ướt do trời mưa, nhưng tâm trạng của cách nghĩ đầu làm Nga khó chịu, bức dọc hết cả ngày hôm ấy (hình a), dẫn đến biết bao điều không hay xảy ra. Còn tâm trạng của cách nghĩ hai sẽ giúp Nga vui vẻ, thoải mái (hình b), và có thể thực hiện tốt công việc học tập trong ngày.



Hình a



Hình b

Ngoài ví dụ trên, giáo viên có thể lấy các ví dụ minh họa khác để giúp học sinh hiểu rõ hơn về lý thuyết vị trí điều khiển. Câu chuyện của Nick Vuicijic (người Australia) hoặc câu chuyện về nhà dịch giả Nguyễn Bích Lan (tải từ mạng Internet) là những ví dụ rất điển hình cho “lý thuyết vị trí điều khiển”.

Tóm lại: Phát triển nghề nghiệp là một cuộc hành trình lâu dài với nhiều điều không mong đợi xảy ra với mỗi người. Cách phản ứng “tích cực” của mỗi người trước những điều mong đợi và không mong đợi sẽ giúp họ tạo ra những may mắn, những ngẫu nhiên, những tình cờ tốt đẹp cho cuộc hành trình này.

Giáo viên đọc câu chuyện **Bỏ chữ theo nghề**²² (phụ lục IX, chuyên đề 3, lớp 10), sau đó tổ chức cho học sinh **hoạt động nhóm để trao đổi, chia sẻ về nhân vật Lanh trong câu chuyện theo các câu hỏi trong phiếu học tập 1.1** (phụ lục IX, chuyên đề 3, lớp 10).

Sau phần thảo luận và trình bày kết quả thảo luận của học sinh, giáo viên chốt lại một số điểm như sau:

- Ở một đất nước trọng “thầy” hơn “thợ” như nước ta, việc anh Lanh nghỉ học giữa chừng từ lớp 11 để đi làm quả là liều lĩnh. Nhưng ở anh có những điểm rất hay dẫn đến sự thành công trong nghề nghiệp của anh, đó là: **1/** Anh chịu khó tìm kiếm, và khi đã tìm thấy điều mình thích, thì sẵn sàng bỏ sức lực, thời gian để kiên trì theo đuổi đến cùng; **2/** Anh có những đức tính phù hợp với nghề, quyết tâm theo nghề và may mắn gặp được một nghệ nhân dạy nghề đánh giá cao sự quyết tâm của anh. Nhờ đó, anh được truyền nghề bởi một người thầy tận tâm; **3/** Khi ra nghề, anh làm việc có trách nhiệm và có đạo đức nghề nghiệp, nhờ vậy được khách hàng biết đến, quý mến, tín nhiệm và giới thiệu với những khách hàng khác. **Những điểm trên cho thấy Lanh may mắn vì anh đã tạo ra điều may mắn ấy.**
- Câu chuyện này không phải để khuyến khích các em bỏ học giữa chừng để theo nghề mà để cho các em hiểu rằng, **mỗi người có một con đường riêng**. Không phải cứ tốt nghiệp đại học mới là tốt và cũng không hẳn rằng thi trượt đại học, học nghề là xấu. Trong bản báo cáo năm 2012 của Trung tâm dự báo nhân lực TPHCM đã cho thấy, hiện nay ở nước ta đang thừa cử nhân đại học. Trong khi đó, có đến 50%

²² Nguồn: <http://tuoitre.vn/Nhip-song-tre/501775/Bo-chu-theo-nghe.html>

nhu cầu thợ lành nghề của các ngành kĩ thuật vẫn chưa được đáp ứng. Vì vậy, khi lên KHNN của bản thân, em hãy tự hỏi **“Con đường nào, nghề nghiệp nào phù hợp với mình nhất?”** Chứ không phải là, “con đường nào, nghề nghiệp nào đang được nhiều người theo đuổi nhất?”. Sau đó, hãy cố gắng để tạo ra sự may mắn, sự tình cờ tốt đẹp và luôn có những phản ứng tích cực trên con đường thực hiện ước mơ nghề nghiệp của mình, dù đó là điều mình mong đợi hay không mong đợi.

1.2.2. Hoạt động 1.2. Áp dụng

Giáo viên tổ chức cho học sinh áp dụng “lí thuyết vị trí điều khiển” để thực hiện một số nhiệm vụ trong **phiếu học tập 1.2** (phụ lục IX, chuyên đề 3, lớp 10).

Học sinh có khoảng 10 phút suy nghĩ và ghi lại một số ý chính theo yêu cầu của phiếu bài tập. Sau đó, giáo viên hỏi xem trong lớp có em nào muốn chia sẻ câu chuyện của mình và cách thức áp dụng “lí thuyết vị trí điều khiển” vào hoạt động tự hướng nghiệp của bản thân. Giáo viên mời một vài học sinh chia sẻ kết quả bài tập trước lớp.

1.2.3. Hoạt động 1.3. Lập bản KHNN

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu **“mô hình chìa khóa XDKHNN”** (phụ lục IX, chuyên đề 3, lớp 10) và nêu: Ở chuyên đề 1, chúng ta đã biết, để xây dựng một KHNN tương lai, mỗi người cần phải trả lời được 3 câu hỏi: **1/ Em là ai? 2/ Em đang đi về đâu? 3/ Làm cách nào để em đi đến nơi em muốn?**

Học sinh trả lời câu hỏi **“Em là ai?”** ở phía bên trái chìa khóa bằng cách tìm hiểu bản thân để hiểu rõ bản thân trong hai lĩnh vực sở thích nghề nghiệp và khả năng. Bên cạnh đó, mỗi em phải hiểu rõ hoàn cảnh kinh tế gia đình, sự hỗ trợ về tài chính và tinh thần của gia đình trong suốt thời gian em thực hiện KHNN.

Học sinh trả lời câu hỏi **“Em đang đi về đâu?”** ở phía bên ổ khóa bằng cách tìm hiểu những ngành nghề phù hợp với sở thích nghề nghiệp và khả năng của mình; Tìm hiểu TTTrDLD tại địa phương, quốc gia, và quốc tế để biết về nhu cầu TDLĐ đối với những ngành, nghề ấy. Từ đó, xác định 1 – 2 ngành, nghề làm mục tiêu nghề nghiệp mà mình theo đuổi trong tương lai.

Cuối cùng học sinh trả lời câu hỏi **“Làm cách nào để đi đến được nơi em muốn đến?”** trên thân và mũi chìa khóa bằng cách lên kế hoạch với từng bước cụ thể để đạt được mục tiêu nghề nghiệp đã xác định.

Giáo viên nêu ví dụ sau hoặc nêu ví dụ phù hợp khác:

Nguyễn sinh ra và lớn lên ở một thị trấn nhỏ của một tỉnh phía Bắc. Từ nhỏ Nguyễn đã thích tìm tòi, khám phá và sửa chữa đồ vật trong nhà. Càng lớn, Nguyễn càng thấy thích thú với những công việc liên quan đến kĩ thuật, sử dụng khả năng quan sát và sự khéo léo của đôi tay để sáng chế những đồ vật mới hay làm tốt hơn những đồ vật có sẵn trong nhà. Về hoàn cảnh gia đình, Nguyễn là con cả trong gia đình, dưới Nguyễn còn có hai em, một em đang học lớp 6 và một em đang học lớp 9. Nhà Nguyễn có mở một cửa hàng bán tạp hóa, chỉ đủ nuôi ba anh em đi học. Nguyễn luôn mơ ước được học Khoa Cơ khí – đại học Bách Khoa (ĐHBK) Hà Nội sau khi tốt nghiệp THPT. Nhưng, với hoàn cảnh kinh tế của gia đình, nếu Nguyễn ra Hà Nội học thì cha mẹ chỉ có thể cố gắng lo tiền học phí cho em, còn chi phí ăn ở thì không thể lo nổi vì còn phải lo cho hai em của Nguyễn đang đi học phổ thông.

Nguyên thích trở thành kĩ sư cơ khí vì em thích sáng chế và làm việc với máy móc. Em tin rằng mình có khả năng rất tốt để theo nghề này. Ngay tại địa phương nơi Nguyên ở có nhà máy cơ khí nhỏ luôn có nhu cầu về công nhân kĩ thuật lành nghề. Gần nhà Nguyên có trường cao đẳng nghề trong đó có đào tạo công nhân và kĩ thuật viên về cơ khí. Sau khi tìm hiểu thông tin về ngành nghề và TTrTDLĐ có chuyên môn về cơ khí, Nguyên đã có hai chọn lựa: **1/** Sau khi tốt nghiệp THPT, Nguyên sẽ tiếp tục theo học nghề cơ khí ở trường cao đẳng nghề gần nhà và xin thực tập ở nhà máy cơ khí ở địa phương. Sau khi ra trường, Nguyên sẽ xin làm việc tại nhà máy cơ khí mà Nguyên đã thực tập ở đó. Sau một thời gian đi làm, khi đã để dành đủ tiền thì sẽ đăng ký học liên thông lên đại học để đạt được ước mơ trở thành kĩ sư cơ khí. **2/** Nguyên vẫn quyết tâm thi vào khoa cơ khí - ĐHBK Hà Nội. Nguyên sẽ cố gắng học thật giỏi để được học bổng, đồng thời sẽ đi làm thêm để tự trang trải chi tiêu trong thời gian học xa nhà.

Nguyên quyết định tiếp tục tìm hiểu thông tin để xem có chọn lựa nào tốt hơn nữa không. Hiện tại, Nguyên lên kế hoạch như sau: **Bước 1/** Đăng ký thi cả hai trường: Trường cao đẳng nghề ở gần nhà và trường ĐHBK Hà Nội; **Bước 2/** Tìm hiểu từ các anh chị đang học ở Khoa Cơ khí của cả hai trường nói trên để xem thực tế sinh hoạt và học tập của họ như thế nào để so sánh với hoàn cảnh mình. Từ đó sẽ quyết định đăng kí học trường nào sau THPT.

Như vậy, Nguyên đã không khép kín kế hoạch mà để mở, tiếp tục tìm hiểu các thông tin liên quan đến nghề nghiệp đã chọn vì biết đâu sẽ có một cơ hội khác tốt hơn sẽ đến. Nguyên không ước ao xa vời, không than thân trách phận, không ngồi chờ mà tìm những giải pháp phù hợp với bản thân mình nhất.

Qua ví dụ trường hợp của Nguyên cho thấy, điều quan trọng nhất trong suốt quá trình lên KHNN là học sinh để tâm trí mình rộng mở, sẵn sàng đón nhận những cơ hội khác thường. Bản thân luôn tò mò thử nghiệm và trải nghiệm để tăng thêm kinh nghiệm sống, luôn hoạt động để bản thân hoạt bát, năng động, linh hoạt. Nhưng các em cũng nên nhớ: Hãy dành ra những khoảng lặng để suy ngẫm, xem xét con đường bản thân đang đi có phù hợp hay không.

1.2.4. Hoạt động 1.4. Thực hành xây dựng KHNN

Giáo viên giới thiệu **Mẫu KHNN** (phụ lục IX, chuyên đề 3, lớp 10) và yêu cầu học sinh kẻ lại bảng mẫu, Sau đó tự điền nội dung thích hợp vào từng cột trong bảng.

Giáo viên lưu ý với học sinh:

- Các em có thể viết bản KHNN theo cách không chia cột cũng được nhưng phải có đầy đủ các mục, thông tin như bản KHNN mẫu có chia cột.
- Bản KHNN này sẽ được bổ sung khi các em học lên lớp 11, 12. Vì vậy, ở mỗi cột, mỗi nội dung các em nên dành ra khoảng trống để sau này điền tiếp nội dung vào. Sau khi hoàn thành bản KHNN, các em hãy giữ lại để sử dụng tiếp ở lớp 11, lớp 12.

Kết luận nội dung 1: Lập KHNN là việc làm rất cần thiết giúp mỗi người xác định được các bước đi trên con đường đi tới nghề nghiệp tương lai. Khi lập KHNN, mỗi người cần hiểu rõ bản thân, hiểu được nghề nghiệp dự định chọn, đồng thời phải hiểu rõ những LTHN như “lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch”, “lí thuyết vị trí điều khiển” để vận dụng những lí thuyết này vào trường hợp cụ thể của bản thân. Từ đó xây dựng KHNN có tính khả thi và phù hợp với bản thân.

Nội dung cần ghi nhớ: Lí thuyết vị trí điều khiển và nội dung bản KHNN

2. Nội dung 2. Tham quan tìm hiểu thực tế một CSSX (hoặc xem video clip giới thiệu về cơ sở sản xuất hoặc hoạt động của nhà máy, doanh nghiệp)

2.1. Mục tiêu

- Học sinh thu thập được thông tin cần thiết về lao động nghề nghiệp của CSSX nông nghiệp hoặc công nghiệp trong nhà máy, doanh nghiệp, hoặc công ty;
- Nâng cao nhận thức lao động nghề nghiệp.

2.2. Cách tiến hành

Tùy theo điều kiện của từng trường, giáo viên lựa chọn và tổ chức thực hiện nội dung này theo 1 trong 3 cách:

Cách 1: Tham quan tìm hiểu thực tế tại một CSSX;

Cách 2: Tổ chức cho học sinh xem video clip giới thiệu về CSSX hoặc hoạt động của nhà máy, doanh nghiệp;

Cách 3: Tổ chức cho học sinh đọc sách, báo, tìm thông tin về nghề nghiệp ở góc hướng nghiệp của nhà trường.

2.2.1. Cách 1. Tổ chức tham quan tìm hiểu thực tế một CSSX

Để tổ chức hoạt động này, cần phải có những điều kiện tối thiểu sau:

- Có nguồn kinh phí để tổ chức tham quan. Nguồn kinh phí có thể lấy từ ngân sách của nhà trường dành cho HĐNK - nếu có hoặc do học sinh đóng góp hoặc từ Hội cha mẹ học sinh hỗ trợ. Nguồn kinh phí được dùng để chi trả cho báo cáo viên, hướng dẫn viên và đưa đón học sinh nếu trường ở xa CSSX;
- Có CSSX hoặc nhà máy, doanh nghiệp hoặc công ty đóng ở địa phương, không cách trường quá xa, và họ đồng ý cho học sinh đến tham quan;
- Có người của CSSX, nhà máy, doanh nghiệp, hoặc công ty được cử ra làm báo cáo viên hoặc hướng dẫn viên;
- Nhà trường bố trí được thời gian (1 buổi) để học sinh tham quan.

Nếu xét thấy lớp, trường có đủ các điều kiện trên thì nên tổ chức cho học sinh tham quan để tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận với thực tiễn sản xuất; Được mắt thấy tai nghe

và hiểu rõ hơn những hoạt động nghề nghiệp mà học sinh mới được tìm hiểu qua sách vở hoặc các phương tiện thông tin. Giáo viên **chuẩn bị** và **tổ chức** tham quan CSSX theo các bước sau:

Bước 1. Lập kế hoạch tham quan, trong đó ghi rõ:

- **Mục đích, yêu cầu** tham quan;
- **Lựa chọn và xác định địa điểm tham quan:** Có thể chọn CSSX nông nghiệp như nông trường, trang trại tư nhân, trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, trại sản xuất cá thịt hoặc cá giống, trạm trại nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng, giống cây rừng v.v... hoặc có thể là CSSX công nghiệp hoặc dịch vụ, thủ công nghiệp như nhà máy, xí nghiệp sản xuất gạch xây dựng, xi măng, đường mía; Xưởng sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ... cũng có thể là cơ sở chế biến nông sản, thủy hải sản v.v. Nên chọn những CSSX tương đối khang trang, sản xuất và doanh thu có hiệu quả, được nhiều người biết đến, có người lãnh đạo nhiệt tình với sự nghiệp giáo dục.
- **Thời gian** dự định tổ chức tham quan.
- **Nội dung tham quan:** Các ngành nghề tại CSSX; Đội ngũ lao động của CSSX ở từng trình độ; Các loại sản phẩm do CSSX làm ra; Nguyên liệu sản xuất; nơi tiêu thụ sản phẩm (tại địa phương, trong nước hay ngoài nước); Giá trị sản phẩm, năng suất lao động, dây chuyền sản xuất, trình độ trang thiết bị lao động; Phương pháp và điều kiện lao động; Những yêu cầu, đòi hỏi đối với người lao động ở CSSX về trình độ kiến thức, kỹ năng, tay nghề, sức khỏe... Chế độ lương, thưởng, ưu đãi đối với người lao động giỏi; Điều kiện để được tham gia tuyển dụng và triển vọng phát triển của CSSX...
- Các bước tổ chức tham quan và người phụ trách chính, người hỗ trợ.

Bước 2. Liên hệ với cơ sở sản xuất

Gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với người phụ trách chính hoặc người được ủy quyền về mục đích, yêu cầu, nội dung và thời gian tham quan. Có thể đưa cho người phụ trách một bản sao kế hoạch tham quan để họ bố trí và chuẩn bị chu đáo cho buổi tham quan. Nên liên hệ sớm với CSSX và lập bản hợp đồng tham quan để họ có kế hoạch chuẩn bị. Tốt nhất là liên hệ trước buổi tham quan khoảng 2 – 3 tuần.

Bước 3. Tổ chức cho học sinh tham quan CSSX

Trước buổi tham quan cần nhắc nhở học sinh tập trung đúng giờ, ăn mặc chỉnh tề, gọn gàng và mang theo giấy, bút để ghi chép. Nếu không tập trung đi tại trường mà học sinh đến thẳng nơi tham quan thì cần chỉ dẫn rõ ràng đường đi, địa chỉ tham quan và địa điểm tập kết trước khi tham quan;

Tập trung học sinh để phổ biến mục đích, yêu cầu, nội dung tham quan và cách thức thu thập thông tin trong buổi tham quan (quan sát, phỏng vấn người sản xuất, người hướng dẫn...). Nhắc học sinh chú ý giữ gìn trật tự, vệ sinh và an toàn trong quá trình tham quan. Yêu cầu học sinh ghi chép lại những thông tin nghề thu thập được trong buổi tham quan theo các mục của bản mô tả nghề (đã giới thiệu ở chuyên đề 2, lớp 10);

Học sinh tham quan CSSX theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn của người đại diện CSSX.

Bước 4. Nhận xét, tổng kết buổi tham quan

Trong bước này, có thể tổ chức cho một số đại diện học sinh báo cáo những thông tin thu thập được tại CSSX. Sau đó, học sinh hoàn chỉnh phiếu thu hoạch sau tham quan và nộp lại cho giáo viên. Giáo viên và đại diện học sinh cảm ơn đại diện của CSSX.

2.2.2. Cách 2. Tổ chức cho học sinh xem video clip giới thiệu về CSSX hoặc hoạt động của nhà máy, doanh nghiệp

Để việc xem video clip về nghề nghiệp có hiệu quả, đạt được mục tiêu tìm hiểu nghề, nhà trường nên tiến hành theo 2 bước sau:

Bước 1: Cho học sinh làm **Trắc nghiệm về sở thích nghề nghiệp** trước (*phụ lục X, chuyên đề 3, lớp 10*) để có cơ sở phân nhóm học sinh xem video clip theo **sáu nhóm nghề** diện rộng. Nếu có điều kiện, giáo viên nên photocopy để phát cho mỗi em 1 bản trắc nghiệm mang về nhà làm trước khi tổ chức chuyên đề 3. *Chú ý hướng dẫn để học sinh làm bài trắc nghiệm đúng yêu cầu.*

Bước 2: Xem video clip về nghề

Giáo viên lựa chọn một số trích đoạn video clip nghề (*phụ lục XI, chuyên đề 3, lớp 10*) để chiếu cho học sinh xem. Giáo viên nên chọn các video clip có nghề phù hợp với sở thích của đa số học sinh và nghề mà TTrTDLĐ đang có nhu cầu cao hoặc là nghề đang phổ biến ở địa phương. Trước khi chiếu video clip, giáo viên phổ biến **mục đích, yêu cầu và những nội dung cần quan tâm theo dõi** trong mỗi trích đoạn video clip (đối tượng lao động, mục đích, nội dung lao động, điều kiện lao động...). Có thể chia học sinh thành 6 nhóm theo kết quả trắc nghiệm sở thích để các em có điều kiện trao đổi, chia sẻ với nhau.

Sau khi chiếu xong mỗi video clip, giáo viên dừng lại, dành thời gian để học sinh ghi chép lại những thông tin về nghề mà các em thu thập được qua xem video.

Cuối buổi, giáo viên hướng dẫn học sinh đánh giá về các nhóm nghề đã được trình chiếu và liên hệ với bản thân để rút ra các kết luận hữu ích về việc lựa chọn và định hướng nghề nghiệp cho tương lai.

Lưu ý: Trong thời gian ngắn ở lớp, giáo viên không thể trình chiếu được nhiều các video clip nghề như giới thiệu trong phụ lục của chuyên đề này. Vì vậy, giáo viên có thể giới thiệu với học sinh các địa chỉ xem video clip nghề để những em có điều kiện có thể tự xem ở nhà.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Bản thu hoạch tham quan và bản KHNN của học sinh.

V. PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 3, LỚP 10

- **Phụ lục IX:** Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch; Câu chuyện nghề nghiệp: “Bỏ chữ theo nghề”; Phiếu học tập 1.1; Phiếu học tập 1.2; Sơ đồ: Mô hình chìa khóa XDKHNN;
- **Phụ lục X:** Trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp
- **Phụ lục XI:** Địa chỉ một số địa chỉ, trích đoạn video clip về nghề nghiệp.

PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 3, LỚP 10

PHỤ LỤC IX

CÂU CHUYỆN NGHỀ NGHIỆP: BỎ CHỮ THEO NGHỀ

TT – 17 tuổi, chàng trai đang học lớp 11 nghỉ ngang để đi học nghề vì “tự thấy mình không thích học chữ nữa”. Sau nhiều năm vừa học nghề vừa làm mướn, anh có cơ ngơi nho nhỏ do mình làm chủ.



Ngô Văn Lanh (bìa trái) bên tác phẩm đại bàng tung cánh và những người thợ ở cơ sở của mình - Ảnh: H.T.Vân

Và anh lại tiếp tục truyền nghề cho lớp trẻ ở quê. Anh tên là Ngô Văn Lanh, 38 tuổi, ở ấp 2, xã Vị Bình (huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang).

Kẻ ngoại đạo

Đó là năm 1992. Lanh nói mỗi ngày ôm cặp vô lớp thấy ngán đến tận cổ. Nhà có sáu anh em, ai cũng học hành bằng cấp đẳng hoàng, duy chỉ Lanh là muốn bỏ ngang, ba mẹ hết sức buồn phiền.

Anh rời quê lên Sài Gòn tìm việc. Một lần tình cờ ghé vô cơ sở điêu khắc đồ gỗ mỹ nghệ ở đường Cộng Hòa (quận Tân Bình, TP.HCM), Lanh thấy thích thú những tượng Phật Quan Âm, Quan Công, long lân quy phụng... được chạm trổ rất đẹp. Anh say sưa đứng ngắm cả buổi. Về nhà trọ, trong đầu anh cứ lớn vồn hoài suy nghĩ: “Mình làm nghề này được không ta?”.

Anh mạnh dạn xin học nghề. Ngó bộ dạng quê mùa của anh, ai cũng lạnh lùng. Anh thật thà: “Dạ, con ở tuốt Hậu Giang lận, thấy nghề này thích quá, cho con học bao lâu cũng được, miễn là được cầm búa, cầm đục”. Ông chủ là một nghệ nhân điêu khắc gỗ,

tên Lê Hoàng Tùng, người gốc Huế, thấy vẻ chân thành của anh nên kêu vô hỏi chuyện: “Nghề này học lâu thành lắm, tới 3 – 4 năm lận, ai dễ nản chí thường bỏ ngang, uống phí lắm...”. Anh nản nì: “Con chịu khó được, chắc chắn sẽ học tốt”. Thấy anh quyết tâm quá, thầy đồng ý.

Nhóm thợ lúc đó hết thầy 15 người đều từ Huế vô. Chỉ có anh từ miền Tây lên. Họ nói vui anh là “người ngoại đạo”.

Nghề không bằng cấp

Anh bước vào nghề với niềm đam mê kỳ lạ. Khác với học chữ, hễ nghe tiếng đục, gõ là anh đắm chìm trong cơn mê. Nhiều lúc Lanh ngồi bên khối gỗ từ sáng tới chiều, quên cả ăn cơm.

Anh bước vào nghề với niềm đam mê kỳ lạ. Khác với học chữ, hễ nghe tiếng đục, gõ là anh đắm chìm trong cơn mê. Nhiều lúc Lanh ngồi bên khối gỗ từ sáng tới chiều, quên cả ăn cơm.

Anh học những việc giản đơn trước, từ cầm kéo cắt tỉa, cạo giũa, làm sạch những phần phụ râu ria cho tới cầm đục tỉa. Mất hơn sáu tháng trời thầy mới dạy cho anh nắm bắt phần “hồn” của môn học: Sức sống của những tác phẩm điêu khắc. Từ khúc gỗ vô tri làm sao thổi “hồn” vô, biến chúng thành bức tượng sống động. Khó nhất là khắc hình đôi mắt. Dù cho những hoa văn có tinh xảo tới đâu, nhưng đôi mắt tượng thiếu hồn trong đó thì coi như bỏ.

Được hai năm, anh bắt đầu làm được những tượng đơn giản. Thầy nhận xét anh tiến bộ rất nhanh, có niềm say mê và yêu nghề. Thầy tiếp tục giao việc khó hơn, chi tiết nhỏ hơn như tỉa lông cánh đại bàng, tạo hoa văn trên bộ giáp sắt, khắc hình rồng trên áo mào cân đai. Anh tiếp thu và thực hiện thành thạo.

Tới năm thứ ba, thầy giao một khối gỗ và nói: Hãy tự nghĩ mình nên làm gì với nó! Thầy căn dặn: Phải biết tư duy sáng tạo, dồn tâm huyết vô nó, phải thấy trong đó có gì...

Lanh mất ngủ hai tuần mới nghĩ ra cách biến khúc gỗ chết thành bức tượng sống. Anh quyết định tạc hình con đại bàng tung cánh. Mất hai tháng, tác phẩm hoàn thành. Thầy nhận xét: Đạt 50% yêu cầu. Và đó cũng là điểm cao nhất ông cho từ trước tới nay.

Tháng 8 – 1995 đối với anh là một ngày quan trọng: “**Ra nghề**”. Buổi lễ được tổ chức đơn giản, có mâm cơm cúng tổ, thắp vài nén nhang, thầy công bố những người “xuống núi”. Tất cả năm người, trong đó có Lanh. Ông xúc động: “Học nghề này các em không được trao bằng cấp gì. Nhưng các em có được điều quý giá hơn bất cứ bằng cấp nào trong cuộc đời: đó là, **tay nghề**”.

Có nghề thì dạy được nghề

Ông Lê Văn Sơn, phó bí thư Đảng ủy xã Vị Bình, cho biết ở miền Tây mà có cơ sở điêu khắc gỗ như Lanh là điều hiếm thấy. Một người chưa tốt nghiệp phổ thông, không có bằng cấp mà dạy nghề được càng hiếm thấy hơn. Trong khi việc làm ở quê đang thiếu, học sinh không biết học nghề gì, ở đâu thì cơ sở của Lanh là mô hình dạy nghề tốt, đáng được nhân rộng. Địa phương đang cố gắng hỗ trợ Lanh phát triển cơ sở gắn với dạy nghề, góp phần giải quyết chuyện học nghề và tìm việc làm cho thanh niên nông thôn.

Đứng lớp dạy nghề

Học xong, anh xin ở lại làm với thầy được hai năm, rồi chuyển qua một công ty mỹ nghệ ở quận 12. Được ba năm, anh lại chuyển qua một công ty khác ở Hóc Môn. Nhờ “chạy chỗ” nhiều nên anh học được nhiều, tay nghề ngày càng vững hơn.

Năm 2007, Lanh về quê mở xưởng. Cơ sở của Lanh là một xưởng gỗ nằm bên bờ kênh xáng Xà No – quê hương anh, với linh kính khúc cây, mặt cửa, tượng gỗ còn dang dở. Anh đã sắm được máy cưa, bộ đồ nghề với đầy đủ đục, búa, giũa, cạo... Đó là gia sản của anh tích góp từ 5 năm nay.

Tính tình thiệt thà, chịu khó, dần dần Lanh có được mối hàng từ Vị Thanh tới Cần Thơ. Sau 3 năm mở xưởng, anh có nguồn hàng ổn định. Biết tiếng Lanh, khách hàng đặt thêm đồ cao cấp. Làm một mình không xuể, anh tuyển thêm thợ phụ giúp một tay.

Biết quê mình còn nhiều thanh niên bỏ học, thiếu việc làm, Lanh rủ mọi người đến để truyền nghề. Hiện tại, Lanh có ba thợ có thể thay anh đảm nhận những món hàng đơn giản. Anh Ngô Bảo Hiếu, một trong những thợ ruột của Lanh, phần khởi: “Tụi mình trước đây làm mướn, vác mía, nhổ cỏ, cuốc đất cực quá mà không có tương lai. Nhờ có anh Lanh dạy nghề nên thu nhập ổn định. Lương mỗi thợ được 2 - 3 triệu đồng/ tháng, ở quê nên cũng sống được. Em còn dư gửi cho mẹ mỗi tháng 1 triệu đồng”.

Thấy Lanh dạy được nghề, tạo được việc làm, TTDN huyện liên kết mở lớp dạy nghề cho thanh niên nông thôn. Lanh đã lên giáo án, chương trình dạy và có kế hoạch nhân rộng nghề này ra toàn huyện.

PHIẾU HỌC TẬP 1.1

1. Vì sao anh Lanh – nhân vật chính trong câu chuyện – nghỉ học giữa chừng lớp 11?
2. Có phải anh Lanh đã thành công vì anh bỏ học nửa chừng không?
3. Sự may mắn vì đã gặp được sư phụ giỏi sẵn lòng truyền nghề cho anh Lanh có phải điều kiện quyết định sự thành công trên con đường nghề nghiệp của anh Lanh không?
4. Em hãy chỉ ra những yếu tố giúp cho anh Lanh thành công trên con đường nghề nghiệp của mình.
5. Điều gì trong câu chuyện trên làm em nhớ nhất?

PHIẾU HỌC TẬP 1.2

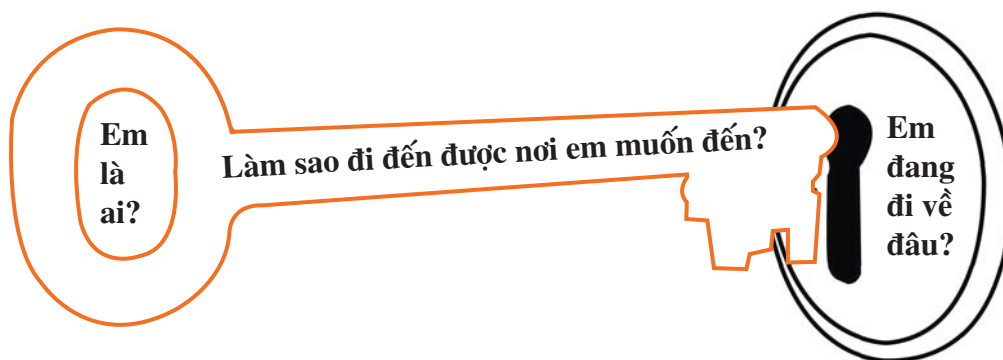
1. Dựa vào lí thuyết vị trí điều khiển và ví dụ thầy/ cô vừa nêu, em hãy kể lại một câu chuyện mà bản thân đã gặp và cách phản ứng của em trước sự việc xảy ra. Cũng có thể kể một câu chuyện mà em biết và cách phản ứng của nhân vật trong chuyện trước sự việc xảy ra.
2. Nêu những điều em rút ra được qua câu chuyện của mình?
3. Em có nghĩ rằng, mình sẽ áp dụng lí thuyết này vào hoạt động tự hướng nghiệp của bản thân được không? Em sẽ áp dụng như thế nào?

MẪU BẢN KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP

1. Họ và tên:.....Nam hay nữ:.....
2. Ngày sinh:.....
3. Nơi ở hiện tại:.....
4. Lớp:.....Trường:.....

Em là ai?	Em đang ở đâu?	Làm cách nào để đi được đến nơi em muốn đến?
Dựa vào kết quả tìm hiểu khả năng và sở thích bản thân ở chuyên đề 1, hãy ghi lại: - Sở thích của em; - Khả năng của em. Ghi rõ em có những điểm mạnh nào, điểm yếu nào? - Hoàn cảnh gia đình hiện tại có những thuận lợi hoặc khó khăn nào cho việc thực hiện kế hoạch theo đuổi nghề em dự định chọn.	Dựa vào kết quả tìm hiểu nghề nghiệp ở chuyên đề 2, hãy ghi lại: - Nghề em dự định chọn sau khi tốt nghiệp THPT(có thể ghi 1 hoặc 2 hoặc 3 nghề tùy thích); - Những yêu cầu, đòi hỏi của nghề đối với người lao động; - TTrTDLĐ của nghề mà em dự định chọn; - Cơ sở đào tạo nghề mà em dự định học; - Yêu cầu tuyển sinh của cơ sở đào tạo nghề.	- Kế hoạch học tập X; - Kế hoạch tiếp tục tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề, tìm hiểu nhu cầu TDLĐ; - Kế hoạch rèn luyện những kĩ năng thiết yếu; - Kế hoạch rèn luyện để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân; - Kế hoạch rèn luyện sức khỏe.

MÔ HÌNH CHÌA KHÓA XDKHNN



PHỤ LỤC X

TRẮC NGHIỆM VỀ SỞ THÍCH NGHỀ NGHIỆP

Em hãy tự **chọn một nghề mà em yêu thích nhất** trong mỗi bảng liệt kê các hoạt động có liên quan đến nghề nghiệp. Dù có nhiều phân vân nhưng em bắt buộc phải chọn một hoạt động nghề nghiệp **duy nhất** trong mỗi bảng liệt kê dưới đây và khoanh vào chữ cái đứng đầu câu nghề mà em yêu thích:

Bảng 1: a. Giảng dạy bậc trung học b. Lãnh đạo xí nghiệp, công nghiệp c. Nghiên cứu khoa học d. Hoạ sĩ e. Thủ công mỹ nghệ f. Kế toán trưởng	Bảng 14: a. Hiệu trưởng trường lao động và bảo trợ xã hội b. Chuyên viên trang điểm c. Giáo viên khoa học tự nhiên d. Kỹ thuật viên phần mềm vi tính e. Người huấn luyện võ thuật f. Người phỏng vấn để cho vay
Bảng 2: a. Cứu trợ xã hội b. Tổ chức nhân sự c. Thám tử, trinh sát d. Nhà văn, nhà báo e. Kỹ sư cơ khí chế tạo máy f. Thư kí văn phòng	Bảng 15: a. Chuyên gia tư vấn nghề nghiệp b. Tiếp viên hàng không c. Nhà toán học d. Người giới thiệu đĩa hát e. Chuyên viên sửa chữa cao ốc f. Cán bộ tuyên truyền thông tin văn hoá
Bảng 3: a. Giáo viên trường khuyết tật b. Giám đốc nhà máy chế biến thực phẩm c. Nhà động vật học d. Biên tập viên e. Kỹ sư nông nghiệp f. Nhân viên thuế vụ	Bảng 16: a. Trưởng đoàn cứu trợ bão lụt b. Trọng tài kinh tế c. Bác sĩ đa khoa d. Kỹ thuật viên đồ hoạ e. Phi công vũ trụ f. Nhân viên kiểm tra và thu tiền bảo hiểm
Bảng 4: a. Nhà tư vấn giáo dục tâm lí b. Thanh tra hải quan c. Nhà sinh học d. Người viết quảng cáo e. Chăn nuôi động vật f. Chuyên viên kiểm toán	Bảng 17: a. Chuyên viên hướng dẫn vật lí trị liệu b. Chủ vừa thu mua nông sản c. Chuyên viên cao cấp kĩ thuật phẫu thuật d. Chuyên viên lưu trữ e. Kỹ thuật viên đồ hoạ f. Thư kí hành chính công ty dầu khí

Bảng 5: a. Huấn luyện viên thể thao b. Thẩm phán c. Chuyên viên tâm lí khách hàng d. Đạo diễn phim e. Đầu bếp nhà hàng f. Nhân viên khách sạn	Bảng 18: a. Chuyên gia dinh dưỡng b. Tổ trưởng tổ pha chế rượu nhà hàng c. Giảng viên đại học cộng đồng d. Nghệ sĩ phụ trách dàn nhạc sống e. Trưởng phòng tín dụng ngân hàng công thương f. Cán bộ tổng đài bưu chính viễn thông
Bảng 6: a. Cán bộ Đoàn, Đội b. Nhà thiên văn c. Môi giới nhà đất d. Giảng viên âm nhạc e. Kỹ sư kiểm phẩm KCS f. Thủ quỹ ngân hàng	Bảng 19: a. Y tá tình nguyện chăm sóc sức khỏe vùng sâu, vùng xa b. Đại lí tàu biển c. Chuyên gia gây mê BV liên doanh nước ngoài d. Nhà phê bình nghệ thuật e. Kỹ sư nông nghiệp phụ trách vườn ươm f. Tiếp tân và trực điện thoại công ty quốc tế
Bảng 7: a. Cán sự xã hội b. Chuyên viên phòng thí nghiệm c. Đại lí du lịch d. Biên tập viên truyền hình e. Giám đốc kĩ thuật nhà máy f. Thư kí tổng hợp	Bảng 20: a. Phục vụ tâm lí trị liệu bệnh viện tâm thần b. Trợ lí giám đốc các vấn đề pháp luật c. Nhà nghiên cứu bệnh cây trồng d. Nhạc sĩ sử dụng các nhạc cụ dân tộc e. Người huấn luyện chó săn f. Kế toán
Bảng 8: a. Chuyên viên vật lí trị liệu b. Dược sĩ c. Luật sư bào chữa d. Diễn viên sân khấu hài e. Tài xế xe tải f. Kế toán lao động tiền lương	Bảng 21: a. Vận động viên đua mô tô b. Giám đốc kinh doanh c. Kỹ sư – Tiến sĩ hoá học d. Đạo diễn âm nhạc e. thuyền trưởng tàu sông f. Nhân viên bảo hiểm nhân thọ

Bảng 9: a. Người chăm sóc trẻ em đường phố b. Người kiểm tra thực phẩm công nghiệp c. Người gây quỹ tín dụng d. Người viết tiểu sử nhân vật chính trị e. Người sửa tivi, radio kĩ thuật số f. Nhân viên điều vận tàu điện ngầm	Bảng 22: a. Nhà kinh tế học hỗ trợ kinh tế gia đình b. Người khai hoang lập nghiệp vùng cao, vùng sâu c. Nhà địa lí địa cầu d. Chuyên viên thiết kế thời trang dân tộc e. Thợ sửa chữa hệ thống lạnh f. Cán bộ xử lí hồ sơ tuyển dụng
Bảng 10: a. Người phụ trách chương trình khuyến nông b. Người phụ trách quan hệ công chúng c. Người phân tích tài chính phát triển d. Người sáng tác văn chương e. Người sửa chữa máy công cụ f. Người hướng dẫn đặt vé máy bay tại đại lí	Bảng 23: a. Chuyên gia huấn luyện công tác phát triển cộng đồng b. Người kinh doanh hàng mỹ nghệ xuất khẩu c. Chuyên gia phân tích môi trường d. Nhà soạn nhạc hoà tấu e. Thợ làm khuôn mẫu f. Tiếp viên công ty máy tính xuyên quốc gia
Bảng 11: a. Nha sĩ, y sĩ b. Chủ doanh nghiệp bán xe ô tô c. Nhà hóa học ứng dụng hiện đại d. Phát thanh viên đài truyền hình e. Chủ trại chăn nuôi f. Cán bộ bưu chính viễn thông	Bảng 24: a. Giáo viên dạy nghề lao động hợp tác nước ngoài b. Quản lí trung tâm dịch vụ giáo dục và sức khỏe c. Chuyên viên khí tượng học d. Nhà thiết kế quang cảnh e. Điều khiển nhà máy xử lí nước uống f. Đại lí đặt vé máy bay quốc tế
Bảng 12: a. Cán sự điều dưỡng b. Ông bầu dịch vụ giải trí c. Bác sĩ nhi khoa d. Diễn viên múa e. Người làm vườn ở trang trại f. Chuyên viên lưu trữ và xử lí hồ sơ y khoa	Bảng 25: a. Cán bộ khuyến nông cây ăn trái nhiệt đới b. Quản lí bệnh viện tâm thần c. Nhà nghiên cứu địa chất d. Chuyên viên sân khấu ca nhạc e. Điều khiển trạm bơm gas f. Thu ngân viên ngân sách
Bảng 13: a. Nhân viên phục vụ b. Thư viên, đại lí tàu biển c. Giáo viên sau đại học d. Nghệ sĩ đàn dương cầm e. Kĩ sư vận hành f. Nhân viên kiểm soát lưu thông	

BẢNG TỔNG HỢP TRẢ LỜI 25 BẢNG Ở PHIẾU TRÊN

Sau khi đã chọn được nghề yêu thích nhất trong mỗi bảng, em hãy theo kết quả trên đánh dấu X vào ô thích hợp trong bảng:

	a	b	c	d	e	f
Câu 01						
Câu 02						
Câu 03						
Câu 04						
Câu 05						
Câu 06						
Câu 07						
Câu 08						
Câu 09						
Câu 10						
Câu 11						
Câu 12						
Câu 13						
Câu 14						
Câu 15						
Câu 16						
Câu 17						
Câu 18						
Câu 19						
Câu 20						
Câu 21						
Câu 22						
Câu 23						
Câu 24						
Câu 25						
Cộng						

Sau khi đánh dấu X vào bảng, em hãy cộng lại xem cột nào có nhiều dấu X nhất.

- Nếu là cột **a** thì em có sở thích thuộc nhóm **xã hội**;
- Nếu là cột **b** thì em có sở thích thuộc nhóm **quản lí**;
- Nếu là cột **c** thì em có sở thích thuộc nhóm **ngiên cứu**;
- Nếu là cột **d** thì em có sở thích thuộc nhóm **nghệ thuật**;
- Nếu là cột **e** thì em có sở thích thuộc nhóm **kĩ thuật**;
- Nếu là cột **f** thì em có sở thích thuộc nhóm **ngành vụ**.

PHỤ LỤC XI

THÔNG TIN NGHỀ NGHIỆP TỪ

<http://vnexpress.net/tag/18819/nghe-nghiep/>

Nghề nghiệp

Không nên định kiến nghề nghiệp

08:00 | 14/11/2012

Công việc chân chính nào cũng đáng được trân trọng.

Mọi nghề nghiệp đều đáng trân trọng

08:00 | 26/10/2012

Lao động chính đáng thì làm nghề nào cũng đáng được tôn trọng.

Nghề 'đánh cược mạng sống' ở sông Mã

10:35 | 28/08/2012

Trên dòng nước lũ chảy xiết, hàng chục thanh niên, trẻ em cố bơi ra thật xa để vớt củi. Nhiều tai nạn chết đuối thương tâm xảy ra, nhưng nhiều người vẫn liều mình 'đánh cược mạng sống' dưới dòng sông Mã.

Những người âm thầm làm sạch thành phố

07:05 | 21/07/2012

Lội mương, ngâm chân trong nước bùn cống độc hại suốt 6 tiếng mỗi ngày, nhưng nhiều công nhân môi trường vẫn gắn bó với công việc này hàng chục năm qua.

Những nghề của bố có thể khiến con dị tật

10:59 | 19/07/2012

Các ông bố làm một số nghề nhất định có thể mang tới dị tật bẩm sinh cho con mình, trong đó có nghệ sĩ, nhiếp ảnh gia, thợ làm đầu, người nghiên cứu toán và nhân viên văn phòng, một nghiên cứu vừa tiết lộ.

15 nghề kiếm bộn nhất nước Mỹ năm 2012

06:07 | 13/07/2012

Đứng đầu là bác sĩ gây mê với mức lương 234.950 USD mỗi năm. Danh sách này còn bao gồm luật sư, phi công và quản lý tài chính. Hầu hết thù lao cho những công việc này đều trên 100.000 USD.

10 nghề lương bạc tỷ dành cho người hướng nội

05:06 | 10/06/2012

Để nhận mức lương 103.000 USD (tương đương hơn 2 tỷ đồng) mỗi năm, chuyên viên định phí bảo hiểm chỉ phải tập trung vào các con số và tính toán cẩn thận.

Lợi mương mưu sinh ở Thủ đô

07:56 | 03/06/2012

Phải lợi mương, tiếp xúc với bùn đất độc hại suốt 6 tiếng mỗi ngày và thu nhập chỉ 5 triệu đồng một tháng nhưng nhiều công nhân môi trường vẫn gắn bó với công việc này hàng chục năm.

Nghề đếm tiền ở Trung Quốc

05:06 | 31/05/2012

Trung bình một ngày, các nhân viên ở Công ty dịch vụ xe công cộng Thái Nguyên (Trung Quốc) phải đếm và phân loại 40.000 - 60.000 tờ tiền trong 7 tiếng liên tục.

Cơ hội nghề nghiệp từ CPA Australia

10:52 | 29/05/2012

CPA Australia gia nhập thị trường Việt Nam từ năm 2008 và là một trong những tổ chức nghề nghiệp về kế toán – kiểm toán lớn và uy tín trên thế giới. Hiện công ty có hai văn phòng tại Hà Nội và TP HCM.

Lương thực tế của những nghề trong mơ phim Hollywood

11:44 | 07/11/2011

Nhiều năm qua, phim ảnh đã tạo nên hào quang cho vô số nghề nghiệp, từ điệp viên, hầu bàn cho đến bảo vệ. Tuy nhiên, mức lương thực tế của các công việc này lại không phải trong mơ.

Chân dung Sài Gòn một thế kỷ

02:08 | 22/09/2011

Đầu thế kỷ 20 đàn ông Nam bộ không còn búi tóc củ hành nên nghề cắt tóc ra đời; giày dép bắt đầu phổ biến làm xuất hiện nghề sửa giày... Ngày nay trên vỉa hè vẫn còn ông thợ hớt tóc dạo, người thợ sửa giày lâu năm...

TÌM HIỂU NGÀNH NGHỀ QUA VIDEO CLIPS

http://huongnghiep.vn/Clips-nghe_C502.htm

Để giúp các bạn có thêm những thông tin tham khảo trước khi quyết định lựa chọn nghề nghiệp cho mình, website **huongnghiep.vn** xin cung cấp các video clips giới thiệu một số nghề nghiệp đang được nhiều người quan tâm. Chúng tôi, hy vọng rằng với cách tìm hiểu nghề nghiệp thông qua các video clips, các bạn sẽ hiểu được sâu sắc hơn, toàn diện hơn và có những cảm nhận cụ thể hơn về các ngành nghề được giới thiệu, qua đó có thể có sự lựa chọn phù hợp cho nghề nghiệp tương lai của mình.

Chương trình **“Lăng kính nghề nghiệp”** đã được phát sóng trên các kênh truyền hình VTC7 và TodayTV.

- | | |
|--|----------------------------|
| – Nghề Giáo viên | – Nghề Phiên dịch |
| – Nghề Kế toán | – Nghề Đầu bếp |
| – Nghề Chứng khoán - Nghề Kiến trúc sư | – Nghề Chỉnh nhạc (DJ) |
| – Nghề Môi giới bất động sản | – Nghề Đạo diễn |
| – Nghề Kinh doanh xuất nhập khẩu | – Nghề Thiết kế nội thất |
| – Nghề Quản lý nhà hàng | – Nghề Thiết kế thời trang |
| – Nghề Huấn luyện viên | – Nghề Copy-writer |
| | – Nghề Múa rối |

Chương trình **“Lựa chọn của tôi”** đã được phát sóng trên kênh truyền hình VTV6:

- | | |
|----------------------------|---------------------------|
| – Nghề Bán hàng | – Nghề Kiểm lâm |
| – Nghề Bartender | – Nghề Tạo mẫu tóc |
| – Nghề Cảnh sát giao thông | – Nghề Lái taxi |
| – Nghề Diễn viên xiếc | – Nghề Vệ sinh môi trường |
| – Nghề Giáo viên mầm non | |

Chương trình **“Muôn mặt chuyện nghề”** đã được phát sóng trên kênh truyền hình HTV7:

- | | |
|-------------------------------|-----------------------------|
| – Nghề Bác sĩ ngoại khoa | – Nghề Kỹ sư cầu đường |
| – Nghề Bác sĩ nhi khoa | – Nghề Làm giày |
| – Nghề Bác sĩ phẫu thuật | – Nghề Marketing |
| – Nghề Bác sĩ Thú y | – Nghề Nhân viên thuế |
| – Nghề Biên đạo múa | – Nghề Quản trị mạng |
| – Nghề Điều dưỡng | – Nghề Thiết kế đồ họa |
| – Nghề Gia sư | – Nghề Xây dựng |
| – Nghề Hướng dẫn viên du lịch | – Nghề In ấn |
| – Nghề Kinh doanh khách sạn | – Nghề Giáo viên thanh nhạc |
| – Nghề Tư vấn du học | – Nghề Tham vấn tâm lý |

Giới thiệu một số nghề thợ phổ thông qua các lớp đào tạo nghề ngắn hạn:	
– Nghề thợ sửa xe gắn máy – Nghề Thợ sửa chữa ô tô – Nghề Thợ điện lạnh – Nghề Thợ điện gia dụng – Nghề thợ sửa chữa điện tử – Nghề thợ may công nghiệp – Nghề thợ may gia dụng	– Nghề Nấu ăn – Nghề Phục vụ nhà hàng – Nghề thợ uốn tóc – Nghề thợ hớt tóc – Nghề thợ mộc – Nghề thợ chạm – Nghề thợ in lụa
Clips giới thiệu ngành nghề từ các nguồn thông tin khác:	
– Nghề báo và sinh viên báo chí – Nghề Trực tổng đài chăm sóc khách hàng – Nghề Hàn công nghệ cao – Nghề Lập trình viên	– Nghề Sửa chữa máy tính – Nghề Thiết kế Game – Ngành Game – Nghề Thiết kế website

CHUYÊN ĐỀ 1, LỚP 11

TÌM HIỂU BẢN THÂN VÀ NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUYẾT ĐỊNH CHỌN HƯỚNG ĐI SAU TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, CHỌN NGHỀ (4 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau khi tham gia chuyên đề 1, lớp 11, học sinh sẽ:

- Nhận thức và bảo vệ được quan điểm của mình về bản thân trong các lĩnh vực: Khả năng, sở thích và cá tính;
- Đánh giá, phân tích được những thuận lợi, khó khăn của bản thân, hoàn cảnh gia đình và xã hội khi quyết định chọn hướng đi sau THPT, chọn nghề tương lai.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- **Tranh** (nếu không có máy tính và máy chiếu): Lí thuyết cây nghề nghiệp; Mô hình chìa khóa XDKHNN; Mô hình LTHT;
- **Sơ đồ** hình lục giác mật mã Holland và bảng: Sáu nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland;
- **Bộ công cụ** tìm hiểu cá tính MBTI: Mỗi phạm trù của bộ công cụ tìm hiểu cá tính được in ra tờ giấy khổ A1 hoặc A2;
- Các bài tập thực hành cho các nội dung trong chuyên đề;
- Máy tính và máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH

Giáo viên giới thiệu và nêu mục tiêu của chuyên đề 1

1. Nội dung 1. Tìm hiểu khả năng, sở thích và cá tính của bản thân

1.1. Mục tiêu

- Phân biệt và bảo vệ được quan điểm của mình về bản thân: *Khả năng, sở thích, và cá tính*;
- Nêu được ước mơ nghề nghiệp của bản thân trên cơ sở đánh giá được mối tương quan giữa bản thân với các hướng đi sau khi tốt nghiệp THPT và ước mơ nghề nghiệp.

1.2. Cách tiến hành

1.2.1. Hoạt động 1.1. Giới thiệu (hoặc nhắc lại) "lí thuyết cây nghề nghiệp"

Giáo viên nghiên cứu **nội dung 1 và nội dung 2, chuyên đề 1- lớp 10** trong tài liệu này để tổ chức *hoạt động 1.1* theo trình tự sau:

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu **Hình 1.1 “Cây nghề nghiệp”** (phụ lục I, chuyên đề 1, lớp 10) và đặt câu hỏi:

- Em hãy mô tả “cây nghề nghiệp” mà em quan sát được ở trong bức tranh?
- Em hiểu như thế nào về “cây nghề nghiệp”?

Tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm đôi 2 câu hỏi trên. Sau đó gọi một vài học sinh chia sẻ hiểu biết của mình về “lí thuyết cây nghề nghiệp”. Giáo viên khái quát lại và nêu tóm tắt nội dung “lí thuyết cây nghề nghiệp”: Các khái niệm và ví dụ về khả năng, sở thích, cá tính, và giá trị nghề nghiệp để dẫn dắt tới tầm quan trọng của việc chọn nghề theo “rễ”²³ cây nghề nghiệp.

1.2.2. Hoạt động 1.2. Ôn lại kiến thức về sở thích và khả năng theo lí thuyết Mật mã Holland đã được học ở lớp 10

Giáo viên nghiên cứu **lí thuyết mật mã Holland** ở nội dung 2, chuyên đề 1, lớp 10 trong tài liệu này để tổ chức *hoạt động 1.2* này theo trình tự sau:

Giáo viên giới thiệu (hoặc nhắc lại) lí thuyết mật mã Holland bằng cách treo hoặc trình chiếu bảng: **Sáu nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland và sơ đồ 2.2. Sơ đồ hình lục giác mật mã Holland** (phụ lục II, chuyên đề 1, lớp 10). Nếu có các bảng in riêng biệt từng nhóm tính cách, có thể dính lên tường quanh lớp để học sinh đến tự đọc. Giáo viên giải thích (hoặc nhắc lại) các nội dung trong bảng và sơ đồ.

Tổ chức cho học sinh thực hành xác định sở thích và khả năng của bản thân thông qua làm **bài tập 1.2. Xác định nhóm sở thích và khả năng của bản thân** (phụ lục XII, chuyên đề 1, lớp 11) trong 20 phút theo 3 bước:

Bước 1. Làm việc cá nhân: Học sinh đối chiếu sở thích, và khả năng của bản thân với các đặc điểm được ghi ở từng nhóm tính cách để xác định mình thuộc nhóm tính cách nào. *Đánh dấu và ghi vào sơ đồ đã vẽ nhóm tính cách của mình.*

Bước 2. Làm việc theo nhóm: Học sinh chia sẻ và trao đổi kết quả bài tập trong nhóm 4 – 5 người. Các thành viên trong nhóm có thể đưa ra ý kiến phản biện lẫn nhau và bảo vệ quan điểm của mình.

Bước 3. Nhận xét: Học sinh tự nhận xét kết quả làm bài tập, sau đó giáo viên đưa nhận xét chung.

1.2.3. Hoạt động 1.3. Giới thiệu “lí thuyết về cá tính”

Vai trò của cá tính trong hướng nghiệp: Qua “lí thuyết cây nghề nghiệp” các em đã biết, cá tính là một yếu tố quan trọng mà các em cần hiểu rõ khi đưa ra quyết định chọn ngành học và nghề nghiệp tương lai. Nếu chọn cho mình ngành nghề không phù hợp với cá tính sẽ dễ gây ảnh hưởng không tốt tới tinh thần của bản thân và hiệu quả công việc.

Ví dụ, những người có cá tính hướng nội, thích suy ngẫm và làm việc một mình, cần thời gian suy nghĩ trước khi phát biểu ý kiến hay ra quyết định, sẽ cảm thấy khó khăn nếu làm một công việc đòi hỏi phải xã giao hàng ngày hoặc cần dành phần lớn thời

²³ Giáo viên đọc các khái niệm và ví dụ về sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp và tầm quan trọng của việc chọn nghề theo “rễ” trong tài liệu ở chuyên đề 1, lớp 10.

gian làm việc để trao đổi và nói chuyện với người lạ.

Lưu ý: Trong thực tế, có những người làm công việc không phù hợp với cá tính nhưng họ vẫn có thể hoàn thành tốt công việc do tính chất công việc phù hợp với khả năng của họ. Tuy nhiên, về lâu dài, sự phát triển công việc không thể tốt bằng khi họ được làm công việc phù hợp với cá tính của mình.

Giáo viên nêu ví dụ thực tế để làm rõ ý trên. Có thể tham khảo ví dụ sau:

*** Ví dụ.** Hà là người có cá tính hướng ngoại, thích gặp gỡ và làm việc với người khác, rất thích hoạt động, không thích ngồi một chỗ, nhưng lại làm công việc kế toán – một công việc đòi hỏi phải dành phần lớn thời gian ngồi lì trước máy tính và làm việc với giấy tờ, con số. Thời gian đầu, Hà vẫn hoàn thành tốt việc được giao do khả năng của Hà phù hợp với công việc. Nhưng dần dần, Hà bắt đầu cảm thấy chán, mất hứng thú trong công việc, không có động lực để phát triển chuyên môn. Rất may là sau một thời gian, Hà được chuyển sang làm công việc huấn luyện các nhân viên mới vào – một vị trí đòi hỏi phải thường xuyên tiếp xúc, hướng dẫn những người trẻ tuổi hơn. Công việc này không phải ngồi một chỗ nhiều như trước đã khiến Hà cảm thấy thoải mái, vui vẻ hơn. Hà trở nên hăng hái làm việc và nghĩ ra nhiều ý tưởng mới cho công việc.

Giáo viên nêu vấn đề: **Làm cách nào để xác định được cá tính của bản thân?**

Giới thiệu công cụ tìm hiểu cá tính MBTI: Hiện nay, trên thế giới có rất nhiều trắc nghiệm khác nhau để tìm hiểu cá tính. Riêng trong hướng nghiệp, rất cần có những trắc nghiệm chuyên biệt để giúp những người muốn tìm hiểu cá tính của bản thân và muốn biết với cá tính của mình thì nên làm việc trong môi trường nào là phù hợp, phát triển tốt. Sau đây thầy/ cô sẽ giới thiệu và hướng dẫn các em sử dụng công cụ tìm hiểu cá tính MBTI²⁴.

Giáo viên giới thiệu nội dung của từng cặp phạm trù trong **bộ công cụ tìm hiểu cá tính MBTI (phụ lục XII, chuyên đề 1, lớp 11)**. Sau đó nhấn mạnh: Ý nghĩa cốt lõi của công cụ cá tính MBTI là không có đặc điểm/xu hướng nào tốt, cũng không có đặc điểm/ xu hướng nào xấu. Tất cả đều có điểm mạnh và điểm yếu của riêng của nó. Điều quan trọng là mỗi người trong chúng ta nhận ra xu hướng của mình, hiểu rõ mình, chấp nhận mình. Từ đó, sống nhẹ nhàng hơn, khoan dung với mình và với mọi người hơn, và có những quyết định nghề nghiệp phù hợp với mình hơn.

²⁴ MBTI được viết tắt của từ Myers-Briggs Type Indicator, tạm dịch là công cụ tìm hiểu cá tính. Chúng tôi chọn MBTI vì những lý do sau: **1/ MBTI** là công cụ được tin tưởng và sử dụng bởi hơn hai triệu người mỗi năm ở 70 quốc gia trên thế giới và phần lớn các công ty trong danh sách 100 công ty trong báo US Fortune, rất nhiều công ty lớn tại Úc, và một số công ty đa quốc gia tại Việt Nam. **2/ MBTI** là một công cụ có bề dày nghiên cứu, và vẫn đang được tiếp tục nghiên cứu để phát triển. **3/ MBTI** đã được dịch và sử dụng ở những quốc gia có nền văn hóa tương tự Việt Nam. **4/** Tuy MBTI là một công cụ mà người sử dụng phải trả tiền, nhưng chúng ta có thể hiểu và dùng những khái niệm chính (miễn phí) để giúp học sinh hiểu thêm về cá tính mà không cần mất tiền. **5/** Chúng tôi đã được phép của công ty CPP, là công ty giữ bản quyền của công cụ MBTI, cho phép dịch và sử dụng một phần của công cụ MBTI ra tiếng Việt với điều kiện dùng trong giáo dục và không được kinh doanh.

1.2.4. Hoạt động 1.4. Thực hành áp dụng tìm hiểu cá tính MBTI

Giáo viên dán các tờ giấy có in sẵn nội dung của **mỗi phạm trù** trong trắc nghiệm MBTI vào tờ giấy khổ A1 lên tường trong lớp học và nêu mục đích, yêu cầu, cách tiến hành như sau:

- **Mục đích:** Học sinh tự xác định được *cá tính* của bản thân để làm cơ sở cho việc chọn nghề.
- **Yêu cầu:** Mỗi học sinh tự xác định *4 xu hướng cá tính* của bản thân trong 4 cặp phạm trù.
- **Cách tiến hành:**

Bước 1. Làm việc cá nhân: Mỗi em hãy đến những vị trí có dán tờ giấy in các cặp phạm trù cá tính, đọc kĩ nội dung được ghi trên giấy. Với mỗi cặp phạm trù, mỗi em được quyết định chọn một “cái” cho mình, hoặc bên trái hoặc bên phải. Các em chú ý, *không được chọn hết cả hai, cũng không được không chọn cái nào*. Khi quyết định chọn, mỗi em hãy để ý đến phần hướng dẫn “70%”, có nghĩa là bên nào các em thấy giống mình nhiều hơn thì chọn bên đó, dù rằng cả hai bên đều có phần của mình. Học sinh ghi vào giấy 4 phạm trù phù hợp với bản thân và một vài nét chính trong phạm trù đó.

Bước 2. Học sinh làm việc theo nhóm 2 hoặc nhóm 4 để chia sẻ, trao đổi trong nhóm về kết quả xác định xu hướng cá tính. Giáo viên khuyến khích các em đưa ra ý kiến phản biện và ý kiến bảo vệ quan điểm của mình.

Thời gian thực hành là 15 phút. Trong thời gian học sinh thực hành, giáo viên có thể đến gần và hỏi một số học sinh về kết quả xác định cá tính của các em.

Chú ý: Nếu giáo viên và học sinh nào muốn tìm hiểu thêm về công cụ khác có thể tham khảo tài liệu tiếng Anh ở địa chỉ <http://www.myersbriggs.org/>, hoặc tài liệu tiếng Việt ở địa chỉ <http://vuontoithanhcong.com/index.php?/forum/84-mbti/>. Xin lưu ý rằng, trang dẫn của tài liệu tiếng Việt, cho đến lúc này (theo hiểu biết của tác giả) chưa được phép của công ty bản quyền trong việc dịch, do đó chỉ nên dùng để tham khảo.

Kết luận nội dung 1: Sở thích, khả năng và cá tính là những yếu tố quan trọng mà mỗi người cần tìm hiểu kĩ càng trước khi chọn nghề. Chỉ khi mỗi người trong chúng ta tự trả lời một cách đầy đủ, chính xác câu hỏi “Mình là ai?”, khi đó chúng ta mới có đủ căn cứ khoa học để chọn nghề theo “rẽ”. Có nhiều cách tìm hiểu bản thân, nhưng tốt nhất là tự mình tìm hiểu bản thân bằng cách làm các trắc nghiệm về sở thích, khả năng, cá tính...

Nội dung cần ghi nhớ: Sở thích nghề nghiệp, khả năng và cá tính của bản thân là những yếu tố chủ quan có ảnh hưởng mang tính quyết định tới việc chọn nghề phù hợp.

2. Nội dung 2. Các hướng đi sau khi tốt nghiệp THPT

2.1. Mục tiêu

Học sinh biết được các hướng đi sau khi tốt nghiệp THPT, từ đó, có sự lựa chọn hướng đi phù hợp trên cơ sở đối chiếu khả năng, sở thích và cá tính của bản thân với các hướng đi sau khi tốt nghiệp THPT.

2.2. Cách tiến hành

2.2.1. Hoạt động 2.1. Giới thiệu lí thuyết xây dựng kế hoạch nghề nghiệp

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu **Mô hình chìa khóa XDKHNN** (phụ lục IX, chuyên đề 3, lớp 10) và chỉ vào từng phần trong hình để giới thiệu các nội dung:

Em là ai?

Ở phần đầu, chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu bản thân để xác định và trả lời được câu hỏi “Em là ai?” trong các lĩnh vực: *Sở thích, khả năng và cá tính*. Đây là phần chính trong “Mô hình chìa khóa xây dựng kế hoạch nghề nghiệp”.

Em sẽ đi về đâu?

Cuối năm lớp 12, học sinh sẽ gặp một trong các trường hợp: Thi đỗ tốt nghiệp hoặc không đỗ tốt nghiệp THPT; Thi đỗ đại học hoặc không đỗ đại học.

Với những học sinh đỗ tốt nghiệp, các em có những lựa chọn sau:

- Học nghề tại cơ sở (TTDN, học nghề tại gia đình hoặc học nghề truyền thống tại làng nghề);
- Thi vào trường nghề;
- Thi vào trường cao đẳng;
- Thi vào đại học;
- Làm kinh tế gia đình hoặc tham gia lao động sản xuất tại địa phương;
- Đi làm ở nơi khác.

Với những học sinh không đỗ tốt nghiệp, sẽ có những chọn lựa sau:

- Học lại lớp 12 để năm tới thi lấy bằng tốt nghiệp THPT;
- Nghỉ học và học nghề tại cơ sở;
- Nghỉ học và làm kinh tế gia đình hoặc tham gia lao động sản xuất tại địa phương;
- Nghỉ học và đi làm ở nơi khác.

Với những học sinh không thi đỗ đại học sẽ có những lựa chọn sau:

- Xin học nghề tại cơ sở (TTDN, học nghề tại gia đình hoặc học nghề truyền thống tại làng nghề);
- Đăng kí vào trường nghề;
- Thi hoặc đăng kí vào trường cao đẳng nghề;
- Ôn thi lại để năm tới tiếp tục thi vào đại học;

- Làm kinh tế gia đình hoặc tham gia lao động sản xuất tại địa phương;
- Đi làm ở nơi khác.

Giáo viên nhấn mạnh, vì rất nhiều lí do khác nhau, các em sẽ chọn lựa các hướng đi khác nhau. Điều quan trọng nhất trong việc xác định hướng đi sau khi thi tốt nghiệp THPT là các em phải hiểu rõ về bản thân, đặc biệt là *sở thích nghề nghiệp và khả năng* (bao gồm cả năng khiếu và kĩ năng) và *hoàn cảnh gia đình*. Sau đó là sự am hiểu hoàn cảnh kinh tế nơi mình sống. Khi các em hiểu rõ mình muốn gì và vì sao mình muốn vậy, các em sẽ ít bị môi trường xung quanh ảnh hưởng đến quyết định của mình và sẽ vững vàng đi trên con đường mình đã lựa chọn. Bên cạnh đó, các em nên nhớ rằng, chọn hướng đi sau khi tốt nghiệp THPT, trong đó có lựa chọn nghề nghiệp tương lai là một cuộc hành trình. Trong cuộc hành trình này, các em có thể thay đổi nhiều lần sự lựa chọn của mình sao cho phù hợp với bản thân và nhu cầu của xã hội, tùy theo từng giai đoạn trong cuộc sống.

Làm sao để đi đến nơi em muốn đến?

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu **hình 2.2. Mô hình lập kế hoạch nghề** (*phụ lục XIII, chuyên đề 1, lớp 11*) và giải thích (hoặc ôn lại) lí thuyết “mô hình lập kế hoạch nghề” mà học sinh đã tìm hiểu ở lớp 9²⁵ để giúp cho học sinh hình dung rõ hơn những bước cần làm trong tương lai. Theo mô hình, trước tiên các em phải thực hiện **3 bước tìm hiểu**: *1/ Tìm hiểu bản thân trong 4 lĩnh vực: sở thích, khả năng (bao gồm cả năng khiếu, khả năng học văn hóa, và những kĩ năng khác), cá tính, và giá trị nghề nghiệp cũng như tình trạng sức khỏe; 2/ Tìm hiểu TTrDLD để biết những công việc đang cần nguồn nhân lực ở thị trường trong vùng và quốc gia; Những nghề đang được xem là có tiềm năng trong tương lai và những kĩ năng thiết yếu mà người lao động cần phải có; 3/ Tìm hiểu những ảnh hưởng từ hoàn cảnh gia đình và hoàn cảnh KT-XH đến việc chọn hướng học, chọn nghề của bản thân.*

Sau khi hoàn tất **3 bước tìm hiểu**, các em cần tiến hành **4 bước hành động**:

- Xác định mục tiêu nghề nghiệp;
- Ra quyết định cho việc chọn lựa nghề nghiệp của mình;
- Thực hiện quyết định đã chọn lựa;
- Từ từ đánh giá xem quyết định ấy có thực sự phù hợp với bản thân hay không.

Lưu ý với học sinh: Các em nên nhớ rằng, cha mẹ luôn đóng vai trò rất quan trọng trong cả quá trình lựa chọn hướng học, chọn nghề, từ các bước tìm hiểu đến khi ra quyết định nghề nghiệp. Vì vậy, các em càng chia sẻ với cha mẹ nhiều, thì quyết định của các em sẽ càng phù hợp với bản thân và gia đình.

Giáo viên nêu một số ví dụ để học sinh hiểu rõ hơn về các hướng đi sau khi thi tốt nghiệp THPT theo lí thuyết “mô hình lập kế hoạch nghề”. Có thể nêu hoặc tham khảo một số ví dụ sau để nêu ví dụ khác cho phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế:

²⁵ Nội dung này được giới thiệu trong tài liệu bổ sung Sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 9.

*** Ví dụ 1. Học sinh đỗ tốt nghiệp THPT, sau đó thi vào đại học**

Trong thời gian trước khi thi tốt nghiệp THPT, Hòa đã tìm hiểu kĩ về bản thân, và phát hiện ra sở thích và khả năng của mình rất phù hợp với công việc phóng viên báo, đặc biệt trong lĩnh vực giải trí và tiếp thị. Em đã quyết định nộp đơn thi vào Ngành Báo chí của trường đại học Xã hội - Nhân văn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi đỗ tốt nghiệp THPT, Hòa đã tích cực ôn thi để thi vào trường Đại học đã nộp đơn đăng kí.

*** Ví dụ 2. Học sinh đỗ tốt nghiệp THPT - thi vào trường cao đẳng gần nhà**

Trong thời gian trước khi thi đại học, cao đẳng, Mai đã tìm hiểu kĩ về bản thân, và phát hiện ra sở thích và khả năng của mình rất phù hợp với công việc kế toán – tài chính. Em có nguyện vọng thi vào trường đại học Ngoại thương Hà Nội, chuyên ngành Kế toán. Nhưng không may, mẹ em bệnh nặng, em lại là con lớn trong gia đình. Nếu em đi học xa nhà thì không ai chăm sóc mẹ và làm công việc gia đình. Do đó, sau khi trò chuyện cùng gia đình, Mai đã quyết định thi vào ngành kế toán ở trường cao đẳng gần nhà.

*** Ví dụ 3. Học sinh không đỗ tốt nghiệp THPT - học thi lại tốt nghiệp THPT, rồi học nghề**

Tâm thi tốt nghiệp THPT nhưng không đỗ. Em rất buồn. Sau khi trò chuyện cùng thầy cô, Tâm phát hiện nguyên nhân chính là do bản thân không tha thiết với việc học văn hóa. Tâm rất khéo léo, thích làm việc với dụng cụ và đồ gỗ. Sau giờ học, em rất thích đến xưởng mộc gần nhà để nhìn các chú cửa, bào, tạo ra những sản phẩm nội thất bằng gỗ. Gia đình thuyết phục Tâm rằng, tấm bằng tốt nghiệp THPT rất quan trọng cho tương lai, và cũng cho phép em học nghề thợ mộc. Vì vậy, Tâm quyết định xin học lại để thi lấy bằng tốt nghiệp THPT. Sau đó, em xin được học nghề ở xưởng mộc gần nhà.

*** Ví dụ 4.** Giáo viên có thể nêu thêm ví dụ trong bài báo: Câu chuyện làm giàu trên đất quê hương (phụ lục XV, chuyên đề 1, lớp 11).

2.2.2. Hoạt động 2.2. Suy ngẫm

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm **bài tập 2.2. Lựa chọn hướng đi tiếp theo sau khi thi tốt nghiệp THPT** (phụ lục XIII, chuyên đề 1, lớp 11) theo 2 bước:

Bước 1. Làm việc cá nhân: Mỗi em hãy suy nghĩ và khoanh vào chữ cái ở đầu câu trả lời phù hợp với hướng đi mà em sẽ chọn cho mình sau khi thi tốt nghiệp THPT;

Bước 2. Làm việc nhóm: Trao đổi, chia sẻ trong nhóm về hướng đi mà bản thân đã lựa chọn. Giáo viên khuyến khích học sinh đưa ra ý kiến phản biện và ý kiến bảo vệ quan điểm của mình.

2.2.3. Hoạt động 2.3. Xác định tương quan giữa khả năng, sở thích và cá tính của bản thân với các hướng đi sau khi tốt nghiệp THPT và chọn nghề

Giáo viên nêu, vừa rồi, chúng ta đã tìm hiểu và xác định được sở thích, khả năng và cá tính của bản thân theo các LTHN. Đây là những căn cứ rất quan trọng để các em xác định hướng đi tiếp theo cũng như đưa ra quyết định lựa chọn ngành học, nghề nghiệp

tương lai phù hợp sau khi tốt nghiệp THPT. Làm được điều này sẽ tạo tiền đề vững chắc cho sự thành công trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

Giáo viên nêu ví dụ minh họa cho vấn đề vừa nêu. Có thể sử dụng ví dụ sau hoặc đưa ra ví dụ khác phù hợp với học sinh và điều kiện thực tế hơn:

*** Ví dụ 1.** Linh là một học sinh có sở thích sử dụng máy vi tính làm nhiều thứ, khám phá nhiều thứ. Linh ao ước sau này ra trường sẽ làm một công việc gì đó có liên quan đến máy tính nhưng không đơn thuần là Công nghệ thông tin. Đặc biệt, Linh rất say mê theo dõi các chương trình thi Robotcom giới thiệu trên truyền hình. Linh còn có sở thích nghiên cứu những thành tựu khoa học, các phát minh khoa học ở Việt Nam và thế giới.

Khả năng: Linh tiếp thu các kiến thức về tin học rất nhanh và có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực có liên quan đến việc học của em như tạo một trang web riêng cho mình, chia sẻ các nguồn tài liệu trên mạng cho các bạn có cùng đam mê với mình... Linh có sức học khá, đặc biệt là các môn tự nhiên như Toán, Lí, Hóa.

Cá tính: Linh là người thích làm việc độc lập. Đôi lúc Linh cũng thích làm việc với một nhóm nhỏ. Linh thuộc nhóm người có khí chất ưu tư.

Điều kiện sức khỏe của Linh đạt mức trung bình, mắt em tốt và có khả năng đáp ứng công việc ngồi một chỗ làm việc với máy vi tính nhiều giờ trong một ngày.

Với những đặc điểm trên cho thấy, Linh có sở thích thuộc nhóm **Kỹ thuật** và khả năng thuộc nhóm **Nghiên cứu**. Kết hợp các yếu tố: *Sở thích, khả năng, cá tính, sức khỏe và kết quả học tập* ở phổ thông cho thấy, Linh nên chọn các ngành nghề có ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất, đặc biệt là các nghề có liên quan đến Robot.

Như vậy, ngành học thích hợp nhất với Linh là ngành Tự động hóa, ngành thích hợp thứ hai là Công Nghệ thông tin và chuyên ngành Thiết kế phần mềm...

Nếu chọn vào ngành Tự động hóa thì công việc phù hợp đối với Linh là ứng dụng công nghệ thông tin để lập quy trình sản xuất tự động như tay máy, người máy. Nếu chọn vào ngành thiết kế phần mềm thì công việc phù hợp với Linh là thiết kế phần mềm ứng dụng cho đơn vị sản xuất như điều hành dây chuyền sản xuất, lắp ráp sửa chữa linh kiện thông qua mạng...

Hiện nay các trường có đào tạo ngành Tự động hóa và Ứng dụng Công nghệ thông tin là các trường ĐHBK, đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN), ĐHSP Kỹ thuật và một số ngành Công nghệ thông tin của các trường cao đẳng, đại học dân lập trên toàn quốc.

*** Ví dụ 2.** Phương là học sinh có sở thích ca hát, múa và diễn kịch.

Phương có năng khiếu là hát rất hay và có khả năng thuộc bài hát, điệu múa rất nhanh. Phương thích xem ca múa nhạc trong các chương trình truyền hình, băng đĩa và bắt chước họ diễn lại gần như đạt 70%. Phương có sức học trung bình khá và kết quả môn văn của em cũng đạt loại khá. Cá tính: thích nói chuyện tình cảm nhẹ nhàng, lãng mạn. Khí chất thuộc nhóm sôi nổi.

Kinh tế gia đình thuộc diện gia đình cận nghèo.

Qua các đặc điểm nêu trên cho thấy, Phương có sở thích thuộc nhóm Nghệ thuật và có năng khiếu cũng thuộc nhóm Nghệ thuật. Vì vậy, các ngành nghề thích hợp với Phương là các ngành thuộc về nghệ thuật.

Để thỏa mãn ước mơ, đồng thời phù hợp với kết quả học tập và hoàn cảnh kinh tế gia đình, Phương nên thi vào trường Trung cấp Văn hóa – Nghệ thuật tại địa phương. Nếu có điều kiện kinh tế và bản thân nỗ lực phấn đấu học tập thì Phương có thể thi vào trường Cao đẳng Văn hóa – Nghệ thuật. Tại các trường này, Phương sẽ thi môn Văn và các môn năng khiếu. Với môn năng khiếu thì Phương sẽ dễ dàng vượt qua. Đối với môn văn, em cũng có khả năng thi đỗ cao do sức học khá. Mặc khác, học Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật hay Cao đẳng Văn hóa – Nghệ thuật tại địa phương thì thời gian học của em chỉ từ 18 tháng đến 2 năm rưỡi. Như vậy, em sẽ kết thúc học tập sớm, ra trường sớm và tìm việc làm tại Nhà văn hóa địa phương hoặc các câu lạc bộ ca nhạc hoặc các đoàn văn công của tỉnh nhà để tự nuôi sống mình... Học gần nhà, Phương sẽ tiết kiệm được chi phí đi lại và ngày nghỉ vẫn có thể về phụ giúp gia đình. Chọn một nghề phù hợp với năng khiếu, sở thích, kết quả học tập, cá tính, và hoàn cảnh kinh tế gia đình thì chắc chắn Phương sẽ đạt được thành công.

Thực hành áp dụng: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm **bài tập 2.3** (phụ lục XIII, chuyên đề 1, lớp 11) và giao cho học sinh hoàn thành bài tập ở nhà, coi như đây là bài tập đánh giá cuối chuyên đề.

Kết luận nội dung 2: Sau khi thi tốt nghiệp THPT, có nhiều hướng đi tiếp cho các em. Hãy dựa vào *sở thích, khả năng và cá tính* của bản thân để lựa chọn hướng đi tiếp theo cho phù hợp. Tùy theo khả năng của bản thân, em có thể tiếp tục học ở bậc cao hơn, cũng có thể đăng kí học nghề hoặc tham gia ngay vào cuộc sống lao động sản xuất. Dù đi theo hướng nào, nhất định thành công sẽ đến với em nếu như em chọn được hướng đi phù hợp.

Nội dung cần ghi nhớ: Chọn hướng đi phù hợp với sở thích, khả năng và cá tính của bản thân.

3. Nội dung 3. Những yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn hướng đi sau THPT, chọn nghề của bản thân

3.1. Mục tiêu

Học sinh xác định, phân tích được những thuận lợi, khó khăn của bản thân, hoàn cảnh gia đình và xã hội và tự đề xuất được biện pháp để đạt được ước mơ, KHNN.

3.2. Cách tiến hành

3.2.1. Hoạt động 3.1. Giới thiệu lí thuyết hệ thống

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu mô hình **Lí thuyết hệ thống** (phụ lục IV, chuyên đề 1, lớp 10) và giải thích:

a. Trung tâm của LTHT là vòng tròn trong cùng. Vòng tròn này thể hiện sự tương tác giữa các yếu tố của **bản thân học sinh**, bao gồm *sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp, sức khỏe, giới tính, vị trí của học sinh trong gia đình, ước mơ, và những yếu tố khác*, ví dụ định kiến và khuôn mẫu giới có thể tác động đến việc hình thành các yếu tố "rễ" cây nghề nghiệp. Càng hiểu rõ bản thân, các em càng dễ dàng định hướng nghề nghiệp và đưa quyết định phù hợp nhất cho bản thân.

b. Vòng tròn thứ hai là những yếu tố ảnh hưởng đến bản thân các em nhiều nhất trong quyết định chọn hướng học, chọn nghề, bao gồm:

- **Gia đình:** Đối với yếu tố này, các em cần tìm hiểu để biết rõ *ai là người ảnh hưởng đến em nhiều nhất? Ai là người giúp em ra quyết định từ nhỏ đến lớn? Ai là người em ngưỡng mộ nhiều nhất? Ai là người em thường trò chuyện, tâm sự nhất?* Những người này, không nhất thiết phải là cha hoặc mẹ, mà có thể là một thành viên trong đại gia đình như bác, cậu, dì, cô, chú, hay anh, chị họ.
- **Hoàn cảnh kinh tế gia đình:** Các em cần tìm hiểu để biết rõ gia đình có *khả năng tài chính* hỗ trợ em trong suốt thời gian đi học sau khi tốt nghiệp THPT hay không? Nếu có thì ở mức độ nào: Tại một trường đại học ở xa nhà, nơi mà hàng tháng phải chi trả tiền ăn, ở rất cao hay chỉ có thể học ở gần nhà vì gia đình chỉ đủ khả năng chi trả tiền học phí? Tại trường đại học công, nơi mà tiền học phí ít hơn nhiều so với trường đại học tư? Hay gia đình chỉ có đủ khả năng tài chính cho em học nghề tại một trường nghề gần nhà, trong thời gian ngắn?
- **Điều kiện giáo dục:** Các em cần biết rõ mình được học tập trong điều kiện như thế nào và sức học của mình ra sao. Ví dụ, từ nhỏ đến lớn, em luôn được học tại trường điểm, và đủ sức học để thi vào một trường công nổi tiếng, hay em chỉ đủ sức thi vào một trường đòi hỏi điểm vào thấp hơn? ...
- **Thị trường tuyển dụng lao động:** Các em cần biết rõ ngành học phù hợp với sở thích và khả năng của mình được đào tạo ở những trường nào? Ở đâu? Điểm tuyển sinh đầu vào có cao không? Sau khi ra trường, công việc mà em lựa chọn có dễ được tuyển dụng không? Theo dự báo của Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội, nhu cầu TDLĐ đối với công việc này trong tương lai như thế nào?...

Giáo viên lưu ý là 4 yếu tố trên đều có thể bị tác động bởi định kiến và khuôn mẫu giới.

- **Vị thế kinh tế quốc gia:** Kinh tế Việt Nam trong vòng năm năm tới sẽ phát triển theo hướng nào? (dịch vụ hay công nghiệp hay nông nghiệp...), Nhà nước có chính sách phát triển kinh tế đất nước như thế nào? (Ví dụ: hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hay giảm thuế cho các ngành nông nghiệp), sự quan tâm và đầu tư của các nước trong khu vực ASEAN hay thế giới đối với kinh tế Việt Nam như thế nào?... Hiểu biết về vị thế kinh tế quốc gia giúp cho các em biết được triển vọng của ngành học và nghề nghiệp mà các em đã chọn.

c. Vòng tròn thứ ba (ngoài cùng) của LTHT chỉ đến sự *tác động của thời gian* đến mỗi người và những ảnh hưởng người đó nhận được. Những gì xảy ra trong quá khứ sẽ ảnh hưởng đến hiện tại. Quyết định của hiện tại sẽ ảnh hưởng đến kết quả tương lai. Hơn nữa, những tác động đến các em trong việc chọn ngành, nghề sẽ thay đổi theo thời gian. Ý kiến của gia đình có thể là quan trọng nhất trong hiện tại, nhưng khi các em ra trường đi làm, thì ý kiến của bạn bè và đồng nghiệp có thể sẽ đóng vai trò quan trọng hơn.

Mức độ ảnh hưởng của tất cả những yếu tố kể trên (và có thể cả một số yếu tố khác) đối với quyết định chọn hướng học, chọn nghề tùy thuộc vào hoàn cảnh của mỗi em. Điều quan trọng nhất là mỗi em phải biết được mức độ ảnh hưởng, lí do ảnh hưởng, và chịu trách nhiệm hoàn toàn với quyết định của mình.

Giáo viên lưu ý: Hình vẽ LTHN trên đây chỉ bao gồm một số yếu tố cơ bản cho hai vòng tròn bên trong; tuy nhiên, trong thực tế, sẽ có nhiều yếu tố hơn. Vì vậy, giáo viên nên khuyến khích học sinh tự tìm tòi, phát hiện, khám phá những yếu tố chưa được thể hiện trong mô hình. Ví dụ, ở vòng tròn trong cùng có thể điền thêm các yếu tố như niềm tin tôn giáo, năng khiếu, sức khỏe... Ở vòng tròn thứ hai có thể điền thêm các yếu tố như báo chí, vị trí vùng miền mà học sinh đang sống, tình hình chính trị của địa phương và quốc gia...

Sau khi giới thiệu về LTHT, giáo viên nêu tình huống, một học sinh lớn lên trong gia đình truyền thống, và người ảnh hưởng tới em nhất là cha em. Cha muốn em học một ngành nào an nhàn, sau đó làm một công việc ổn định, rồi lập gia đình và lo cho gia đình. Nhưng bản thân em học sinh này sau khi tìm hiểu đã nhận ra mình thích và có khả năng theo học ngành truyền thông – quảng cáo vì công việc trong ngành này năng động, cho phép em được tiếp xúc nhiều người, đi nhiều nơi, làm việc ở các vị trí nhiều thử thách. Như vậy, sự lựa chọn ngành, nghề của em học sinh này trái với mong muốn của người cha. Khả năng cha em đồng ý cho em học ngành em thích là rất thấp.

Trong trường hợp của em học sinh này, sẽ có vài chọn lựa:

- Thuyết phục cha cho phép mình theo học ngành mình yêu thích;
- Tìm một ngành học gần nhất với ngành mình thích, nhưng có độ an toàn cao hơn, để dễ thuyết phục cha hơn, và theo học ngành ấy. Sau đó, khi ra trường sẽ từ từ chuyển sang làm ở lĩnh vực em thích;
- Học một ngành theo ý cha, dù rằng ngành ấy trái với sở thích và khả năng của mình.

Giáo viên tổ chức cho học sinh trao đổi và đưa ra phương án giải quyết tình huống theo cách nghĩ của bản thân. Sau đó, gọi một vài học sinh nêu ý kiến của mình và giáo viên khái quát lại: Nhận thức rõ LTHT sẽ giúp các em đưa ra quyết định nghề nghiệp tốt hơn nhiều so với khi chưa hiểu rõ. Trong trường hợp của em học sinh vừa nêu, với sự trợ giúp của giáo viên, nhiều khả năng em sẽ chọn quyết định thứ nhất hay thứ hai, ít khi chọn quyết định thứ ba. Dù em học sinh này quyết định ra sao, việc em hiểu rõ vì sao mình ra quyết định ấy sẽ giúp em không trách cứ bất cứ ai, kể cả bản thân, nếu kết quả của quyết định ấy không tốt trong tương lai.

3.2.2. Hoạt động 3.2. Thực hành áp dụng lí thuyết hệ thống

Giáo viên nêu mục đích, yêu cầu và tổ chức cho học sinh làm **bài tập 3.2** (phụ lục XIV, chuyên đề 1, lớp 11) theo 2 bước:

Bước 1. Làm việc cá nhân

Bước 2. Trao đổi, chia sẻ trong nhóm về kết quả làm bài tập.

Sau phần trình bày của học sinh, giáo viên khái quát lại và thuyết trình: Hướng nghiệp là một cuộc hành trình đầy những bắt đầu mới và cũng đầy bất ngờ. Cuộc hành trình này không phải là đi trên con đường trải đầy hoa, được vẽ sẵn và không bao giờ thay

đổi. Có rất nhiều người vì hoàn cảnh bản thân mà không thể ngay lập tức theo đuổi ước mơ nghề nghiệp của mình. Đầu tiên, họ phải làm những công việc mà bản thân không yêu thích để giúp họ tự lập. Khi kinh tế khá lên, họ sẽ từ từ chuyển sang nghề nghiệp yêu thích. Hoặc, có nhiều người phải chọn làm một công việc bản thân không yêu thích nhưng cũng không ghét bỏ, chỉ vì nó cho hiệu quả kinh tế tốt. Để theo đuổi những sở thích riêng của mình, họ sẽ dùng thời gian rảnh rỗi làm những việc mình yêu thích. Ví dụ, một người làm công việc thủ thư trong thư viện. Khi có thời gian rảnh rỗi thì đi chụp hình, tham gia triển lãm ảnh, du lịch v.v. Cho dù là ở trong trường hợp nào, nếu các em nhận thức được bản thân và hoàn cảnh của mình để từ đó đưa ra quyết định hướng nghiệp, thì nhất định các em sẽ tìm ra hướng đi mà mình mong muốn.

Kết luận nội dung 3 và toàn chuyên đề: Quyết định chọn nghề của mỗi người chịu ảnh hưởng của các yếu tố nội tại của bản thân mỗi người như sở thích, khả năng, cá tính và các yếu tố khách quan như hoàn cảnh gia đình, cộng đồng, xã hội... Vì vậy, trước khi ra quyết định chọn nghề, cần tìm hiểu bản thân, đồng thời tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng tới bản thân trong việc chọn nghề để có quyết định chọn nghề vừa phù hợp với sở thích, nguyện vọng, khả năng và cá tính của bản thân, vừa phù hợp với hoàn cảnh gia đình và nhu cầu lao động của xã hội.

Nội dung cần ghi nhớ: Các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến quyết định chọn hướng đi sau THPT và chọn nghề của bản thân.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Giáo viên sử dụng các kết quả làm bài tập của học sinh trong chuyên đề này để đánh giá mức độ lĩnh hội các LTHN, khả năng vận dụng các lí thuyết đó vào việc tìm hiểu bản thân và các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn hướng đi, chọn ngành, chọn nghề của học sinh.

V. NHIỆM VỤ CHO CHUYÊN ĐỀ TIẾP THEO

Giáo viên chia lớp thành các nhóm, 4 học sinh/ nhóm. Sau đó sử dụng PPDH dự án hoặc PPDH hợp đồng để mỗi nhóm học sinh tự nhận tìm hiểu 1 – 2 nghề thuộc các lĩnh vực: Giao thông vận tải; Địa chất; Kinh doanh; Dịch vụ; Năng lượng; Bưu chính; Viễn thông; Công nghệ thông tin; An ninh; Quốc phòng và một số nghề phổ biến khác.

Giáo viên nhắc học sinh sử dụng cấu trúc “bản mô tả nghề” đã học ở lớp 10 (*phụ lục VII, chuyên đề 2, lớp 10*) và khả năng tìm thông tin về nghề để hoàn thành nhiệm vụ đã nhận. Nếu năm học lớp 10, học sinh chưa được giới thiệu về cấu trúc “bản mô tả nghề” thì giáo viên cần hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghề theo các nội dung sau: *Tên nghề; Công cụ lao động của nghề; Vật liệu cần được sử dụng để làm nghề; Các bước công việc cần được thực hiện từ khi bắt đầu đến khi kết thúc quá trình làm nghề; Sản phẩm chính của nghề; Điều kiện để làm nghề (sức khỏe, kiến thức, khả năng, phẩm chất...); Nơi đào tạo nghề và triển vọng của nghề (ghi theo cách hiểu của em).*

Các em có thể hỏi những người xung quanh về nghề đã nhận tìm hiểu hoặc tra cứu thông tin trên mạng Internet.

Chú ý ghi lại các thông tin đã tìm hiểu được về nghề.

VI. PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 1, LỚP 11

- **Phụ lục XII.** Bài tập 1.2; Bộ công cụ tìm hiểu tính cách MBTI;
- **Phụ lục XIII.** Hình 2.2. Mô hình lập kế hoạch nghề; Bài tập 2.2; Bài tập 2.3;
- **Phụ lục XIV.** Bài tập 3.2;
- **Phụ lục XV.** Câu chuyện làm giàu trên đất quê hương.

PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 1, LỚP 11

PHỤ LỤC XII

Bài tập 1.2. XÁC ĐỊNH NHÓM SỞ THÍCH VÀ KHẢ NĂNG CỦA BẢN THÂN

Em hãy vẽ sơ đồ mật mã Holland vào vở hoặc giấy. Sau đó, đọc kĩ từng nội dung trong bảng Sáu nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland để trả lời các câu hỏi sau:

- Em nhận thấy mình thuộc nhóm tính cách nào? Hãy khoanh tròn vào kí hiệu của nhóm đó trên sơ đồ (có thể 1 hoặc 2 nhóm);
- Tính đến hiện tại, em thấy mình có những *khả năng* và *sở thích* nào phù hợp với những nghề trong nhóm mình đã chọn? Hãy ghi những *khả năng* và *sở thích* đó vào bên cạnh nhóm đã khoanh tròn trong sơ đồ lục giác mật mã Holland;
- So sánh với *sở thích* và *khả năng* của bản thân mà em đã xác định khi còn học lớp 9, lớp 10, em thấy có những điểm nào giống và khác?

Em có tự tin rằng mình có khả năng học và rèn luyện những kĩ năng cần có cho nhóm sở thích nghề em đã chọn hay không? Vì sao?

BỘ CÔNG CỤ TÌM HIỂU CÁ TÍNH MBTI

Phạm trù 1

Chiều hướng mà học sinh tập trung sự chú ý và năng lượng.

Chú ý: Ở những thời điểm khác nhau trong đời sống hàng ngày, mỗi người đều sẽ thấy mình có cả hai xu hướng: Hướng ngoại và hướng nội, nhưng để xác định mình thuộc xu hướng nào thì điều quan trọng là phải dựa vào cường độ của những xu hướng này. Nếu một người có xu hướng hướng ngoại hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng hướng ngoại. Và cũng tương tự như vậy, nếu một người có xu hướng hướng nội hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng hướng nội.

Hướng ngoại

Người có xu hướng hướng ngoại thường là người lấy năng lượng, cảm hứng từ những người khác và những trải nghiệm thực tế. Khi mệt mỏi, họ thích được xã giao, gặp bạn bè, tham gia hoạt động, ra khỏi nhà hoặc trò chuyện cùng nhiều người.

Người có xu hướng hướng ngoại thường là người cần sự tương tác và bị hấp dẫn bởi những tác động hoặc điều kiện bên ngoài. Họ bộc lộ những suy nghĩ và cảm xúc một cách thoải mái, thân thiện, và dễ làm quen với mọi người xung quanh.

Hướng nội

Người có xu hướng hướng nội thường lấy cảm hứng từ những thôi thúc bên trong, và từ những chiêm nghiệm của bản thân. Khi mệt mỏi họ thích được ở một mình, trong yên tĩnh để suy nghĩ, hoặc nếu có nhu cầu gặp gỡ người khác thì cũng chỉ là một số rất ít các bạn thật thân.

Người có xu hướng hướng nội thường là người cần sự riêng tư, dễ bị áp lực bởi những tác động hoặc điều kiện bên ngoài. Họ giữ kín những suy nghĩ và cảm xúc cho riêng mình và mất thời gian lâu để kết bạn với người khác.

Cá tính trong hướng nghiệp

Người có xu hướng hướng ngoại phù hợp với những công việc thường xuyên đòi hỏi sự tương tác với người khác, nhất là với người xa lạ.

Ví dụ: Nhân viên marketing, nhân viên bán hàng, chuyên viên quan hệ công chúng (PR), người dẫn chương trình...

Người có xu hướng hướng nội phù hợp với những công việc thường xuyên làm việc một mình hay tương tác với rất ít người.

Ví dụ: Kỹ sư phần mềm, nhân viên thủ kho...

Phạm trù 2

Cách thức chúng ta tiếp nhận thông tin và dạng thông tin mà chúng ta yêu thích, tin cậy

Chú ý: Ở những thời điểm khác nhau trong đời sống hàng ngày, mỗi người đều sẽ thấy mình có cả hai xu hướng: **Tri giác** và **trực giác**, nhưng để xác định được mình thuộc xu hướng nào thì điều quan trọng là phải dựa vào **cường độ** của những xu hướng này. Nếu một người có xu hướng tri giác hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng tri giác. Và cũng tương tự như vậy, nếu một người có xu hướng trực giác hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng trực giác.

Tri giác	Trực giác
Người có xu hướng tri giác thường tin tưởng vào những thông tin hiện thời, xác thực, và cụ thể; Những thông tin có thể cảm nhận được bằng 5 giác quan. Họ nghi ngờ cái gọi là “linh tính”. Họ thích xử lý những vấn đề thực tế, thích những thứ có thể xác định được, đo lường được. Thích sử dụng và cải tiến những điều đã biết và những điều tương tự với những điều đã biết. Họ rất giỏi trong việc để ý những chi tiết của một câu chuyện, bức tranh, hay vấn đề. Đối với họ, ý nghĩa của một câu chuyện nằm trong dữ liệu rõ ràng, đo lường được.	Người có xu hướng trực giác thường tin tưởng vào những thông tin thuộc loại trừu tượng hoặc lí thuyết. Họ thích hình dung những khả năng có thể xảy ra, thích những cơ hội để thể hiện óc sáng tạo, và thích trải nghiệm với những điều mới lạ. Đối với họ, ý nghĩa của một câu chuyện không nằm trong dữ liệu trước mắt mà thường là ẩn trong những nguyên lí được biểu thị qua các dữ liệu. Họ có khả năng nhìn thấy những mẫu hình hoàn chỉnh của một câu chuyện, bức tranh, hay vấn đề; Rất giỏi trong việc nhìn toàn cảnh và chỉ ra mối liên hệ giữa các chi tiết trong một câu chuyện, bức tranh, hay vấn đề.
Cá tính trong hướng nghiệp	
Người có xu hướng tri giác phù hợp với những công việc thường xuyên đòi hỏi sự tỉ mỉ, chi tiết, và thực tế. Ví dụ: Kế toán, Thư kí giám đốc, Tổng Giám đốc...	Người có xu hướng trực giác phù hợp với những công việc thường xuyên đòi hỏi khả năng nhìn toàn cảnh, và trí tưởng tượng về những gì có thể xảy ra. Ví dụ: Chuyên viên phân tích đầu tư, nhà văn...

Phạm trù 3**Cách chúng ta đưa ra những quyết định**

Chú ý: Ở những thời điểm khác nhau trong đời sống hàng ngày, mỗi người đều sẽ thấy mình có cả hai xu hướng: **Lí tính** và **cảm tính**, nhưng để xác định được mình thuộc xu hướng nào thì điều quan trọng là phải dựa vào **cường độ** của những xu hướng này. Nếu một người có xu hướng lí tính hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng lí tính. Và cũng tương tự như vậy, nếu một người có xu hướng cảm tính hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng cảm tính.

Lí tính	Cảm tính
Người có xu hướng <i>lí tính</i> thường quyết định bằng khối óc, dựa vào những suy luận hợp lí, và lo lắng về những nguyên tắc như: <i>Lẽ phải, sự công bằng</i>. Người có xu hướng lí tính giỏi trong việc phân tích những kế hoạch và có khả năng đặt mình ngoài cuộc để nhìn nhận sự việc.	Người có xu hướng <i>cảm tính</i> thường quyết định bằng con tim, dựa vào những niềm tin của bản thân, và lo lắng về những giá trị sống như: Những mối quan hệ, sự hòa hợp. Người có xu hướng cảm tính giỏi trong việc hiểu người khác và có khả năng đặt mình vào vị trí người trong cuộc để nhìn nhận sự việc.
Cá tính trong hướng nghiệp	
Người có xu hướng lí tính phù hợp với những công việc đòi hỏi khả năng phân tích kế hoạch và đặt mình ngoài cuộc để nhìn nhận sự việc. Ví dụ: Nhân viên phân tích tài chính, Luật sư...	Người có xu hướng cảm tính phù hợp với những công việc đòi hỏi khả năng hiểu người khác và đặt mình vào vị trí người trong cuộc để nhìn nhận sự việc. Ví dụ: Giáo viên, Chuyên viên tư vấn tâm lí...

Phạm trù 4

Thái độ của chúng ta đối với thế giới bên ngoài và cách chúng ta sắp xếp cuộc sống

Chú ý: Ở những thời điểm khác nhau trong đời sống hàng ngày, mỗi người đều sẽ thấy mình có cả hai xu hướng: **Ngăn nắp** và **linh hoạt**, nhưng để xác định được mình thuộc xu hướng nào thì điều quan trọng là phải dựa vào **cường độ** của những xu hướng này. Nếu một người có xu hướng ngăn nắp hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng ngăn nắp. Và cũng tương tự như vậy, nếu một người có xu hướng linh hoạt hơn 70% thời gian sống, thì người đó có xu hướng linh hoạt.

Ngăn nắp

Người có xu hướng ngăn nắp thường thích lối sống được tổ chức, thích những trật tự và cấu trúc đã được xác định, thích có một cuộc sống đã được tính toán trước.

Người có xu hướng ngăn nắp cần những giới hạn và những sự phân loại rõ ràng, và thường giải quyết những yêu cầu, những kế hoạch trước thời hạn được giao.

Linh hoạt

Người có xu hướng linh hoạt thích lối sống linh hoạt, thích theo ý kiến đa số, và thích cuộc sống được diễn ra tự nhiên, “chuyện gì đến sẽ đến”.

Người có xu hướng linh hoạt cần có sự tự do được khám phá không giới hạn, và thường “đội nước đến chân mới nhảy”.

Cá tính trong hướng nghiệp

Người có xu hướng ngăn nắp phù hợp với những công việc đòi hỏi khả năng ngăn nắp, tổ chức, trật tự. Họ phù hợp với môi trường làm việc rõ ràng, có luật lệ chặt chẽ, đâu ra đó.

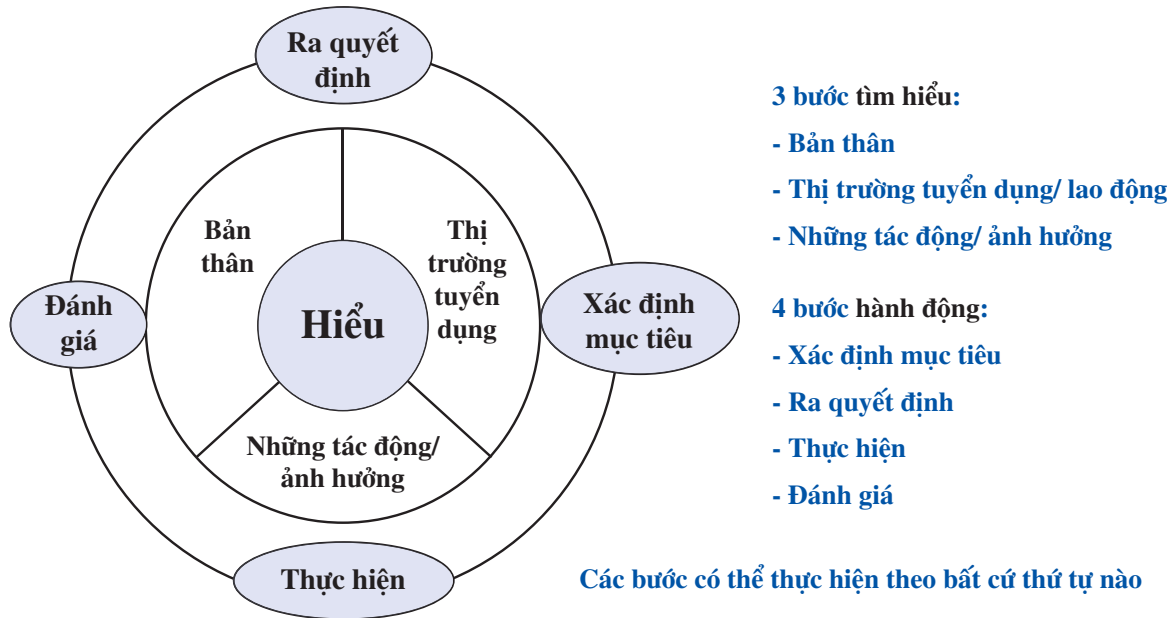
Ví dụ: Quản lý thư viện, Nhân viên thuế

Người có xu hướng linh hoạt phù hợp với những công việc đòi hỏi khả năng đáp ứng với môi trường thay đổi liên tục. Họ phù hợp với môi trường làm việc linh động, tự do, ít luật lệ, và được thả sức sáng tạo hay làm theo ý riêng.

Ví dụ: Chuyên viên kinh doanh quảng cáo, Đầu bếp, nghệ sĩ biểu diễn, Nghệ sĩ nhiếp ảnh, Sáng tác...

PHỤ LỤC XIII

Hình 2.2. MÔ HÌNH LẬP KẾ HOẠCH NGHỀ



Bài tập 2.2. LỰA CHỌN HƯỚNG ĐI SAU KHI THI TỐT NGHIỆP THPT

Hãy hình dung đến những ngày sau khi thi tốt nghiệp lớp 12

1. Trong những “con đường” sau, em sẽ lựa chọn “con đường” nào sau khi thi tốt nghiệp lớp 12?

- Học nghề tại địa phương;
- Thi vào trường nghề;
- Thi vào trường cao đẳng;
- Thi vào trường đại học;
- Làm kinh tế gia đình;
- Tham gia lao động sản xuất ở địa phương;
- Đi làm ở nơi khác;
- “Con đường” khác:

2. Trong trường hợp không đỗ tốt nghiệp lớp 12, em sẽ làm gì?

- Học lại để thi lại tốt nghiệp lớp 12;
- Nghỉ học và học nghề tại địa phương;
- Nghỉ học và học nghề tại trường nghề hoặc TCN tuyển sinh trình độ THCS trở lên;
- Nghỉ học và ở nhà làm kinh tế gia đình;

- e. Nghỉ học và đi làm ở nơi khác;
- f. Tham gia lao động sản xuất ở địa phương;
- g. Hướng khác:

3. Mục tiêu lâu dài của em là gì?

- a. Tự nuôi sống bản thân;
- b. Từng bước tạo lập tài chính cho bản thân, để một ngày nào đó ra ở riêng và tạo dựng một gia đình mới, một sự nghiệp mới cho riêng mình;
- c. Từng bước tự lập tài chính cho bản thân, để một ngày nào đó được tự do làm những việc mình thích như đi du lịch thế giới, làm chủ doanh nghiệp, thành lập trang trại lớn v.v...
- d. Mục tiêu khác:

Bài tập 2.3. XÁC ĐỊNH TƯƠNG QUAN GIỮA KHẢ NĂNG, SỞ THÍCH, CÁ TÍNH VÀ GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP CỦA BẢN THÂN VỚI CÁC HƯỚNG ĐI SAU KHI TỐT NGHIỆP THPT VÀ CHỌN NGHỀ

Tên học sinh:.....

Em hãy sử dụng các kết quả tìm hiểu sở thích, khả năng, và cá tính ở phần trước để điền vào chỗ trống (hoặc viết xuống dưới) trong bài tập sau:

Nhóm sở thích của học sinh:	Khả năng:	Cá tính:	Điều kiện sức khỏe:	Công việc phù hợp với nhóm sở thích, khả năng, cá tính và điều kiện sức khỏe của học sinh:	Ngành học phù hợp: Trường học phù hợp:
	Năng khiếu:				
	Kĩ năng:				

PHỤ LỤC XIV

Bài tập 3.2. THỰC HÀNH ÁP DỤNG LÝ THUYẾT HỆ THỐNG

1. Em hãy vẽ mô hình LTHT vào giấy hoặc vở theo yêu cầu sau:

- ▶ Ở vòng tròn trong cùng: Vẽ 4 vòng tròn và ghi chữ sở thích, khả năng, cá tính, giới tính vào từng vòng tròn. Từ mỗi vòng tròn nhỏ ấy, kẻ 1 đường thẳng ra bên ngoài và ghi tóm tắt sở thích, khả năng, và cá tính của bản thân đã xác định được.
- ▶ Ở vòng tròn thứ hai: Vẽ 3 vòng tròn và ghi ra 3 yếu tố hiện tại đang ảnh hưởng đến em nhiều nhất. Từ mỗi vòng tròn ấy, kẻ 1 đường thẳng ra bên ngoài để giải thích:
 - Yếu tố đó đang ảnh hưởng như thế nào đến việc chọn ngành, nghề của bản thân em?
 - Vì sao yếu tố này ảnh hưởng đến em nhiều như vậy?

2. Em hãy suy nghĩ và trả lời những câu hỏi sau:

- ▶ Tôi hiểu bản thân mình ở mức độ:
 - Ít
 - Vừa
 - Nhiều
- ▶ Yếu tố ảnh hưởng tới tôi một cách
 - Tích cực là yếu tố.....
 - Tiêu cực là yếu tố.....
- ▶ Tôi hiểu rõ định hướng nghề nghiệp của mình ở mức:
 - Ít
 - Vừa
 - Nhiều

PHỤ LỤC XV

CÂU CHUYỆN LÀM GIÀU TRÊN ĐẤT QUÊ HƯƠNG

Lập nghiệp với một con bò mẹ và một bê con mua từ 5 triệu đồng vay năm 2006, chàng trai đất Bến Tre, Nguyễn Quốc Nở (sinh 1982) bây giờ đã có gia tài với 1 ha nuôi tôm, hơn 10 ha lúa và một dàn máy làm nông nghiệp.

Quyết không rời quê

Ở ấp An Khương A, xã An Điền, huyện Thạnh Phú (Bến Tre), Quốc Nở được nông dân ở đây gọi bằng tên thân mật “Nở phóng lúa”. “Thằng Nở phóng lúa thì ngon phải biết. Bà con ở đây rất yên tâm vì thằng nhỏ làm rất nhiệt tình” – bác Hai, một nông dân ở đây, giải thích.

Tốt nghiệp THPT, phần đông bè bạn của Nở lên thành phố học Đại học, đi làm công nhân, chỉ còn số ít quyết ở lại bám lấy nghề nông nối nghiệp gia đình, trong đó có Nở. Nhà nghèo, anh em đông nên làm chung ruộng với cha mẹ không giúp chàng thanh niên có sự nghiệp riêng.

Anh tìm đến Ngân hàng chính sách vay 5 triệu đồng để có tiền nuôi bò. Từ những con bò đầu tiên, Nở tích lũy tiền lời mua máy xới đất, rồi tiến tới máy gặt đập. Tiếng lành đồn xa, thương hiệu “Nở phóng lúa” giúp chàng trai Bến Tre liên tiếp nhận được “đặt hàng” của bà con gần xa. Cũng từ những đồng vốn đó, Nở mở rộng sang việc nuôi tôm, cua và đang thu hoạch hơn 10 ha lúa mỗi năm.

Cũng giống như Nở, gia đình của Trần Thiện Tâm (sinh 1986) ở xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới (An Giang) gắn bó với đồng ruộng hơn ba đời nay. Tâm kể: “Càng lớn tôi càng quan tâm hơn đến việc làm nông của gia đình, đặc biệt là nỗi vất vả của cha khi những chiếc máy liên tục trở chứng khiến việc cày cấy chậm lại.

Đó cũng là lí do khi tốt nghiệp THPT tôi chọn thi vào khoa chế tạo cơ khí Trường TCN An Giang chứ không lên thành phố như bạn bè cùng lớp”.

Sau một năm tốt nghiệp cộng với việc đi tìm hiểu thêm về những chiếc máy cày, máy gặt lúa, Tâm bắt tay vào việc mở xưởng ngay tại nhà. Ông Trần Minh Nhân – cha Tâm – nói khi biết con đi tiếp con đường làm nông theo hướng mới rất mừng. “Tui khoái khi nghe nó nói sẽ mở xưởng sửa máy móc và lập nghiệp ở quê” – ông tâm sự.

Khởi sự của Tâm là sửa chữa lỗi của những chiếc máy mà bà con hàng xóm mua dùng làm ruộng nhưng không đạt năng suất cao hoặc hay hư vặt. Đến khi lành nghề, anh tự chế tạo ra những chiếc máy gặt lúa của chính mình với giá thành giảm so với hàng ngoài thị trường. Ông Út Em, một người dân mua máy của Tâm, chỉ nói gọn: “Hàng ngon mà rẻ”.

Giúp bạn bè cùng vượt khó

Mỗi lần Nở nhận lời đi gặt lúa cho bà con, anh không quên gọi những người bạn của mình đi làm chung. Anh Bí thư chi đoàn ấp đã thành lập hẳn một đội năm anh em

cùng chung một tổ làm việc, là những đoàn viên, thanh niên trong ấp. Hơn sáu năm, cả đội gắn bó với nhau như một gia đình nhỏ, chia sẻ cùng nhau công việc và cả những chuyện vui buồn.

Nở nói ngày trước mình cũng tay trắng làm nên, cũng nhờ học hỏi và may mắn nên có được một công việc ổn định cùng sự tín nhiệm của bà con. “Mình đi trước học được bao nhiêu thì chỉ lại cho anh em để cùng nhau miễn ăn chứ giấu làm chi”, Nở bảo.

Ngay cả công việc, Nở cùng nhóm thanh niên lập nghiệp trên đất quê chia nhau mỗi người một mảng công việc: Người chuyên gặt, đập lúa; Người làm máy hút bùn, người làm nghề đánh bắt và cùng hỗ trợ nhau vốn, kiến thức cũng như đầu mối làm ăn cho nhau.

Xưởng của Tâm giờ mỗi năm sản xuất hơn chục chiếc máy phục vụ nhu cầu gặt lúa của bà con trong và ngoài xã với lợi nhuận hơn 100 triệu đồng. Nhưng, theo Tâm cái chính là anh được làm giàu ngay trên mảnh đất quê hương, phục vụ tốt hơn công việc làm nông của bà con và có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm cho bạn bè cùng trang lứa để cùng nhau làm giàu.

Cả Tâm và Nở là hai trong 300 nhà nông xuất sắc vừa được Trung ương Đoàn trao giải thưởng Lương Định Của năm 2012.

CHUYÊN ĐỀ 2, LỚP 11

TÌM HIỂU NGHỀ NGHIỆP

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau khi tham gia chuyên đề 2, lớp 11, học sinh sẽ:

- Xây dựng được kiến thức về một số nghề phổ biến và những nghề mà học sinh yêu thích, dự định lựa chọn tham gia sau khi tốt nghiệp THPT;
- Tự tìm được thông tin về nghề và thông tin TTrTDLĐ ở địa phương, trong nước, quốc tế để làm phong phú thêm nhận thức nghề nghiệp của bản thân;
- Hiểu và áp dụng một cách tự tin những thông tin về nghề, nhu cầu của TTrTDLĐ, ngành học, hệ thống đào tạo để đề xuất 2 – 3 lựa chọn thích hợp nhất với bản thân và hoàn cảnh kinh tế gia đình.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh (nếu không có máy tính và máy chiếu): Vòng nghề nghiệp; Mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp;
- Bảng đĩa hình hoặc tranh ảnh giới thiệu một số nghề phổ biến, một số trường đại học, cao đẳng, TCCN, dạy nghề ở địa phương, trong nước và quốc tế;
- Kế hoạch tổ chức sự kiện giao lưu tìm hiểu nghề nghiệp và TTrTDLĐ; Phiếu phỏng vấn khách mời;
- Máy tính và máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH

Tùy theo điều kiện của từng trường, có thể tổ chức chuyên đề 2 của lớp 11 theo 1 trong 2 cách sau:

Cách 1: Kết hợp hình thức HĐGDHN ở trên lớp với hình thức giao lưu toàn khối với khách mời để tìm hiểu thông tin về nghề và TTrTDLĐ. Cách này được áp dụng đối với những trường có điều kiện mời được các nhà tuyển dụng hoặc cán bộ tổ chức của các công ty, doanh nghiệp hoặc sở, phòng chức năng đóng trên địa bàn của địa phương tham gia tọa đàm, giao lưu về nghề nghiệp và TTrTDLĐ.

Cách 2: Tổ chức HĐGDHN tại lớp với những nội dung chủ yếu thuộc chuyên đề 2. Cách này được áp dụng đối với những trường không có điều kiện tổ chức giao lưu với khách mời như cách 1.

Sau đây là hướng dẫn tổ chức thực hiện HĐGDHN chuyên đề 2 của lớp 11 theo từng cách:

CÁCH 1: Thực hiện HĐGDHN chuyên đề 2, lớp 11

Giới thiệu và nêu mục tiêu chuyên đề 2

1. Nội dung 1. Quy trình hướng nghiệp

1.1. Mục tiêu

- Học sinh hiểu được mục đích, ý nghĩa và phương pháp tìm thông tin về nghề;
- Xây dựng được kiến thức về một số nghề phổ biến và những nghề mà học sinh yêu thích, dự định lựa chọn tham gia sau khi tốt nghiệp THPT.

1.2. Cách tiến hành

Nội dung này được tiến hành tại lớp với những hoạt động sau:

1.2.1. Hoạt động 1.1. Giới thiệu lí thuyết hướng nghiệp

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu **Sơ đồ Quy trình hướng nghiệp** (phụ lục XVI, chuyên đề 2, lớp 11) và yêu cầu học sinh quan sát sơ đồ để trình bày *quy trình hướng nghiệp* theo cách nghĩ, cách hiểu của bản thân.

Sau phần trình bày của học sinh, giáo viên khái quát lại và giảng giải, *quy trình hướng nghiệp* được thực hiện theo **3 bước**, đó là **tìm hiểu bản thân** để trả lời được câu hỏi **Em là ai?** Tiếp đến là tìm hiểu **thông tin về nghề** và **TTrTDLĐ** để trả lời được câu hỏi **Em đang đi về đâu?** Và, cuối cùng là tìm hiểu những **kĩ năng cần thiết**, những **điều kiện về giáo dục, bằng cấp** cần thiết để đạt được mục tiêu nghề nghiệp và trả lời cho câu hỏi: **Làm sao để đi được đến nơi em muốn đến?**

Trong chuyên đề 1 của lớp 9 và lớp 10, chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu bản thân để biết được *sở thích, khả năng và cá tính* của mình, tức là mỗi chúng ta đã thực hiện được **bước 1** của *quy trình hướng nghiệp*. Bây giờ, đã đến lúc em phải đào sâu nghiên cứu, tìm hiểu các thông tin về nghề và TTrTDLĐ để có quyết định đúng đắn về mục tiêu nghề nghiệp và lên kế hoạch thực hiện mục tiêu nghề như chọn ngành học, trường học (Trường nghề, Trung cấp, Cao đẳng, hay Đại học), xây dựng *mạng lưới chuyên nghiệp*, tu dưỡng, rèn luyện những kiến thức, kĩ năng cần thiết...

Giáo viên có thể nhắc lại hoặc yêu cầu học sinh nhắc lại mục đích, ý nghĩa của việc tìm hiểu thông tin về nghề và TTrTDLĐ mà các em đã được giới thiệu ở lớp 10.

Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu thông tin về nghề và TTrTDLĐ. Cách đầu tiên và dễ dàng nhất để tìm hiểu thông tin về nghề và thông tin TTrTDLĐ là tra cứu trên mạng Internet. Các trang web về thông tin về nghề và thông tin TTrTDLĐ mà các em có thể dùng là:

- <http://www.emchonnghegi.edu.vn>: Trong trang này có các đường dẫn về các trang khác có chứa những thông tin rất hữu dụng về xu hướng lao động, thông tin nghề nghiệp, và những thông tin khác liên quan đến hướng nghiệp.
- <http://www.vietnamworks.com/>
- <http://www.kiemviec.com/>

- www.hrvietnam.com
- www.cohoivieclam.com
- <http://www.tuyendungonline.com.vn>
- <http://www.chonviec.com>
- <http://www.dubaonhaluchcmc.gov.vn>

Nhắc học sinh lưu ý: Khi tra cứu, tìm hiểu thông tin về nghề và TTrTDLĐ, các em cần chú ý những điểm sau:

- Công việc này có những điểm nào liên quan đến *sở thích nghề nghiệp* của mình?
- Công việc này có những điểm nào liên quan đến *khả năng* của mình? Mình có khả năng để học và rèn luyện những kỹ năng công việc này đòi hỏi hay không?
- Những đòi hỏi về trình độ học vấn của công việc này có quá tầm với của mình hay không?

Giáo viên cần lưu ý: Ở các trường vùng sâu vùng xa, nơi mà điều kiện tìm thông tin trên mạng khó khăn, nhà trường nên in các thông tin cần thiết và để ở *góc hướng nghiệp* cho học sinh tìm hiểu, đồng thời cung cấp cho học sinh các địa chỉ trang web để nếu em nào có đủ điều kiện thì tự tìm hiểu ở nhà hay cửa hàng dịch vụ internet.

1.2.2. Hoạt động 1.2. Giao bài tập về nhà

Mục đích làm bài tập: Giúp các em thu thập được những thông tin bổ ích về các nghề được đào tạo tại trường hoặc trung tâm, điều kiện tuyển sinh, điều kiện học tập của sinh viên trong trường... Qua tìm hiểu thực tế, các em còn học tập được kinh nghiệm của các chuyên gia và phát hiện được những vấn đề thực tế cần thiết và bổ ích. Từ đó, các em có cái nhìn thực tế hơn trong việc chọn trường và chọn nghề tương lai cho bản thân sau khi tốt nghiệp THPT.

Nhiệm vụ làm bài tập: Tìm hiểu thực tế một cơ sở đào tạo nghề (trường đại học, cao đẳng, TCCN, trường dạy nghề, TTDN) tại địa phương.

Hướng dẫn làm bài tập: Học sinh đi một mình hay đi cùng với nhóm bạn trong lớp, đến tìm hiểu một TTDN, trường TCCN, cao đẳng, đại học tại địa phương. Nội dung tìm hiểu gồm, các ngành nghề được đào tạo; Chương trình dạy nghề mà em quan tâm; Điều kiện tuyển sinh của ngành nghề mà em muốn tìm hiểu; Những điều em thích, tâm đắc và những điều không thích ở nơi em đến tìm hiểu; Tâm tư nguyện vọng của những sinh viên đang học tại đó.

Sau cùng, giáo viên phát cho học sinh phiếu câu hỏi **Bài tập về nhà: Tìm hiểu thực tế một cơ sở đào tạo nghề đóng tại địa phương** (phụ lục XVI, chuyên đề 2, lớp 11). Yêu cầu học sinh viết lại kết quả tìm hiểu thực tế bằng cách trả lời các câu hỏi trong phiếu một cách ngắn gọn, súc tích nhưng đảm bảo có đầy đủ các thông tin cần thiết.

*** Kết luận nội dung 1.** Tìm hiểu thông tin về nghề và TTrTDLĐ là bước tìm hiểu hết sức quan trọng trong quy trình hướng nghiệp. Thực hiện tốt bước này sẽ giúp các em có cơ sở để đối chiếu những yêu cầu, đòi hỏi của nghề, nhu cầu TDLĐ của xã hội với *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân. Từ đó đưa ra quyết định chọn nghề vừa phù hợp với bản thân, vừa phù hợp với nhu cầu TDLĐ của xã hội. Biết cách và tự tìm hiểu được thông tin nghề và TTrTDLĐ là yêu cầu bắt buộc mà mỗi chúng ta phải làm được trong quá trình hướng nghiệp và tự hướng nghiệp.

*** Nội dung cần ghi nhớ.** Quy trình hướng nghiệp

2. Nội dung 2. Tìm hiểu thông tin nghề và TTrTDLĐ

2.1. Mục tiêu

Hiểu và áp dụng một cách tự tin những thông tin về nghề và TTrTDLĐ để đưa ra 2 – 3 lựa chọn thích hợp nhất với bản thân và hoàn cảnh kinh tế gia đình.

2.2. Cách tiến hành

Tổ chức sự kiện giao lưu toàn khối về nghề nghiệp và TTrTDLĐ giữa học sinh khối 11 và các vị khách mời theo các bước sau:

Bước 1. Chuẩn bị

a. Xác định mục đích

Đây là dịp để học sinh lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm của các khách mời về:

- Những yêu cầu của nhà tuyển dụng về người lao động, đặc biệt là các lao động trẻ mới tốt nghiệp trường nghề, TCN, cao đẳng nghề, hay đại học;
- Xu hướng tuyển dụng hiện tại của địa phương và quốc gia;
- Học sinh cần chuẩn bị những gì về kiến thức, kỹ năng, tay nghề, phẩm chất đạo đức để nâng cao khả năng được tuyển dụng trong tương lai.

Kết quả mong muốn: Học sinh thấy được sự tương quan giữa TTrTDLĐ với KHNN của các em. Từ đó, các em có suy nghĩ thực tế hơn và nỗ lực trau dồi kiến thức để có thêm chủ kiến trong việc ra quyết định chọn nghề, chọn ngành học, không bị ảnh hưởng bởi bạn bè hay trào lưu chung.

b. Xác định các yêu cầu về khách mời

Các vị khách mời trong sự kiện này sẽ là những người đang làm việc trong các công ty TDLĐ (hoặc các Trưởng phòng hay phó phòng nhân sự của các công ty vừa hoặc lớn), là những người có nhiều kinh nghiệm về TDLĐ cũng như kiến thức về TTrTDLĐ. Số lượng khách mời: 2 – 3 vị cho toàn khối 11.

Khách mời có thể là:

- Bạn bè của Hiệu trưởng, Hiệu phó, thầy/ cô phụ trách hướng nghiệp, hay thầy/cô giáo chủ nhiệm trong trường;

- Phụ huynh học sinh;
- Cựu học sinh.

Các khách mời phải là:

- Nhân viên cao cấp có nhiều kinh nghiệm trong các công ty TDLĐ, công ty môi giới việc làm, công ty huấn luyện lao động;
- Trưởng phòng hay Phó phòng nhân sự của doanh nghiệp vừa hay lớn tại địa phương.

Khách mời nên có những đặc điểm sau:

- Có nhiều kinh nghiệm trong nghề;
- Thích chia sẻ kinh nghiệm với giới trẻ, quan tâm đến giáo dục.

Cần tránh:

- Mời những người có ý định đến để **quảng cáo** cho họ. Do đó, phải làm cho khách mời biết mục đích chính của buổi giao lưu là *chia sẻ kinh nghiệm để giúp học sinh có hiểu biết về nghề và TTrTDLĐ*. Bên cạnh đó, nhà trường phải chuẩn bị thật chu đáo để tạo thương hiệu cho hoạt động giao lưu của trường. Nếu khách mời đến tham gia giao lưu thấy vui, cách tổ chức chuyên nghiệp và có ý nghĩa, họ sẽ nói lại với những người khác. Điều này sẽ rất có lợi cho việc mời các khách mời khác trong tương lai. Những người được mời sẽ dễ dàng nhận lời và cho đó là vinh dự;
- Làm việc gấp rút, không chuẩn bị kỹ càng, “nước đến chân mới nhảy”;
- Mời quá nhiều khách mời. Kết quả là không đủ thời gian cho tất cả các khách mời chia sẻ, dẫn đến tình trạng, hoặc là có người bị bỏ rơi, hoặc là không có thời gian đi sâu vào vấn đề.

Chú ý: Thông thường các công ty tuyển dụng (hay các Trưởng phòng/ Phó phòng nhân sự của các doanh nghiệp vừa và lớn) rất sẵn sàng tham gia các hoạt động giao lưu với học sinh các trường THPT vì họ tin rằng, việc làm cho học sinh hiểu rõ các thông tin nghề và yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với người lao động sẽ là bước khởi đầu cho việc cung ứng những lao động chất lượng trong tương lai. Vì vậy, điều cần thiết nhất là tìm cách thiết lập quan hệ với những nhân viên cao cấp của các công ty tuyển dụng trong vùng. Cần lên kế hoạch sớm, đưa cho họ kế hoạch và mời họ sớm để họ lên lịch. Khi đã làm một lần thành công, lần mời thứ 2 sẽ rất dễ dàng.

c. Lập kế hoạch

Lập kế hoạch theo mẫu **Kế hoạch tổ chức sự kiện giao lưu tìm hiểu nghề nghiệp và TTrTDLĐ** (phụ lục XVII, chuyên đề 2, lớp 11).

Bước 2. Tổ chức giao lưu giữa khách mời và học sinh toàn khối 11

- Thực hiện các nội dung công việc trong ngày ở bản kế hoạch;
- Trước giờ bắt đầu 10 phút, học sinh vào hội trường hay địa điểm tổ chức giao lưu. Giáo viên hướng dẫn học sinh các lớp ngồi vào vị trí đã phân công cho từng lớp.

Các em học sinh ngồi ở phía dưới, các khách mời ngồi ở bàn dài phía trên. Sẽ có một người dẫn chương trình giới thiệu khách mời, đặt câu hỏi cho các vị khách mời trả lời. Phần cuối của buổi giao lưu, cần tạo cơ hội cho học sinh đặt các câu hỏi với các vị khách mời.

Nhiệm vụ MC:

- Mời khách mời vào bàn;
- Giới thiệu từng vị khách mời với học sinh, chỉ đơn giản giới thiệu tên, vị trí công việc, và tên công ty. Chú ý, thời gian giới thiệu mỗi người ít hơn một phút;
- Bắt đầu đặt câu hỏi theo **Phiếu phỏng vấn khách mời** (phụ lục XVII, chuyên đề 2, lớp 11). Hỏi các vị khách mời từ trái qua phải, rồi từ phải qua trái, rồi từ người ngồi giữa,... Điểm chính là luôn bắt đầu câu hỏi từ mỗi người khác nhau.
- Ngừng đặt câu hỏi vào 20 – 30 phút cuối cùng để tạo cơ hội cho học sinh đặt câu hỏi với các vị khách mời. Thông thường nếu học sinh chịu khó, thích thú, thì sẽ đặt các câu hỏi hay. Nhưng cũng có những trường hợp các em học sinh không hỏi, hay đặt câu hỏi không vào trọng tâm thì MC cần khéo léo động viên, khích lệ, gợi ý để học sinh đặt câu hỏi;
- Hết giờ, cảm ơn khách mời và tặng quà/ hoa;
- tiễn khách mời ra cửa;
- Sau khi khách mời về phòng khách, Ban tổ chức sẽ phát phiếu đánh giá sự kiện cho học sinh. Nếu số lượng học sinh quá đông thì chỉ cần khoảng 30% học sinh tham dự điền phiếu đánh giá là được.

CÁCH 2: Thực hiện HĐGDHN chuyên đề 2, lớp 11

Giới thiệu và nêu mục tiêu chuyên đề 2. Chú ý liên kết những kiến thức về hướng nghiệp học sinh đã lĩnh hội được ở chuyên đề 1 với những nội dung sẽ tìm hiểu ở chuyên đề 2.

Chẳng hạn, ở chuyên đề 1, các em đã được tìm hiểu về bản thân và những yếu tố ảnh hưởng tới bản thân trong việc chọn nghề. Ai có thể nhắc lại 3 bước tìm hiểu và 4 bước hành động trong Mô hình lập KHNN mà chúng ta đã tìm hiểu ở chuyên đề 1, lớp 11?

Sau phần trả lời của học sinh, giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu “Mô hình lập kế hoạch nghề” và nhắc lại 3 bước tìm hiểu, 4 bước hành động để dẫn dắt vào chuyên đề 2.

1. Nội dung 1. Tìm hiểu thông tin nghề và TTrTDLD**1.1. Mục tiêu**

- Học sinh xây dựng được kiến thức về một số nghề phổ biến và những nghề học sinh yêu thích, dự định lựa chọn tham gia sau khi tốt nghiệp THPT;
- Tự tìm được thông tin nghề và TTrTDLD ở địa phương, trong nước, quốc tế để làm phong phú thêm nhận thức nghề nghiệp của bản thân.

1.2. Cách tiến hành**1.2.1. Hoạt động 1.1. Giới thiệu lí thuyết hướng nghiệp**

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu **Sơ đồ Quy trình hướng nghiệp** (phụ lục XVI, chuyên đề 2, lớp 11), yêu cầu học sinh nhìn vào sơ đồ và nói lại quy trình hướng

ng nghiệp theo cách nghĩ, cách hiểu của bản thân. Sau phần trình bày của học sinh, giáo viên khái quát lại và nêu, quy trình hướng nghiệp được thực hiện theo 3 bước, đó là tìm hiểu bản thân để trả lời được câu hỏi ***Em là ai?*** Tiếp đến là tìm hiểu ***thông tin về nghề và TTrTDLĐ*** để trả lời được câu hỏi ***Em đang đi về đâu?*** Và cuối cùng là tìm hiểu những ***kĩ năng cần thiết, những điều kiện về giáo dục, bằng cấp cần thiết*** để đạt được mục tiêu nghề nghiệp và trả lời cho câu hỏi: ***Làm sao để đi được đến nơi em muốn đến?***

Trong chuyên đề 1 của lớp 9, lớp 10, chúng ta đã cùng nhau *tìm hiểu bản thân để biết được sở thích, cá tính, và khả năng* của mình, tức là mỗi chúng ta đã thực hiện được bước 1 của “quy trình hướng nghiệp”. Bây giờ, đã đến lúc em phải đào sâu nghiên cứu, tìm hiểu các ***thông tin về nghề nghiệp và TTrTDLĐ*** để có quyết định đúng đắn về mục tiêu nghề nghiệp và lên kế hoạch thực hiện mục tiêu nghề như chọn ngành học, trường học (Trường nghề, Trung cấp, Cao đẳng, hay Đại học), xây dựng mạng lưới chuyên nghiệp, tu dưỡng, rèn luyện những kiến thức, kĩ năng cần thiết... Giáo viên nhắc lại hoặc yêu cầu học sinh nhắc lại mục đích, ý nghĩa của việc tìm hiểu thông tin về nghề và TTrTDLĐ mà các em đã được giới thiệu ở lớp 10. Sau đó khái quát lại một số ý chính sau:

Mục đích, ý nghĩa của việc tìm hiểu thông tin nghề: Giúp chúng ta hiểu rõ đối tượng, mục đích, nội dung, công cụ, điều kiện lao động của nghề, từ đó xác định được mối tương quan giữa *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân với yêu cầu, đòi hỏi của nghề để đưa ra quyết định chọn nghề có cơ sở khoa học. Nhờ đó, bản thân mỗi người sẽ phát huy được hết khả năng, sở trường của mình trong lao động nghề nghiệp tương lai, cống hiến được nhiều nhất cho xã hội và luôn có cảm giác thỏa mãn, hạnh phúc trong lao động (giáo viên lấy ví dụ về thông tin nghề ở 1 trong các chủ đề 1, 2, 3, 4 trong sách giáo viên HGDH lớp 11 hoặc ví dụ về 1 nghề phổ biến ở địa phương để minh họa cho các ý vừa nêu).

Mục đích, ý nghĩa của việc tìm hiểu thị TTrTDLĐ: Giúp chúng ta biết được những công việc nào đang có ở địa phương, quốc gia và quốc tế? Những nghề nào đang được xem là có tiềm năng trong tương lai? Những kĩ năng thiết yếu nào mà người lao động cần có? Nhu cầu của TTrTDLĐ về mặt số lượng và chất lượng lao động ra sao? Nhờ đó, chúng ta có cơ sở vững chắc để đối chiếu, tìm ra mối tương quan giữa mong muốn của bản thân với nhu cầu của TTrTDLĐ và đưa ra quyết định chọn nghề một cách thực tế, vừa thỏa mãn được trách nhiệm chung, vừa đáp ứng được *sở thích, khả năng* của bản thân. Biết rõ nhu cầu của TTrTDLĐ còn giúp ta có kế hoạch chọn nghề, kế hoạch học tập, tu dưỡng chuẩn bị cho việc tham gia vào TTrTDLĐ và hoạt động nghề nghiệp một cách thuận lợi nhất, tốt nhất. Giáo viên liên hệ thực tế về TTrTDLĐ ở địa phương, trong nước. Có thể tham khảo nội dung trong *chủ đề 6*, sách giáo viên HGDH lớp 11 hiện hành để giúp học sinh hiểu rõ hơn về mục đích, ý nghĩa của việc tìm hiểu TTrTDLĐ.

Hướng dẫn học sinh tìm hiểu thông tin về nghề và TTrTDLĐ: Cách đầu tiên và dễ dàng nhất để tìm hiểu thông tin về nghề và TTrTDLĐ là tra cứu trên mạng Internet. Các trang web về thông tin nghề và TTrTDLĐ mà các em có thể dùng là:

- <http://www.emchonnghegi.edu.vn>: Trong trang này có các đường dẫn về các trang khác có chứa những thông tin rất hữu dụng về xu hướng lao động, thông tin nghề nghiệp và những thông tin khác liên quan đến hướng nghiệp.

- <http://www.vietnamworks.com/>
- <http://www.kiemviec.com/>
- www.hrvietnam.com
- www.cohoivieclam.com
- <http://www.tuyendungonline.com.vn>
- <http://www.chonviec.com>
- <http://www.dubaonhanluchcmc.gov.vn>

Ngoài ra, các em có thể mở trang google để xem chương trình: HƯỚNG NGHIỆP VÀ TƯ VẤN TUYỂN SINH 2013 số 04 ngày 26 tháng 01 năm 2013, chủ đề “Học ngành gì sẽ thu hút nhà tuyển dụng”.

Khi tra cứu, tìm hiểu thông tin về nghề và TTTrDLD, các em cần chú ý những điểm sau:

- Công việc này có những điểm nào liên quan đến sở thích nghề nghiệp của mình?
- Công việc này có những điểm nào liên quan đến khả năng của mình? Mình có khả năng để học và rèn luyện những *kỹ năng công việc* này đòi hỏi hay không?
- Những đòi hỏi về *trình độ học vấn* của công việc này có quá tầm với của mình hay không?

Lưu ý: Ở các trường vùng sâu vùng xa, nơi mà điều kiện tìm thông tin trên mạng khó khăn, nhà trường nên in các thông tin cần thiết và để ở “góc hướng nghiệp” cho học sinh tìm hiểu, đồng thời cung cấp cho học sinh các địa chỉ trang web để nếu em nào có đủ điều kiện thì tự tìm hiểu ở nhà hay cửa hàng dịch vụ internet.

1.2.2. Hoạt động 1.2. Trao đổi, chia sẻ thông tin về nghề

Yêu cầu học sinh nhắc lại các mục trong “bản mô tả nghề” và những thông tin cần thu thập khi tìm hiểu nghề. Sau đó, giáo viên trình chiếu cấu trúc “bản mô tả” nghề và nêu yêu cầu: Ở cuối chuyên đề 1, mỗi nhóm đã nhận nhiệm vụ tìm hiểu thông tin về một nghề mà các em yêu thích hoặc nghề phổ biến ở địa phương phù hợp với năng lực của các em chứ không phải nghề do có số đông nam hay nữ làm. Sau đây, dựa vào cấu trúc của “bản mô tả nghề” và kết quả tìm hiểu thông tin nghề đã làm ở nhà, mỗi nhóm sẽ thực hiện 2 nhiệm vụ:

- Trao đổi trong nhóm để bổ sung, chỉnh sửa những thông tin nghề đã thu thập được để làm thành bản mô tả nghề. Khi chia các nhóm, giáo viên lưu ý tỷ lệ cân đối học sinh nam và nữ trong mỗi nhóm ở mức tối đa.
- Cử đại diện nhóm trình bày, chia sẻ trước lớp bản mô tả nghề của nhóm. Các nhóm khác nghe và đưa ra ý kiến phản biện.

Các nhóm học sinh trao đổi, bàn bạc lại trong nhóm để sắp xếp, bổ sung các thông tin đã thu thập được về một nghề cụ thể theo cấu trúc bản mô tả nghề.

Đại diện các nhóm học sinh trình bày kết quả tìm hiểu thông tin nghề của nhóm mình. Có thể sử dụng phương pháp đóng vai để tạo điều kiện cho học sinh trình bày thông tin nghề sao cho vừa nhẹ nhàng, thoải mái nhưng đạt hiệu quả. Khuyến khích, tạo điều kiện cho học sinh đặt câu hỏi phản biện.

Nếu có điều kiện, giáo viên có thể tổ chức cho học sinh xem một số trích đoạn video clip về các nghề học sinh đã tìm hiểu. Nếu không có điều kiện chiếu trích đoạn video clip, giáo viên có thể giới thiệu với học sinh một bản mô tả nghề của 1 trong những nghề trong sách giáo viên *HĐGDHN lớp 11*.

*** Kết luận nội dung 1.** Tìm hiểu thông tin về nghề và TTrTDLĐ là bước tìm hiểu hết sức quan trọng trong *quy trình hướng nghiệp*. Thực hiện tốt bước này sẽ giúp các em có cơ sở để đối chiếu những yêu cầu, đòi hỏi của nghề, nhu cầu TDLĐ của xã hội với *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân. Từ đó đưa ra quyết định chọn nghề vừa phù hợp với bản thân, vừa phù hợp với nhu cầu TDLĐ của xã hội. Biết cách và tự tìm hiểu được thông tin nghề và TTrTDLĐ là yêu cầu bắt buộc mà mỗi chúng ta phải làm được trong quá trình hướng nghiệp và tự hướng nghiệp.

*** Nội dung cần ghi nhớ.** Quy trình hướng nghiệp

2. Nội dung 2. Nghề phổ thông

2.1. Mục tiêu

- Học sinh hiểu rõ hơn về mục đích, ý nghĩa hướng nghiệp của việc tham gia học nghề phổ thông (NPT);
- Tích cực và chủ động tham gia học NPT.

2.2. Cách tiến hành

2.2.1. Hoạt động 2.1. Giới thiệu lí thuyết

Giáo viên nêu, bắt đầu từ lớp 11, các em sẽ được tham gia học NPT theo phương thức tự chọn bắt buộc, có nghĩa là mỗi em sẽ tự chọn và đăng kí tham gia học 1 NPT trong thời gian là 105 tiết. Câu hỏi đặt ra là: ***Thế nào là NPT? Học NPT để làm gì? Nên đăng kí học NPT nào?***

Dành khoảng 1 – 2 phút cho học sinh suy nghĩ. Sau đó, giáo viên gọi một số học sinh trả lời các câu hỏi trên theo hiểu biết của bản thân.

Cuối cùng, giáo viên nêu khái quát một số ý chính như sau:

NPT được hiểu là những nghề phổ biến, thông dụng đang cần phát triển ở địa phương. NPT có kĩ thuật tương đối đơn giản; Quá trình dạy – học nghề không đòi hỏi phải có trang thiết bị phức tạp. Nguyên liệu dùng cho dạy – học nghề dễ kiếm, phù hợp với điều kiện kinh tế, khả năng đầu tư của địa phương, nhà trường, thời gian học nghề ngắn. Ví dụ, nghề làm vườn, nghề trồng rừng, nghề nuôi cá, nghề cắt may dân dụng, nghề điện dân dụng, nghề gò hàn, nghề nấu ăn, nghề sửa chữa xe máy, nghề tin học...

Mục đích chủ yếu của dạy – học NPT là trang bị cho học sinh những *kiến thức, kĩ năng lao động cần thiết và tạo cơ hội cho học sinh củng cố nội dung lí thuyết, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở môn Công nghệ vào thực tiễn đời sống và sản xuất*

trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, tin học. Qua đó, giúp các em làm quen với hoạt động lao động nghề nghiệp, chuẩn bị tích cực cho các em bước vào cuộc sống lao động cũng như định hướng nghề nghiệp sau này. Thực tiễn dạy – học NPT trong những năm qua cho thấy, việc tham gia học NPT một cách tích cực, tự giác là một phương pháp rất hữu hiệu giúp các em tăng thêm nhận thức về nghề nghiệp và là cơ hội tốt để các em khám phá, kiểm nghiệm, đối chiếu *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân với yêu cầu, đòi hỏi của hoạt động nghề nghiệp, từ đó đưa ra quyết định chọn nghề phù hợp.

Căn cứ vào sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân, các em đăng kí học NPT. Trong điều kiện nhà trường hoặc TTKTTHHN chưa thể dạy được tất cả các nghề mà các em yêu thích, các em nên chọn học nghề gần với nghề các em đã chọn hoặc nghề có công thức nghề gần giống nghề các em chọn. Ví dụ, những em thích các nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật có thể chọn học nghề làm vườn hoặc nghề điện dân dụng...

2.2.2. Hoạt động 2.2. Trao đổi, chia sẻ về học nghề phổ thông

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân để hoàn thành **phiếu học tập 2.2** (phụ lục XVIII, chuyên đề 2, lớp 11). Sau đó tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm (3 – 4 em/ nhóm) để các em trao đổi, chia sẻ với nhau về các nội dung đã hoàn thành trong phiếu học tập.

Giáo viên mời một số học sinh trình bày trước lớp ý kiến của bản thân về học NPT.

*** Kết luận nội dung 2.** NPT là một hoạt động nhằm giúp các em nâng cao nhận thức nghề nghiệp và có cơ hội để kiểm nghiệm *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân trước khi đưa ra quyết định chọn ngành học, chọn nghề; nên chọn học NPT cùng hoặc gần với lĩnh vực nghề mà các em đã chọn.

*** Nội dung cần ghi nhớ.** Mục đích của học nghề phổ thông

3. Nội dung 3. Tìm hiểu thực tế một trường đại học (hoặc cao đẳng, TCCN, dạy nghề) tại địa phương

3.1. Mục tiêu

- Biết được những thông tin về ngành học, điều kiện tuyển sinh, điều kiện học tập của sinh viên trong một trường đại học hoặc cao đẳng, TCCN, dạy nghề tại địa phương;
- Liên hệ với bản thân để đưa ra 2 – 3 lựa chọn nghề thích hợp nhất với bản thân, hoàn cảnh gia đình và TTTrDLD.

3.2. Cách tiến hành

Mục đích: Giúp các em thu thập được những thông tin bổ ích về các nghề được đào tạo tại trường hoặc trung tâm, điều kiện tuyển sinh, điều kiện học tập của sinh viên trong trường... qua tìm hiểu thực tế, các em còn học tập được kinh nghiệm của các

chuyên gia và phát hiện được những vấn đề thực tế cần thiết và bổ ích. Từ đó, các em có cái nhìn thực tế hơn trong việc chọn trường và chọn nghề tương lai cho bản thân sau khi tốt nghiệp THPT.

Cách tiến hành: Thực hiện nội dung này thông qua thực hiện nhiệm vụ làm bài tập ở nhà. Nhiệm vụ cụ thể như sau: **Mỗi tổ được chia thành 1–2 nhóm. Mỗi nhóm sẽ tự liên hệ và tìm hiểu thực tế một cơ sở đào tạo nghề tại địa phương** (trường đại học, cao đẳng, TCCN, trường dạy nghề, TTDN). **Nội dung tìm hiểu là các ngành nghề được đào tạo; Điều kiện tuyển sinh nghề mà em quan tâm; Những điều mà em thích, tâm đắc và những điều không thích ở nơi em đến tìm hiểu; Tâm tư nguyện vọng của các sinh viên đang học tại đó.**

Giáo viên phát cho học sinh phiếu câu hỏi **Bài tập về nhà: Tìm hiểu thực tế một cơ sở đào tạo nghề đóng tại địa phương** (phụ lục XVI, chuyên đề 2, lớp 11). Yêu cầu học sinh viết lại kết quả tìm hiểu thực tế bằng cách trả lời các câu hỏi trong phiếu một cách ngắn gọn, súc tích nhưng đảm bảo có đầy đủ các thông tin cần thiết. Kết quả làm bài tập sẽ được trình bày vào đầu giờ buổi sinh hoạt hướng nghiệp tiếp theo.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Tổ chức cho học sinh làm Bài tập đánh giá cuối chuyên đề 2 (phụ lục XIX, chuyên đề 2, lớp 11).

Nhắc học sinh chuẩn bị cho chuyên đề 3: Học sinh mang *bản KHNN* đã xây dựng ở lớp 10 đến lớp để tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh.

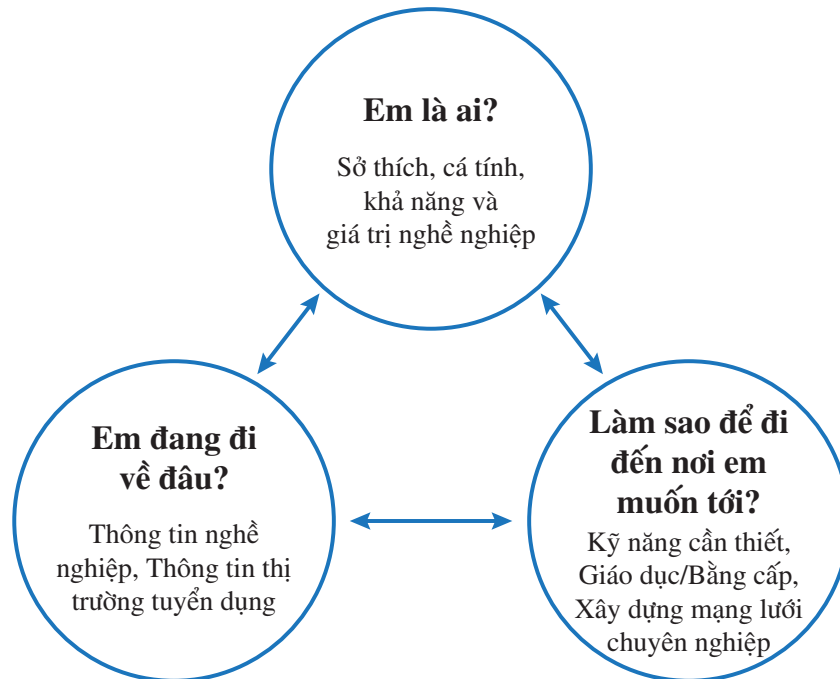
V. PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 2, LỚP 11

- **Phụ lục XVI:** Sơ đồ quy trình hướng nghiệp; Bài tập về nhà: Tìm hiểu thực tế một cơ sở đào tạo nghề đóng tại địa phương;
- **Phụ lục XVII:** Mẫu kế hoạch tổ chức sự kiện giao lưu tìm hiểu nghề nghiệp và TTrTDLD; Phiếu phỏng vấn khách mời;
- **Phụ lục XVIII.** Phiếu học tập 2.2;
- **Phụ lục XIX.** Bài tập đánh giá cuối chuyên đề.

PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 2, LỚP 11

PHỤ LỤC XVI

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH HƯỚNG NGHIỆP



BÀI TẬP VỀ NHÀ

Tìm hiểu thực tế một cơ sở đào tạo nghề đóng tại địa phương

1. Lí do gì khiến em chọn trung tâm/ trường này để tìm hiểu?
2. Trung tâm/ trường em đến tìm hiểu có nghề nào phù hợp với *sở thích nghề nghiệp* của em không? Nêu cụ thể tên nghề đó?
3. Trung tâm/ trường em đến tìm hiểu có chương trình dạy nghề nào phù hợp với khả năng của em không? Nêu cụ thể tên, trình độ đào tạo (Sơ cấp, Trung cấp hay Cao đẳng, Đại học);
4. Sinh viên/ học viên hiện tại của trường/ trung tâm này có thích những gì họ đang học không? Làm sao em biết được điều này? Nêu dẫn chứng?
5. Sinh viên/ học viên hiện tại của trường/ trung tâm này nghĩ gì về chất lượng giảng dạy của trường/ trung tâm họ đang theo học? Làm sao em biết được điều này?
6. Điều kiện tuyển sinh của ngành, nghề mà em tìm hiểu như thế nào? Khả năng của bản thân em có đáp ứng được điều kiện tuyển sinh đó không?
7. Em có nghĩ rằng chuyến đi thực tế này cho em biết đủ các thông tin em cần về hướng nghiệp hay không? Nếu chưa thì em cần phải làm gì nữa để có quyết định đúng đắn?

PHỤ LỤC XVII

MẪU KẾ HOẠCH

Tổ chức sự kiện giao lưu tìm hiểu nghề nghiệp và TTrTDLĐ

1. Trước khi sự kiện xảy ra 8 – 10 tuần

Xác định ngày và giờ cho hoạt động, số lượng học sinh tham gia, tìm địa điểm giao lưu (hội trường hay lớp học).

2. Trước khi sự kiện xảy ra 4 – 8 tuần

Xác định và tìm khách mời (nam và nữ) phù hợp với những điểm đã nêu trên. Có thể gặp trực tiếp để mời hoặc gửi thư, email, hay gọi điện thoại mời. Cố gắng mời các khách mời là nữ thành đạt trong các lĩnh vực kĩ thuật hoặc ở vị trí quản lí, lãnh đạo và nam giới khách mời là người thành đạt trong lĩnh vực xã hội và nghệ thuật. Đợi câu trả lời của khách được mời trước khi liên lạc với người kế tiếp. Khách mời tiếp theo biết tên người đã nhận lời, họ sẽ dễ dàng nhận lời hay từ chối hơn.

Luôn mời nhiều hơn một người so với số khách mời cần thiết để phòng trường hợp có khách mời vì lí do nào đó hủy không giúp vào giờ cuối cùng. Tuy nhiên, không nên mời nhiều hơn 4 người vì khi có hơn 4 khách mời, sẽ không đủ thời gian cho mọi người chia sẻ. Số khách mời tốt nhất là 3, nhưng nên luôn mời 4 để phòng khi có người không đến được. Nếu cả 4 người đều đến thì phải khéo léo trong cách dẫn chương trình để cả bốn người đều có cơ hội chia sẻ. Bước này cần làm trước 4 – 8 tuần, tùy vào phong cách làm việc của mỗi công ty, và mỗi cá nhân. Ví dụ, có người không thể lên lịch trước hai tuần. Nhưng có người lại đòi hỏi được mời trước hai tháng hoặc hơn.

3. Trước khi sự kiện xảy ra 2 – 4 tuần

Chọn một giáo viên vào vai trò MC (dẫn chương trình). Người tổ chức sự kiện **không nên** giữ vai trò MC vì khó có thể chu toàn cả hai vai trò tốt đẹp. Vai trò MC rất quan trọng, gần như là quan trọng nhất để thảo luận toàn trường thành công. MC có những nhiệm vụ sau:

- Liên lạc với những khách mời (nam và nữ) đã nhận lời, đặt cuộc hẹn để phỏng vấn khách mời khoảng 30 – 40 phút trước khi tổ chức sự kiện khoảng 2 tuần.
- Phỏng vấn tất cả khách mời sẽ đến. Dưới đây là một số câu hỏi mẫu, MC có thể hỏi thêm các câu hỏi khác nếu họ thích, nhưng mục tiêu vẫn là để biết:
 - + Bề dày kinh nghiệm của khách mời trong lĩnh vực nhân sự và tuyển dụng;
 - + Quan điểm của họ về chất lượng lao động hiện tại ở địa phương và trong nước;
 - + Quan điểm của họ về nhu cầu tuyển dụng trong khu vực “thợ lành nghề” và “cử nhân Đại học”. Theo họ thì cái nào quan trọng hơn (mình muốn nghe họ nói rằng cả hai đều quan trọng, chủ yếu là để học sinh biết và cân nhắc xem bản thân phù hợp với con đường nào hơn);
 - + Họ cần ở các nhân viên của họ, tức là những người lao động những đặc điểm/kĩ năng nào? Nói cách khác, họ mong muốn các em học sinh đang lắng nghe họ nói cần có những đặc điểm/kĩ năng gì trong tương lai?

- + Một, hai lời khuyên của họ cho các em học sinh cuối cấp THPT.
- Ghi lại tất cả nội dung của cuộc phỏng vấn, tìm ra chủ đề xuyên suốt qua các câu chuyện của các vị khách mời. Từ đó, tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa họ, và dựa vào đó để đặt ra những câu hỏi phỏng vấn cho ngày xảy ra sự kiện.
- Gửi email các câu hỏi đến các khách mời để họ biết trước nội dung. Hỏi họ có muốn thêm bớt gì không.
- Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng phần phỏng vấn các vị khách mời (nam và nữ) trước khi sự kiện xảy ra là mấu chốt để tạo nên thành công của buổi tọa đàm, giao lưu toàn khối, vì:
 - + Cuộc phỏng vấn/ trò chuyện này giúp MC tạo mối quan hệ thân thiết với khách mời, điều này giúp họ chia sẻ tự nhiên khi đến dự hoạt động hơn.
 - + Cuộc phỏng vấn/ trò chuyện này giúp MC hiểu rõ câu chuyện của mỗi khách mời (nam và nữ). Nhờ đó, khi tổ chức tọa đàm, MC sẽ khéo léo đặt câu hỏi tập trung vào trọng tâm vấn đề, làm nổi lên những ý tưởng mà MC muốn các học sinh nghe được, đồng thời tránh được thời gian chết trong buổi tọa đàm thoại toàn khối.

4. Trước khi sự kiện xảy ra 1 – 2 tuần

- Quảng cáo về hoạt động này đến các thầy cô và học sinh sẽ tham gia chương trình.
- Kiểm tra sự chuẩn bị về địa điểm và kĩ thuật (như âm thanh, ánh sáng).
- Cùng với MC xác định lại một lần nữa với khách mời (nam và nữ) về sự tham gia của họ vào chương trình. Xác nhận rằng khách mời (nam và nữ) đã có số điện thoại liên lạc của người tổ chức và MC, biết địa chỉ và cách đến trường. Nên mời khách đến sớm hơn 15 phút trước giờ khai mạc sự kiện. Nhấn mạnh với họ giờ đến, và giờ sự kiện xảy ra để họ đến đúng giờ.
- Chuẩn bị tờ bìa ghi tên của tất cả các vị khách mời (nam và nữ) và đặt trên bàn.
- Chuẩn bị quà cho chương trình (nếu có).

5. Trong ngày diễn ra sự kiện

- Kiểm tra các chuẩn bị về phòng và kĩ thuật như âm thanh, ánh sáng.
- Chuẩn bị kĩ càng các tờ hướng dẫn từ cổng trường vào đến nơi sự kiện xảy ra, để mọi người biết về sự kiện.
- Để bản tên của các vị khách mời (nam và nữ) lên bàn.
- Thông báo cho bảo vệ biết về các vị khách mời (nam và nữ) để họ tiếp đón lịch sự.
- Giao nhiệm vụ tiếp đón khách mời (nam và nữ) cho một giáo viên để khách mời không bị lạc. Nếu có điều kiện thì MC và khách mời (nam và nữ) gặp nhau ở một phòng tiếp khách, uống trà và trò chuyện cho đến khi sự kiện bắt đầu hãy mời khách vào hội trường hay phòng nơi sự kiện xảy ra.

6. Sau sự kiện 1 ngày

- Nhắn tin và viết email/ thư cảm ơn khách mời (nam và nữ).
- Gửi email bản đánh giá sự kiện để khách mời (nam và nữ) góp ý.

PHIẾU PHÒNG VẤN KHÁCH MỜI

1. Anh/ chị làm việc trong vị trí này bao lâu rồi ạ?
2. Anh/ chị có thích công việc này không? Anh/ chị thích nhất phần việc nào của công việc? Lí do?
3. Anh/ chị nghĩ như thế nào về tình trạng rất đáng lo ngại được báo chí phản ánh nhiều, đó là tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ” ở nước ta hiện nay?
4. Theo quan điểm của anh/ chị, có nhất thiết phải tốt nghiệp đại học mới có một công việc tốt không?
5. Theo anh/ chị, một người lao động trong thời đại này cần phải có những kĩ năng thiết yếu nào?
6. Khi anh/ chị phỏng vấn một nhân viên, điều đầu tiên anh/ chị quan tâm ở người đó là gì?
7. Theo anh/ chị, một người lao động lí tưởng cần có những đặc điểm/kĩ năng nào?
8. Anh/ chị có lời khuyên gì cho các em học sinh đang tham gia buổi tọa đàm này?

PHỤ LỤC XVIII

PHIẾU HỌC TẬP 2.2

1. NPT đang tham gia học?
2. Lí do chọn học NPT đó?
3. NPT đang học có gần với nghề mà em muốn chọn sau khi tốt nghiệp THPT không? Vì sao?
4. NPT em đang học có phù hợp với sở thích, khả năng, cá tính, và giá trị nghề nghiệp của em không? Giả sử em được tự do đăng kí học NPT, em sẽ đăng kí học nghề nào? Vì sao?
5. Việc học NPT có giúp ích gì cho em trong việc ra quyết định chọn nghề tương lai hay không?
6. Theo em, có nên tổ chức dạy – học NPT như hiện nay hay không? Vì sao?

PHỤ LỤC XIX BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ CUỐI CHUYÊN ĐỀ

Chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu xong chuyên đề 2. Tìm hiểu nghề nghiệp. Sau đây, các em hãy làm bài tập đánh giá cuối chuyên đề để biết được mức độ hiểu và vận dụng những thông tin mà các em đã thu thập được.

Hãy khoanh vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng trong các câu hỏi sau:

1. *Tìm hiểu thông tin về nghề trước khi ra quyết định chọn nghề của bản thân để làm gì?*

- a. Biết được khả năng của bản thân có phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của nghề muốn chọn hay không
- b. Biết được nghề muốn chọn có phù hợp với sở thích, khả năng và cá tính của bản thân hay không
- c. Biết được hướng rèn luyện, học tập để đạt được các yêu cầu, đòi hỏi của nghề muốn chọn
- d. Biết được những nghề đang “hot” trong xã hội
- e. a, b và c
- f. b, c và d

2. *Mục đích của việc tìm hiểu thị trường tuyển dụng lao động là gì?*

- a. Biết được nhu cầu lao động trong các lĩnh vực ngành nghề của xã hội
- b. Biết được nghề mình muốn chọn có dễ được tuyển dụng hay không
- c. Biết được nghề mình muốn chọn có phù hợp với giá trị nghề nghiệp của bản thân hay không?
- d. a và b
- e. b và c

3. *Trong quy trình hướng nghiệp, bước nào là quan trọng?*

- a. Tìm hiểu bản thân
- b. Tìm hiểu thông tin về nghề và TTrTDLĐ
- c. Tìm hiểu các kĩ năng cần thiết và những điều kiện cần thiết của nghề như giáo dục đào tạo, bằng cấp...
- d. Cả a, b và c

4. *Trong các phương pháp tìm hiểu thông tin về nghề và thị TTrTDLĐ, phương pháp nào phù hợp với điều kiện và khả năng của em?*

- a. Trao đổi, phỏng vấn những người xung quanh có hiểu biết về nghề và TTrTDLĐ
- b. Đọc sách, báo
- c. Tra cứu trên mạng Internet

- d. Đọc “Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng, TCCN”
- e. Đến cơ sở đào tạo để tìm hiểu.

5. Mục đích chủ yếu của việc em tham gia học NPT là gì?

- a. Được cộng điểm khuyến khích vào điểm thi tốt nghiệp
- b. Tiếp cận với hoạt động nghề nghiệp và kiểm chứng khả năng, sở thích của em đối với nghề
- c. Thực hành làm ra sản phẩm và có kĩ năng lao động nghề nghiệp
- d. Nâng cao nhận thức về nghề nghiệp và hiểu rõ hơn về sở thích, khả năng của bản thân đối với hoạt động nghề cụ thể.

6. Nghề phổ thông em đang tham gia học có phù hợp với khả năng, sở thích của em không?

- a. Phù hợp
- b. Tương đối phù hợp
- c. Phù hợp ít
- d. Không phù hợp

7. Em hãy ghi lại những thu nhận của bản thân về nghề nghiệp sau buổi giao lưu với khách mời (nếu nhà trường tổ chức giao lưu)

CHUYÊN ĐỀ 3, LỚP 11

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau khi tham gia chuyên đề 3, lớp 11, học sinh sẽ:

- Phân tích, lí giải được sự khác biệt giữa bản thân và bạn bè về *mong muốn, mục tiêu nghề nghiệp, con đường học hành và KHNN*;
- Phân tích, suy luận được những hoạt động ngoại khóa, sản xuất, kinh doanh và phục vụ cộng đồng phù hợp với bản thân mình nhất để tiếp tục tham gia ở vai trò quan trọng hơn;
- Áp dụng được những hiểu biết về bản thân, nghề nghiệp, TTrTDLD để xây dựng KHNN và tự đánh giá tính khả thi của KHNN do mình lập ra.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh (nếu không có máy tính và máy chiếu): Mô hình lập kế hoạch nghề;
- Mẫu: Bản KHNN; Bảng các câu hỏi dùng để phỏng vấn về ngành học;
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH

Giới thiệu và nêu mục tiêu của chuyên đề

1. Nội dung 1. Hoạt động ngoại khóa và phục vụ cộng đồng với việc tạo cơ hội tìm hiểu bản thân, nghề nghiệp

1.1. Mục tiêu

Học sinh biết được vai trò, các hình thức HĐNK và HĐPVCD từ đó có sự lựa chọn và chủ động tham gia các HĐNK và HĐPVCD phù hợp với *sở thích và khả năng* của bản thân để tăng thêm cơ hội nghề nghiệp cho mình.

1.2. Cách tiến hành

1.2.1. Hoạt động 1.1. Vai trò của HĐNK và HĐPVCD trong hướng nghiệp

Trước hết, giáo viên cần làm cho học sinh hiểu được *thế nào là HĐNK và HĐPVCD? Tại sao học sinh nên tăng cường tham gia các HĐNK và HĐPVCD?*

Giáo viên kể tên một số hoạt động ngoài giờ học chính khóa như hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao; Hoạt động của các nhóm học sinh có năng khiếu về một lĩnh vực nào đó như câu lạc bộ của những nhà toán học trẻ tuổi, câu lạc bộ của những người yêu văn, thơ, câu lạc bộ của các nhà sáng chế, câu lạc bộ các nhà sinh học trẻ tuổi, hoạt động tình nguyện giúp đỡ các em nhỏ, đồng bào vùng sâu, vùng xa vào dịp hè;

Hoạt động lao động công ích giúp bà con gặt mùa, trồng cây xanh, hoa ở đường làng, ngõ xóm, nghĩa trang liệt sĩ v.v... và nói: Tất cả những hoạt động kể trên được gọi là HĐNK và HĐPVCD.

Sau đó, giáo viên hỏi, *theo các em, thế nào là HĐNK và HĐPVCD? Tại sao mỗi em nên tăng cường tham gia HĐNK và HĐPVCD khi còn ngồi trên ghế nhà trường?*

Giáo viên dành thời gian 3 – 4 phút để học sinh suy ngẫm và trao đổi với bạn bên cạnh. Sau đó gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình.

Giáo viên khái quát lại và giảng giải: HĐNK và HĐPVCD là những hoạt động ngoài giờ lên lớp chính khóa, được tiến hành theo mục đích, kế hoạch nhất định. Mục đích chính của các hoạt động này là tạo cơ hội để các em bộc lộ và phát triển năng khiếu, sở thích, lòng say mê, khả năng sáng tạo của bản thân trong các lĩnh vực mà các em yêu thích; Áp dụng những kiến thức tiếp thu được trong các bài học chính khóa vào hoạt động thực tiễn. Bên cạnh đó, các em còn có cơ hội thể hiện khả năng tự lập, sự quan tâm, thái độ nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, xã hội và tăng thêm nhận thức nghề nghiệp. Khác với việc học các giờ chính khóa, HĐNK và HĐPVCD có thể được tiến hành dưới sự hướng dẫn hoặc hỗ trợ của giáo viên, cũng có thể do các em tự quản, nhất là đối với hoạt động HĐPVCD. Vì vậy, tích cực tham gia vào các hoạt động này còn giúp các em tăng thêm khả năng xây dựng kế hoạch hoạt động; Tự tổ chức, quản lý hoạt động và khả năng hợp tác, chia sẻ với mọi người.

Có thể nói, HĐNK và HĐPVCD có ý nghĩa rất lớn trong việc định hướng nghề nghiệp và đem lại kinh nghiệm, kĩ năng sống cho các em. Chính vì lẽ đó, ở các nước phát triển, HĐNK và HĐPVCD được coi trọng như hoạt động học tập chính khóa trong các trường phổ thông. Khi học sinh tốt nghiệp THPT và sinh viên tốt nghiệp Đại học mà có giấy chứng nhận đã tham gia các HĐNK, HĐPVCD thì đó là một trong những điều kiện rất thuận lợi để trường Đại học hoặc nhà tuyển dụng xét tuyển.

Giáo viên thuyết trình tiếp, nếu các em quan tâm đọc các thông báo tuyển dụng dành cho những sinh viên trẻ vừa tốt nghiệp thì sẽ dễ dàng nhận thấy, trong 10 thông báo thì có đến 9 thông báo đòi hỏi người nộp đơn phải có kinh nghiệm. Vậy, sinh viên vừa tốt nghiệp đại học, cao đẳng, TCN thì làm sao có được kinh nghiệm? Thật ra, “kinh nghiệm” mà nhà tuyển dụng nói đến có thể được tính từ những HĐNK, HĐPVCD mà sinh viên tham gia trong thời gian đi học như: Tham gia công tác Đoàn, Đội; Tham gia các cuộc thi sáng tạo trẻ, thi olympic...; Tham gia các hoạt động tình nguyện, làm từ thiện, xây dựng khu phố, xóm làng... Lí do là vì khi tham gia những hoạt động trên, sinh viên đã phần nào áp dụng những kiến thức học được trong chuyên môn vào thực tế. Bất cứ một hoạt động nào cũng đều đòi hỏi người tham gia phải làm việc với người khác, từ đó xây dựng khả năng giao tiếp, trò chuyện với người lạ, sắp xếp và quản lí thời gian, làm việc với những người có tính tình không hợp với mình v.v.

Đối với học sinh phổ thông cũng tương tự như vậy. Ngoài việc học trên lớp, trong trường, các em nên tham gia vào những hoạt động khác để làm tăng cơ hội hiểu biết hơn về bản thân trong lĩnh vực *sở thích nghề nghiệp, khả năng và cá tính*, đồng thời có cơ hội tìm hiểu thực tế và người xung quanh. Từ đó có định hướng nghề nghiệp đúng đắn. Mỗi học sinh nên tham gia ít nhất một hay hai hoạt động nào có liên quan đến *sở thích nghề nghiệp* hay *khả năng* của mình. Tất cả những hoạt động mà các em tham gia, không kể nhỏ hay lớn đều có giá trị trong việc tìm hiểu và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Hiện nay, do tâm lí về khoa cử ở nước ta còn nặng nề, nhiều bậc cha mẹ học sinh không muốn cho con tham gia vào bất cứ hoạt động nào, kể cả việc tham gia giúp đỡ gia đình. Bản thân học sinh cũng không tham gia bất cứ một hoạt động nào để tập trung vào việc học, nhất là những môn có thi và những môn chuẩn bị thi đầu vào Đại học. Đó là quan niệm sai lầm. Nhiều nghiên cứu cho thấy, muốn học tập đạt kết quả tốt, học sinh cần phải có khoảng thời gian thư giãn, tham gia vào các hoạt động khác ngoài hoạt động học tập để có cơ hội nghỉ ngơi, nạp thêm năng lượng, tăng thêm khả năng sáng tạo và rèn luyện những kĩ năng mà thầy, cô giáo khó mà truyền tải được qua dạy học trên lớp, như: Giao tiếp, quản lí bản thân, tinh thần đồng đội, làm việc nhóm, tinh thần kỉ luật, trách nhiệm với người khác v.v. Tham gia HĐNK, HĐPVCĐ là một cách rất hay để làm được điều đó.

Tuy nhiên, các em không nên tham gia những hoạt động quá sức mình và chiếm mất quá nhiều thời gian vì như vậy sẽ ảnh hưởng không tích cực đến chất lượng học tập, sức khỏe, và cuộc sống. Một hay hai hoạt động là tốt, và quan trọng hơn cả là chất lượng của hoạt động ấy, chứ không phải là số lượng. Trong thời gian tham gia một hoạt động nào đó, các em nên để ý, quan sát xem mình thích nhất và giỏi nhất ở những phần nào của hoạt động? Nếu không còn thích nữa thì vì sao? vì những điểm này phản ánh rất chính xác xu hướng nghề nghiệp sau này của các em.

Giáo viên nêu hoặc tham khảo ví dụ sau để nêu ví dụ khác cho phù hợp:

*** Ví dụ.** Từ nhỏ, Trang đã luôn được bầu làm lớp trưởng vì Trang học giỏi, được thầy, cô giáo và các bạn tín nhiệm, yêu mến. Tuy nhiên, sau vài năm làm lớp trưởng, Trang nhận thấy mình không thích hợp với vai trò lớp trưởng, nhất là khi phải thường xuyên trao đổi, báo cáo tình hình lớp với thầy/ cô giáo chủ nhiệm, bộ môn và ban giám hiệu, sau đó lại phải phổ biến những thông tin của nhà trường, thầy, cô giáo cho các bạn trong lớp. Ngược lại, Trang thấy mình thích lắng nghe tâm sự của các bạn, giúp đỡ họ khi có khó khăn, kèm cặp những bạn học yếu cần giúp, và hạnh phúc khi các bạn có điểm tốt hơn. Vì vậy, Trang xin với cô giáo chủ nhiệm cho mình được chuyển sang vai trò lớp phó học tập và chuyển giao chức vụ lớp trưởng cho bạn khác phù hợp hơn. Kết quả là, Trang vẫn có cơ hội làm việc với các bạn, nhưng ở cương vị và vai trò khác. Kinh nghiệm này đã giúp Trang chọn nghề trong tương lai: Khi chọn ngành học thì không học những ngành đòi hỏi phải có khả năng quản trị, quản lí. Ngược lại, nên chọn những ngành, nghề liên quan đến tư vấn, đào tạo, giảng dạy thì sẽ phù hợp với Trang hơn.

1.2.2. Hoạt động 1.2. Những HĐNK, HĐPVCĐ học sinh THPT có thể tham gia để làm tăng cơ hội tìm hiểu nghề nghiệp, tìm hiểu bản thân

Giáo viên nêu hình thức và nhiệm vụ hoạt động nhóm (3 – 4 học sinh/nhóm) trong 15 phút:

Sau đây, lớp mình sẽ hoạt động nhóm để thảo luận 2 vấn đề sau:

1. Học sinh phổ thông có thể và nên tham gia những HĐNK và HĐPVCĐ nào? Tác dụng, ý nghĩa của từng hoạt động đối với việc tìm hiểu, xác định sở thích nghề nghiệp và khả năng của em?

Em đã tham gia HĐNK và HĐPVCD chưa? Vì sao? Giáo viên gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận và ghi tóm tắt ý kiến của các nhóm hoặc yêu cầu 1 học sinh lên bảng ghi tóm tắt các ý kiến đó. Giáo viên nhắc các nhóm sau không trình bày lại ý kiến của nhóm trước.

Sau đó, giáo viên khái quát lại các HĐNK và HĐPVCD theo bảng sau:

Hoạt động	Tác dụng, ý nghĩa: Giúp học sinh tìm hiểu, xác định sở thích nghề nghiệp và khả năng
<i>Tham gia vào ban cán sự lớp, công tác Đoàn</i>	Lãnh đạo, quản lí thời gian, giao tiếp với người khác, thuyết phục, tuân thủ kỉ luật, hoàn thành trách nhiệm,...
<i>Tham gia đội văn nghệ của trường, lớp; Làm báo tường</i>	Sáng tạo, tổ chức sự kiện, giao tiếp, thuyết trình trước đám đông, thuyết phục, kỉ luật, trách nhiệm...
<i>Câu lạc bộ hoặc lớp bồi dưỡng năng khiếu</i>	Học tập môn học hoặc hoạt động giáo dục cụ thể; Lòng say mê nghiên cứu, tìm tòi, sáng tạo; tự tin...
<i>Công tác xã hội (tham gia tổ chức hiến máu nhân đạo, tổ chức giúp đỡ những người bị HIV...)</i>	Giúp đỡ người khác, quản lí thời gian, giao tiếp, lắng nghe, trách nhiệm, thuyết phục, gây quỹ,...
<i>Tham gia đội tuyển thi học sinh giỏi</i>	Học tập các môn học và vận dụng hiểu biết vào thi cử và giải quyết tình huống thực tiễn, cạnh tranh, kỷ luật, tự tin, trách nhiệm, quản lí thời gian,...
<i>Giúp đỡ kinh tế gia đình (làm nông nghiệp, bán tạp hóa, sửa chữa, ...)</i>	Quản lí thời gian, trách nhiệm, kiến thức nghề, và những kĩ năng chuyên môn liên quan tới kinh tế gia đình...
<i>Tham gia vào đội thể thao của trường</i>	Quản lí thời gian, trách nhiệm, tinh thần đồng đội, giao tiếp, kỉ luật, rèn luyện thể chất,...
<i>Lao động công ích ở địa phương</i>	Giúp đỡ mọi người, tinh thần cộng đồng, trách nhiệm, làm lao động chân tay, chăm sóc và bảo vệ môi trường, rèn luyện đức tính cần cù, chịu khó trong lao động, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn...
<i>Tình nguyện viên</i>	Giúp đỡ mọi người, tinh thần cộng đồng, trách nhiệm, chia sẻ, hướng thiện, thích làm những việc mang lại lợi ích cho người khác, cho cộng đồng...

Lưu ý: Giáo viên có thể xem thêm bài “**GAP- YEAR, bạn có biết?**” (phụ lục XX, chuyên đề 3, lớp 11) để giới thiệu thêm với học sinh một HĐPVCD đang được nhiều học sinh tốt nghiệp THPT ở các nước và một số ít học sinh ở nước ta tham gia.

*** Kết luận nội dung 1.** Việc tham gia HĐNK, HĐPVCD giúp các em có nhiều cơ hội để khám phá, kiểm nghiệm *sở thích, khả năng và cá tính* của bản thân, đồng thời có tác dụng rèn luyện các *kỹ năng thiết yếu và định hướng nghề nghiệp tương lai* rất tốt. Mỗi em hãy tìm cho mình những HĐNK, HĐPVCD để tham gia một cách tích cực, hiệu quả nhằm làm tăng cơ hội nghề nghiệp cho bản thân.

*** Nội dung cần ghi nhớ.** HĐNK và HĐPVCD để làm tăng cơ hội nhận thức bản thân.

2. Nội dung 2. Mục tiêu nghề nghiệp và kế hoạch nghề nghiệp

2.1. Mục tiêu

- Áp dụng được những hiểu biết về bản thân, nghề nghiệp, TTrTDLĐ để xác định mục tiêu và xây dựng KHNN cho bản thân;
- Tự điều chỉnh được bản KHNN đã lập cho phù hợp với nhận thức bản thân, hoàn cảnh gia đình và nhu cầu của TTrTDLĐ;
- Tự đánh giá được tính khả thi của bản KHNN do mình lập ra.

2.2. Cách tiến hành

2.2.1. Hoạt động 2.1. Giới thiệu lí thuyết: Mô hình lập kế hoạch nghề

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu **Mô hình lập kế hoạch nghề** (phụ lục XII, chuyên đề 1, lớp 11) và yêu cầu học sinh trình bày mô hình này theo hiểu biết của bản thân.

Sau đó, giáo viên chỉ vào mô hình và giảng giải :

Bước đầu tiên và quan trọng nhất của việc LKHNN là tìm hiểu bản thân trong các lĩnh vực:

Sở thích nghề nghiệp, khả năng, và cá tính. Học sinh thật sự thích và có khả năng trong nhóm ngành nghề nào? Hoàn cảnh gia đình có cho phép học sinh theo đuổi nhóm ngành nghề đó không?

Bước thứ hai là tìm hiểu TTrTDLĐ tại địa phương và quốc gia để biết:

- Ngành nghề mà học sinh thích và dự định lựa chọn có cơ hội việc làm cao ở địa phương không? Hoặc có cơ hội việc làm cao ở trong nước không? Hay chỉ ở nước ngoài mới có? Học sinh có đủ điều kiện để sẵn sàng theo đuổi ngành, nghề, công việc này hay không, nhất là điều kiện về tài chính và hoàn cảnh của gia đình?
- Ngành nghề học sinh thích có được đánh giá cao bởi dự báo nhu cầu về nhân lực hay không? Nói cách khác, khi học sinh ra trường, thì ngành nghề học đã chọn học có nhu cầu TDLĐ cao nữa hay không?

Bước thứ ba là xác định mục tiêu nghề nghiệp:

- Thu hẹp và xác định 1 – 2 ngành, nghề mà học sinh muốn theo đuổi;
- Tìm hiểu xem học sinh có thể học nhóm ngành, nghề đó ở đâu? Cấp độ đào tạo nào phù hợp với sức học và khả năng tài chính của gia đình?;

- Tìm hiểu và nghiên cứu sâu bằng cách phỏng vấn những sinh viên đang học nhóm ngành nghề ấy, đi thăm trường,...

Bước thứ tư là lên kế hoạch cụ thể:

- Lập hồ sơ thi ra sao? Thi lúc nào? Chuẩn bị ôn thi các môn học như thế nào? v.v.

2.2.2. Hoạt động 2.2. Xác định biện pháp thực hiện mục tiêu và KHNN

Việc đầu tiên các em cần làm là xác định **mục tiêu** và KHNN. Việc này, các em đã làm ở lớp 10. Bây giờ là lúc các em xem lại mục tiêu và bản KHNN tương lai của mình để xác định thêm một lần nữa và biết được:

Mục tiêu nghề nghiệp có còn phù hợp với *sở thích, khả năng và cá tính* của bản thân không? Có cần điều chỉnh không? Nếu có thì điều chỉnh như thế nào?

Những thuận lợi, khó khăn từ phía bản thân đối với việc thực hiện KHNN. Hãy ghi rõ những thuận lợi để có động lực thực hiện KHNN. Đồng thời, hãy suy ngẫm để xác định những khó khăn của bản thân trong việc thực hiện mục tiêu, KHNN, ví dụ như, khó khăn về khả năng học tập môn thi đầu vào Đại học; Tính cách chưa thực sự phù hợp với đòi hỏi của nghề mà mình yêu thích... Đừng nản lòng. Hãy tự mình đề xuất các biện pháp khắc phục khó khăn từ phía bản thân. Nếu thấy khó có thể vượt qua được, hãy điều chỉnh mục tiêu và KHNN để tìm phương án khắc phục cho phù hợp với *khả năng, cá tính* của bản thân.

Những thuận lợi, khó khăn từ phía gia đình đối với việc chọn nghề, con đường học hành của bản thân. Ví dụ, Ý kiến của cha mẹ; Điều kiện kinh tế của gia đình... từ đó, tìm biện pháp khắc phục khó khăn trên con đường thực hiện ước mơ nghề nghiệp của mình.

Những thuận lợi, khó khăn từ phía xã hội. Ví dụ, nghề mình yêu thích, có khả năng theo đuổi nhưng theo dự báo về nhu cầu nhân lực, hiện nay TTrTDLĐ nghề này đã quá “bão hòa” (ví dụ, các nghề trong ngành ngân hàng, tài chính); hay cho đến nay, nước ta vẫn chưa có hoặc có rất ít nhu cầu nhân lực về nghề này...

Giáo viên lưu ý với học sinh là trong suốt quá trình chuẩn bị và lập KHNN, các em hãy luôn nhớ tới “Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch” và “Lí thuyết vị trí điều khiển” để tự mình tạo ra sự tình cờ, may mắn, đồng thời:

- Lắng nghe từ nhiều người và đọc nhiều thông tin liên quan đến hướng nghiệp từ nhiều nguồn. Tuy nhiên, các em phải luôn nhớ rằng tất cả những thông tin ấy chỉ để tham khảo. **Điều quan trọng nhất là sự hiểu biết về bản thân** và hãy xem đó như kim la bàn chỉ hướng cho bản thân để khỏi bị lạc đường.
- Hãy để trái tim và đầu óc rộng mở với những cơ hội và khả năng khác. Đừng quá khép kín kế hoạch hay sở thích và bỏ qua tất cả những cơ hội khác vì khi các em để đầu óc mở rộng, có thể có một cơ may nào đó sẽ đến và sẽ là chọn lựa tốt đẹp hơn.
- Nếu kế hoạch không xảy ra như mong muốn vì những lí do ngoài ý muốn, em hãy luôn nhớ rằng “*không ai điều khiển được chuyện gì xảy đến với ta, nhưng chúng ta có thể điều khiển được cách chúng ta phản ứng lại*”. Nếu như em sẵn sàng tiếp nhận sự kiện ấy một cách tích cực rất có thể sẽ dẫn đến một cơ hội “ngẫu nhiên có kế hoạch” trong tương lai gần và đem lại may mắn cho em.

Để minh họa cho các ý trên, giáo viên đọc cho học sinh nghe câu chuyện nghề nghiệp **“Vẽ cà phê, nên sự nghiệp”**²⁶ (*phụ lục XXI, chuyên đề 3, lớp 11*). Sau đó, dành thời gian cho học sinh suy ngẫm về câu chuyện vừa nghe và đưa ra các ý kiến của bản thân theo các câu hỏi gợi ý sau:

1. Lí do nào giúp cho Pháp – nhân vật chính trong câu chuyện có được thành công trong nghề pha chế cà phê như ngày hôm nay? Có phải là do anh đã tốt nghiệp với bằng cấp cao từ trường nổi tiếng ở nước ngoài hay không?
2. Khi được người thầy giới thiệu một nghề mới là nghề pha cà phê – nghề khác với nghề mình đã được học là nghề pha chế rượu, Pháp đã phản ứng như thế nào?
3. “Lí thuyết sự ngẫu nhiên có kế hoạch” và “lí thuyết vị trí điều khiển” được thể hiện ở những chi tiết nào trong câu chuyện?
4. Bản thân em rút ra được điều gì qua câu chuyện “Vẽ cà phê, nên sự nghiệp”?

Sau phần trình bày, chia sẻ ý kiến của một số học sinh về câu chuyện nghề nghiệp, giáo viên khái quát lại như sau:

Câu chuyện nghề nghiệp trên có tất cả những đặc điểm mà hai lí thuyết vừa rồi nhắc đến. Pháp bắt đầu việc học nghề ở trình độ trung cấp, nhưng lại yêu thích và không bỏ qua một cơ hội học hỏi nào. Anh cũng may mắn là gặp được người giới thiệu đúng thời điểm, nhưng chính anh là người tạo ra may mắn ấy. Anh sẵn sàng học một nghề mới, bắt đầu lại từ đầu khi được giới thiệu và phân tích về nghề mới. Nhận thấy nghề mới này phù hợp với *sở thích và khả năng* của bản thân, anh đã rèn luyện, học hỏi, dự thi và tiếp tục rèn luyện để nâng cao tay nghề. Câu chuyện này chứng minh rằng, vấn đề quan trọng nhất để thành công trên con đường nghề nghiệp là theo học và làm đúng ngành nghề phù hợp với *sở thích, khả năng và cá tính* của bản thân. Sự thành công sẽ không có giới hạn với người biết nắm bắt cơ hội.

2.2.3. Hoạt động 2.3. Học sinh thực hành xác định mục tiêu và KHNN của bản thân

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc lại bản KHNN đã lập từ năm lớp 10, sau đó nhớ lại kết quả tìm hiểu bản thân qua làm trắc nghiệm *sở thích, khả năng và cá tính* và kết quả tìm hiểu nghề nghiệp ở 2 chuyên đề trước của lớp 11 để điều chỉnh hoặc bổ sung KHNN của bản thân. Trong đó, chú ý nêu được những khó khăn, thuận lợi và biện pháp khắc phục khó khăn từ phía bản thân, gia đình, xã hội để đạt được mục tiêu, ước mong nghề nghiệp của mình.

Giáo viên động viên học sinh chia sẻ KHNN với bạn và đưa ra ý kiến bảo vệ quan điểm của mình.

2.2.4. Hoạt động 2.4. Hướng dẫn phương pháp phỏng vấn để tìm thông tin cần thiết bổ sung cho mục tiêu, KHNN

Giáo viên giới thiệu với học sinh phương pháp tìm hiểu về một ngành học xem ngành học đó có phù hợp với *sở thích, khả năng và cá tính* của học sinh hay không bằng cách phỏng vấn những người đang học ngành ấy. Từ những thông tin, kinh nghiệm của họ, học sinh sẽ tìm ra câu trả lời cho riêng mình. Khi thực hiện phương pháp này, **vấn đề quan trọng nhất là cách đặt câu hỏi**. Vì vậy, các em cần lưu ý:

²⁶ Nguồn: <http://chuyentrang.tuoiitre.vn/Vieclam/Index.aspx?ArticleID=504951&ChannelID=269>

- Đặt câu hỏi để tìm hiểu thông tin càng nhiều, càng sâu càng tốt. Không đặt câu hỏi để người được phỏng vấn quyết định ngành học, nghề nghiệp thay cho mình;
- Đặt câu hỏi để người được phỏng vấn có cơ hội chia sẻ câu chuyện theo đuổi ước mơ nghề nghiệp và con đường đi đến ước mơ của họ. Họ càng kể chuyện thì thông tin càng đa dạng, nhiều chiều và phản ánh chính xác kinh nghiệm của họ.

Giáo viên giới thiệu **Bảng câu hỏi dùng để phỏng vấn tìm hiểu thông tin về ngành học** (phụ lục XXII, chuyên đề 3, lớp 11) để học sinh có thể dùng khi tìm hiểu sâu hơn về ngành học trong một trường nào đó.

Hướng dẫn học sinh tìm người phỏng vấn: Thông thường, để có được những câu trả lời tâm tình và chân thật nhất, học sinh cần phải tìm được đúng người để phỏng vấn. Những người tốt nhất để phỏng vấn là:

- Bạn thân của anh chị ruột/ họ trong gia đình;
- Anh chị ruột/ họ trong gia đình;
- Các anh chị cựu học sinh của trường;
- Những người bạn lớn tuổi hơn mà học sinh có dịp làm quen trong các hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội, các cuộc thi học sinh giỏi,...;

Nếu không thể tìm được những người như trên, học sinh có thể tìm trên mạng, qua facebook. Khi phỏng vấn người lạ, học sinh cần chú ý:

- Luôn tỏ ra lịch sự và tôn trọng thời khóa biểu của người được phỏng vấn bằng cách làm việc đúng giờ, khiêm tốn, và tỏ lòng cảm kích;
- Hãy xem cuộc phỏng vấn như một bài tập quan trọng và cư xử một cách chân thành, tự tin để tạo ấn tượng tốt;

Kết luận nội dung 2 và toàn chuyên đề: Xây dựng KHNN là một việc làm hết sức cần thiết nhằm giúp cho các em có được định hướng nghề nghiệp một cách khoa học và tự tin, vững bước đi trên con đường mà mình đã lựa chọn. Chọn nghề phù hợp là quan trọng, nhưng quan trọng hơn cả là làm sao đến được với nghề mình đã chọn và phát huy được hết khả năng, sở trường của mình trong hoạt động nghề nghiệp sau này. Điều này phụ thuộc chủ yếu vào KHNN và quyết tâm thực hiện KHNN của chính bản thân các em.

Nội dung cần ghi nhớ: Xác định mục tiêu, KHNN của bản thân.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Bản KHNN đã được điều chỉnh của học sinh.

V. PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 3, LỚP 11

- **Phụ lục XX.** Gap year, bạn có biết;
- **Phụ lục XXI.** Câu chuyện nghề nghiệp: Vẽ cà phê, nên sự nghiệp;
- **Phụ lục XXII.** Bảng câu hỏi dùng để phỏng vấn tìm hiểu thông tin về ngành học.

PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 3, LỚP 11

PHỤ LỤC XX

GAP YEAR, BẠN CÓ BIẾT?²⁷

Gap year là thời gian một năm (thông thường sau khi tốt nghiệp THPT) dành cho các hoạt động cộng đồng để bổ sung kinh nghiệm sống. Thật ra, không cần phải đủ 18 tuổi hay có một khoảng thời gian tới 365 ngày để thực hiện một kế hoạch Gap year. Ngày nay, thuật ngữ này dành cho những hoạt động mang lại thách thức qua việc gặp gỡ với người lạ, bằng chuyến du lịch hay “công tác” (làm việc làm thêm, hoạt động thiện nguyện) tại một quốc gia mới lạ. Đan Chi (người Đan Mạch gốc Việt) hiện đang là tình nguyện viên tại một trại trẻ mồ côi ở Huế dù Chi chỉ mới tốt nghiệp cấp II.

www.gap year.com là một trong những trang web có tiếng nhất về các thông tin liên quan đến hoạt động này. Thật ra, chương trình Work&Travel vào các kì nghỉ ở Mỹ cũng có cùng chí hướng với Gap year, nhưng hình thức này “dài hơi” hơn và có tính cộng đồng cao, các thành viên tham gia thường làm với tư cách từ thiện là chính, bên cạnh đó họ cũng đặt nặng vấn đề giao thoa với văn hóa bản xứ hơn. Erin (Adelaide, Úc) đã từng đi Gap year vòng quanh các nước châu Á (Thái Lan, Việt Nam, Campuchia) để làm các công việc như xây nhà, trồng cây, dạy chữ, quay phim... và cô vẫn còn muốn quay lại những nơi này với những mối quan hệ thân quen với người dân ở đây vì đã xem họ như gia đình mình.

Vào những năm 60, phong trào này lan rộng tại Vương quốc Anh và thuật ngữ này cũng lần đầu tiên xuất hiện tại đây vào năm 1972 bởi GAP Activity Projects (Dự án hành động GAP, ngày nay là Lattitude Global Volunteering). Vào thời điểm này, sinh viên thường du lịch kết hợp làm từ thiện trong kì nghỉ.

Gap year xuyên biên giới

Vì con số sinh viên tạm hoãn một năm học ở trường để đi du lịch và làm việc toàn thời gian ở nước ngoài, nên vào tháng tư năm 2009, chính phủ Đan Mạch đã đề ra một Luật mới dành ra một khoản tiền thưởng thêm cho những sinh viên tham gia hoạt động này trong một năm.

Trong khi đó, sinh viên Mỹ có lẽ là những người hào hứng nhất với hoạt động này. Các trường đại học như Princeton University, Harvard University, Amherst College, Massachusetts Institute of Technology và Reed College luôn đưa nhiều chính sách hỗ trợ sinh viên khi họ phải hoãn việc nhập học cho kỳ Gap year.

Tại Ấn Độ, Gap year còn được gọi bằng một thuật ngữ tương tự là Drop Year. Tuy nhiên, giới trẻ Ấn Độ lại thường dành khoảng thời gian này để đăng ký vào các trung tâm luyện thi để chuẩn bị cho các kì thi đầu vào khắc nghiệt của đại học, bao gồm cả kì kiểm tra đầu vào Viện Công nghệ danh tiếng Indian Institute of Technology.

²⁷ <http://www.hotcourses.vn/blog/student-life/gap-year-nam-hoc-thu-13-cua-tinh-nguyen-va-trai-nghiem/>

Tại Yemen, một năm trì hoãn sau tốt nghiệp cấp III là bắt buộc. Trừ khi nhập học vào đại học tư, giới trẻ Yemen phải đợi một năm để đăng kí vào đại học. Trong khi nam sinh phải tham gia vào quân đội, nữ sinh sẽ nhận trách nhiệm giảng dạy tại trường hay làm việc tại bệnh viện.

Cuối cùng, Úc không chỉ là quốc gia có “nguồn” sinh viên tham gia Gap Year phong phú nhất (địa điểm ưa thích của họ là châu Âu hoặc Đông Nam Á) mà còn là điểm đến Gap Year hấp dẫn của sinh viên nước ngoài. Một số trong đó tham gia vào chương trình Quốc phòng Úc (ADF) và gắn bó luôn với hoạt động này trong khi số còn lại trở về nhà và tiếp tục học lên cao.

Suy cho cùng, Gap year là để dừng lại quan sát, nghỉ–lấy–hơi và... tiến nhanh hơn về phía trước!

PHỤ LỤC XXI

Thứ Bảy, 04/08/2012, 05:17 (GMT+7)

Câu chuyện nghề nghiệp: Vẽ cà phê, nên sự nghiệp

TT - Học nghề *pha chế rượu* (bartender) nhưng chàng trai Võ Pháp lại bén duyên với việc thỏa sức sáng tạo trên từng tách cà phê của nghề pha chế cà phê (barista).



Võ Pháp bắt đầu sự nghiệp với những ly cà phê – Ảnh: PHI LONG

Sáu năm học tập và trải nghiệm đã giúp anh trở thành người quản lý chất lượng và đào tạo của thương hiệu cà phê hàng đầu nước Ý tại Việt Nam.

“Càng thử thách tôi càng thích!”

Tốt nghiệp trung cấp du lịch tại quê nhà Đà Nẵng, Pháp vào TP.HCM theo học khóa pha chế rượu và trụ tại đất Sài thành. Ngã rẽ cuộc đời đến với anh khi người thầy giới thiệu một nghề hoàn toàn mới tại Việt Nam vào thời điểm năm 2006: *Nghề pha chế cà phê*. Đây là một nghề thịnh hành tại các nước phương Tây, đặc biệt là tại Ý, khi loại hình cà phê mang đi phát triển mạnh.

Bỏ rượu, đến với cà phê Pháp gần như phải làm lại từ đầu khi cách chế biến và kiến thức của hai nghề hoàn toàn khác nhau. Chàng trai Đà Nẵng bắt đầu một hành trình mới với những chiếc máy pha cà phê đặc trưng của người Ý. Từ cách xay hạt cà phê sao cho độ mịn vừa phải, cách định lượng lượng nước chảy qua bộ nén áp suất cho đến cách đánh sữa đều phải học, thực tập hàng chục, thậm chí hàng trăm lần mới có thể làm thành thạo. Cái khó nhất – vẽ hình trên ly cà phê – lại càng khó hơn vì nằm ở sự trải nghiệm và toàn tâm của người pha. Để vẽ hình chiếc lá trên tách espresso – thử thách đầu tiên, đơn giản nhất trong nghề – Võ Pháp đã mất ba tháng mới có thể làm thành thạo. “Càng thử thách tôi càng thích” – Pháp cho biết.

Thời điểm Pháp theo học nghề, barista tại Việt Nam là một từ hoàn toàn mới mẻ. Ngay cả trong những quán bar của các khách sạn năm sao, máy pha cà phê đã có nhưng người để vận hành cũng hiếm. Số lượng người biết nghề vì thế càng hiếm. Pháp tự nâng cao tay nghề không chỉ ở việc thực hành pha chế nhiều lần mà còn nghiền ngẫm tất cả tư liệu mình

có được từ nước ngoài. Những clip pha chế của các thợ lành nghề Ý đưa lên trang YouTube là một kênh thông tin quan trọng để Pháp học nghề. Năm 2010, Võ Pháp đã đoạt giải nhất cuộc thi “Pha chế cà phê Lavazza 2010” do thương hiệu cà phê Lavazza tổ chức tại khách sạn Caravelle dành cho những người chuyên pha chế, sáng tạo cà phê.

Con đường mới

Sáu năm theo nghề, Pháp càng ngày càng mê nghề vì cái mới luôn nổi tiếp và cơ hội học hỏi luôn mở ra trước mắt. Khi trở thành một người pha chế thạo nghề, anh chuyển sang làm quản lí bar rồi trở thành chuyên viên đào tạo và quản lí chất lượng của thương hiệu cà phê Illy (ra đời gần 80 năm tại Ý) ở Việt Nam. Công việc mới cho anh thời gian cùng cơ hội mở các lớp đào tạo về pha chế cà phê và quản lí hệ thống quán cà phê mang đi.

Võ Pháp cho biết: “Xuất phát điểm của nghề khá đơn giản, chỉ với một khóa đào tạo ba tháng bạn đã có thể đi làm với mức lương tầm 3 triệu đồng. Nhưng cơ hội mở ra cho những ai đam mê thật sự và có tinh thần cầu tiến với những vị trí cao hơn như quản lí hoặc chuyên viên quản lí chất lượng, đào tạo với thu nhập trên 10 triệu đồng...”.

PHỤ LỤC XXII

BẢNG CÂU HỎI DÙNG ĐỂ PHÒNG VẤN TÌM HIỂU

1. Vì sao anh/ chị chọn ngành học này ạ?
2. Khi chị chọn ngành học này, anh/ chị đã tìm hiểu và nghiên cứu như thế nào trước khi ra quyết định?
3. Nếu được chọn lại lần nữa, anh/ chị vẫn chọn ngành này hay sẽ thay đổi?
4. Em muốn được nghe anh/ chị kể cho em nghe về những điểm hay, điểm tốt mà anh/ chị nhận thấy khi theo học ngành này?
5. Theo anh/ chị có những điểm nào không tốt, làm anh/ chị nản lòng khi học ngành này ạ?
6. Những ngày đầu khi mới vào học, anh/ chị gặp những khó khăn nào ạ?
7. Bây giờ, anh/ chị thích nhất điều gì ở ngành học này?
8. Anh/ chị có lời khuyên gì cho một học sinh đang học 11 như em đang có mong muốn được theo học ngành này không ạ?

CHUYÊN ĐỀ 1, LỚP 12

TÌM HIỂU BẢN THÂN VÀ NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGHỀ CỦA BẢN THÂN (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau khi tham gia chuyên đề 1, lớp 12, học sinh sẽ:

- Sử dụng được kiến thức về sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân, hoàn cảnh gia đình và KTXH để đưa ra quyết định chọn trường học, chọn ngành học, chọn nghề;
- Đề xuất với phụ huynh, người thân mong muốn, ước mơ và mục tiêu nghề nghiệp của bản thân;
- Chủ động học hỏi và tìm hiểu các thông tin hướng nghiệp tại gia đình, nhà trường, cộng đồng để ra quyết định chọn nghề.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- **Tranh** (nếu không có máy tính và máy chiếu): Lí thuyết cây nghề nghiệp; Mô hình lí thuyết hệ thống; Mô hình chìa khóa xây dựng KHNN;
- **Bảng**: Sáu nhóm cá tính theo lí thuyết mật mã Holland; Các giá trị nghề nghiệp;
- **Bộ công cụ tìm hiểu cá tính MBTI**;
- **Bài tập**: Xây dựng KHNN cho bản thân;
- **Sơ đồ** “Quy trình tư vấn hướng nghiệp”;
- **Máy tính và máy chiếu** (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH

Giới thiệu và nêu mục tiêu của chuyên đề

1. Nội dung 1. Xác định sở thích, khả năng, cá tính, giá trị và nghề nghiệp của bản thân

1.1. Mục tiêu

- Học sinh khẳng định được *sở thích, khả năng, cá tính* của bản thân và trình bày được những *giá trị nghề nghiệp* của chính mình.
- Sử dụng kiến thức về *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân để đưa ra quyết định chọn hướng đi tiếp theo, chọn ngành học, chọn nghề phù hợp.

1.2. Cách tiến hành

Giáo viên nghiên cứu và sử dụng nội dung 1, chuyên đề 1, lớp 10 trong tài liệu này để tổ chức các hoạt động sau:

1.2.1. Hoạt động 1.1. Giới thiệu (hoặc nhắc lại) lý thuyết cây nghề nghiệp

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu **Hình 1.1 “Lí thuyết Cây nghề nghiệp”** (*phụ lục I, chuyên đề 1, lớp 10*) và yêu cầu học sinh nêu những điều mà bản thân nhận thức được qua hình ảnh của “lí thuyết cây nghề nghiệp”.

Sau khi một số học sinh nêu nhận thức, cảm nghĩ của bản thân về “cây nghề nghiệp”, giáo viên nhận xét, giải thích và nêu tóm tắt “lí thuyết cây nghề nghiệp”. Sau đó nêu các khái niệm, ví dụ minh họa về các “rễ” của cây nghề nghiệp, bao gồm: *Sở thích, khả năng, cá tính*, và *giá trị nghề nghiệp*.

1.2.2. Hoạt động 1.2. Ôn lại kiến thức về sở thích, khả năng và cá tính học sinh đã được học ở lớp 10 và lớp 11

a. Hướng dẫn (hoặc ôn lại) kiến thức về sở thích và khả năng

Giáo viên giới thiệu (hoặc nhắc lại) “lí thuyết mật mã Holland”. Giáo viên treo bảng hoặc trình chiếu bảng 1.2. Sáu nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland (*phụ lục II, chuyên đề 1, lớp 10*) và giải thích (hoặc nhắc lại) các nội dung trong bảng.

Sau đó, tổ chức cho học sinh thực hành (hoặc ôn lại) cách xác định nhóm *sở thích* và *khả năng* trong 15 phút. Giáo viên nêu các nhiệm vụ:

- **Nhiệm vụ 1:** Các em hãy đọc kĩ các nội dung ở từng nhóm tính cách và đối chiếu các đặc điểm được ghi ở từng nhóm tính cách với chính bản thân mình để *xác định nhóm tính cách* của bản thân. Mỗi em có thể xác định 1 hoặc 2 nhóm tính cách đúng với mình nhất. Ghi tên nhóm tính cách đã xác định vào giấy.
- **Nhiệm vụ 2:** Dựa vào nội dung ở nhóm tính cách đã xác định và nhận thức về bản thân, hãy xác định và *ghi lại những sở thích và khả năng* của mình, những công việc mà em cho là phù hợp với bản thân vào từng nhóm tính cách. Có thể trao đổi thêm với bạn bên cạnh.

Giáo viên gợi ý cho học sinh kẻ bảng và ghi vào bảng cho dễ nhìn. Ví dụ:

Nhóm tính cách của em	Sở thích, khả năng của em và những công việc phù hợp với em
Nhóm kĩ thuật (KT)	Sở thích: Khả năng: Công việc phù hợp:

b. Hướng dẫn (hoặc ôn lại) kiến thức về cá tính

Giáo viên nêu sự cần thiết phải tìm hiểu *cá tính* và giới thiệu bộ công cụ tìm hiểu cá tính MBTI.

Giáo viên giới thiệu (trình chiếu hoặc treo bảng) Bộ công cụ tìm hiểu cá tính MBTI (*phụ lục XII, chuyên đề 1, lớp 11*), yêu cầu học sinh đọc kĩ các nội dung trong đó và thực hiện nhiệm vụ (trong khoảng 15 phút): Mỗi em hãy tự đối chiếu nội dung xu hướng cá tính trong từng cặp phạm trù với bản thân để tự xác định 4 xu hướng cá tính của bản thân trong 4 cặp phạm trù. *Giáo viên nhắc học sinh:* Với mỗi cặp phạm trù,

mỗi em được quyết định chọn một bên cho mình, hoặc bên trái hoặc bên phải. Các em chú ý *không được chọn hết cả hai, cũng không được không chọn bên nào*. Khi quyết định chọn, mỗi em hãy để ý đến phần hướng dẫn “70%”, có nghĩa là bên nào các em thấy giống mình nhiều hơn thì chọn bên đó, dù rằng cả hai bên đều có phần của mình. Sau khi đã xác định xong, các em có thể chia sẻ, trao đổi với bạn khác về kết quả xác định xu hướng cá tính của mình.

1.2.3. Hoạt động 1.3. Tìm hiểu lí thuyết về giá trị nghề nghiệp

Giáo viên dẫn dắt, vừa rồi, chúng ta đã xác định được *sở thích, khả năng và cá tính* của bản thân - những phần “rễ” hết sức quan trọng mà mỗi người cần phải hiểu rất rõ khi chọn nghề. Sau đây, chúng ta tiếp tục tìm hiểu “giá trị” hay còn gọi là “giá trị nghề nghiệp” và tầm quan trọng của yếu tố này trong hướng nghiệp.

Thế nào là giá trị nghề nghiệp?

Giá trị là những cái mà chúng ta cho là *quý giá, là quan trọng, là có ý nghĩa*.

Giá trị nghề nghiệp là những điều được cho là quý giá, là quan trọng, có ý nghĩa mà mỗi người mong muốn đạt được khi trở thành người lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp nào đó. Nói cách khác, *giá trị nghề nghiệp chính là những nhu cầu quan trọng nhất mỗi người khi tham gia lao động nghề nghiệp*. Tùy theo quan niệm, nhu cầu của mỗi người trong hoạt động nghề nghiệp, *giá trị nghề nghiệp* rất khác nhau. Có người coi việc kiếm được nhiều tiền là giá trị nghề nghiệp của mình. Có người cho rằng giá trị nghề nghiệp của họ chỉ đơn giản là có một công việc ổn định; Có người coi việc có chức, có quyền là giá trị nghề nghiệp, nhưng cũng có người cho rằng giá trị nghề nghiệp của họ phải là được nhiều người biết đến. Có người có nhiều nhu cầu cùng lúc nhưng cũng có người chỉ có 1 – 2 nhu cầu trong lao động nghề nghiệp.

Lưu ý: Cần phân biệt *giá trị nghề nghiệp* của mỗi người với giá trị của một nghề nghiệp nào đó. Nói đến giá trị của một nghề là nói đến đánh giá của xã hội, của mỗi người đối với nghề đó. Ví dụ, nghề bác sĩ hay nghề kinh doanh tài chính hiện nay đang được xem là nghề có giá trị cao trong xã hội.

Các giá trị nghề nghiệp luôn có **liên quan chặt chẽ** với *sở thích và cá tính* của mỗi người. Ví dụ như học sinh thuộc nhóm *sở thích nghệ thuật* thường có giá trị nghề nghiệp là được tự chủ trong thời gian làm việc. Họ không ưa sự gò bó trong công việc, và thích bắt đầu hay kết thúc một ngày làm việc tùy theo cảm hứng của mình.

Giá trị nghề nghiệp của mỗi người **không phải là bất biến** mà có thể thay đổi theo thời gian sống, nhất là đối với những người có nhiều nhu cầu trong lao động nghề nghiệp. *Để giúp học sinh thấy rõ điều này, giáo viên có thể nêu hoặc tham khảo ví dụ sau để nêu ví dụ khác cho phù hợp:*

Ví dụ: Lúc còn trẻ, điều anh Thanh coi trọng nhất là được học hỏi thật nhiều trong công việc, tiếp đến là có nhiều cơ hội đi công tác ở những nơi xa để được du lịch, và tiếp đến nữa là có chức, có quyền. Nhưng sau khi anh Thanh lập gia đình và có con thì những giá trị nghề nghiệp có sự thay đổi. Lúc này đối với anh Thanh, điều quan trọng nhất là công việc ổn định và lương cao, tiếp đến là có cơ hội thăng tiến trong công việc, và làm sao để cân bằng giữa công việc và gia đình. Sở dĩ có

sự thay đổi giá trị nghề nghiệp như trên vì vai trò, vị trí và trách nhiệm của anh Thanh trong gia đình đã có sự thay đổi. Anh đã trở thành người cha, người chồng, người lao động chính trong gia đình. Điều này cho thấy, giá trị nghề nghiệp của mỗi người cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài và nhận thức của chính bản thân mỗi người.

Hiểu biết *giá trị nghề nghiệp* của bản thân đóng vai trò rất quan trọng trong KHNN của mỗi người. Trong thực tế, có đến 90% lí do một người lao động chuyển công việc hoặc không thích công việc đang làm là vì giá trị nghề nghiệp của bản thân không được thỏa mãn hoặc không phù hợp với nơi làm việc, với đồng nghiệp, hay với người lãnh đạo trực tiếp của mình. Do đó, hiểu biết *giá trị nghề nghiệp* của bản thân sẽ giúp mỗi người đưa ra được lựa chọn công việc ở môi trường phù hợp, nơi mà các nhu cầu quan trọng nhất của mình được thỏa mãn, và nhờ vậy mỗi người sẽ tìm được niềm vui trong công việc.

1.2.4. Hoạt động 1.4. Thực hành tìm hiểu giá trị nghề nghiệp

Giáo viên giới thiệu **bảng 1.4. Các giá trị nghề nghiệp**²⁸ (phụ lục XXIII, chuyên đề 1, lớp 12) và hướng dẫn học sinh thực hành. Đầu tiên, mỗi em hãy đọc kĩ các nội dung trong bảng 1.4, sau đó, đối chiếu với mong muốn, nhu cầu nghề nghiệp của bản thân và ghi vào cột đầu tiên như sau:

- **Đánh giá 1** cho những điều em cho là **rất cần thiết**
- **Đánh giá 2** cho những điều em cho là **cần**
- **Đánh giá 3** cho những điều em cho là **không cần lắm**

Ở cuối bảng có một số ô trống, em hãy điền vào ô trống các giá trị mà các em muốn bổ sung thêm. Sau khi đã ghi các số vào cột đánh giá, em hãy ghi vào bảng dưới đây **năm giá trị nghề nghiệp** quan trọng nhất trong hiện tại đối với em:

Thứ tự ưu tiên	Giá trị nghề nghiệp của bản thân
1	
2	
3	
4	
5	

1.2.5. Hoạt động 1.5. Vận dụng nhận thức về bản thân để xây dựng KHNN

Giáo viên treo tranh hoặc trình chiếu hình **Mô hình chìa khóa XDKHNN** (phụ lục X, chuyên đề 3, lớp 10) và nêu, mỗi chúng ta đã tự xác định được *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân mình. Như vậy, chúng ta đã trả lời được

²⁸ Nguồn, nhập trang ngày 18 tháng 1, 2013 <http://career.asu.edu/S/careerplan/selfdiscovery/Value-sAssessment.htm>

câu hỏi quan trọng nhất trong “Chìa khóa xây dựng kế hoạch nghề nghiệp” là câu hỏi “**Em là ai?**”. Sau đây, chúng ta sẽ vận dụng những hiểu biết của chúng ta về bản thân để trả lời 2 câu hỏi còn lại trong “Chìa khóa XDKHNN”.

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm **bài tập 1.5 XDKHNN cho bản thân** (phụ lục XXIII, chuyên đề 1, lớp 12) trong thời gian 15 phút.

Giáo viên nhắc học sinh, các em hãy sử dụng các kết quả tìm hiểu sở thích, khả năng (kể cả năng khiếu và kỹ năng), *cá tính và giá trị nghề nghiệp* để điền đầy đủ các thông tin cần thiết vào bài tập. Khi làm bài tập, mỗi người đều có thể trao đổi với bạn trong lớp nhưng không chép lại của bạn vì mỗi người đều có những *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* khác nhau.

Giáo viên lưu ý: Trong các nội dung của bài tập 1.5, có nội dung yêu cầu học sinh nêu *kỹ năng thiết yếu* của bản thân. Do vậy, nếu như học sinh lớp 12 chưa được tiếp cận các nội dung của “kỹ năng thiết yếu”, giáo viên cần nghiên cứu kỹ các nội dung trong **bảng Các kỹ năng thiết yếu** (phụ lục III, chuyên đề 1, lớp 10). Trước khi tổ chức cho học sinh làm bài tập, giáo viên cần nêu và giải thích các *kỹ năng thiết yếu* nhằm giúp học sinh biết được mình đã có kỹ năng thiết yếu nào. Tốt nhất, giáo viên trình chiếu bảng “Các kỹ năng thiết yếu”. Nếu không có máy chiếu, giáo viên in sẵn nội dung các kỹ năng thiết yếu vào tờ giấy khổ to và dính lên tường hoặc treo lên bảng để học sinh đọc và đối chiếu.

Giáo viên động viên, khuyến khích học sinh xung phong trình bày lại kết quả làm bài tập. Sau phần trình bày của một số học sinh, nếu có những nội dung nào học sinh hiểu sai ý hoặc không biết trả lời thế nào cho đúng, giáo viên giải thích, hướng dẫn thêm và yêu cầu các em về nhà bổ sung hoặc chỉnh sửa cho đúng yêu cầu.

Kết luận hoạt động 1.5 (cũng là kết luận chung cho nội dung 1):

Các em vừa hoàn thành KHNN của bản thân với những thông tin về *sở thích nghề nghiệp, khả năng, cá tính, và giá trị nghề nghiệp* em đang có. Các em nên nhớ rằng, xây dựng KHNN là một cuộc hành trình. Trong cuộc hành trình này, mỗi bước đi, mỗi kinh nghiệm sống, mỗi quyết định các em đưa ra sẽ quyết định bước đi tiếp theo của em. Kế hoạch này nên được xem như bản vẽ đầu tiên, là “khung” cho mọi bản vẽ sau này, nơi mà những thay đổi xảy ra trong cuộc sống sẽ tạo nên những nét vẽ mới, kế hoạch mới cho riêng em.

Điều quan trọng của KHNN là:

- Không có điều gì tuyệt đối đúng hay sai, chỉ có những trải nghiệm và học hỏi từ trải nghiệm ấy mà thôi;
- Không có gì không thay đổi được. Điều quan trọng là những thay đổi ấy phải luôn dựa vào:
 - + Sự hiểu biết bản thân, đó chính là “rễ” cây nghề nghiệp
 - + Sự hiểu biết điều kiện KT–XH và TTrTDLĐ
 - + Những ảnh hưởng mà bản thân đang nhận được
- Một công việc mang lại sự thỏa mãn cũng sẽ mang lại niềm hạnh phúc trong đời sống cá nhân.

Nội dung cần ghi nhớ: Nhận thức bản thân về *sở thích, khả năng, cá tính* và *giá trị nghề nghiệp* để xây dựng KHNN tương lai.

2. Nội dung 2. Tình hình và kế hoạch phát triển KT-XH của đất nước, địa phương

2.1. Mục tiêu

- Học sinh tìm hiểu và biết được một số thông tin cơ bản về tình hình và kế hoạch phát triển KT-XH, trong đó chủ yếu là kế hoạch phát triển các ngành nghề, các lĩnh vực kinh tế, xã hội của đất nước và địa phương. Từ đó, xác định được “*Em đang ở đâu?*” để có sự lựa chọn ngành nghề phù hợp;
- Học sinh có khả năng đối chiếu các thông tin tìm hiểu được về bản thân, về tình hình KT-XH để xây dựng KHNN cho bản thân.

2.2. Cách tiến hành

2.2.1. Hoạt động 2.1. Giới thiệu (hoặc nhắc lại) lý thuyết hệ thống

Giáo viên trình chiếu hình (treo tranh) **Mô hình lý thuyết hệ thống** (phụ lục IV, chuyên đề 1, lớp 10), sau đó, giải thích và nêu ý nghĩa của LTHT trong hướng nghiệp²⁹ để giúp học sinh hiểu được tại sao phải tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến bản thân trong việc chọn hướng đi tiếp theo, chọn ngành học, chọn nghề.

2.2.2. Hoạt động 2.2. Vai trò và phương pháp tìm hiểu tình hình và kế hoạch phát triển KT-XH của đất nước, địa phương

a. Vai trò

Theo LTHT trong hướng nghiệp, sau khi đã hiểu rõ bản thân, điều quan trọng tiếp theo là mỗi người phải tìm hiểu tình hình và kế hoạch phát triển KT-XH của đất nước, địa phương để có quyết định nghề nghiệp thực tế, đúng đắn, và phù hợp. Càng tìm hiểu, càng nghiên cứu, chúng ta càng có cái nhìn chính xác về tình hình địa phương và đất nước, từ đó mỗi người trong chúng ta hiểu rõ hơn vị trí của mình ở thời điểm hiện tại và trong tương lai (trả lời câu hỏi: *Em đang ở đâu?*).

Ở những nước phát triển thường có một cơ quan Trung ương trực thuộc Nhà nước được giao nhiệm vụ thu thập các thông tin về hướng nghiệp để cung cấp cho mọi người. Qua đó, giúp cho người lao động hiểu được tình hình và kế hoạch phát triển KT-XH của đất nước, địa phương và những ảnh hưởng của nó đối với tương lai phát triển các công việc, nghề nghiệp trong xã hội. Nhờ đó, học sinh, sinh viên và người lao động chủ động có kế hoạch học hành phù hợp. Nhưng ở nước ta lại khác, cho đến nay, chúng ta chưa có một cơ quan tương tự, mặc dù ngành giáo dục và xã hội ngày càng coi trọng vai trò của hướng nghiệp. Vì vậy, chúng ta rất thiếu những thông tin, công cụ hỗ trợ cho công tác hướng nghiệp. Điều này đòi hỏi mỗi chúng ta phải năng động hơn, cố gắng hơn để tìm kiếm những kiến thức cần có trong lĩnh vực hướng nghiệp.

²⁹ Giáo viên đọc thêm nội dung chuyên đề 1, lớp 10 và lớp 11 trong tài liệu này.

b. Phương pháp tìm hiểu

Giáo viên giới thiệu và hướng dẫn học sinh một số phương pháp tìm hiểu tình hình, kế hoạch phát triển KT–XH của đất nước, địa phương:

- **Độc báo hàng ngày:** Khi đọc báo, các em cần chú ý đến những thông tin về phát triển kinh tế, chính sách của Nhà nước liên quan đến kinh tế, lao động, giáo dục, TTrTDLĐ ở địa phương, vùng, và quốc gia. Một số báo có chất lượng mà học sinh có thể đọc trên mạng hay đọc trực tiếp là:
 - + Nhịp cầu đầu tư: <http://nhipcaudautu.vn/>
 - + Doanh nhân Sài Gòn: <http://doanhnhansaigon.vn/>
 - + Tạp chí Doanh nhân thành đạt: <http://www.tapchidoanhnhanthanhdat.vn/>
 - + Thời báo doanh nhân: <http://tbdn.com.vn/Index.aspx>
 - + Lao động: <http://laodong.com.vn/>
 - + Các báo địa phương của tỉnh, thành phố nơi học sinh đang cư ngụ

Lưu ý: Các trường cần có **Góc Hướng nghiệp**, trong đó đặt những báo tuần như các báo kể trên để học sinh đọc, tìm hiểu các thông tin liên quan đến hướng nghiệp.

- **Độc những tài liệu** liên quan đến thống kê lao động và chính sách phát triển về lao động của Nhà nước để hiểu hơn về tình hình phát triển KT–XH ở nước ta trong giai đoạn trước mắt, 5 năm, 10 năm tới.
 - + Cơ quan Tower Watson là một trong số những cơ quan hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực phát triển nhân lực. Vì vậy, họ có những nghiên cứu rất tốt về tìm hiểu TTrTDLĐ. Bản tin Việt Nam của họ có những thông tin rất bổ ích về nhân lực Việt Nam. Giáo viên giới thiệu địa chỉ để học sinh có thể truy cập để tìm hiểu về TTrTDLĐ: <http://www.towerswatson.com/vietnam/newsletters/vietnam-ban-tin/>.
 - + Trang web của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội có nhiều tin tức cập nhật về chính sách lao động của Đảng và Nhà nước, tin tức địa phương, số liệu,... rất hữu ích. Địa chỉ truy cập: <http://www.molisa.gov.vn/>
- **Chú ý:** Giáo viên phải thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình, kế hoạch phát triển KT–XH có liên quan đến hướng nghiệp. Ở những vùng sâu, vùng xa không có điều kiện để học sinh lên mạng đọc, giáo viên có thể sử dụng hoặc photocopy những bài báo liên quan đến hướng nghiệp, để ở góc hướng nghiệp cho các em đọc.

c. Một số lưu ý về tình hình phát triển nhân lực, TTrTDLĐ và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay

Những thông tin sau đây được tóm tắt từ báo Doanh nhân Sài Gòn cuối tuần, Nhịp cầu lao động, kết quả nghiên cứu của công ty Tower Watson trong năm 2012, và kết quả báo cáo của ILO (cơ quan lao động quốc tế, thuộc Liên Hiệp Quốc, tại Việt Nam) năm 2010. Giáo viên có thể đọc tham khảo để nêu một số điểm về tình hình phát triển kinh tế, phát triển nhân lực, thị trường lao động ở nước ta hiện nay khi giới thiệu với học sinh các yếu tố tác động đến bản thân trong việc chọn ngành, chọn nghề:

- Kinh tế Việt Nam được xem là tăng trưởng khá tốt so với tình hình suy thoái của kinh tế thế giới. Đầu tư của những công ty đa quốc gia tại Việt Nam vẫn khá cao. Mức thất nghiệp vẫn giữ ở mức độ an toàn.

- Tình hình kinh tế trong năm 2012 không khả quan lắm. Đầu tư bất động sản đóng băng, dẫn đến những ngành liên quan đi xuống (như xây dựng, dịch vụ bất động sản, nội thất). Số nợ xấu của các ngân hàng cao gây ra nhiều lo lắng cho ngành này. Doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam chao đảo, hơn 50 ngàn doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng cửa trong năm qua, và không ít doanh nghiệp lớn bị công ty nước ngoài thu mua, sáp nhập ở điều kiện không thuận lợi.
- Cơ cấu kinh tế của nước ta vẫn tiếp tục dịch chuyển theo hướng tăng dần sự đóng góp của các lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp. Các ngành nghề thuộc lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp, công nghệ cao được ưu tiên phát triển. Các ngành nghề về du lịch, dịch vụ ăn uống, dịch vụ làm đẹp, thủ công mỹ nghệ, may xuất khẩu, da giày xuất khẩu, chế biến các mặt hàng nông sản... là những ngành nghề thuộc thế mạnh, có xu hướng phát triển và ngày càng có nhu cầu cao về nguồn nhân lực ở nước ta.
- Tình hình phát triển kinh tế vào năm 2013 được dự đoán có thể khả quan hơn, tuy rằng chưa chắc đã vượt qua giai đoạn suy thoái toàn cầu hiện nay. Các doanh nghiệp yêu cầu Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Nhân lực Việt Nam:
 - + Số người lao động trẻ (từ 15 đến 25 tuổi) chiếm khá cao trong tổng số lao động Việt Nam.
 - + Lao động Việt Nam không đáp ứng được nhu cầu của các công ty về:
 - * Người lao động lành nghề: Rất nhiều công ty than phiền rằng họ không cần lao động tốt nghiệp Đại học mà không có tay nghề chuyên môn. Họ có nhu cầu rất cao về lao động lành nghề (thợ) có những kĩ năng thiết yếu (làm việc nhóm, giao tiếp tốt, v.v).
 - * Quản lí: Trong khi rất nhiều sinh viên tốt nghiệp Đại học không kiếm được việc làm thì các doanh nghiệp than phiền rằng họ thiếu những người làm quản lí với những kĩ năng thiết yếu, kiến thức cao, có bề dày kinh nghiệm. Nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước than phiền rằng, chương trình đào tạo của các trường Đại học không bám sát với các nhu cầu của nhà TDLD, do đó họ phải mất rất nhiều thời gian và tiền bạc để đào tạo lại hoặc huấn luyện nhân lực cho riêng họ.
 - * Nguồn “cung” sinh viên tốt nghiệp các ngành kinh tế (đặc biệt kinh tế tài chính và ngoại thương) đang trong tình trạng thừa. Trong khi đó, các ngành xã hội và kĩ thuật lại thiếu người trầm trọng. Bộ GD&ĐT đang có chủ trương hạ chỉ tiêu đầu vào của các ngành kinh tế và tăng chỉ tiêu ở các ngành xã hội và kĩ thuật³⁰.

Giáo viên chú ý: Như đã nhắc đến ở trên, để tìm hiểu thông tin về KT-XH và TTrTDLD, học sinh và giáo viên cần nỗ lực rất nhiều. Cùng với việc thường xuyên cập nhật kiến thức qua báo, đài, TV và mạng, giáo viên cần thường xuyên quan tâm đến những thông tin liên quan đến hướng nghiệp, tạo *mạng lưới chuyên nghiệp* ở địa phương để nắm bắt kịp thời thông tin về nhu cầu lao động và nhu cầu của TDLD ở địa phương.

³⁰ Trong mục “Bạn cần biết” Tuyển sinh đại học, cao đẳng 2013 có gì mới đăng trên Báo Lao động số 17/2013, thứ hai, 21.1.2013 đã đưa một số thông tin đáng chú ý sau: **Tạm dừng mở các ngành đang thừa “đầu ra” như tài chính - ngân hàng, quản trị kinh doanh, kế toán**, đồng thời kiến nghị Thủ tướng Chính phủ không cho phép mở các trường đại học đào tạo các ngành này. Chỉ có các trường vốn chuyên về đào tạo kinh tế mới được xem xét mở thêm ngành này. **Có thể hạ điểm sàn ngành nông, lâm, ngư...** để tăng thêm số lượng tuyển sinh.

Kết luận nội dung 2. Tình hình và kế hoạch phát triển KT-XH của địa phương, đất nước là những yếu tố khách quan có ảnh hưởng tới quyết định chọn nghề của mỗi người vì xu hướng phát triển của các ngành nghề, nhu cầu lao động của xã hội và của mỗi ngành nghề cụ thể tùy thuộc rất nhiều vào yếu tố này. Vì vậy, trước khi ra quyết định chọn nghề, cùng với việc tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp, cần phải quan tâm tìm hiểu tình hình và kế hoạch phát triển KT-XH của đất nước và địa phương để chọn nghề có xu hướng phát triển, có nhu cầu lao động cao trong tương lai gần và tương lai xa.

Nội dung cần ghi nhớ. Vai trò và phương pháp tìm hiểu tình hình KT-XH của đất nước và địa phương.

3. Nội dung 3. Những điều kiện để thành đạt trong nghề

3.1. Mục tiêu

- Học sinh nhận thức được những điều kiện cần thiết để thành đạt trong nghề, những phẩm chất chính trên con đường lập nghiệp và những con đường học tập để đạt được ước mơ nghề nghiệp;
- Có khả năng đối chiếu những điều kiện cần thiết để thành đạt trong nghề, những phẩm chất chính trên con đường lập nghiệp với *khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân để có kế hoạch học tập, tu dưỡng, rèn luyện.

3.2. Cách tiến hành

3.2.1. Hoạt động 3.1. Giới thiệu lí thuyết

Giáo viên kể câu chuyện nghề nghiệp ở địa chỉ: <http://chuyentrang.tuoitre.vn/Vieclam/Index.aspx?ArticleID=504951&ChannelID=269> hoặc kể câu chuyện về người thành đạt trong nghề nghiệp ở địa phương. Nếu không sưu tầm được, có thể sử dụng các câu chuyện trong mục “Giới thiệu một vài gương mặt thành đạt trong nghề” ở bài 2 Sách giáo viên HGDH lớp 12 hiện hành. Sau đó, giáo viên nêu câu hỏi: **Theo em, thế nào là một người thành đạt trong nghề nghiệp?** Sau phần trả lời của học sinh, giáo viên khái quát lại những đặc điểm, biểu hiện, điều kiện chủ yếu để người lao động thành đạt trong nghề nghiệp hiện nay.

- **Đặc điểm:** Những người thành đạt trong nghề là những người sở hữu những kĩ năng thiết yếu. Đó là những kĩ năng mà một người lao động cần phải có để thành công trong công việc, bất kể lĩnh vực chuyên môn của họ là gì. Kĩ năng thiết yếu bao gồm ba nhóm: *1/ Nhóm kĩ năng cơ bản*, gồm: Kĩ năng thông hiểu và giao tiếp, kĩ năng quản lí thông tin, kĩ năng sử dụng con số, kĩ năng suy nghĩ và giải quyết vấn đề; *2/ Nhóm kĩ năng quản lí bản thân*, gồm: Kĩ năng biểu hiện thái độ và hành vi lạc quan, linh hoạt, học hỏi liên tục, làm việc an toàn; *3/ Nhóm kĩ năng làm việc nhóm*, gồm: Kĩ năng làm việc với người khác, kĩ năng tham gia dự án và công việc, trách nhiệm.
- **Những biểu hiện của sự thành đạt trong nghề:** Luôn đạt hiệu suất lao động cao; Có nhiều sáng kiến, kinh nghiệm, sáng chế trong công việc; Thăng tiến trong nghề

nghệ; Có uy tín cao đối với người xung quanh. Giáo viên nêu một số ví dụ để minh họa, có thể lấy ví dụ ở bài 2, mục 2 trong sách giáo viên HĐGDHN lớp 12 hiện hành hoặc ví dụ thực tế gần gũi với học sinh.

- **Điều kiện cơ bản, “chìa khóa” để thành đạt trong nghề:** Bản thân phải hiểu được “*mình là ai?*”, “*mình có những sở thích, khả năng nào? Cá tính của mình và giá trị nghề nghiệp của mình ra sao?*”. Tiếp đến phải có hiểu biết về tình hình kinh tế thị trường, tìm ra vị trí của mình trong thị trường lao động. Từ đó, xây dựng KHNN trước mắt và lâu dài. Đây là một cuộc hành trình mà mỗi bước đi sẽ liên quan đến bước tiếp theo. Vì vậy, dù mỗi người đã có kế hoạch của mình, nhưng chắc chắn sẽ có sự thay đổi ít nhiều và chưa chắc mọi bước đi sẽ được như mình mong muốn. Điều kiện quan trọng để thành đạt trong nghề là phải luôn đào sâu suy nghĩ; Thường xuyên học tập nâng cao trình độ và cập nhật kiến thức mới theo phương châm” học, học nữa, học mãi” bằng nhiều con đường khác nhau như học qua sách, học qua đồng nghiệp, tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn...; Yêu nghề, yêu công việc mình làm và hứng thú trong công việc; Thường xuyên tu dưỡng, nâng cao đạo đức và tinh thần trách nhiệm trong công việc; Rèn luyện các kỹ năng làm việc, kỹ năng xây dựng mạng lưới làm việc cho bản thân. Để đạt được những điều kiện trên, **điều quan trọng nhất, cơ bản nhất là phải chọn nghề theo “rẽ”, không chọn nghề theo “trái”**.

3.2.2. Hoạt động 3.2. Học sinh thảo luận, chia sẻ về điều kiện để thành đạt trong nghề

Giáo viên có thể tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm hoặc thảo luận cả lớp về điều kiện để thành đạt trong nghề theo các câu hỏi sau:

1. Theo suy nghĩ và hiểu biết của em, người như thế nào là người thành đạt trong nghề?
2. Qua theo dõi sách báo, ti vi hoặc người quen biết trong thực tế, em có biết ai là người thành đạt trong nghề không? Nếu có, em hãy kể cho mọi người cùng nghe về gương người thành đạt trong nghề đó?
3. Em có muốn trở thành người thành đạt trong nghề không? Em cần phải làm gì để trở thành người thành đạt trong nghề?

Chú ý khuyến khích, động viên học sinh kể thêm điều kiện thành đạt trong nghề từ những quan sát người xung quanh hoặc qua phương tiện thông tin đại chúng.

Kết luận nội dung 3. Thành đạt trong nghề đem lại niềm vui, niềm tự hào, hạnh phúc trong lao động, đồng thời tạo động lực thúc đẩy mỗi người hăng say, cống hiến được nhiều nhất trong hoạt động nghề nghiệp. Thành đạt trong nghề là mong ước của mỗi người khi tham gia hoạt động nghề nghiệp. Yếu tố có ảnh hưởng mang tính quyết định đến sự thành đạt trong nghề là sự phù hợp giữa *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của người lao động với lĩnh vực nghề nghiệp mà họ đã chọn. Vì vậy, cần thiết phải chọn nghề theo “rẽ”.

Nội dung cần ghi nhớ. Điều kiện để thành đạt trong nghề.

4. Nội dung 4. Tư vấn hướng nghiệp

4.1. Mục tiêu

- Học sinh chủ động, tích cực tham gia tư vấn hướng nghiệp (TVHN);
- Sử dụng kiến thức về *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân, hoàn cảnh gia đình và tình hình KT–XH để đưa ra quyết định chọn trường học, chọn ngành học, chọn nghề và chọn nơi làm việc;

4.2. Cách tiến hành

4.2.1. Hoạt động 4.1. Giới thiệu lý thuyết

a. Khái niệm, vai trò của tư vấn hướng nghiệp

Giáo viên nêu, ở nước ta, “mọi người có quyền tự do chọn nghề và học nghề phù hợp với nhu cầu việc làm của mình”³¹. Vì thế, mỗi thanh niên, học sinh đều có quyền lựa chọn cho mình con đường vào nghề một cách tự nguyện, tự giác mà xã hội dành cho mình. **Vấn đề đặt ra là làm thế nào để chọn nghề và học nghề phù hợp với nhu cầu của bản thân mình?**

Trong thực tế, có nhiều người chuẩn bị tốt nghiệp THPT những vẫn thiếu vững tin hoặc lúng túng trước việc chọn nghề bởi nhiều lí do khác nhau. Có người chưa biết cách tìm hiểu bản thân và những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến việc chọn nghề; Có người đã biết cách tìm hiểu bản thân nhưng chưa biết xác định mối tương quan giữa bản thân với các điều kiện khách quan như điều kiện KT–XH, yêu cầu lao động nghề nghiệp, nhu cầu TDLĐ để đưa ra quyết định chọn hướng đi trong tương lai... Những người này đã tìm gặp những nhà TVHN hoặc thầy/ cô giáo chủ nhiệm, thầy/ cô giáo phụ trách hướng nghiệp để hỏi và được tư vấn viên đưa ra lời khuyên chọn nghề. Các việc làm như kể trên chính là TVHN.

*TVHN được hiểu là hệ thống các biện pháp tâm lí, giáo dục, y học nhằm phát hiện và đánh giá nhân cách của học sinh, giúp các em chọn nghề có cơ sở khoa học. Nói cách khác, tư vấn hướng nghiệp là việc đối chiếu yêu cầu của nghề, yêu cầu của thị trường lao động với sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của học sinh rồi cho các em lời khuyên nên học nghề nào là phù hợp*³².

³¹ Khoản 1, điều 20 của Bộ luật Lao động.

³² Từ khái niệm chung về TVHN, cho thấy, những người làm TVHN cho học sinh phải có hiểu biết tương đối sâu rộng về tâm lí học, đặc biệt là tâm lí học nghề nghiệp và hiểu biết nhất định về sinh lí học, y học, kinh tế học, giáo dục học, phương pháp sư phạm. Đồng thời phải thường xuyên cập nhật và nắm vững các thông tin về thế giới nghề nghiệp; Hệ thống đào tạo nghề nghiệp từ trường dạy nghề đến đại học; Tình hình và kế hoạch phát triển KT–XH ở địa phương, trong nước; Thông tin về TTrTDLĐ. Đặc biệt là các thông tin về học sinh xin được TVHN. Người làm TVHN còn phải có tinh thần trách nhiệm cao trước việc đưa ra lời khuyên và tôn trọng nguyên tắc tự do chọn nghề của cá nhân.

Các giáo viên làm nhiệm vụ TVHN nên nghiên cứu nội dung “Kĩ năng cơ bản về TVHN”, bao gồm: 6 kĩ năng TVHN; Thái độ của chuyên viên tư vấn và các liệu pháp tư vấn hướng nghiệp trong tài liệu “Quản lí hướng nghiệp ở cấp trung học” và tài liệu “Tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh trung học”.

Như vậy, *TVHN không phải là việc đưa ra quyết định nghề cho các em mà chỉ là đưa ra lời khuyên chọn nghề*. Còn việc quyết định nên học ngành nào, nên làm nghề gì cho phù hợp? hoàn toàn là do bản thân các em quyết định. Mục đích của TVHN là giúp các em tìm ra câu trả lời cho 3 câu hỏi quan trọng: **“Em là ai?”**, **“Em đang ở đâu và em đang đi về đâu?”** và **“Làm sao để em đi được đến nơi em muốn?”**.

Xã hội càng phát triển, yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực trong các ngành nghề càng cao thì TVHN càng có vai trò quan trọng. Tuy nhiên, cho đến nay, TVHN ở nước ta còn chưa phổ biến do chúng ta chưa có đội ngũ cán bộ TVHN chuyên nghiệp. Mặt khác, nhiều người trong chúng ta cũng chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của việc chọn nghề phù hợp nên cũng chưa thấy hết được sự cần thiết của TVHN. Điều này dẫn đến việc chọn nghề của rất nhiều học sinh, thanh niên là mang tính tự phát, theo phong trào, chọn nghề theo “trái” chứ không chọn nghề theo “rể”. Hậu quả là nhiều người sau khi tốt nghiệp đại học không xin được việc làm do nguồn “cung” vượt quá nhu cầu về nhân lực hoặc bản thân những người đó không đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng cũng như yêu cầu của nghề nghiệp. Rất nhiều người phải xin làm những công việc không cần đến bằng cấp đại học hoặc làm những việc trái với ngành nghề mà mình được đào tạo.

Vì vậy, những em cho đến nay vẫn lúng túng chưa biết nên thi vào ngành học nào, làm nghề gì cho phù hợp nên nhanh chóng đến các TTKTTHHN, nơi có phòng tư vấn và cán bộ TVHN hoặc Trung tâm xúc tiến việc làm để đăng kí được TVHN. Nếu những nơi đó không có tư vấn viên để TVHN, các em có thể trao đổi, thảo luận với bạn bè, nhờ thầy cô, cha mẹ – những người gần gũi nhất và hiểu rõ về các em – hỗ trợ các em tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp và cho lời khuyên chọn nghề. Các em cũng có thể hỏi những người đi trước, đặc biệt là những người có ảnh hưởng tinh thần quan trọng đối với các em để họ cho các em lời khuyên chọn nghề.

Các em cần lưu ý: Tất cả những lời tư vấn sẽ không giúp ích gì cho các em nếu như bản thân các em không tự nhận thức đầy đủ về mình trên các lĩnh vực: **Sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp, thể lực và sức khỏe**.

b. Quy trình tư vấn hướng nghiệp

Giáo viên giới thiệu **Sơ đồ Quy trình tư vấn hướng nghiệp** (phụ lục XXIII, chuyên đề 1, lớp 12) và nêu, quy trình TVHN có thể được lặp đi lặp lại trong những giai đoạn khác nhau của đời người. Sau đây là các bước trong quy trình TVHN:

- **Bước 1:** Tư vấn viên giúp học sinh khám phá bản thân qua tư vấn cá nhân, những bài tập suy ngẫm, và các bài trắc nghiệm;
- **Bước 2:** Tư vấn viên giúp học sinh tìm hiểu thông tin nghề nghiệp qua tư vấn cá nhân, những bài tập tìm hiểu cổng thông tin, và các bài tập phỏng vấn thông tin;
- **Bước 3:** Tư vấn viên hỗ trợ học sinh lập KHNN, trong đó nêu rõ mục tiêu nghề nghiệp, các bước thực hiện, thời gian thực hiện, và phương pháp tự đánh giá xem kế hoạch có khả thi, có tốt hay không.

4.2.2. Hoạt động 4.2. Giải đáp những thắc mắc, băn khoăn của học sinh trước việc quyết định chọn ngành học, chọn nghề sau khi tốt nghiệp THPT

Giáo viên nêu, vừa rồi, chúng ta đã tìm hiểu về bản thân, về các yếu tố ảnh hưởng tới bản thân trong việc chọn ngành học, chọn nghề và về TVHN. Đây là những kiến thức

rất quan trọng trong hướng nghiệp. Sau đây, chúng ta sẽ cùng nhau trao đổi, chia sẻ với các bạn trong lớp và thầy/ cô về những băn khoăn, vướng mắc của bản thân trong việc quyết định chọn ngành học, chọn nghề sau khi các em tốt nghiệp THPT.

Giáo viên động viên, khuyến khích các em nêu các băn khoăn, thắc mắc. Sẽ có hai trường hợp xảy ra: *1/ Có những băn khoăn, thắc mắc mà giáo viên có thể giải đáp ngay được; 2/ Sẽ có những băn khoăn, thắc mắc mà giáo viên chưa thể giải đáp ngay được vì thiếu cơ sở dữ liệu, nhất là dữ liệu về bản thân học sinh.* Đối với những trường hợp này, giáo viên sẽ hẹn gặp và làm TVHN riêng cho những học sinh đó.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Giáo viên giao bài tập đánh giá kết quả hướng nghiệp của học sinh sau khi tham gia các hoạt động của chuyên đề 1 như sau: Về nhà, các em hãy mở google, sau đó gõ chữ “Trắc nghiệm hướng nghiệp” hoặc mở trang <http://www.emchonnghegi.edu.vn> để tìm những trắc nghiệm liên quan đến tìm hiểu *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp*. Các em hãy thử làm thêm một vài trắc nghiệm. Sau đó, tìm hiểu thêm về những yếu tố ảnh hưởng đến bản thân trong việc chọn nghề như điều kiện KT–XH, nhu cầu lao động, tuyển dụng ở địa phương, đất nước... Cuối cùng, mỗi em hãy kết hợp những hiểu biết trên để bổ sung và tự hoàn chỉnh **bài tập 1.5. Xây dựng KHNN cho bản thân** (*phụ lục XXIII, chuyên đề 1, lớp 12*) mà các em đã làm ở lớp. Nếu ở nhà không có máy tính và không nối mạng Internet, các em có thể xem lại các bài tập trắc nghiệm đã làm và nhớ lại hoặc trao đổi, hỏi những người xung quanh về điều kiện KT–XH, TTrTDLD ở địa phương, đất nước để bổ sung và tự hoàn chỉnh **bài tập 1.5**.

V. NHIỆM VỤ CHO CHUYÊN ĐỀ TIẾP THEO

Giáo viên yêu cầu học sinh về nhà tìm đọc tài liệu “Những điều cần biết về tuyển sinh” để tìm hiểu hệ thống trường, hình thức đào tạo ở các trường TCCN, đào tạo nghề, cao đẳng và đại học.

VI. PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 1, LỚP 12

- **Phụ lục XXIII.** Bảng 1.4. Các giá trị nghề nghiệp; Bài tập 1.5. Xây dựng KHNN cho bản thân;
- **Phụ lục XXIV.** Sơ đồ quy trình tư vấn hướng nghiệp.

PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 1, LỚP 12

PHỤ LỤC XXIII

Bảng 1.4. CÁC GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP

Đánh giá	Giá trị nghề nghiệp	Giải nghĩa
	Giúp cộng đồng	Tôi được làm việc gì đó đóng góp cho thế giới chúng ta đang sống tốt đẹp hơn
	Giúp người khác	Tôi được trực tiếp làm việc trong (công tác) tổ chức giúp người khác, hoặc cá nhân hoặc nhóm nhỏ
	Tiếp xúc với mọi người	Tôi được làm công việc đòi hỏi hàng ngày phải tiếp xúc rất nhiều với mọi người.
	Làm việc với người khác	Tôi được làm việc trong nhóm để thực hiện một mục tiêu chung
	Làm việc một mình	Tôi được làm việc một mình, rất ít khi cộng tác với người khác
	Cạnh tranh	Tôi được tham gia những hoạt động đòi hỏi sự cạnh tranh cao với người khác
	Quyết định	Tôi có quyền hạn quyết định hành động và chính sách
	Làm việc dưới áp lực	Tôi được làm việc trong hoàn cảnh có nhiều áp lực về thời gian
	Ảnh hưởng tới người khác	Tôi được làm việc ở vị trí có ảnh hưởng đến thái độ và ý kiến của người khác
	Kiến thức	Tôi được theo đuổi kiến thức và hiểu biết
	Thành thạo nghề	Tôi được trở thành nhà chuyên môn trong bất cứ công việc nào tôi theo đuổi
	Sáng tạo mỹ thuật	Tôi được tham gia vào việc sáng tạo mỹ thuật
	Sáng tạo chung	Tôi có cơ hội sáng tạo những cái mới trong công việc như chương trình, tài liệu, hay cơ cấu tổ chức cơ quan
	Thẩm mỹ	Tôi được tham gia vào việc học hay thưởng thức cái đẹp của sự vật, ý tưởng, v.v...
	Giám sát	Tôi được làm công việc mà tôi chịu trách nhiệm trực tiếp kết quả làm việc của những người khác

Đánh giá	Giá trị nghề nghiệp	Giải nghĩa
	Thay đổi và đa dạng	Tôi được làm công việc có sự thay đổi thường xuyên
	Công việc chính xác	Tôi được làm công việc mà sự chú ý chi tiết và độ chính xác là rất quan trọng
	Ổn định	Tôi được làm công việc có sự ổn định và những trách nhiệm có thể chiếm phần lớn thời gian
	An toàn	Tôi được làm công việc đảm bảo không bị mất việc và lương bổng vừa ý
	Công nhận	Tôi được thừa nhận trước mọi người về kết quả làm việc tốt của tôi
	Nhịp độ nhanh	Tôi được làm công việc đòi hỏi nhịp độ nhanh
	Sự sôi nổi	Tôi được trải nghiệm mức độ sôi nổi cao trong quá trình làm việc
	Mạo hiểm	Tôi được làm công việc thường xuyên đòi hỏi sự mạo hiểm
	Thu nhập tài chính	Tôi được làm công việc có cơ hội kiếm được nhiều tiền
	Thách thức thể hình	Tôi được làm công việc có những hoạt động đòi hỏi khả năng thuộc về thể hình
	Độc lập	Tôi được làm công việc có thể định hướng công việc một mình, không cần nhiều hướng dẫn từ người khác
	Đạo đức	Tôi được làm công việc đóng góp vào những chuẩn mực đạo đức
	Cộng đồng	Tôi thích sống ở nơi có thể tham gia vào những hoạt động cộng đồng
	Cân bằng giữa công việc và cuộc sống	Tôi được làm công việc có thời gian dành cho việc chăm sóc gia đình và thỏa mãn những sở thích giải trí riêng
	Tự do thời gian	Tôi được làm công việc có thể làm việc theo thời khóa biểu của riêng tôi

Bảng 1.5. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP CHO BẢN THÂN

Em hãy vẽ phóng to hình “chìa khóa XDKHNN” vào vở hoặc giấy, sau đó, hãy tự mình hoàn thành những nhiệm vụ sau:

1. Ghi vào phần “Em là ai?” của chìa khóa:

- a. Nhóm sở thích nghề nghiệp:
- b. Khả năng:
 - Khả năng thiên phú (khả năng mang tính bẩm sinh hoặc năng khiếu):
 - Kỹ năng thiết yếu:
 - Khả năng phù hợp với nhóm sở thích nghề nghiệp kể trên:
- c. Cá tính:
- d. Giá trị nghề nghiệp:
 - Giá trị 1:
 - Giá trị 2:
 - Giá trị 3:

2. Ghi vào phần “Em đang đi về đâu?” của chìa khóa:

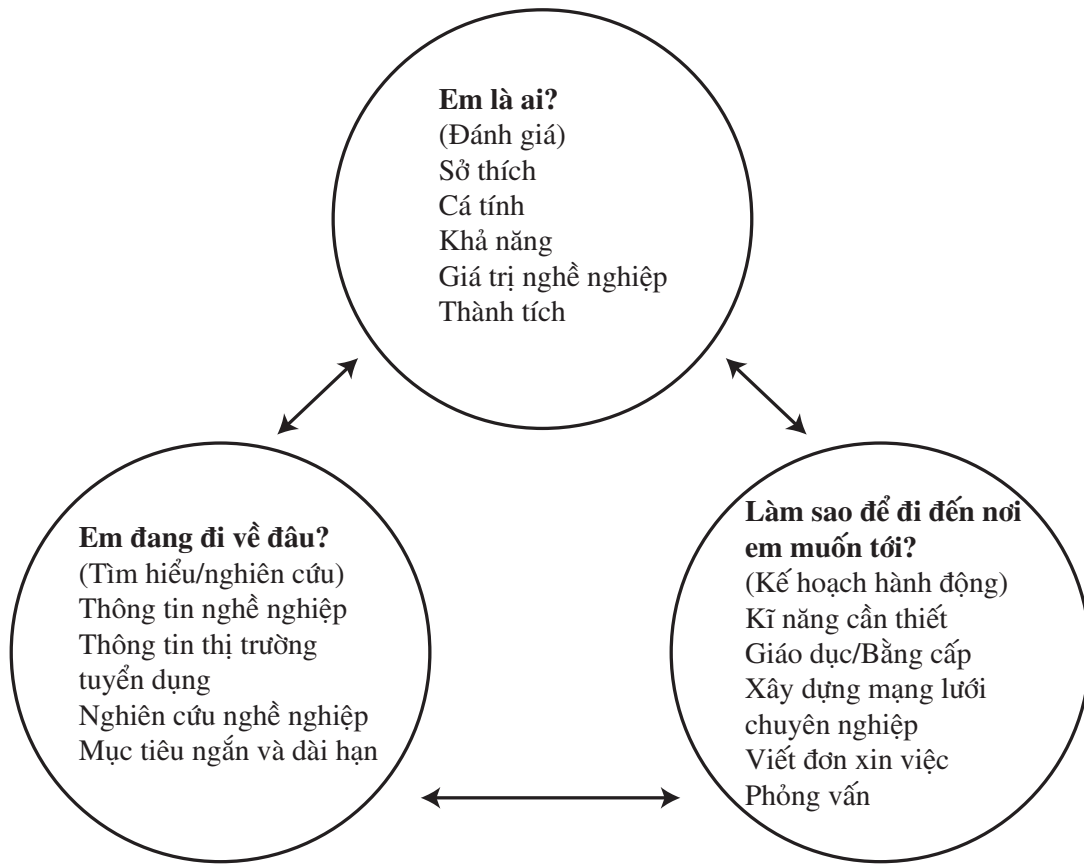
- a. Công việc em muốn theo đuổi trong tương lai:
 - Công việc 1:
 - Công việc 2:
- b. Giấc mơ nghề nghiệp của em (nếu có):
- c. Mục tiêu cuộc đời em (nếu biết):

3. Ghi vào phần “Làm sao đi đến được nơi em muốn đến?” của chìa khóa:

- a. Ngành học hay nghề học em sẽ chọn và theo đuổi để giúp em được làm công việc em muốn làm trong tương lai:
 - Ngành học / nghề học 1:
 - Ngành học / nghề học 2:
- b. Trường trung cấp/ cao đẳng/ đại học hay trường nghề em sẽ đăng ký thi vào để giúp em được làm công việc em muốn làm trong tương lai:

PHỤ LỤC XXIV

Sơ đồ: QUY TRÌNH TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP



CHUYÊN ĐỀ 2, LỚP 12

TÌM HIỂU NGHỀ NGHIỆP (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau khi tham gia chuyên đề 2, lớp 12, học sinh sẽ:

- Sử dụng được những thông tin cơ bản về hệ thống trường, hình thức đào tạo đại học, cao đẳng, TCCN, đào tạo nghề ở địa phương và trong nước vào việc quyết định chọn ngành, chọn trường và chọn nghề;
- Chuẩn bị được những bước cần thiết cho việc đăng ký thi vào các trường trong hệ thống đào tạo của Trung ương hay địa phương, hoặc theo học ở TTDN hoặc tham gia hoạt động lao động NPT phù hợp;
- Lập kế hoạch học tập, tham gia HĐNK và HĐPVCD, học hỏi kinh nghiệm thực tiễn để chuẩn bị từng bước cho việc thi vào trường, ngành nghề mà mình lựa chọn và yêu thích;
- Chủ động tham gia các hoạt động tìm hiểu nghề và tích cực, tự giác thực hiện các nhiệm vụ được giao để nâng cao nhận thức về nghề nghiệp.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh (nếu không có máy tính và máy chiếu): Mô hình lập kế hoạch nghề; Sơ đồ. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt nam 2010 của tác giả Philipp Phan Lassig xây dựng; Sơ đồ. 10 con đường vào đời của học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, THPT;
- Bảng đĩa hình hoặc tranh ảnh giới thiệu một số trường đại học, cao đẳng, TCCN, dạy nghề ở địa phương hoặc Trung ương;
- Máy vi tính và máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH

Giáo viên giới thiệu và nêu mục tiêu chuyên đề 2 lớp 12 bằng cách nhắc lại những nội dung đã tìm hiểu ở các lớp 10, 11 và chuyên đề 1 của lớp 12 để dẫn dắt và nêu mục tiêu. Mục tiêu chính của chuyên đề là giúp các em biết được những thông tin cơ bản về hệ thống trường, hình thức đào tạo đại học, cao đẳng, TCCN, đào tạo nghề ở địa phương và trong nước để chuẩn bị cho việc quyết định làm hồ sơ đăng ký thi vào ngành, nghề, trường học đã chọn.

1. Nội dung 1. Khái quát vài nét về hệ thống đào tạo nghề nghiệp ở nước ta

1.1. Mục tiêu

Học sinh biết được hệ thống đào tạo nghề nghiệp ở nước ta.

1.2. Cách tiến hành

1.2.1. Hoạt động 1.1. Giải đáp những thắc mắc, băn khoăn của học sinh trước việc quyết định chọn ngành học, chọn nghề sau khi tốt nghiệp THPT

Giáo viên ôn lại cho học sinh “LTHT” và “mô hình lập KHNN” để học sinh thấy được mục đích, ý nghĩa của việc tìm hiểu hệ thống đào tạo nghề nghiệp.

Giáo viên treo hoặc trình chiếu Sơ đồ hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam 2012 do tác giả Philipp Phan Lassig xây dựng (phụ lục XXV, chuyên đề 2, lớp 12) và giới thiệu, hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm: **1/** Giáo dục mầm non; **2/** Giáo dục phổ thông; **3/** Giáo dục nghề nghiệp; **4/** Giáo dục đại học; **5/** Giáo dục thường xuyên. Hệ thống đào tạo nghề nghiệp bao gồm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và 1 phần của giáo dục thường xuyên, trong đó có các trường đại học, cao đẳng, TCCN, trường dạy nghề (sơ cấp nghề, TCN, cao đẳng nghề) và cả các trung tâm có tổ chức dạy nghề ở địa phương. Các cơ sở đào tạo này có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đạt trình độ đào tạo trên đại học, đại học, cao đẳng, các kỹ thuật viên có trình độ trung cấp và đội ngũ công nhân kỹ thuật thuộc đủ các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ đất nước. Nguồn cung cấp nhân lực cho hệ thống đào tạo nghề nghiệp chính là các trường phổ thông bậc trung học. Vì vậy, cùng với việc tìm hiểu thông tin nghề và TTTrDLD, mỗi học sinh THPT cần có những hiểu biết về các loại hình trường, hình thức đào tạo, điều kiện tuyển sinh và triển vọng phát triển của mỗi loại hình đào tạo để có cơ sở chọn ngành học, chọn trường học, chọn nghề sao cho phù hợp với học lực, khả năng, sở thích của bản thân, điều kiện của gia đình và nhu cầu của xã hội.

Theo sơ đồ Hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống đào tạo nghề nghiệp ở nước ta được chia làm 2 nhánh: **1/** Nhánh giáo dục nghề nghiệp có nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ công nhân và nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ: sơ cấp, trung cấp, và cao đẳng; **2/** Nhánh giáo dục đại học, có nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế có trình độ từ cao đẳng đến đại học, cao học, nghiên cứu sinh.

1.2.2. Hoạt động 1.2. Vài nét khái quát về các con đường vào đời của học sinh sau khi tốt nghiệp THPT

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm bài tập nhỏ: *Mỗi em hãy ghi lại 3 nguyện vọng của bản thân sau khi tốt nghiệp THPT theo thứ tự ưu tiên và cho biết lí do vì sao em có những nguyện vọng như vậy?*

Sau đó, giáo viên gọi một số học sinh nêu kết quả làm bài tập và yêu cầu một học sinh lên bảng ghi tóm tắt các kết quả đó lên bảng. Gọi 1 – 2 học sinh nhận xét chung về nguyện vọng của các bạn vừa trình bày.

Giáo viên treo sơ đồ hoặc trình chiếu **Sơ đồ. 10 con đường vào đời của học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, THPT** (phụ lục XXIV, chuyên đề 2, lớp 12). Gọi 1 – 2 học sinh nêu 10 con đường vào đời của học sinh, sinh viên được thể hiện trên sơ đồ. Sau đó, giáo viên khái quát kết quả làm bài tập và nêu: Các em học sinh sắp tốt nghiệp THPT đều có quan niệm giáo dục đại học là giáo dục tinh hoa, là giáo dục dành cho số đông. Vì vậy, hầu hết học sinh sắp tốt nghiệp THPT đều đăng kí thi vào các trường đại học, nhưng cho đến nay, số học sinh vào được đại học chưa thể vượt quá 25% – 30% số

học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm. Như vậy có nghĩa là hơn 70% số học sinh THPT vẫn phải vào đời mà không qua cánh cổng đại học. Thi vào đại học đã khó, nhưng học đại học sao cho đạt được kết quả khá, giỏi; Rèn luyện sao cho có được những kĩ năng thiết yếu để làm tốt công việc đã chọn sau khi tốt nghiệp đại học và làm thế nào để được tuyển dụng vào vị trí công việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo ngay sau khi tốt nghiệp còn khó hơn nhiều. Nhất là những em đang học hoặc muốn theo học các ngành đang có nguồn cung lao động lớn hơn rất nhiều so với nhu cầu tuyển dụng ở địa phương và trong nước như ngành kinh tế, tài chính – ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, báo chí tuyên truyền,... Thực tế tuyển dụng trong những năm qua cho thấy: Nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học đã phải đi theo con đường 9, tức là tốt nghiệp đại học nhưng không tìm được việc làm phù hợp mà phải làm những công việc trái với ngành nghề được đào tạo hoặc tốt nghiệp đại học nhưng phải đi đào tạo lại để làm việc của công nhân hay kĩ thuật viên trung cấp... Nhiều sinh viên phải đi theo con đường 10, tức là học tiếp văn bằng 2 hoặc học lên cao học rồi mới vào đời. Trong khi đó, số học sinh vào đời theo con đường 1 và con đường 6, tức là học nghề và học cao đẳng nghề, TCN, TCCN để trở thành công nhân kĩ thuật hoặc kĩ thuật viên rất ít, mặc dù hiện nay đang có rất nhiều cơ sở sản xuất, công ty, doanh nghiệp đang có nhu cầu cao về tuyển dụng công nhân kĩ thuật³³.

Giáo viên có thể nêu ví dụ minh họa: Theo Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP.HCM, trong tháng 2 và 3 năm 2013, TP cần 45.000 lao động ổn định và 8.000 lao động thời vụ. Trong đó, các ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng cao là cơ khí, điện – điện lạnh – điện công nghiệp, kiến trúc – kĩ thuật xây dựng, nhựa – bao bì, bất động sản, dệt may – giày da. Dự kiến nhu cầu lao động phổ thông chiếm 35%, trình độ sơ cấp đến trung cấp chiếm 40%, trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học chiếm 25%³⁴.

Tình trạng trên kéo dài nhiều năm đã dẫn đến hậu quả là làm cho cơ cấu lao động ở nước ta hiện nay rất mất cân đối. Trong nhiều lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực khoa học, kĩ thuật và công nghệ, tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ” tương đối phổ biến. Để khắc phục hậu quả, trong những năm vừa qua, Nhà nước ta đã ban hành một số chế độ chính sách nhằm khuyến khích người lao động nói chung, thanh niên, học sinh nói riêng đăng kí tham gia học nghề. Ví dụ, các trường nghề công lập, Nhà nước hỗ trợ phần lớn tiền học phí, nên người học chỉ phải nộp một phần học phí. Học sinh sẽ được nhận học bổng khuyến khích theo quy chế. Các đối tượng thuộc gia đình chính sách như thương bệnh binh, hộ nghèo... sẽ được miễn giảm học phí theo quy định. Học sinh tốt nghiệp trường TCN, cao đẳng nghề được học liên thông lên đại học... Đối tượng tiếp nhận tham gia học nghề ở trình độ trung cấp không chỉ là học sinh đã tốt nghiệp THPT mà còn bao gồm cả những học sinh tốt nghiệp THCS, những học sinh đã tham dự các kỳ thi tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT nhưng chưa được công nhận tốt nghiệp và những học sinh đã theo học THPT hoặc bổ túc văn hóa THPT, nhưng vì lí do riêng phải nghỉ học giữa chừng³⁵.

³³ Nguồn: TS. Hồ Thiệu Hùng – *Xu hướng chọn nghề của thanh niên TpHCM và các giải pháp GDHN* – Đề tài KHCN Sở KHCN TpHCM – Chủ nhiệm đề tài ThS. Nguyễn Ngọc Tài.

³⁴ Nguồn: <http://www.dubaonhaluchcmc.gov.vn>.

³⁵ Nguồn: Quy chế tuyển sinh học nghề ban hành theo Quyết định 08/2007/QĐ-BLĐTBXH.

Kết luận nội dung 1. Hệ thống đào tạo nghề nghiệp ở nước ta rất đa dạng, có khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề nghiệp cho nhiều đối tượng học sinh, từ những em tốt nghiệp THCS, chưa thi đỗ tốt nghiệp THPT đến đại học và sau đại học. Tìm hiểu kĩ càng hệ thống đào tạo ở nước ta kết hợp với tìm hiểu để nhận thức đầy đủ về bản thân, về nghề nghiệp sẽ giúp các em chọn ra con đường đi cũng như cơ sở đào tạo phù hợp trong hệ thống đào tạo nghề nghiệp.

Nội dung cần ghi nhớ. Hệ thống đào tạo ở nước ta.

2. Nội dung 2. Tìm hiểu hệ thống trường TCCN và đào tạo nghề của Trung ương và địa phương

2.1. Mục tiêu

- Học sinh hiểu được những thông tin cơ bản về hệ thống trường, hình thức đào tạo TCCN, đào tạo nghề ở địa phương và trong nước;
- Biết cách tìm thông tin về hệ thống các trường TCCN, đào tạo nghề;
- Sử dụng được những thông tin trên vào việc quyết định chọn ngành, chọn trường và chọn nghề.

2.2. Cách tiến hành

2.2.1. Hoạt động 2.1. Giới thiệu một vài nét về trường TCCN

– **Nhiệm vụ:**

Đào tạo các cán bộ có trình độ trung cấp về kỹ thuật, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, y tế, thể dục thể thao... Ở khu vực sản xuất, dưới sự chỉ đạo của kỹ sư, các cán bộ TCCN có nhiệm vụ tổ chức và hướng dẫn công nhân thực hiện quy trình công nghệ hoặc thực hiện từng phần việc trong công tác nghiên cứu và thiết kế. Ở khu vực dịch vụ, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, thể dục thể thao..., cán bộ TCCN có thể trực tiếp đảm nhận phần việc thích hợp và độc lập hoàn thành công việc đó. Giáo viên nêu ví dụ minh họa: Giáo viên tốt nghiệp trường trung cấp sư phạm được trực tiếp đảm nhận việc trông nom, dạy dỗ lớp mẫu giáo hoặc dạy học và chủ nhiệm lớp ở tiểu học; Các vận động viên tốt nghiệp trường trung cấp thể dục thể thao có thể tham gia thi đấu hoặc dạy thể dục cho học sinh tiểu học...

– **Loại hình trường:**

Hiện nay, nước ta có 591 cơ sở đào tạo³⁶ người lao động có trình độ TCCN, trong đó có những trường TCCN do Trung ương quản lý, có những trường TCCN do địa phương quản lý; Có trường TCCN công lập, TCCN bán công, TCCN dân lập và TCCN tư thục. Tùy theo chức năng, nhiệm vụ và khả năng của từng trường, các trường TCCN đào tạo cán bộ có trình độ trung cấp cho các khối ngành thuộc lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, kinh tế, văn hóa - nghệ thuật, giáo dục, thể dục thể thao, xã hội... Dù tham gia học TCCN theo loại hình nào thì sau khi hoàn thành chương trình học và thi đỗ tốt nghiệp, người học đều được cấp bằng tốt nghiệp TCCN.

³⁶ Số trường TCCN thường xuyên biến động theo nhu cầu thành lập trường, nhu cầu và khả năng tuyển sinh học TCCN ở các địa phương. Số liệu trên là số liệu thống kê của Bộ GD&ĐT năm 2012.

– **Hình thức đào tạo:**

Có 2 hình thức đào tạo cơ bản là đào tạo chính quy và không chính quy (tại chức, chuyên tu, từ xa).

– **Thời gian đào tạo:**

2 năm đối với những học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; 3 – 4 năm đối với những học sinh chưa học xong chương trình lớp 10 THPT hoặc bổ túc THPT và những học sinh tốt nghiệp THCS hoặc tương đương (trong 3 – 4 năm có 1 năm học sinh được học các môn văn hóa để khi tốt nghiệp trường TCCN, học sinh có trình độ văn hóa tương đương lớp 12).

– **Điều kiện tuyển sinh:**

Những học sinh có nguyện vọng học TCCN được tuyển sinh TCCN theo hình thức xét tuyển. Riêng đối với các ngành năng khiếu, môn văn hóa được thực hiện theo hình thức xét tuyển, môn năng khiếu do hiệu trưởng nhà trường quyết định hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển. Căn cứ vào kết quả học tập ở phổ thông hoặc kết quả thi tuyển sinh vào đại học, cao đẳng trong năm học của thí sinh để xét tuyển. Các trường có thể tổ chức xét tuyển nhiều đợt trong năm, tuyển nhiều loại đối tượng theo quy định với những tiêu chí xét tuyển phù hợp để tuyển sinh theo chỉ tiêu đào tạo đã được xác định của trường³⁷.

2.2.2. Hoạt động 2.2. Giới thiệu một vài nét về hệ thống trường nghề và các cơ sở đào tạo nghề

Hệ thống trường nghề bao gồm các trường cao đẳng nghề, TCN. Tham gia dạy nghề còn có các cơ sở đào tạo nghề như TTDN, trung tâm xúc tiến việc làm, TTKTTHHN và một số trường TCCN, cao đẳng, đại học có nhiệm vụ dạy nghề.

– **Nhiệm vụ:**

Hệ thống trường nghề và các cơ sở đào tạo nghề có 2 nhiệm vụ cơ bản:

- + Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ công nhân và nhân viên kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề;
- + Phổ cập nghề cho thanh niên, học sinh cuối cấp và người lớn tuổi, góp phần đảm bảo cho mọi người đều được học qua một nghề thích hợp trước khi trực tiếp tham gia lao động. Qua đó, góp phần nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo ở nước ta.

³⁷ Nguồn: trang Web của SGGPO, bài “Vấn tuyển sinh TCCN theo hình thức xét tuyển”.

Theo Bộ GD&ĐT, tình hình tuyển sinh TCCN hiện gặp nhiều khó khăn. Năm 2012, cả nước có 591 cơ sở giáo dục (chưa kể các trường quân sự tỉnh) được giao nhiệm vụ tuyển sinh đào tạo trình độ TCCN, với tổng chỉ tiêu được xác định là 374.787 chỉ tiêu. Tuy nhiên, đến hết năm 2012, chỉ có 573 cơ sở đào tạo TCCN xét tuyển được 359.339 thí sinh, đạt 90,8% so với chỉ tiêu. Số thí sinh đến nhập học chỉ là 251.202 thí sinh, đạt 63,5%. Trong số đó, số thí sinh tốt nghiệp THCS được tuyển vào học TCCN là 22.865 học sinh, chiếm 9,1%; số thí sinh trượt tốt nghiệp THPT được tuyển vào học TCCN là 10.271 học sinh, chiếm 4,1%.

Ngành học được các thí sinh tập trung học ở 4 lĩnh vực: Sức khỏe (gần 90.000 thí sinh, chiếm khoảng 34%); Kinh doanh và quản lý (hơn 50.000 thí sinh, chiếm khoảng 22%); Công nghệ kỹ thuật (hơn 40.000 thí sinh, chiếm khoảng 17%); Đào tạo giáo viên (hơn 36.000 thí sinh, chiếm khoảng 14%); Thấp nhất là hai lĩnh vực môi trường, sản xuất và chế biến (số thí sinh nhập học chỉ xấp xỉ 1%). Đặc biệt, các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản, môi trường, sản xuất và chế biến có rất ít thí sinh đăng ký dự tuyển và nhập học.

– **Loại hình trường:**

Có đủ loại hình trường như hệ thống trường TCCN.

– **Hình thức đào tạo:**

Có 2 hình thức đào tạo cơ bản là đào tạo nghề dài hạn và đào tạo nghề ngắn hạn:

- + Hệ đào tạo nghề dài hạn là hệ chính quy, tập trung tại trường. Thời gian đào tạo từ 1 – 3 năm tùy theo nghề và trình độ văn hóa lúc tuyển sinh, trong đó thời gian thực hành, rèn tay nghề chiếm tới 70% – 80% tổng thời gian đào tạo.
- + Hệ đào tạo ngắn hạn là hệ đào tạo theo nhu cầu người học. Hệ đại học ngắn hạn được dạy tại các TTDN quận, huyện, thị xã, trung tâm xúc tiến việc làm; Các lớp dạy theo hình thức kèm cặp tại các CSSX kinh doanh; Các lớp bồi dưỡng và đào tạo lại tại doanh nghiệp; Các lớp dạy nghề tư nhân...

– **Thời gian đào tạo:**

1 – 2 năm đối với học sinh tốt nghiệp THPT; 3 năm đối với học sinh có chứng nhận học xong chương trình THCS. Sau khi tốt nghiệp trường nghề hệ đào tạo dài hạn, người học nghề được cấp bằng tốt nghiệp TCN hoặc cao đẳng nghề và được công nhận bậc thợ tốt nghiệp, thường là bậc 3/7. Đối với hệ đào tạo nghề ngắn hạn, thời gian đào tạo ngắn từ 1 tuần, 1 tháng cho đến 1 năm. Khi tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ tốt nghiệp nghề.

– **Điều kiện tuyển sinh:**

Chủ yếu là xét tuyển. Riêng hệ cao đẳng nghề thì tùy theo từng ngành nghề, có thể là xét tuyển hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển.

2.2.3. Hoạt động 2.3. Hướng dẫn học sinh tìm thông tin về hệ thống trường TCCN và đào tạo nghề

Giáo viên nêu, để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực trong các lĩnh vực KTXH và giữ gìn an ninh, bảo vệ tổ quốc, hệ thống các trường TCCN và đào tạo nghề ở nước ta rất đa dạng, phong phú, thường xuyên có sự thay đổi cho phù hợp với sự phát triển của đất nước. Vì vậy, mỗi chúng ta cần phải biết cách tự tìm thông tin để có hiểu biết đầy đủ hơn về ngành nghề cũng như trường chúng ta muốn theo học.

Các em có thể tìm thông tin về trường TCCN, dạy nghề qua:

- Mạng Internet: Mở trang google, gõ chữ “Những điều cần biết về tuyển sinh TCCN, Cao đẳng nghề” hoặc gõ tên trường, khoa, ngành nghề em muốn tìm hiểu. Nếu muốn tìm hiểu kĩ hơn để học nghề, em hãy gõ “Quy chế tuyển sinh học nghề” ban hành theo Quyết định 08/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 26 tháng 03 năm 2007 và mở cổng thông tin ở địa chỉ: <http://www.emchonnghegi.edu.vn> để tìm thông tin cần thiết cho bản thân.
- Tài liệu “Những điều cần biết về tuyển sinh TCCN” của Bộ GD&ĐT.
- Nếu có điều kiện, em có thể đến trường TCCN, cao đẳng nghề hoặc TCN mà em có nguyện vọng theo học để tìm hiểu những thông tin cần thiết.
- Hỏi những người xung quanh hoặc thầy/ cô giáo có hiểu biết về các trường TCCN, dạy nghề.

2.2.4. Hoạt động 2.4. Giao bài tập về nhà

Giáo viên giao bài tập về nhà cho học sinh: Học sinh hãy tự tìm thông tin về trường TCCN hoặc trường Cao đẳng nghề hoặc TCN, sau đó, đối chiếu những thông tin tìm được với *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân (đã xác định ở chuyên đề 1), điều kiện của gia đình và nhu cầu tuyển dụng ngành, nghề đã chọn để đưa ra quyết định chọn ngành học, chọn nghề, và trường học nghề.

Lưu ý đối với học sinh: Trước khi đưa ra quyết định chọn nghề, cùng với việc xác định mối tương quan giữa bản thân với các yếu tố kể trên, các em nên quan tâm tìm hiểu các ngành nghề mũi nhọn, có triển vọng phát triển và có nhu cầu nhân lực cao từ nay đến năm 2020 tới như:

- Cơ khí – điện tử
- Công nghệ thông tin
- Công nghệ sinh học
- Công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng mới
- Công nghệ hóa thực phẩm...

3. Nội dung 3. Tìm hiểu hệ thống đào tạo đại học và cao đẳng

3.1. Mục tiêu

- Học sinh biết được những thông tin cơ bản về hệ thống trường, hình thức đào tạo đại học và cao đẳng ở địa phương, trong nước và quốc tế;
- Biết nội dung, cách tìm thông tin về hệ thống đào tạo đại học, cao đẳng;
- Sử dụng được những thông tin trên vào việc quyết định chọn ngành, chọn trường và chọn nghề.

3.2. Cách tiến hành

Giáo viên tổ chức 4 hoạt động tương tự như các hoạt động ở nội dung 2 của chuyên đề này. Cụ thể là:

3.2.1. Hoạt động 3.1. Giới thiệu vài nét khái quát về hệ thống trường đại học

Nhiệm vụ, loại hình trường, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo và điều kiện tuyển sinh.

3.2.2. Hoạt động 3.2. Giới thiệu vài nét khái quát về hệ thống trường cao đẳng

Nhiệm vụ, loại hình trường, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo và điều kiện tuyển sinh. Giáo viên sử dụng các thông tin trong *chủ đề 4 của sách giáo viên HĐGDHN lớp 12 hiện hành* kết hợp với các thông tin trong cuốn *Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng* của Bộ GD&ĐT được phát hành hàng năm và những thông tin trong phụ lục XXVI (*chuyên đề 2, lớp 12*) để tổ chức thực hiện 2 hoạt động.

3.2.3. Hoạt động 3.3. Hướng dẫn học sinh tìm thông tin về các trường đại học, cao đẳng

Giáo viên nêu, số học sinh thi đỗ vào các trường đại học hàng năm chỉ chiếm khoảng 25 – 30 % tổng số thí sinh. Vì vậy, trước khi đăng kí thi vào trường đại học nào đó,

các em cần cân nhắc kĩ lưỡng về các mặt: *Học lực, thể lực, khả năng, sở thích, cá tính, giá trị nghề nghiệp, điều kiện gia đình, TTrTDLĐ, điều kiện tuyển sinh của các trường đại học.*

Giáo viên giới thiệu, hướng dẫn một số phương pháp tìm hiểu thông tin về trường đại học, cao đẳng:

- Tìm thông tin qua mạng Internet, như website của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin: <http://www.emchonnghegi.edu.vn>;
- Đọc tài liệu, chẳng hạn như cuốn “*Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng*” và cuốn “*Cẩm nang tuyển sinh đại học và cao đẳng*” của Bộ GD&ĐT được phát hành hàng năm. Ngoài ra, các em nên gặp gỡ, phỏng vấn những anh, chị học khóa trước đã vào đại học, cao đẳng hoặc nói chuyện với những người xung quanh để thu thập thông tin và xin lời khuyên về việc nên đăng kí thi vào trường đại học, cao đẳng nào để học nghề đã lựa chọn.

3.2.4. Hoạt động 3.4. Giao bài tập về nhà

Giáo viên giới thiệu nội dung **bài tập 3.4** (phụ lục XXVII, chuyên đề 2, lớp 12) và giao nhiệm vụ cho học sinh về nhà làm.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Đánh giá qua kết quả làm 2 bài tập về nhà của học sinh.

V. NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ CHO CHUYÊN ĐỀ 3

Để chuẩn bị cho việc lập KHNN ở chuyên đề 3, mỗi em hãy về nhà thực hiện những công việc sau:

Tìm hiểu CSĐT nghề nghiệp của địa phương hoặc trung ương mà em đang có nguyện vọng muốn theo học sau khi tốt nghiệp THPT để có những thông tin cần thiết CSĐT nghề nghiệp đó (nhiệm vụ, các khoa trong trường, môn thi vào khoa em muốn học, điều kiện tuyển sinh, khả năng được tuyển dụng sau khi tốt nghiệp chuyên ngành đó...).

Tìm một số bài trắc nghiệm trên mạng Internet (trang web Tư vấn hướng nghiệp; cổng thông tin <http://www.emchonnghegi.edu.vn>...) để tự làm trắc nghiệm về *sở thích và khả năng của bản thân*.

VI. PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 2, LỚP 12

- **Phụ lục XXV.** Sơ đồ 1. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam 2010; Sơ đồ 2: 10 con đường vào đời của học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, THPT;
- **Phụ lục XXVI.** Một vài thông tin về hệ thống trường TCCN;
- **Phụ lục XXVII.** Một vài thông tin về hệ thống trường cao đẳng, đại học; Bài tập 3.4.

PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 2, LỚP 12

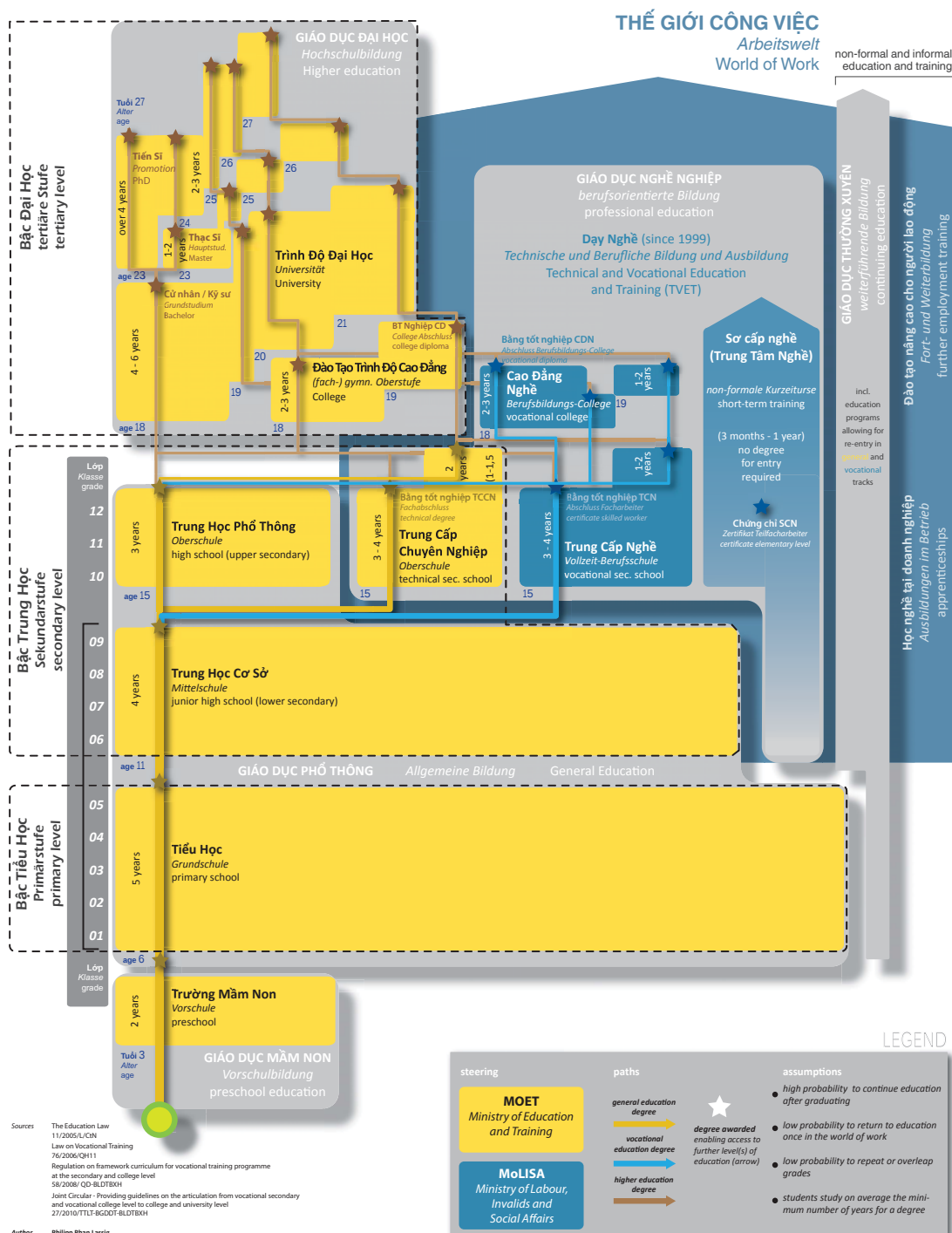
PHỤ LỤC XXV

Sơ đồ 1. HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM 2010

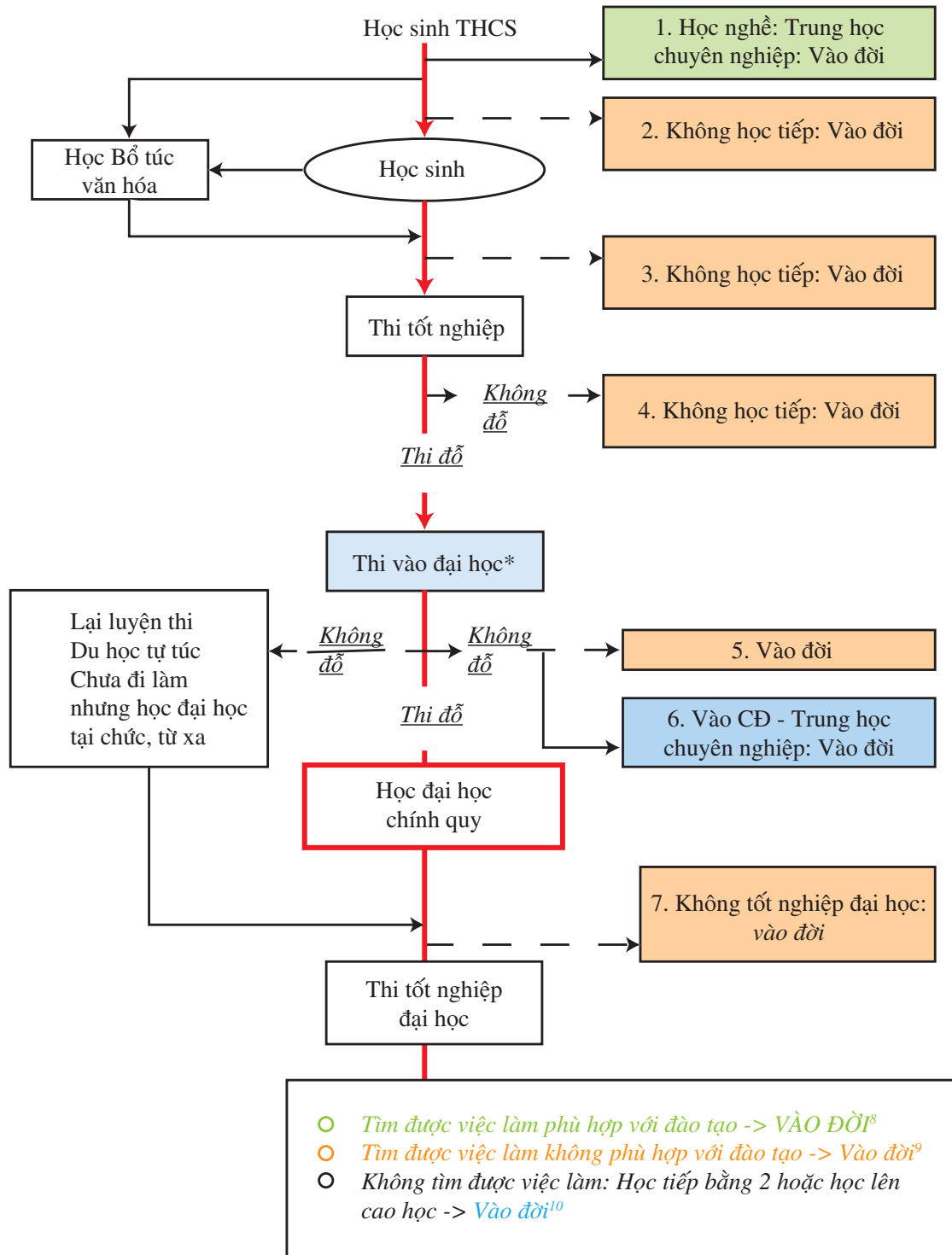
Hệ thống Giáo Dục quốc dân Việt Nam 2010

Das vietnamesische Bildungssystem

National education system, Viet Nam



Sơ đồ 2. MƯỜI CON ĐƯỜNG VÀO ĐỜI CỦA HỌC SINH SAU THCS, THPT



PHỤ LỤC XXVI

MỘT VÀI THÔNG TIN VỀ HỆ THỐNG TRƯỜNG TCCN

Căn cứ vào:

- Tình hình thực tế và để tạo thêm cơ hội cho người học, giúp học sinh trở thành người lao động có nghề nghiệp và có thể học lên trong tương lai;
- Ý kiến đề xuất của nhiều Sở GD&ĐT về nguyện vọng của các học sinh không đỗ tốt nghiệp THPT hoặc bỏ học giữa chừng các lớp 10, 11 và 12 muốn học trong các trường TCCN.

Bộ GD&ĐT đã hướng dẫn công tác tuyển sinh và đào tạo những đối tượng trên như sau:

Đối tượng người học:

Người học được áp dụng để xem xét tiếp nhận vào học TCCN là những công dân Việt Nam hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có nhu cầu học tập và có đủ sức khỏe theo yêu cầu của ngành học, gồm các đối tượng sau:

- a) Đã tham dự các kỳ thi tốt nghiệp THPT, bỏ túc THPT nhưng chưa được công nhận tốt nghiệp;
- b) Đã theo học THPT hoặc bỏ túc văn hóa THPT, nhưng vì lí do riêng phải nghỉ học giữa chừng.

Hệ đào tạo và phương án tiếp nhận

Các trường TCCN xây dựng các tiêu chí tiếp nhận theo một trong các phương án sau đây:

1. Đối với học sinh đã dự thi tốt nghiệp THPT hoặc bỏ túc THPT nhưng chưa được công nhận tốt nghiệp, có thể xem xét tiếp nhận vào học TCCN khoá đào tạo 2 năm cộng với từ 3 tháng đến 6 tháng theo một trong các phương án tuyển sinh như sau:
 - a) Kết quả học tập trong học bạ lớp 12 THPT hoặc bỏ túc THPT của các môn văn hoá theo yêu cầu tuyển sinh của ngành học như yêu cầu đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (điểm tổng kết của các môn học này phải từ 5,0 điểm trở lên).
 - b) Điểm số đạt được trong kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc bỏ túc THPT của các môn văn hoá mà chương trình khung hiện hành đã quy định đối với hệ tuyển từ THCS (điểm thi tốt nghiệp của các môn học này phải từ 5,0 điểm trở lên). Những môn văn hoá mà chương trình khung có quy định đối với ngành học nhưng không phải là môn thi tốt nghiệp của năm đó thì có thể xem xét điểm tổng kết của môn học này trong học bạ THPT hoặc bỏ túc THPT.
2. Đối với học sinh nghỉ học giữa chừng, việc xét tuyển dựa theo những tiêu chí xét tuyển đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp THCS mà nhà trường đang thực hiện.
 - a) Những học sinh chưa học xong chương trình lớp 10 THPT hoặc bỏ túc THPT, chỉ được tiếp nhận vào học hệ đào tạo từ 3 năm đến 4 năm như đối tượng học sinh tốt nghiệp THCS hoặc tương đương.
 - b) Học sinh đang học dở chương trình lớp 11 hoặc 12 THPT hoặc bỏ túc THPT các trường căn cứ vào đối tượng cụ thể để xây dựng các chương trình đào tạo, miễn trừ việc học lại những kiến thức mà học sinh đã có kết quả đạt yêu cầu. Việc thiết kế chương trình và tổ chức đào tạo phải đảm bảo nguyên tắc:

- Tùy theo đối tượng cụ thể mà nhà trường có thể thực hiện các phương án thời gian đào tạo như sau: 2 năm + 6 tháng; 2 năm + 9 tháng hoặc 3 năm, để đạt được mục tiêu đào tạo;
- Tùy theo nhu cầu, khả năng của học sinh và điều kiện cụ thể của mỗi trường, nhà trường có thể tạo điều kiện để cho các em học thêm văn hóa để có thể tham gia thi tốt nghiệp THPT vào năm sau. Điều này không bắt buộc với học sinh.

Mục tiêu của Giáo dục Trung học chuyên nghiệp

Mục tiêu giáo dục Trung học chuyên nghiệp là đào tạo người lao động có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp ở trình độ trung cấp, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH, củng cố quốc phòng, an ninh.

Văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp

1. Học sinh học hết chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp, chương trình bồi dưỡng nâng cao trình độ nghề, có đủ điều kiện theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề thì được dự kiểm tra và nếu đạt yêu cầu thì được Thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp chứng chỉ nghề.
2. Học sinh học hết chương trình TCCN, có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT thì được dự thi và nếu đạt yêu cầu thì được Hiệu trưởng nhà trường cấp bằng tốt nghiệp TCCN.
3. Học sinh học hết chương trình dạy nghề trình độ trung cấp, có đủ điều kiện theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề thì được dự thi và nếu đạt yêu cầu thì được Hiệu trưởng nhà trường cấp bằng tốt nghiệp TCN. Sinh viên học hết chương trình dạy nghề trình độ cao đẳng, có đủ điều kiện theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề thì được dự thi và nếu đạt yêu cầu thì được Hiệu trưởng nhà trường cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề.

PHỤ LỤC XXVII

Bài tập 3.4

Hãy sử dụng các phương pháp tìm thông tin về trường đại học, cao đẳng và những thông tin đã tìm hiểu được ở chuyên đề 1, lớp 12 về bản thân, gia đình, và các yếu tố tác động khác để trả lời các câu hỏi sau: 1. Em mong muốn được trở thành sinh viên của trường đại học hoặc trường cao đẳng nào? Theo học ngành nào, khoa nào? (có thể ghi 1 hoặc 2 mong muốn của bản thân). Hãy cho biết lí do vì sao em mong muốn được học trường đại học hoặc cao đẳng và theo học ngành học đó.

1. Muốn theo học ngành học và trường đại học hoặc cao đẳng đã chọn, cần phải có khả năng học tốt những môn học nào? Khả năng học tập những môn học đó của em trong những năm học THPT, nhất là ở lớp 12 như thế nào? Em đã có kế hoạch gì để theo đuổi và đạt được mong muốn của mình?
2. Nếu thi đỗ vào ngành học và trường đại học hoặc cao đẳng đã chọn, em có cho rằng gia đình em có đủ điều kiện cho em theo học không? Sau khi tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng, theo hiểu biết của em, em có cho rằng nghề mà em được đào tạo sẽ dễ dàng được tuyển dụng không?
4. Ngoài nguyện vọng thi vào đại học hoặc cao đẳng, em có nguyện vọng học một trường nghề nào đó không? Nếu có thì đó là trường nào, nghề gì? Vì sao em chọn học nghề đó, trường đó?

CHUYÊN ĐỀ 3, LỚP 12

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP (4 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau khi tham gia chuyên đề 3, lớp 12, học sinh sẽ:

- Sử dụng được những kiến thức về bản thân, nghề nghiệp, kinh nghiệm rút ra từ việc tham gia HĐNK, HĐPVCD để lập KHNN cho bản thân;
- Liên tục cập nhật thông tin hướng nghiệp và xem xét KHNN để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu và nội dung khác của bản KHNN, con đường học hành khi cần thiết;
- Quyết định chọn ngành học, trường học, nghề nghiệp tương lai và làm hồ sơ tuyển sinh theo KHNN và quyết định của bản thân;
- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ được giao để xây dựng KHNN cho bản thân.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Mẫu phiếu phỏng vấn thông tin về ngành học và Bảng một số ngành nghề mới trong thế kỉ XXI.
- Máy tính và máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH

Giới thiệu và nêu mục tiêu của chuyên đề

1. Nội dung 1. Tìm hiểu các thông tin hướng nghiệp để hoàn tất KHNN và đăng kí tuyển sinh

1.1. Mục tiêu

- Thu thập và sử dụng được các thông tin cần thiết cho việc hoàn tất KHNN và đăng kí tuyển sinh;
- Sử dụng những kiến thức về bản thân, nghề nghiệp, kinh nghiệm rút ra từ HĐNK và các thông tin hướng nghiệp thu thập được để quyết định KHNN.

1.2. Cách tiến hành

1.2.1. Tìm hiểu thông tin nghề nghiệp

Có nhiều cách để tìm hiểu thông tin về nghề nghiệp, đối với học sinh lớp 12 – những học sinh chuẩn bị bước vào “ngưỡng cửa” của các CSĐT nghề nghiệp – có thể tìm thông tin liên quan đến con đường đi tiếp sau THPT và nghề nghiệp bản thân đã lựa chọn qua các kênh thông tin sau đây:

– *Tham gia ngày hội hướng nghiệp/ tuyển sinh*

Từ tháng 2 đến tháng 4 hàng năm, nhiều nơi trong cả nước đã tiến hành tổ chức các sự kiện hướng nghiệp và tuyển sinh. Nếu có điều kiện các em nên tham gia những hoạt động này. Khi tham gia, các em nên nhìn tổng quan xem có những trường đại học, cao đẳng, TCCN, TCN hoặc trường nghề nào đến hướng nghiệp và thu thập những thông tin cần thiết liên quan đến quyết định nghề nghiệp của bản thân như nhu cầu tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh, các ngành nghề hiện đang được đào tạo, điều kiện học tập, sinh hoạt, khả năng được tuyển dụng của sinh viên sau khi tốt nghiệp v.v. Sau đó, nếu có điều kiện, các em nên đến thăm những trường mình thích, trực tiếp trao đổi và trò chuyện với sinh viên hoặc những người đang công tác tại khoa, trường có đủ kinh nghiệm, sẵn sàng giúp em để tìm hiểu thực tế. Thông thường, trong các sự kiện như vậy luôn có sự tham gia của các sinh viên năm thứ 3 hay năm thứ 4. Họ là những người có đủ kinh nghiệm để chia sẻ với các em về những vấn đề nêu trên và việc chọn ngành, chọn nghề phù hợp.

– *Theo dõi phương tiện thông tin đại chúng*

Vào thời gian trước mùa tuyển sinh cao đẳng, đại học, đài truyền hình, truyền thanh, báo chí thường có những chương trình truyền hình trực tiếp, tổ chức giao lưu trực tuyến với các chuyên gia tuyển dụng nhân sự, TVHN. Học sinh, nên tìm kiếm để xem, lắng nghe, và học hỏi. Các tờ báo lớn như Tuổi Trẻ, Thanh Niên đều có phần hướng nghiệp trên mạng. Thêm nữa, các trường đại học đều có thông tin hướng dẫn tuyển sinh trên mạng. Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT cũng cung cấp các tài liệu hướng dẫn tuyển sinh chung cho cả nước. Thông tin rất nhiều, học sinh nên đọc các sách, báo, tài liệu, đặc biệt cần nghiên cứu kĩ cuốn *Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng* mới nhất để chọn lọc những thông tin phù hợp và bổ ích cho mục tiêu nghề nghiệp bản thân, tránh theo trào lưu chung, số đông. Tài liệu này thường được Bộ GD&ĐT phát hành vào đầu tháng 4 hàng năm. Khi đọc tài liệu này, các em sẽ biết được “Những thông tin quan trọng về tuyển sinh đại học, cao đẳng trong toàn quốc như: Những điều cần ghi nhớ của thí sinh dự thi; Lịch công tác tuyển sinh; Bảng phân chia khu vực tuyển sinh của 63 tỉnh, thành phố; Mã tuyển sinh tỉnh, thành phố, quận, huyện; Mã đăng kí dự thi vắng lai; Danh sách các trường đại học, cao đẳng không tổ chức thi nhưng sử dụng kết quả thi theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT để xét tuyển; Những thông tin tuyển sinh của các trường đại học, học viện, trường cao đẳng gồm: Tên và kí hiệu trường, mã quy ước của ngành học, khối thi, thời gian thi, vùng tuyển và các thông tin cần thiết khác của các trường.

Các thông tin cụ thể về chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, điều kiện dự thi, chuyên ngành đào tạo và các thông tin tuyển sinh đào tạo liên thông, vừa làm vừa học,... thí sinh tham khảo tại địa chỉ website của từng trường.

Tài liệu này còn giúp thí sinh lựa chọn trường, khối thi và ngành dự thi phù hợp với nguyện vọng và năng lực học tập của mình. Toàn bộ nội dung cuốn “Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2013” được đăng tải trên trang thông tin của Bộ GD&ĐT³⁸.

³⁸ Nguồn: Trích "Lời nói đầu" của cuốn *Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2013*. Có thể tìm kiếm trên google khi gõ dòng chữ "Những điều cần biết về tuyển sinh đại học cao đẳng năm..." .

– Phỏng vấn thông tin

Chuyên đề 3 của lớp 11 đã giới thiệu phương pháp này cho học sinh. Có thể các em không nhớ vì thế giáo viên nhắc lại để học sinh tiếp tục sử dụng các câu hỏi khi phỏng vấn nhằm tìm hiểu thông tin một cách chi tiết, sâu sắc, và chính xác hơn.

Đối tượng phỏng vấn: Thông thường, để có được những câu trả lời tâm tình và chân thật nhất, học sinh cần phải tìm được đúng người để phỏng vấn. Những người tốt nhất để phỏng vấn là:

- Anh chị ruột/ họ trong gia đình;
- Bạn thân của anh chị ruột/ họ trong gia đình;
- Các anh chị cựu học sinh của trường;
- Những người bạn lớn tuổi hơn mà học sinh có dịp quen trong các HĐNK, hoạt động xã hội, các cuộc thi học sinh giỏi, ...

Khi phỏng vấn, học sinh cần phải:

- Luôn tỏ ra lịch sự và tôn trọng thời gian biểu của người được phỏng vấn. Khi đến phỏng vấn cần đúng giờ, khiêm tốn, và luôn tỏ lòng cảm kích;
- Hãy xem cuộc phỏng vấn như một bài tập quan trọng, và cư xử một cách trưởng thành để tạo ấn tượng tốt.

Phương pháp phỏng vấn:

- Đặt câu hỏi để tìm hiểu thông tin, càng nhiều, càng sâu lại càng tốt. Muốn vậy, phải chuẩn bị kỹ càng các câu hỏi để phỏng vấn. Các em nên sử dụng bảng các câu hỏi phỏng vấn, có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng phỏng vấn.
- Đặt câu hỏi để người trả lời có cơ hội chia sẻ câu chuyện của họ. Họ càng kể chuyện, thì thông tin càng đa dạng, sâu, và phản ánh chính xác trường hợp của họ.
- Giáo viên giới thiệu hoặc phát cho học sinh phiếu phỏng vấn thông tin về ngành học (*phụ lục XXVIII, chuyên đề 3, lớp 12*) để các em sử dụng khi phỏng vấn.
- *Nếu không thể tìm từ các nguồn trên, học sinh có thể tìm trên mạng internet, qua mạng xã hội.*

1.2.2. Hoạt động 1.2. Câu chuyện nghề nghiệp

Giáo viên đọc cho học sinh nghe câu chuyện nghề nghiệp “**Lối đi riêng của An**”³⁹ (*phụ lục XXIX, chuyên đề 3, lớp 12*). Sau câu chuyện, giáo viên hỏi học sinh về cảm nghĩ của các em về từng nhân vật An

Giáo viên nêu khái quát: An và Vinh là người hiểu rõ bản thân, đặc biệt là *đam mê, khả năng và giá trị nghề nghiệp* của mình. Hai anh cũng hiểu rất rõ môi trường sống và những điều kiện mà bản thân hai anh đang chịu ảnh hưởng. Vì vậy, hai anh đã kiên định đi theo con đường phù hợp với *khả năng và sở thích* của mình, đó là thi vào trường TCN, không chạy theo số đông. Kết quả là An và Vinh đã bước đầu thành công trên con đường nghề nghiệp. Điều này cho thấy rõ một điều, bằng cấp không phải là yếu tố quyết định sự thành công trong nghề nghiệp. Điều quan trọng nhất là mỗi người

³⁹ Báo Tuổi trẻ online, <http://m.tuoiitre.vn/chuyen-trang/Tuoi-Tre-Cuoi-tuan-> ngày 20/6/2013.

phải hiểu rõ bản thân, hiểu rõ nghề nghiệp để quyết định con đường đi và công việc phù hợp nhất với *sở thích nghề nghiệp và khả năng* của bản thân.

Giáo viên liên hệ, các em, những học sinh ở năm cuối cấp, tại ngưỡng cửa vào đời, em đã tìm hiểu để biết rõ mình là ai chưa? Em có dám tự tin nói với bạn bè và người thân rằng, em quyết tâm theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp, và lập kế hoạch để theo đuổi mục tiêu ấy không? Nếu chưa biết rõ, em có chịu dành thời gian để tìm hiểu, đọc thêm thông tin hoặc trò chuyện với những người có kiến thức, để từ đó định ra hướng đi cho mình không?

Mỗi học sinh nên tự hỏi và tìm cách trả lời những câu hỏi sau: ***“Mục tiêu của đời em là gì?”***; ***“Em sinh ra để làm gì cho cuộc đời này?”***; ***“Em muốn sống một đời sống ra sao?”*** Học sinh càng hỏi sớm, thì càng có ích cho bản thân trong việc phát triển nghề nghiệp.

Ở nước ta thường khuyến khích mỗi người hãy sống vì gia đình của mình, hãy lắng nghe và tôn trọng ý kiến của cha mẹ, ông bà, người thân trong việc chọn nghề, chọn hướng đi của cuộc đời. Đó là một nét đẹp của phong tục Việt. Nhưng khi quyết định chọn ngành học và nghề nghiệp tương lai, các em cần hiểu rằng, trước khi có thể làm cho ai hạnh phúc, thì bản thân mình phải là người vui vẻ, hạnh phúc trước. Do đó, nếu học một ngành không phù hợp với sở thích và khả năng, thì gần như chắc chắn rằng em đó sẽ không vui vẻ gì trong suốt thời sinh viên của mình, mà còn có thể gặp vô vàn những khó khăn trong nghề nghiệp sau này. Vì vậy, trước khi quyết định nghề nghiệp và đăng kí tuyển sinh, các em nên: ***1/ Tìm hiểu bản thân và hoàn cảnh gia đình; 2/ Tìm hiểu TTTrDLD; 3/ Xác định, chọn lựa hướng đi và nghề nghiệp phù hợp với bản thân mình, và 4/ Chia sẻ với gia đình về nguyện vọng nghề nghiệp và hướng đi tiếp theo của mình.*** Nếu cần, em hãy giải thích và đưa ra những dẫn chứng mà mình thu thập được khi tìm hiểu bản thân, nghề nghiệp và các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến việc chọn nghề của bản thân để thuyết phục gia đình. Từ đó, quyết định một chọn lựa tốt đẹp nhất cho bản thân và những người thân yêu.

Kết luận nội dung 1. Hướng nghiệp là một cuộc hành trình lâu dài của mỗi người. Ngay khi ta nghĩ rằng ta đã tìm được câu trả lời, thì sẽ có một câu hỏi khác xuất hiện trong ta. Điều quan trọng không phải là kết quả, mà là quá trình đạt được kết quả ấy đã xảy ra như thế nào.

Nội dung cần nhớ: Các phương pháp tìm hiểu thông tin hướng nghiệp để hoàn tất KHNN và đăng kí tuyển sinh.

2. Nội dung 2. Hướng dẫn học sinh chọn nghề và làm hồ sơ tuyển sinh

2.1. Mục tiêu

- Học sinh hiểu được quy chế tuyển sinh vào các trường trong hệ thống đào tạo từ đào tạo nghề đến đào tạo đại học;
- Liên kết được những hiểu biết về bản thân, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, nhu cầu lao động của xã hội, quy chế tuyển sinh để chọn trường và làm hồ sơ tuyển sinh.

2.2. Cách tiến hành

2.2.1. Hoạt động 2.1. Giới thiệu quy chế tuyển sinh và hướng dẫn học sinh tìm thông tin về quy chế tuyển sinh

Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu **Quy chế tuyển sinh cao đẳng, đại học** thông qua các kênh báo chí, truyền thanh, truyền hình và website của Bộ GD&ĐT, các website của các trường Đại học thông qua các trang web như sau:

- <http://thi.moet.gov.vn/?page=1.7>
- <http://edu.net.vn/media/p/455274.aspx>
- http://vnexpress.net/gl/xa-hoi/giao-duc/page_1.asp
- <http://www.emchonnghegi.edu.vn>
- Nêu tóm tắt một số điểm mới trong **Quy chế tuyển sinh cao đẳng, đại học** (ở trang Website của Bộ giáo dục và Đào tạo).

2.2.2. Hoạt động 2.2. Điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, KHNN của bản thân trước khi làm hồ sơ tuyển sinh

Giáo viên hướng dẫn: Kết quả chọn nghề phù hợp phụ thuộc vào 2 yếu tố: *Yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan*. Yếu tố chủ quan chính là *khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân các em. Còn yếu tố khách quan là các yếu tố bên ngoài có ảnh hưởng đến việc chọn ngành học, chọn nghề của các em. Vì vậy, trước khi điều chỉnh, bổ sung mục tiêu và KHNN để làm hồ sơ tuyển sinh, các em cần rà soát lại việc chọn nghề của bản thân thông qua các tiêu chí dưới đây:

a. Các yếu tố chủ quan

Sở thích: Bản thân mình có thực sự yêu thích nghề mình lựa chọn hay không? Đối tượng lao động và nội dung lao động của nghề có phù hợp với sở thích của bản thân mình hay không? Thích học những môn học nào? Thích tham gia những HĐNK và HĐPVCĐ nào?...

Khả năng: Bản thân mình có những thế mạnh gì thuộc về khả năng? Trong các môn học, mình có khả năng học tốt những môn nào? Những môn nào học còn yếu? Hãy tìm hiểu những môn thi đầu vào và các môn học ở trường, ngành học mình định chọn để xác định lại một lần nữa mình có nên thi vào trường, ngành học đó không, nhất là những trường, ngành học thi các khối A, B, C có điểm đầu vào ở những năm trước cao. Nếu bản thân không học tốt các môn học thì có năng khiếu gì? (ví dụ ca hát, hoạt động xã hội, thể dục thể thao, hội họa...). Nếu thực sự có năng khiếu và yêu thích những ngành nghề liên quan đến năng khiếu của bản thân, em nên làm hồ sơ đăng kí thi vào những cơ sở đào tạo có thi năng khiếu vì điểm năng khiếu thường được nhân hệ số.

Sở thích và khả năng/ năng lực/ năng khiếu là 2 yếu tố quan trọng nhất của bản thân mà các em cần tìm hiểu kĩ càng trước khi quyết định khối thi, trường học, ngành học. Bên cạnh đó, các em cũng cần xác định lại xem *cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân có phù hợp với ngành học, trường học và nghề nghiệp mà mình đã lựa chọn hay không? Hãy cân nhắc thật kĩ càng trước khi quyết định nghề nghiệp tương lai của mình. Nếu còn băn khoăn, em có thể đến gặp cán bộ TVHN hoặc giáo viên hướng nghiệp để làm thêm trắc nghiệm và được tư vấn thêm về hướng nghiệp.

b. Các yếu tố khách quan

Điều kiện kinh tế của gia đình có đủ để trang trải tiền học phí, ăn, ở, đi lại, sinh hoạt trong thời gian theo học hay không? Nếu gia đình có đủ khả năng thì mới hy vọng tiếp cận và theo học được nghề mà mình ưa thích.

Khoảng cách địa lí: Phải thuận tiện cho việc đi lại, ăn ở... trong quá trình theo học. Có như vậy, các em mới yên tâm học tập, say mê với nghề. Xa xôi về không gian thường là một trở ngại khó vượt qua đối với những gia đình còn nghèo có con em đi học, dù đó là nghề được bản thân yêu thích.

Hoàn cảnh thời gian: Nếu chọn nghề hợp với mình nhưng thời gian đào tạo quá lâu, bản thân và gia đình không có điều kiện để theo học suốt nhiều năm liên tục thì có thể dẫn đến phải bỏ giữa chừng, rất lãng phí.

Điều kiện về chính trị – xã hội: Có một số ngành nghề, ngoài điều kiện về học lực và khả năng còn đòi hỏi về lí lịch gia đình, ví dụ như ngành công an, tình báo... phải được sàng lọc từ đầu về lí lịch gia đình, quan hệ cá nhân. Vì vậy, không phải ai thích nghề cảnh sát cũng được chọn vào ngành công an.

c. Sự sẵn sàng trước khi đưa ra quyết định nghề nghiệp và đăng kí tuyển sinh

Khi chọn lựa nghề nghiệp học sinh thường bị rơi vào 3 dạng sau:

a. Dạng tổng quát:

Lúng túng, không biết định hướng ra sao. Nhóm này thường chiếm tỷ lệ rất cao, xếp ở mức 1.

Biện pháp khắc phục: Xin được TVHN bởi cán bộ TVHN hoặc giáo viên hướng nghiệp, có thể là ở trường hoặc ở TTKTTHHN. Bản thân học sinh cũng xác định lại sở thích và khả năng của mình và tìm hiểu thêm các thông tin về nghề nghiệp theo các cách đã nêu ở nội dung 1, đồng thời trao đổi, chia sẻ với bạn thân, với những người có kinh nghiệm để đưa ra lựa chọn phù hợp nhất.

b. Dạng thụ động

- Theo bạn bè, theo phong trào;
- Theo ý kiến gia đình.

Nhóm này chiếm tỷ lệ khá cao, xếp ở mức 2.

Biện pháp khắc phục: Hãy nhớ lại các LTHN đã học, trong đó có “lí thuyết cây nghề nghiệp”. Cần phải chọn nghề theo “rễ”, không chọn nghề theo “trái” – đó là nguyên tắc chọn nghề. Không ai có thể quyết định thay mình được. Khi chưa đưa ra quyết định nghề nghiệp, hãy xác định lại một lần nữa các yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan để chọn nghề vừa phù hợp với sở thích, khả năng, nguyện vọng của bản thân, vừa phù hợp với nhu cầu của xã hội.

c. Dạng chủ động

- Chọn ngành học, chọn nghề theo sở thích và khả năng của bản thân
- Tìm đến chuyên viên tư vấn hướng nghiệp

Nhóm này chiếm tỷ lệ thấp, xếp ở mức 3.

Liên hệ thực tế: Trong những năm qua, nhiều học sinh chuẩn bị tốt nghiệp THPT thường có xu hướng chọn:

- Các nhóm nghề đào tạo dễ kiếm việc làm;
- Chỉ tiêu lấy vào với số lượng nhiều;
- Thời gian đào tạo ngắn hạn;
- Điều kiện ăn ở có ký túc xá;
- Học phí tương đối ít;
- Ở cấp đào tạo nhân lực: chọn trường đại học;
- Qui mô trường: Chọn trường danh tiếng;
- Cơ chế quản lí: Chọn trường công lập.

Giáo viên nêu lưu ý với học sinh: Nhiều học sinh trước khi đăng kí thi thường tham khảo về tỉ số “chọi”, điểm tuyển của các trường để tránh những trường có tỉ số “chọi” và điểm tuyển cao. Hầu như các học sinh đều có suy nghĩ sai lầm lớn là xem tỉ số “chọi” “và điểm tuyển như một hằng số mà không nghĩ chúng là biến số, vì:

- Tỷ số “chọi” phụ thuộc vào số học sinh đăng ký vào và số lượng tuyển học sinh của các trường. Tỷ số “chọi” này thay đổi theo từng năm không thể đoán chính xác.
- Điểm tuyển phụ thuộc vào tỷ số “chọi” và phụ thuộc vào trình độ của học sinh thi vào. Điểm tuyển thay đổi theo từng năm và rất khó đoán được, chỉ trừ điểm tuyển ở các trường thuộc nhóm I.

Vì lẽ đó, ở một số trường, năm trước điểm xét tuyển vào ngành đó thấp thì đến năm sau, khi số học sinh đăng ký vào ngành này rất nhiều sẽ kéo điểm tuyển năm lên rất cao và ngược lại.

Tất cả những vấn đề trên được nêu ra để học sinh tham khảo trước khi các em quyết định nghề nghiệp tương lai và làm hồ sơ đăng kí tuyển sinh. Hãy cân nhắc kĩ càng mọi yếu tố để đảm bảo rằng quyết định nghề nghiệp tương lai của mình là hợp lý và khả thi.

d. Các ngành nghề mới trong thế kỷ XXI

Dưới sự tác động của cách mạng khoa học công nghệ mới, quá trình toàn cầu hóa kinh tế của các nước đã tác động tới mọi mặt của đời sống và ảnh hưởng tới cơ cấu của các ngành nghề cũng như cơ cấu KTXH. Nhiều ngành nghề mới đã xuất hiện và có nhu cầu về lao động cao, nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, dịch vụ và công nghệ cao (xem thêm ở phụ lục XXX, chuyên đề 3, lớp 12). Đồng thời, giáo viên giới thiệu một số trang web để học sinh tra cứu, biết được **một số ngành nghề mới trong thế kỉ 21**.

Sau phần hướng dẫn, giáo viên dành thời gian cho học sinh đọc lại bản KHNN đã lập từ trước, bổ sung hoặc sửa chữa, điều chỉnh cho hoàn thiện.

2.2.3. Hoạt động 2.3. Hướng dẫn học sinh làm hồ sơ tuyển sinh

Giáo viên phát cho học sinh phiếu đăng ký dự thi cao đẳng, đại học. Sau đó hướng dẫn các em điền thông tin vào từng mục **trong phiếu theo yêu cầu, hướng dẫn** của Bộ GD&ĐT ở từng năm.

Học sinh phải chú ý các qui định để ghi chính xác hồ sơ dự thi. Nếu không, sẽ bị ảnh hưởng tới quyền lợi dự thi. Hướng dẫn được đăng tải ở mục Tin tức tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <http://www.moet.gov.vn/> thường có từ tháng 3, đầu tháng 4 hàng năm.

2.2.4. Hoạt động 2.4. Học sinh làm hồ sơ tuyển sinh cho bản thân

Sau khi hướng dẫn học sinh cách điền thông tin vào hồ sơ tuyển sinh, giáo viên cần rà soát lại các thông tin về trường, mã ngành cho từng thí sinh để tránh nhầm lẫn đáng tiếc xảy ra. Khi việc kiểm tra hoàn tất, học sinh mới bắt đầu nộp hồ sơ cho trường.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Bản KHNN đã bổ sung, điều chỉnh và hồ sơ tuyển sinh do học sinh lập.

V. PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 3 LỚP 12

- **Phụ lục XXVIII.** Phiếu phỏng vấn thông tin về ngành học;
- **Phụ lục XXIX.** Câu chuyện nghề nghiệp;
- **Phụ lục XXX.** Danh mục các ngành nghề có xu hướng phát triển mạnh trong thế kỉ XXI.

PHỤ LỤC CHUYÊN ĐỀ 3, LỚP 12**PHỤ LỤC XXVIII****PHIẾU PHÒNG VẤN THÔNG TIN VỀ NGÀNH HỌC**

1. Vì sao anh/ chị chọn ngành học này ạ?
2. Khi anh/ chị chọn ngành học này, anh/ chị đã tìm hiểu và nghiên cứu như thế nào trước khi ra quyết định?
3. Nếu được chọn lại lần nữa, anh/ chị vẫn chọn ngành này hay sẽ thay đổi?
4. Anh/ chị có thể kể cho em nghe những điểm tốt, điểm hay của ngành học này?
5. Trong ngành học này có những điểm nào không hay hoặc không tốt, làm anh/ chị nản lòng không ạ?
6. Những ngày đầu khi mới vào học, anh/ chị gặp những khó khăn nào ạ?
7. Bây giờ, anh/ chị thích nhất điều gì ở ngành học này?
8. Anh/ chị có lời khuyên gì cho một học sinh đang học 12 như em không ạ?

PHỤ LỤC XXIX

CÂU CHUYỆN NGHỀ NGHIỆP - LỐI ĐI RIÊNG CỦA AN

TT – Ba năm trước, đã nộp hồ sơ dự thi đại học nhưng Võ Văn An quyết định bỏ thi để... vào trường nghề. Cuối tháng 6 này An là một trong hai thí sinh đại diện Việt Nam thi tay nghề thế giới tại Cộng hòa Liên bang Đức với nghề cơ điện tử.



Bộ đôi Võ Văn An (phải) và Thi Quốc Vinh ôn luyện chuẩn bị cho kỳ thi tay nghề thế giới tại Đức cuối tháng 6 – Ảnh: Hà Bình

“Ai cũng có một lựa chọn, một lối đi cho riêng mình” – An bảo vậy khi nhìn lại chặng đường từ một học sinh trung bình ở phổ thông, đi học nghề và chuẩn bị bước ra sân chơi thế giới.

“Cho con đi từ từ”

Sáng 17 – 6, tại trung tâm cơ điện tử Trường trung cấp nghề Kỹ thuật – công nghệ Hùng Vương (Q.5, TP.HCM), An cùng đồng đội của mình – Thi Quốc Vinh – thực hành phối hợp đấu nối dây điện, lắp ráp mô hình... chuẩn bị cho kỳ thi. Bên cạnh họ, thạc sĩ Phạm Phú Thọ – chuyên gia cơ điện tử, tự động hóa của trường - bấm đồng hồ tính giờ sau khi hướng dẫn bài tập cho hai bạn.

Tranh thủ giải lao, An kể: thi xong tốt nghiệp THPT năm 2010, bạn về nhà thưa với cha mẹ: “Cha mẹ ơi, bây giờ thi lên đại học – con không đủ sức chơi với cả trăm người. Cha mẹ thông cảm cho con đi từ từ...”. “Cái nào con thích thì tự chọn, cha không ép – cha đỡ đầu của An, ông Đặng Văn Chói, động viên con – Cha trao quyền tự quyết định cho con”. “Tùy theo hoàn cảnh, khả năng của mỗi người để chọn lối đi phù hợp. Tôi thấy mình không đủ khả năng vào đại học nên chọn học nghề...”.

“Tùy theo hoàn cảnh, khả năng của mỗi người để chọn lối đi phù hợp. Tôi thấy mình không đủ khả năng vào đại học nên chọn học nghề...”

Lúc ấy, trong khi bạn bè đi thi đại học, An nhờ người cậu ở TP.HCM tìm trường có đào tạo nghề điện đăng ký cho mình. “Hồi phổ thông tôi cũng tính sau này làm việc thiên về kỹ thuật – An bảo – Nhưng lúc đó mơ hồ lắm vì không được ai tư vấn, hướng dẫn. Chỉ biết đăng ký học đại...”. Cuối cùng, người cậu đăng ký cho An vào ngành điện công nghiệp Trường trung cấp nghề Kỹ thuật – công nghệ Hùng Vương.

Tháng 9 – 2010, với kết quả tốt nghiệp THPT loại trung bình, An gói ghém vài bộ quần áo, khoác balô rời quê ở Vũng Liêm, Vĩnh Long lên Sài Gòn trọ học. Học điện công nghiệp được một học kỳ, An lại thích nghề cơ điện tử khi phát hiện “mô hình toàn bộ tự động hết rất thú vị”. Thế là An xin qua lớp cơ điện tử. Tiếp xúc mô hình tự động, lắp đặt hệ thống cơ điện tử An càng học càng say mê. Sáng đến trường, trưa An ở lại trường, chiều học tiếp, tối về nhà đọc thêm sách, tài liệu chuyên ngành và lên các diễn đàn học hỏi kinh nghiệm từ đàn anh đi trước... Cứ thế, kết quả học tập của An luôn đạt trung bình 8,0 và một số môn chuyên ngành đạt 9,0.

“Tôi thấy ở An sự say mê học tập, tìm tòi những điều mới lạ – thạc sĩ Thọ nhận xét về cậu học trò của mình – Khi tôi hướng dẫn một vấn đề, An luôn hỏi, tìm hiểu chuyên sâu hơn. Khi thảo luận An cũng đưa ra những ý kiến rất hay...”

Chinh phục những đỉnh cao

Việc học của An cứ thế tiến triển đến năm 2011, trường thông báo thi tuyển thí sinh đại diện trường đi thi tay nghề cấp thành phố. “Tôi đăng ký thi đại coi khả năng mình tới đâu” – An tâm sự. Kết quả, An và Vinh là hai học viên được chọn mang màu cờ sắc áo của trường đi thi giỏi nghề thành phố. Kết quả, hai bạn giành giải nhất. “Vui ghê lắm – An cười kể – Trước kia mình chỉ nghĩ đơn giản đi học kiếm cái nghề, ai ngờ đạt thành tích cao vậy”.

Sau khi đoạt giải nhất thành phố, bộ đôi An – Vinh tiếp tục dự thi tay nghề quốc gia ở Hà Nội. Và niềm vui một lần nữa lại đến khi bộ đôi này đoạt giải nhất quốc gia. Thành tích này đã đưa hai bạn đến hội thi tay nghề ASEAN tại Indonesia vào tháng 11-2012. Lần đầu ra nước ngoài, đại diện Việt Nam đi thi nên An và Vinh thấy khá áp lực, căng thẳng nhưng hai bạn đã cố gắng thi đấu thật tốt và đoạt huy chương bạc.

Kết quả ấy tiếp tục đưa An – Vinh đến với nước Đức từ ngày 26 – 6 đến 8 – 7 – 2013 để tranh tài cùng những thí sinh xuất sắc nhất của gần 40 quốc gia. “Tất cả đã chuẩn bị sẵn sàng – thầy Thọ nói về tình hình ôn luyện của đội – Đã được các chuyên gia Nhật Bản đến huấn luyện, tôi nghĩ hai em có thể yên tâm nằm trong top 10. Nhưng đội sẽ cố gắng hết sức để rút thứ hạng xuống trong топ hai, ba...”

Đội tuyển “đặc biệt”

Đội tuyển cơ điện tử đại diện Việt Nam thi tay nghề thế giới tại Đức năm nay có hai thành viên đặc biệt: một từng bỏ thi đại học và một thi trượt đại học. Cùng thi với An là thí sinh Thi Quốc Vinh, quê Lâm Đồng.

Vinh kể năm 2009 thi vào Trường ĐH Kinh tế TP.HCM và Trường ĐH Y dược TP.HCM nhưng không đủ điểm nên đăng ký “học đại” trường nghề để năm sau thi lại. “Hồi phổ thông tôi thích sau này làm kinh doanh cho nhẹ nhàn – Vinh nhớ lại – Nhưng tiếp xúc với nghề cơ điện tử, tôi say mê lúc nào không hay. Hiện tôi đang học thêm tại chức ở Trường ĐH Bách khoa, ĐH Quốc gia TP.HCM để tích lũy thêm kiến thức cho công việc sau này”.

Trước khi sang Đức dự thi, nhìn lại lựa chọn của mình trước đây An chiêm nghiệm: “Khi đi thực tập với nhiều anh chị sinh viên, tôi thấy anh chị nắm lý thuyết rất vững nhưng tay nghề chưa được va chạm nhiều. Ở nước ta, nếu doanh nghiệp coi trọng thực lực hơn bằng cấp thì học nghề sẽ là một lựa chọn tốt...”.

“Trước đây nhiều người coi thường cháu...”

“Tôi luôn để An tự chọn theo con đường của mình để cháu không áp lực. Sau này có gì cháu cũng không trách là cha mẹ ép con. Tôi ít học nên không quan trọng lắm chuyện học nghề hay học đại học. Học gì cháu thích là được. Chỉ tội nghiệp khi cháu học phổ thông, rồi đi học nghề nhiều người coi thường cháu. Họ bảo: “Nó mà học hành cái gì...”. Lúc ấy tôi chỉ biết động viên cháu ráng phấn đấu, trước tiên vì bản thân con...” – ông Đặng Văn Chói.

PHỤ LỤC XXX

DANH MỤC CÁC NGÀNH NGHỀ CÓ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNH TRONG THẾ KỈ XXI

CÁC NGHỀ VỀ KINH DOANH VÀ MARKETING
1. Phân tích công nghiệp công nghệ cao;
2. Tư vấn thương mại và marketing công nghệ cao;
3. Giám đốc Hiệp hội thương mại công nghệ cao;
4. Tổ chức trưng bày thương mại công nghệ cao;
5. Đại diện công ty công nghệ cao trong hãng quảng cáo;
6. Giám đốc thiết kế quảng cáo;
7. Môi giới đầu tư cho các công ty công nghệ cao;
8. Đầu tư mạo hiểm;
9. Chuyên gia thị trường chứng khoán;
10. Kiểm định chất lượng ISO 9000;
11. Nghiên cứu thị trường (MR);
12. Chuyên gia marketing;
13. Phát ngôn viên của tập đoàn truyền thông điện toán;
14. Chủ nhà hàng internet;
15. Tuyển mộ nhân viên công nghệ cao;
16. Định giá sản phẩm (công ty phân phối phần mềm);
17. Quản lí sản phẩm;
18. Lập kế hoạch sản xuất;
19. Kỹ thuật viên hỗ trợ bán hàng;
20. Giám sát mua phần mềm;
21. Kỹ sư quản lí chất lượng;
22. Đại diện bán hàng công nghệ;
23. Giá trị gia tăng;
24. Người điều hành trung tâm quản lí giải trí thực tại ảo;
25. Quản lí cung ứng cơ sở toàn cầu.

CÁC NGHỀ VỀ TIN HỌC
26. Sản xuất CD-ROM;
27. Tác giả tin học;
28. Thiết kế các con chip máy tính;
29. Chế tạo chip máy tính;
30. Thiết kế máy tính;
31. Làm phim hoạt hình cho trò chơi máy tính;
32. Lập trình trò chơi điện tử;
33. Chuyên viên phụ tá máy tính;
34. Phụ trách trung tâm dạy tin học;
35. Quản lí dự án sản phẩm máy tính;
36. Kinh doanh máy tính;
37. Giáo viên khoa học máy tính;
38. Chuyên viên truy cập dữ liệu máy tính;
39. Viết phần mềm giải trí;
40. Kỹ sư sản phẩm Fast static RAM;
41. Phát triển hệ thống tin học;
42. Kỹ sư vi phần mềm tin học;
43. Kỹ sư phần mềm tự do;
44. Thiết kế giao diện đồ họa
45. Phát triển công cụ phần mềm độc lập
46. Chuyên gia về mạng cục bộ;
47. Sản xuất đa phương diện;
48. Cài đặt phần mềm máy tính cho các công ty chế tạo nhỏ;
49. Kỹ sư phần mềm;
50. Phân tích công nghệ phần mềm;
51. Kỹ sư tích hợp phần mềm;
52. Lãnh đạo dự án phần mềm;
53. Quản trị hệ thống tin học;
54. Phân tích hệ thống;
55. Chuyên gia tư vấn hệ thống;

56. Kỹ sư hệ thống;
57. Kỹ sư hỗ trợ kỹ thuật;
58. Điều phối các hoạt động máy tính của trường Đại học;
CÁC NGHỀ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
59. Quản lý thiết kế với trợ giúp máy tính;
60. Nghiên cứu công nghệ sinh học;
61. Kỹ sư công nghệ cho tình báo;
62. Công nghệ của công ty (Chief Technology Officer);
63. Phân tích nguồn tài nguyên công nghiệp;
64. Nghiên cứu và cải tiến thiết kế sản phẩm;
65. Kỹ sư điện;
66. Kỹ thuật viên điện tử;
67. Kỹ sư môi trường;
68. Thẩm định viên hiểm họa môi trường;
69. Nghiên cứu di truyền học;
70. Tư vấn kỹ thuật độc lập;
71. Kỹ sư chế tạo;
72. Kỹ sư cơ khí;
73. Kỹ sư trợ giúp kỹ thuật cho y tế;
74. Nghiên cứu y học;
75. Nghiên cứu về sự sống của NASA;
76. Cố vấn công nghiệp về vận chuyển Gas tự nhiên;
77. Kỹ sư nghiên cứu hóa dầu;
78. Vật lý;
79. Kỹ sư chế tạo thiết bị bán dẫn;
80. Viết tài liệu kỹ thuật.
CÁC NGHỀ VỀ DỊCH VỤ MẠNG TRỰC TUYẾN
81. Giám đốc dịch vụ trực tuyến (cho các tập đoàn phi lợi nhuận);
82. Giám đốc mạng miễn phí;
83. Cung cấp dịch vụ truy cập internet;
84. Thiết kế trang Web;

85. Tư vấn dùng internet trong giáo dục;
86. Điều hành siêu thị điện tử;
87. Phụ trách trang web master (WM).
CÁC NGHỀ VỀ XUẤT BẢN THÔNG TIN
88. Điều phối viên phát triển phim hoạt hình;
89. Thiết kế sách;
90. Phân tích hệ thống cấp dữ liệu số;
91. Phóng viên tạp chí thương mại tin học;
92. Kỹ thuật viên thư viện;
93. Biên tập phim;
94. Họa sĩ đồ họa số tự do;
95. Họa sĩ marketing và họa sĩ quảng cáo báo chí;
96. Xuất bản thông tin điện tử (New Media Publisher);
97. Hướng dẫn viên làm sản phẩm tin tức;
98. Quản lý sản xuất cho công ty nhiếp ảnh số;
99. Biên tập băng Video.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các tài liệu tiếng Việt

1. Chương trình Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 10, lớp 11, lớp 12.
2. *Sách giáo viên Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 10*, NXB Giáo dục, tái bản năm 2012.
3. *Sách giáo viên Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 11*, NXB Giáo dục, tái bản năm 2012.
4. *Sách giáo viên Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 12*, NXB Giáo dục, tái bản năm 2012.
5. Báo cáo nghiên cứu sách giáo viên HĐGDHN cấp Trung học cơ sở (THCS), Trung học phổ thông (THPT), năm 2012. Tác giả ThS. Nguyễn Ngọc Tài và ThS. Huỳnh Xuân Nhựt – Viên Nghiên cứu Giáo dục, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix – Trường Đại học RMIT Việt Nam, ThS. Nguyễn Thị Châu – VVOB Việt Nam.
6. Tài liệu *Tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn, và phát triển nghề nghiệp cho học sinh trung học*, 2012. Tác giả ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix và ThS. Nguyễn Thị Châu – VVOB Việt Nam.
7. Tài liệu *Quản lý hướng nghiệp ở cấp trung học*, 2012, NXB Đại học Sư phạm. Tác giả ThS. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, ThS. Trần Thị Thu và ThS. Nguyễn Thị Châu.
8. *Hướng dẫn sử dụng cổng thông tin hướng nghiệp* www.emchonnghegi.edu.vn, 2012. Tác giả TS. Lê Huy Hoàng – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và VVOB Việt Nam.
9. Tình hình và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, địa phương giai đoạn 2010 – 2020 (tải/xem từ cổng thông tin điện tử của Chính phủ và địa phương).
10. Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của đất nước giai đoạn 2011 – 2020 (Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI – cổng thông tin điện tử của Chính phủ) và tình hình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của địa phương (cổng thông tin điện tử của địa phương).
11. Tôi chọn nghề (*Tủ sách hướng nghiệp – Cẩm nang bách nghệ dành cho các bạn trẻ*), NXB Kim Đồng, 2007.
12. Chính sách đào tạo nghề ở Việt Nam (Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội).

Các tài liệu tiếng Anh

1. Australian Blueprint: <http://www.blueprint.edu.au/>
2. The Conference Board of Canada, Employability Skills: www.conferenceboard.ca/education
3. Dwyer, J. (1998) The Launch Manual: A young person's introduction to the principles of world takeover. Chairman Publications: Iowa, USA.
4. Ho, P. (2012) RMIT University Vietnam, Career Centre, Career Tree, October 2012
5. McCowna & Alpine (2011) Model of Career Development, Personal Communication
6. New Zealand Career Education Benchmark: <http://www2.careers.govt.nz/benchmarks/>
7. Nguyen, L. (2012) Career Development Framework. Personal Communication
8. Nguyen, L. (2011) Model of Career Development Services, Personal Communication
9. Rath, T. (2007) Strengthsfinder 2.0. Gallup Press, New York, NY
10. Schutt Jr., D. (2008) How To Plan & Develop A Career Centre, Infobase Publishing, New York, NY.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: Biên tập - Chế bản: (04) 39714896
Hành chính: (04) 39714899; Tổng Biên tập: (04) 39715011
Fax: (04) 39714899

Tài Liệu Bổ Sung Sách Giáo Viên HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP LỚP 10, 11 VÀ 12

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập TS. Phạm Thị Trâm

Biên tập nội dung:

Thu Hương

Kĩ thuật vi tính:

Trần Lan Phương

TÀI LIỆU KHÔNG BÁN

Bản quyền: Tổ chức Hợp tác phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật vùng Flămăng, Vương quốc Bỉ.

Quy định sao chép: Có thể sao chép, trích dẫn cuốn sách này nhằm phục vụ hoạt động giáo dục hoặc các mục đích phi thương mại khác, tuy nhiên cần ghi rõ nguồn tài liệu khi sao chép hoặc trích dẫn.

Mã số: 2L-589ĐH2013
In 2.500 cuốn, khổ A4 cm tại CÔNG TY CP IN LA BÀN
Số xuất bản: 1861-2013CXB/23-257ĐHQGHN, ngày 11/12/2013
Quyết định xuất bản số: 568LKXH/QĐ-NXBĐHQGHN
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2013

